

## ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## ĐƠN VỊ ĐỒNG HÀNH



Quỹ cộng tay yêu thương  
QUỸ XÃ HỘI TỪ THIÊN  
TÂM NGUYÊN VIỆT



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TP. HỒ CHÍ MINH



VINIF  
Powered by VinBigdata

QUỸ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO  
VINGROUP



CÔNG TY TNHH  
SIFT ANALYTICS GROUP VIỆT NAM



ĐẠI HỘI VII  
HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# HỘI THẢO

## THÚC ĐẨY NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN

## NÂNG TẦM GIẢI THƯỞNG SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC – EURÉKA



GIẢI THƯỞNG SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
1999 - 2023

### ĐƠN VỊ THƯỜNG TRỰC BAN TỔ CHỨC



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ

### ĐƠN VỊ ĐĂNG CẠI VÒNG CHUNG KẾT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI  
VÀ NHÂN VĂN, ĐHQG TP.HCM

### ĐƠN VỊ ĐĂNG CẠI HỘI THẢO



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN,  
ĐHQG TP.HCM

## MỤC LỤC

<b>1. BÁO CÁO ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN THÀNH.....</b>	<b>4</b>
<i>Nguyễn Diễm Quỳnh Nhi, Phan Thị Hồng Tím, Nguyễn Thị Thanh Ngân, Nguyễn Sỹ Luân, Lê Phạm Kim Hồng - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành</i>	
<b>2. CÁCH THỨC LIÊN KẾT HƯỚNG DẪN SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NGOÀI ĐƠN VỊ VÀ DUY TRÌ SINH VIÊN THAM GIA LIÊN TỤC QUA CÁC KHÓA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT.....</b>	<b>10</b>
<i>Nguyễn Thị Xuân Hạnh, Bùi Phạm Phương Thanh, Trần Cẩm Thi, Nguyễn Thị Thanh Thảo - Trường Đại học Thủ Dầu Một</i>	
<b>3. CHALLENGES FACED BY STUDENTS IN SCIENTIFIC RESEARCH AND SOME SOLUTIONS TO ENHANCE STUDENTS' RESEARCH ABILITIES .....</b>	<b>20</b>
<i>Trần Thị Huyền Thương - Trường Đại học Nha Trang</i>	
<b>4. FOSTERING A CULTURE OF ENTREPRENEURIAL RESEARCH AMONG STUDENTS: A BLUEPRINT FOR THE FUTURE.....</b>	<b>23</b>
<i>TS. Trịnh Việt Dũng - Trường Đại học VinUni</i>	
<b>5. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DÀNH CHO SINH VIÊN HIỆN NAY .....</b>	<b>32</b>
<i>Lê Thế Thuận - Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh</i>	
<b>6. GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....</b>	<b>40</b>
<i>ThS. Phan Thị Thành - Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh</i>	
<b>7. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP .....</b>	<b>48</b>
<i>TS. Hồ Văn Tường - Trường đại học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh</i>	
<b>8. KINH NGHIỆM HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI THAM DỰ CUỘC THI SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, THÀNH ĐOÀN TP. HỒ CHÍ MINH.....</b>	<b>58</b>
<i>TS. Lê Hoàng Việt Lâm - Trường Đại học An ninh Nhân dân</i>	
<b>9. MÔ HÌNH HỖ TRỢ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TIẾP CẬN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TỪ NHÓM SÁNG TẠO TRẺ BẾN TRE .....</b>	<b>64</b>
<i>TS. Phạm Văn Luân - Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh</i> <i>CN. Phạm Nguyễn Phúc Toàn - Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM</i>	
<b>10. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG - HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN.....</b>	<b>78</b>
<i>Trần Anh Hà - Trường Đại học Quy Nhơn</i>	

**MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ VIỆC THÚC ĐẨY PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN - GÓC NHÌN TỪ BỐI CẢNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH.....83**

*Lâm Quốc Bảo - Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*

**11. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM .....90**

*ThS. Lý Hoàng Oanh - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh*

**12. NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI .....97**

*TS. Lê Thị Yến - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội*

**13. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC – MÔI TRƯỜNG SÁNG TẠO ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP. HỒ CHÍ MINH .....102**

*Hàn Văn Tiến, Trần Lâm Kim Phượng - Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh*

**14. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN NỀN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC.....108**

*Nguyễn Tấn Thành - Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh*

**15. NHỮNG KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI CỦA SINH VIÊN KHI THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ GIẢI PHÁP GIÚP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN .....116**

*Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Thị Việt Trinh - Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

**16. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ KHÓ KHĂN MÀ SINH VIÊN THƯỜNG GẶP KHI THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÁCH VƯỢT QUA .....122**

*Nguyễn Tấn Thành - Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh*

**17. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG PHONG TRÀO SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC .....139**

*TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương, ThS. Nguyễn Lê Khánh Linh - Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM*

**18. SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ỨNG DỤNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG, KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP THÍCH ỨNG VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ - KINH NGHIỆM TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á.....144**

*Nguyễn Phúc Quân - Trường Đại học Đông Á*

**19. SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC - MỘT CÁNH CỬA ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP.....152**

*TS. Nguyễn Hồng Sơn - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh*

**20. TẦM QUAN TRỌNG CỦA HƯỚNG DẪN VÀ SỰ HỖ TRỢ TỪ GIẢNG VIÊN TRONG VIỆC THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC .....159**

*Nguyễn Tấn Thành - Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh*

**21. THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN THEO TINH THẦN KIẾN TẠO TRONG GIÁO DỤC .....167**

*TS. Nguyễn Quang Trung - Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh*

**22. THÚC ĐẨY PHONG TRÀO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP TRONG SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH.....172**

*PGS.TS. Đỗ Tiến Duy, TS. Đỗ Xuân Hồng - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh*

**23. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN PHÂN VIỆN HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA KHU VỰC MIỀN TRUNG .....181**

*TS. Lê Thu Huyền, ThS. Hồ Phan Lâm Trường - Học viện Hành chính Quốc gia Phân viện miền Trung*

**24. ỨNG DỤNG MÔ HÌNH ROBOT VÀO GIÁO DỤC STEM VÀ PHÁT HUY PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH.....188**

*Bùi Thanh Thuận, Nguyễn Minh Trí, Huỳnh Trọng Tiến, Lê Thị Hạ Vy - Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh*

**25. ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP SCRUM TRONG QUẢN LÝ , HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN VĂN CỦA SINH VIÊN .....196**

*Trương Nhật Quang - Công ty Cổ phần VNG*

**26. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG.....202**

*TS. Huỳnh Cẩm Thanh, KS. Nguyễn Ngọc Quý, KS. Ngô Hoài Nhiệm - Trường Đại học Cửu Long*

**27. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NCKH CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐHQG-ĐHQGHN.....212**

*TS. Nguyễn Thu Hường - Trường Đại học Giáo dục -ĐHQGHN*

**PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN TẠI HỌC VIỆN TÒA ÁN THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP.....218**

*Bùi Lê Hiếu, Dương Lan Phương - Học viện Tòa án*

**THỰC TRẠNG THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH.....229**

*Nguyễn Anh Tuấn - Trường Trung học Thực hành, Trường Đại học Sư phạm*

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐỒNG HÀNH CÙNG SINH VIÊN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH..242**

*Nguyễn Ngọc Thanh Phú - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM*

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Nguyễn Diễm Quỳnh Nhi, Phan Thị Hồng Tím, Nguyễn Thị Thanh Ngân, Nguyễn Sỹ Luân, Lê Phạm Kim Hồng

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

\*Tác giả liên hệ: 1811544956@ntt.edu.vn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p><i>Từ khóa:</i></p> <p>Sinh viên, nghiên cứu khoa học, trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Hội sinh viên trường Đại Học Nguyễn Tất Thành</p>	<p>Nghiên cứu khoa học mang vai trò quan trọng trong sinh viên. Đối với trường Đại Học Nguyễn Tất Thành, mang theo tôn chỉ giáo dục: “Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp”. Để sinh viên vừa nắm rõ lý thuyết cũng như thực hành. Nhận thấy vấn đề trên Hội sinh viên trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã tổ chức mô hình: “Tuần lễ Sinh viên Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp” năm học 2022 – 2023 và Đề nghị trao giải thưởng “Bò câu trắng” năm học 2022 – 2023. Kết quả cho thấy hơn 2000 lượt sinh viên tham gia, hơn 50 bài báo phát triển ý tưởng của sinh viên. Cho thấy sự nỗ lực từ cán bộ Hội sinh viên, các thầy cô, giảng viên, sinh viên trường trong hoạt động nghiên cứu khoa học.</p> <p><b>ABSTRACT</b></p> <p>Students are impacted significantly by scientific study. "Real learning - Practice - Real reputation - Real career" is the guiding educational idea of Nguyen Tat Thanh University. to help students comprehend both theory and practice. In response to the aforementioned issue, the Nguyen Tat Thanh University Student Association held "Student Week for Scientific Research, Innovation, and Entrepreneurship" for the 2022–2023 academic year and intended to give out the "White Dove" award for the next academic year. More than 2,000 students engaged, and more than 50 publications developed their ideas, according to the findings. demonstrates the work done in scientific research by the Student Union's personnel, lecturers, and teachers.</p>
<p><i>Keywords:</i></p> <p>Students, scientific research, Nguyen Tat Thanh University, Student Association of Nguyen Tat Thanh University</p>	

### 1. Giới thiệu

Nghiên cứu khoa học là hoạt động xã hội nhằm tìm kiếm những điều chưa biết, như khám phá một sự vật, hiện tượng, tìm hiểu bản chất của sự vật, hiện tượng xã hội, tìm ra quy luật vận động của sự vật, hiện tượng, phát triển hiểu biết của con người và hoàn thiện nó hoặc tạo ra các nguyên tắc giải pháp, các mô hình kỹ thuật... ứng dụng thực tế, phục vụ lợi ích con người (Phượng & Tường, 2021). Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong quá trình học tập có vai trò rất quan trọng. Nghiên cứu khoa học là hoạt động trí tuệ giúp học sinh vận dụng nghiên cứu khoa học và phương pháp luận vào học tập và thực hành. Khi tham gia nghiên cứu khoa học, trước tiên sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các hoạt động nhận thức dựa trên nghiên cứu, từ đó góp phần giải quyết vấn đề khoa học từ thực tế đời sống và thực tiễn nghề nghiệp. Bằng cách này, học sinh có thể đào sâu, mở rộng và hoàn

thiện kiến thức của mình. Thông qua nghiên cứu khoa học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng phân tích, tư duy phê phán, tư duy logic và các kỹ năng xã hội khác của học sinh được rèn luyện dưới nhiều hình thức khác nhau dựa trên hoạt động độc lập hoặc làm việc nhóm. Điều này làm tăng chất lượng đào tạo của nhà trường. Các nguyên nhân không thu hút sinh viên nghiên cứu khoa học được trình bày trong bài tham luận "Phát Huy Vai Trò Của Hội Sinh Viên Trường Hồ Trị Nặng Cao Năng Lực Nghiên Cứu Khoa Học Cho Sinh Viên" của nhiệm kỳ khóa 4 trường Đại Học Nguyễn Tất Thành có nêu như sau: Nguyên nhân thứ nhất là tính chủ động của sinh viên chưa cao: có đến 72% sinh viên trong khảo sát chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc NCKH và cho rằng đó là công việc của những người có trình độ cao như thạc sĩ, tiến sĩ. Với tâm lý này, các bạn sinh viên đang dần tạo ra một rào chắn ngăn cản sự phát triển và nghiên cứu của một bộ phận sinh viên. Nguyên nhân thứ hai: Các cuộc thi, hội thảo về NCKH chưa thật sự thu hút. Và nguyên nhân cuối cùng là: Còn khá nhiều trở ngại hoặc rào cản khi làm NCKH: trong giai đoạn đầu của NCKH, sinh viên thường gặp các trở ngại trong việc lựa chọn đề tài, không biết phương pháp nghiên cứu, không có người hướng dẫn và không đủ kiến thức chuyên môn. Đây cũng là một trong những lý do chính khiến sinh viên ngần ngại đến với NCKH.

Vì thế các cuộc thi bắt đầu khuyến khích sinh viên tham gia Nghiên cứu khoa học bắt đầu lan tỏa. Nghiên cứu khoa học trong sinh viên Đại học Nguyễn Tất Thành được tổ chức thành cuộc thi: "Nghiên cứu khoa học trong sinh viên lần thứ nhất năm 2022" với hơn 100 sinh viên tham gia báo cáo. Từ đó cho thấy sự nỗ lực của tập thể nhà trường sau thời gian Covid 19 cực kỳ căng thẳng.

Đối với sinh viên Đoàn Hội trường Đại học Nguyễn Tất Thành, NCKH càng trở nên điểm không thể thiếu trong các giải thưởng đánh giá sinh viên như: "Sinh viên 5 tốt", "Đoàn viên ưu tú" cấp Khoa, Trường, Trung Ương.

Từ đó nhằm khuyến khích sinh viên trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Đoàn Hội sinh viên trường và phòng Khoa học Công nghệ đã tạo ra nhiều buổi hướng dẫn Nghiên cứu khoa học do giảng viên của Trung tâm Phát triển sáng tạo Trẻ. Các kết quả đạt được càng chứng tỏ vai trò nghiên cứu khoa học đối với sinh viên như: bổ sung và nâng cao kiến thức trong quá trình học tập; tìm hiểu thực tế và lý thuyết sâu rộng về vấn đề mình đang làm; nâng cao tính chủ động, kỹ năng mềm cho sinh viên mang tính khoa học;...(NTTU, 2023)

### **Cơ sở lý thuyết 7 dòng**

Dựa trên chủ trương của trường Đại Học Nguyễn Tất Thành khuyến khích Nghiên cứu khoa học. Và đề xuất mô hình: "Tuần lễ Sinh viên Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp" năm học 2022 – 2023 và Đề nghị trao giải thưởng "bò câu trắng" năm học 2022 – 2023.

### **2. Phương pháp nghiên cứu**

Hội Sinh viên trường đã tổ chức thành công "Tuần lễ sinh viên với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp năm học 2022 - 2023" cho từng khối ngành:

**Khối ngành Sức khỏe:** khoa Dược và khoa Kỹ thuật xét nghiệm Y học.

**Khối ngành Sức khỏe:** khoa Điều dưỡng và khoa Y.

**Khối ngành Kỹ thuật:** khoa Kỹ thuật – Công nghệ và khoa Công nghệ thông tin.

**Khối ngành Kinh tế - Luật:** khoa Quản trị kinh doanh.

**Khối ngành Kinh tế - Luật:** khoa Tài chính – Kế toán và khoa Luật.

**Khối ngành Xã hội và Nhân văn:** khoa Ngoại Ngữ; khoa Du lịch và Việt Nam học và khoa Giáo dục mầm non.

**- Khối ngành Mỹ thuật - Nghệ thuật:** khoa Âm nhạc - Điện ảnh; khoa Kiến trúc - Nội thất - Mỹ thuật Ứng dụng; khoa Kỹ thuật - Xây dựng và ngành Truyền thông đa phương tiện - Khoa Luật.

Với nguồn báo cáo viên là những thầy cô giảng viên có kinh nghiệm trong nghiên cứu đến Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo Khởi nghiệp Trường ĐH Nguyễn Tất Thành và Trung tâm phát triển khoa học và công nghệ trẻ Tp. Hồ Chí Minh. Chương trình diễn ra với mục đích thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học đổi mới sáng tạo cho Sinh viên trong môi trường đa dạng, trang bị các kiến thức kỹ năng cần thiết, xây dựng và phát triển tinh thần nghiên cứu khoa học, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trong thời đại 4.0. Đồng thời, tuần lễ mang đến góc nhìn sâu sắc hơn, đa chiều hơn giúp các bạn nhận định đúng đắn tầm quan trọng của việc ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động đổi mới sáng tạo hiện nay, mang lại cho sinh viên nhiều kiến thức bổ ích về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong sinh viên.

Đây cũng là một hoạt động khởi động cho Tháng thanh niên với chủ đề “Tuổi trẻ NTTU tiên phong chuyển đổi số”. Cùng với đó là sự góp mặt của các diễn giả đã có những chuyên đề vô cùng sinh động và thực tế dành cho các bạn sinh viên yêu thích các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Đặc biệt là các nội dung này rất phù hợp với các bạn sinh viên năm nhất:

Tìm kiếm ý tưởng và lợi ích của sinh viên khi tham gia NCKH.

Giúp sinh viên tạo hứng khởi và say mê NCKH.

Trải nghiệm hành trình sinh viên NCKH và những kỷ niệm đáng nhớ.

Chương trình thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Thầy cô diễn giả đã có những bài chia sẻ cô đọng những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Hơn hết là truyền lửa trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong sinh viên.

Sau chuỗi các chương trình “Tuần lễ Sinh viên Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp” năm học 2022 – 2023, Hội Sinh viên trường tiến hành thực hiện khảo sát sinh viên về công tác tổ chức, chất lượng nội dung, nhu cầu và nguyện vọng của Sinh viên. Đồng thời, sàng lọc ra được những sinh viên đam mê yêu thích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đang có ý tưởng đề tài nghiên cứu để Hội Sinh viên trường trở thành cầu nối giới thiệu sinh viên kết nối giảng viên phù hợp với từng lĩnh vực trong việc nghiên cứu, phát triển đề tài trong thời gian tiếp theo và hỗ trợ sinh viên thực hiện đề tài trong các cuộc thi về nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp sinh viên.

### **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

*Kết quả đạt được*



Tuần lễ đã nhận được sự quan tâm đông đảo của các bạn sinh viên toàn trường với hơn 2.000 lượt sinh viên tham gia. Sàng lọc và phát triển 50 ý tưởng đề tài của sinh viên.  
**Bảng thống kê số lượng thành tích sinh viên Nghiên cứu khoa học qua các năm:**

	2019	2020	2021	2022
Số lượng sinh viên tham gia NCKH	653	705	876	<b>978</b>
Số lượng đề tài sinh viên NCKH cấp trường	202	256	306	<b>577</b>
Số bài báo được đăng, công trình được công bố	33	38	36	<b>43</b>
Số lượng đề tài tham gia giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka	24 (top 8 trường có số lượng đề tài tham gia nhiều nhất)	40 (top 5 trường có số lượng đề tài tham gia nhiều nhất)	46 (top 4 trường có số lượng đề tài tham gia nhiều nhất)	<b>83 (top 1 trường có số lượng đề tài tham gia nhiều nhất)</b>
Số lượng đề tài đạt giải giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka	2 giải khuyến khích	2 giải khuyến khích	1 giải nhì và 3 giải khuyến khích	<b>1 giải ba và 1 giải khuyến khích</b>

*Ý nghĩa:*

**Tính hiệu quả, thiết thực:** Mô hình đã thành công trong việc truyền lửa trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong sinh viên. Nhờ những giá trị cốt lõi mà chương trình mang lại đã phần nào thu hút số lượng lớn sinh viên tích cực đầu tư tâm huyết tham gia. Chính những sự nỗ lực của đóng góp của các bạn sinh viên đã mang về những giải thưởng danh giá cho bảng thành tích như trên.

**Tính tiêu biểu, điển hình:** Chính nhờ sự quan tâm của Hội sinh viên trường đã tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động diễn ra có phần chính chu và trang trọng. Việc tiếp tục đẩy mạnh và tổ chức nhiều hoạt động chú trọng vào việc trang bị cho sinh viên các kiến thức về đa lĩnh vực khác nhau giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm và có cơ hội tiếp cận, trải nghiệm khoa học và thực tiễn.

**Tính lan tỏa, sâu rộng:** Không chỉ sàng lọc ra được những sinh viên đam mê yêu thích khoa học, khởi nghiệp, đang có ý tưởng đề tài nghiên cứu để Hội Sinh viên trường trở thành cầu nối giới thiệu sinh viên kết nối giảng viên phù hợp với từng lĩnh vực trong việc phát triển đề tài trong thời gian tiếp theo và hỗ trợ sinh viên thực hiện đề tài trong các cuộc thi về nghiên cứu khoa học khởi nghiệp sinh viên, Hội Sinh viên trường tiến hành thực hiện khảo sát sinh viên về công tác tổ chức, chất lượng nội dung, nhu cầu và nguyện vọng của Sinh viên.

**Tính mới, sáng tạo:** Việc xoay quay lĩnh vực Nghiên cứu khoa học và Khởi nghiệp gắn với chuyên ngành học thông qua sự chia sẻ đến từ các chuyên gia, thầy cô theo từng lĩnh vực học tập giúp các bạn có thêm phần tự tin và thúc đẩy sức sáng tạo để tạo thêm phần hứng thú cho buổi học thông qua đó kiến thức sinh viên sẽ được chắc chắn hơn qua sự tìm tòi học hỏi.



### *Thảo luận hướng phát triển:*

Việc áp dụng mô hình đã đạt được những kết quả nổi bật trong phong trào Nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của sinh viên, Hội Sinh viên trường sẽ tiếp tục duy trì và phát triển mô hình, tham mưu và phối hợp với Phòng khoa học công nghệ và Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo Khởi nghiệp Trường để đưa phong trào nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp trong sinh viên toàn trường nói riêng và TP. Hồ Chí Minh nói chung phát triển hơn nữa.

#### Giải pháp

Các giải pháp nhóm đưa ra như sau:

Đối với nhà trường: Hội Sinh viên cần liên kết chặt chẽ với nhà trường, thực hiện nhiệm vụ tham mưu về NCKH, đồng thời cần hợp tác với các phòng ban chuyên môn (như phòng khoa học công nghệ, viện NIIC) để nhận được sự hỗ trợ cũng như triển khai các buổi hội thảo, tuyên truyền, đưa hoạt động NCKH đến gần hơn với sinh viên

Đối với cán bộ, giảng viên trong khoa, HSV tạo điều kiện để kết nối các bạn sinh viên có niềm đam mê với NCKH đến với các giảng viên đã và đang có kế hoạch thực hiện nghiên cứu. Cụ thể như thảo luận với các giảng viên trong khoa để tổ chức các buổi tư vấn, định hướng làm NCKH, giải đáp các thắc mắc về NCKH cho sinh viên.

Đối với các cơ sở Hội trực thuộc trường Đại học Nguyễn Tất Thành, HSV tiếp tục chỉ đạo các cơ sở chủ động trong việc giới thiệu về NCKH đến với các chi hội, luôn tiếp thu và lắng nghe các ý kiến đóng góp cũng như kịp thời hỗ trợ các khó khăn mà các bạn Hội viên đang gặp phải, từ đó xây dựng được một môi trường học tập, NCKH hoàn thiện hơn. Cuối cùng, đối với hội viên sinh viên, HSV trường sẽ tập trung tổ chức các hoạt động, giới thiệu về NCKH, khởi nghiệp đến rộng rãi các bạn sinh viên và kế hoạch này sẽ được tổ chức định kỳ.

Với các bạn sinh viên tiêu biểu có các đề tài đạt giải trong các cuộc thi về NCKH, và đề tài đó có tính ứng dụng cao HSV sẽ tạo điều kiện cũng như cố gắng hợp tác với các đơn vị trong và ngoài trường để nhóm nghiên cứu có thể tiếp tục triển khai ở quy mô lớn hơn.

Và điều đặc biệt hơn hết, có vai trò nổi bật trong các tổ chức Hội sinh viên trường là giới thiệu các gương mặt tiêu biểu, có thành tích tốt, có hoạt động NCKH xét sinh viên 5 tốt các cấp.

#### **4. Kết luận**

Bằng cách thu thập dữ liệu về tình hình nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Bài báo đã đưa ra mô hình “Tuần lễ Sinh viên Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp” năm học 2022 – 2023 và Đề nghị trao giải thưởng “bò câu trắng” năm học 2022 - 2023. Kết quả trên còn giúp sinh viên yêu thích NCKH đánh giá, chuẩn hóa tính khoa học. Giải quyết vấn đề bất cập trong Nghiên cứu khoa học giúp trường Đại Học Nguyễn Tất Thành nói chung và Đoàn Hội sinh viên trường ngày càng phát triển.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- NTTU, H. (2023). BÁO CÁO THUYẾT MINH ĐỀ NGHỊ TRAO GIẢI THƯỞNG “BÒ CÂU TRẮNG” NĂM HỌC 2022 - 2023.
- Phượng, H. T., & Tường, N. B. (2021). NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

*Kỷ yếu Hội thảo "Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nâng tầm Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka"*

---

TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, QUA THỰC TIỄN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ. *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, 130(6C), 197-204..

# CÁCH THỨC LIÊN KẾT HƯỚNG DẪN SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NGOÀI ĐƠN VỊ VÀ DUY TRÌ SINH VIÊN THAM GIA LIÊN TỤC QUA CÁC KHÓA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Nguyễn Thị Xuân Hạnh, Bùi Phạm Phương Thanh, Trần Cẩm Thi,

Nguyễn Thị Thanh Thảo<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Thủ Dầu Một

\*Tác giả liên hệ: hanhntx@tdmu.edu.vn

---

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* Nghiên cứu khoa học; Đề tài; giảng viên, sinh viên, Quản lý tài nguyên và môi trường

Trong bài viết này, nhóm tác giả là các giảng viên giảng dạy 14 năm tại trường đại học. Trong đó gần 10 năm có kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt các giải thưởng cấp trường như: giải nhất, nhì, ba và tham gia vào giải thưởng do Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức; Eureka do Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức; Liên Hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Dương phát động ... Vì thế nhóm tác giả có kinh nghiệm ít nhiều trong việc định hướng sinh viên nghiên cứu khoa học, nhất là lực lượng sinh viên ở các năm đầu còn nhiều bỡ ngỡ với hoạt động này. Bài viết nhằm mục đích mô tả cách thức tạo mối liên kết nghiên cứu khoa học với các đơn vị đối tác bên ngoài và việc duy trì tính liên tục kế thừa nghiên cứu khoa học từ sinh viên qua các khóa học. Nhóm tác giả dùng các phương pháp thu thập tài liệu, phỏng vấn sâu giảng viên và trải nghiệm thực tế để đạt được mục tiêu đề ra. Kết quả đã trình bày được những khó khăn, và thuận lợi của việc duy trì tính liên tục nghiên cứu khoa học cho sinh viên các khóa khác nhau; liên kết chuyên gia nghiên cứu bên ngoài trường trong các định hướng nghiên cứu chuyên môn; những ảnh hưởng tích cực của việc định hướng nghiên cứu khoa học cho sinh viên từ những năm học đầu. Qua nhiều năm giảng dạy, làm cố vấn học tập và gắn bó với hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, nhóm tác giả rút ra ít nhiều kinh nghiệm chia sẻ trong bài viết này về cách thức tạo động lực, tạo thói quen và định hướng nghiên cứu cho sinh viên từ các năm đầu. Bài viết là những chia sẻ kinh nghiệm nên còn ít nhiều hạn chế về độ bao quát các nhóm ngành, rất mong được sự đóng góp từ các Thầy Cô và các quý độc giả nghiên cứu.

## **ABSTRACT**

In this article, the authors are lecturers who have taught for 14 years at the university. Of which, he has nearly 10 years of experience guiding students in scientific research to win school-level awards such as first, second, third prizes and participating in awards organized by the Ministry of Education and Training; Eureka by Ho Chi Minh City Youth Union; The Union of Science and Technology Associations of Binh Duong province launched... Therefore, the group of authors has some experience in orienting students in scientific research, especially students in the first years who still have a lot of confusion. with this activity. The article aims to describe how to create scientific research links with external partners and maintain the continuity of scientific research inheritance from students across courses. The author group used methods of collecting documents, in-depth interviews with lecturers and practical experiences to achieve the set goals. The results have presented the difficulties and advantages of maintaining scientific research continuity for students of different courses; linking research experts outside the school in professional research directions; and Positive effects of scientific research orientation for students from the first years of study. Through many years of teaching, working as academic advisors and being involved in student scientific research activities, the authors have learned some experiences to share in this article on how to motivate, create habits, and Research orientation for students from the first years. This article is about sharing experiences, so it is somewhat limited in terms of coverage of industry groups. We look forward to receiving contributions from teachers and research readers.

*Keywords:* scientific research, topic; lecture, student, management of resources and environment

---

### **1. Đặt vấn đề**

Trong những năm gần đây, hoạt động Nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại trường đại học Thủ Dầu Một có nhiều chuyển biến tích cực, điều đặc biệt sinh viên đã tham gia các giải thưởng Nghiên cứu khoa học cấp Bộ, các giải thưởng Eureka... Hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường đại học được quy định tại Khoản 2 điều 28 chương 3 Luật Giáo Dục Đại Học năm 08/2012 (Quốc Hội. 2012) quy định một trong các nhiệm vụ và quyền hạn của trường cao đẳng, trường đại học, học viện là “triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học”. Bên cạnh đó, Khoản 2 điều 55 chương 8 của Luật này cũng quy định “Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo” là một nhiệm vụ quan trọng của Giảng viên trường đại học. Đối tượng của hoạt động Khoa học công nghệ trong nhà trường đại học bao gồm cả giảng viên, các nhà khoa học khác, và cả sinh viên thuộc các loại hình đào tạo cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ... đang theo học tại trường.

Dưới góc độ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, nhóm tác giả nhận thấy tại bậc đại học, nhiệm vụ hoạt động khoa học công nghệ không thể tách rời với nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên. Việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học là góp phần giúp sinh viên định hướng ngành hẹp vốn là định hướng việc làm sau khi ra trường của sinh viên. Nghiên cứu khoa học là một hoạt động xã hội hướng vào tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết, hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới, hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để tạo ra thế giới (Vũ, C. Đ. 1999). Trên thế giới, ngày nay mảng nghiên cứu khoa học trong sinh viên ở rất nhiều nước được quan tâm chú trọng hơn cả mảng giảng dạy nội dung các học phần. Vì nghiên cứu khoa học phản ánh rõ nét hoạt động học tập suốt đời của người học.

Đối với sinh viên bên cạnh kết quả học tập, kết quả rèn luyện, thì nghiên cứu khoa học cũng là thước đo một người sinh viên năng động, học tập tích cực trên giảng đường và ngoài thực tế. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến hoạt động kết nối sinh viên các khóa khác nhau cùng chuyên ngành đào tạo là Quản lý tài nguyên và môi trường kết hợp học tập và nghiên cứu cùng nhau. Việc kết nối này tạo tiền đề cho sinh viên các năm đầu bậc đại học bước đầu chấp chững tìm hiểu chuyên ngành hẹp, tìm hiểu chuyên môn sâu mà nếu không có nghiên cứu khoa học thì các em phải chờ đợi đến một hoặc hai năm sau mới được tiếp cận khối kiến thức này và đến khi đó biết đâu các em đã bỏ lỡ thời gian và mất các cơ hội tham gia các đề tài mà mình quan tâm và yêu thích.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn giảng viên; trải nghiệm và quan sát thực tế sự việc.

## **3. Kết quả và thảo luận**

Nghiên cứu khoa học được đánh giá là phương pháp hiệu quả để sinh viên mở rộng vốn kiến thức cũng như vốn kỹ năng mềm của bản thân; là cơ hội để sinh viên áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. Tuy nhiên, đa số sinh viên hiện nay lại chưa nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học, do đó, chưa thực sự có sự hứng thú, say mê, đầu tư đúng mức vào hoạt động này. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như viết tiểu luận, báo cáo thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp, hay thực hiện những nghiên cứu khoa học ở cấp khoa, trường... Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện nhằm ba mục đích đó là: Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; Tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học; Giải quyết một số vấn đề khoa học và thực tiễn. (Vũ, C. Đ. 1999).

Khi tiến hành thực hiện nghiên cứu khoa học, sinh viên sẽ có điều kiện để tiếp cận với các đề tài ở quy mô nhỏ, cùng với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên sẽ bắt đầu định hình được cách thức, quy trình để thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học chất lượng, hiệu quả. Không chỉ vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học còn góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo; khả năng tư duy độc lập, tự học hỏi của sinh viên. Đối với mỗi sinh viên, những kỹ năng này không chỉ quan trọng trong quãng thời gian học tập tại giảng đường mà còn theo sát họ trong suốt quãng thời gian làm việc say này. Do đó, việc trau dồi và phát huy những kỹ năng này là yêu cầu được đặt ra hết sức cấp thiết với sinh viên. (Đình, B. H. A., Tô. N. H. K (2017)).

Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ không khó nhưng cũng không dễ dàng. Việc lập nhóm nghiên cứu trong sinh viên và đưa ra ý tưởng nghiên cứu chiếm rất nhiều thời gian và giai đoạn này nếu được chuẩn bị kỹ càng sẽ quyết định thành bại của một nghiên cứu khoa học. Để hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cần rất nhiều kỹ năng của giảng viên, từ kỹ năng lập nhóm, điều phối cách làm việc, định hướng khoanh vùng nghiên cứu, đối tượng, nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu cũng cần rất nhiều kinh nghiệm từ giảng viên. Theo quan điểm tác giả, khi định hướng sinh viên nghiên cứu khoa học luôn luôn nhắm tới các giải thưởng vì thế áp lực sẽ đi kèm. Các dạng đề tài hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học mà tác giả hướng đến sẽ là các học phần sinh viên được học trên lớp mà sinh viên sẽ chọn làm hướng nghiên cứu sâu để làm việc sau này. Thông qua các nghiên cứu khoa học sinh viên vừa học vừa nghiên cứu chuyên sâu để phục vụ cho công việc sau này ra trường hiệu quả hơn.

### *3.1 Những khó khăn khi định hướng sinh viên các năm đầu tham gia nghiên cứu khoa học nhằm tạo lập nền tảng nghiên cứu cho sinh viên từ rất sớm.*

Sinh viên những năm đầu học đại học theo nhóm tác giả có một vài thách thức chung sau đây:

Thứ nhất: Việc học ở đại học được triển khai theo tín chỉ và học phần. Môn học sẽ kết thúc và chuyển hẳn sang học phần khác tiếp theo chứ không kéo dài suốt năm học như ở bậc phổ thông phần nào làm sinh viên lạ lẫm. Sinh viên năm nhất là sinh viên mới bước vào giảng đường đại học, các em có sự thay đổi rất lớn từ bên trong môi trường học như: phương pháp giảng dạy của giảng viên; giảng viên sẽ không sâu sát như giáo viên giảng dạy ở bậc phổ thông; sinh viên có giờ tự học, tự nghiên cứu rất nhiều. Tóm lại việc học ở đại học phần lớn do sinh viên chủ động tự giác nghiên cứu từ trong nhà trường ra ngoài xã hội;

Thứ hai: Môi trường sống của một số sinh viên sẽ thay đổi, các em đến từ nhiều địa phương khác nhau nên có nhiều em sẽ tự thuê nhà trọ và sống xa gia đình để thuận tiện cho việc học. Việc tự lập cuộc sống có thể nói là một mới mẻ đối với các bạn sinh viên các năm đầu vì các em phải tự lập kế hoạch chi tiêu, sinh hoạt, làm thêm... đây là một trong những vấn đề ít nhiều làm các em phân tâm và cũng tốn nhiều thời gian dẫn đến ảnh hưởng đến việc học và nghiên cứu;

Thứ ba: Ở năm đầu đại học, nghiên cứu khoa học hầu như các em ít được các anh chị sinh viên và giảng viên chia sẻ. Vì quan niệm là các em mới vào học đại cương và cơ sở ngành nên nghiên cứu khoa học chưa thật sự phù hợp với các em, vì nó đòi hỏi sinh viên phải là các khóa năm cuối vừa nghiên cứu khoa học vừa kết hợp với làm khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp hoặc báo cáo tốt nghiệp ra trường;

Thứ tư: Ở năm nhất, kiến thức nền tảng của bản thân sinh viên chưa đầy đủ, chưa chuyên sâu để các em nhận thức đúng và đầy đủ đối với hoạt động nghiên cứu khoa học. Vì thế, cho dù có nghe đến hoạt động nghiên cứu khoa học các em vẫn chưa hình dung là sẽ làm các bước gì và mình thực sự quan tâm và yêu thích lĩnh vực hẹp gì của chuyên ngành. Điều này dẫn đến sinh viên chần chừ là thờ ơ với nghiên cứu khoa học;

Thứ năm: Năm nhất, sinh viên còn tư tưởng còn thời gian và còn lâu mình mới học tới năm ba, năm tư... nên các em nghĩ sẽ để tới lúc học lên các năm đó mình sẽ đầu tư và tìm hiểu

nghiên cứu khoa học sau cũng vẫn kịp. Tư tưởng này làm các em không quan tâm đến các định hướng nghiên cứu khoa học mà thầy cô có thể có phổ biến trong các buổi lên lớp cho các em;

Thứ sáu: Hiện nay đối với các môn chung ở kiến thức đại cương, cơ sở ngành... Việc tổ chức dạy học gộp các lớp với sĩ số rất đông làm cho sinh viên bị pha loãng môi trường học, sinh viên sẽ ít thân với nhau do không cùng chuyên ngành để cùng bàn luận về chuyện học hành và các hoạt động, tham gia các buổi thuyết trình khoa học của các khóa trước và của Thầy Cô;

Thứ bảy: Trong một số trường hợp, một số giai đoạn học... việc tổ chức dạy học online làm cho sinh viên ít có điều kiện gặp mặt học nhóm và tương tác trực tiếp với nhau, điều này cũng ít nhiều không tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thảo luận các hoạt động khác ngoài việc học chính khóa trên lớp;

Thứ tám: Về phía giảng viên thường có tâm lý hướng đến các lớp sinh viên cuối khóa để hướng dẫn nghiên cứu khoa học, vì lớp sinh viên này khi hướng dẫn định hướng nghiên cứu sẽ dễ dàng hơn do các em đã được học chuyên ngành và học rất nhiều công cụ và kỹ năng phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học. Và tâm lý khi hướng dẫn sinh viên năm cuối sẽ cùng lúc vừa hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, vừa hướng dẫn sinh viên làm báo cáo tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp thì sẽ tiện lợi một công đôi việc cho giảng viên. Việc này cũng giúp cho sinh viên có đủ thời gian để theo đuổi lâu một vấn đề cần nghiên cứu làm rõ.

Trên đây là một số thách thức mà nhóm tác giả nhận thấy trong quá trình hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học của mình. Có thể còn có nhiều thách thức khác nhưng theo nhóm tác giả các thách thức trên đã phần nào nêu được vấn đề về sự hướng đến các hoạt động nghiên cứu khoa học từ rất sớm của sinh viên. Cũng vì lý do này, mà thông thường phần lớn sinh viên các năm đầu được kết hợp nghiên cứu khoa học với sinh viên các khóa trên bắt đầu từ năm học thứ 2 tại trường.

### *3.2 Giải pháp tạo sự liên kết, phối hợp giữa sinh viên các khóa khác nhau cùng làm chung một đề tài nghiên cứu*

Trường đại học Thủ Dầu Một ban hành công văn về nghiên cứu khoa học trong sinh viên với các quy định như: Một nhóm nghiên cứu khoa học sinh viên sẽ tối đa 5 thành viên tham gia. Việc quy định số lượng thành viên như vậy phù hợp với các nghiên cứu khoa học về tính hiệu quả của hoạt động làm việc nhóm. Và đây cũng là một thuận lợi để giảng viên kết hợp các khóa sinh viên cùng nghiên cứu khoa học chung với nhau. Nhóm tác giả lồng ghép sinh viên năm cuối ra trường và sinh viên năm 2 hoặc năm 3 cùng làm nghiên cứu chung, điều này giúp cho các em sinh viên năm 2, năm 3 bước đầu làm quen và chuẩn bị kiến thức, tinh thần, kỹ năng làm bài luận lớn để năm sau tiếp tục làm nghiên cứu khoa học và dẫn dắt các em sinh viên các khóa mới vô sau này. Nhóm tác giả lưu ý chọn sinh viên từ năm hai trở lên bởi các em đã phần nào làm quen được phương pháp học đại học, các em đã được học các học phần phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành, các em đã học các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và trình bày... đã tham dự một số buổi báo cáo bảo vệ đề cương và nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Bên cạnh đó, các em sinh viên khóa đầu đã có một năm đầu học đại học, cùng sinh hoạt học tập, cùng ở trọ, cùng sinh hoạt câu lạc bộ đội nhóm... các em đã có các kỹ năng giao tiếp, tương tác với nhau. Điều này đã khắc phục một số thách thức mà nhóm tác giả đã nêu từ bên trên.



Việc kết hợp sinh viên các khóa khác nhau cùng tham gia nghiên cứu khoa học chung đề tài sẽ có các vấn đề thuận lợi sau:

Thứ nhất: Nhóm Tác giả thường chọn sinh viên năm tư (năm cuối) là sinh viên chịu trách nhiệm chính cho nghiên cứu. Các em sẽ dùng chính bài nghiên cứu này làm báo cáo tốt nghiệp ra trường. Để đảm bảo nguyên tắc thế hệ đi trước dìu dắt thế hệ đi sau cùng làm nghiên cứu khoa học, thì các sinh viên năm tư chịu trách nhiệm chính sẽ phải tìm cho mình thêm các sinh viên năm 2,3 để cùng làm nghiên cứu chung. Đội nhóm là do các em lựa chọn, nhưng thường sẽ có sự giới thiệu của giảng viên hướng dẫn và cố vấn học tập.

Theo quy định của nhà trường, Sinh viên chịu trách nhiệm chính sẽ được dùng chính bài nghiên cứu khoa học của mình làm báo cáo tốt nghiệp ra trường. Vì thế để tránh va chạm về quyền lợi nếu đề tài có số điểm trên 8.0, sinh viên chịu trách nhiệm chính (nhóm trưởng) sẽ được chuyển điểm 100% và các sinh viên thành viên trong nhóm sẽ được chuyển điểm 90% từ điểm nghiên cứu khoa học qua thành điểm bài báo cáo tốt nghiệp. Quy định về chuyển điểm này sẽ dẫn đến việc chuyển điểm không đều nhau buộc sinh viên chịu trách nhiệm chính sẽ tìm cho mình nhóm nghiên cứu là đàn em các khóa dưới sẽ ít xung đột lợi ích hơn là đội nhóm là bạn cùng lớp.

Thứ hai: Sinh viên năm cuối khi chịu trách nhiệm chính sẽ dễ dàng phân chia công việc với đàn em khóa dưới của mình hơn là phân công cho bạn cùng khóa. Mặt khác, các sinh viên năm cuối có xu hướng làm việc nghiêm túc hơn, chính chu hơn để ra dáng anh chị các khóa trên.

Thứ ba: Sinh viên các khóa dưới, khi tham gia nghiên cứu cùng các anh chị khóa trên, các em có tâm lý được học hỏi nhiều điều hay, chuyên môn sâu mà mình chưa được học trên lớp; các em nỗ lực anh chị nên dễ dàng nghe lời anh chị khóa trên khi nhận nhiệm vụ và phần việc được phân công cho mình. Mặt khác, sinh viên khóa dưới sẽ có tâm lý sau này mình có thể sẽ tự làm một nghiên cứu nên vấn đề chuyển 90% điểm trong nghiên cứu khoa học ít hơn nhóm trưởng không thật sự làm các em quan tâm.

Thứ tư: Sinh viên các khóa dưới với tâm lý, nếu nghiên cứu khoa học đạt giải cao, các em có thể được chuyển điểm nghiên cứu khoa học thành báo cáo tốt nghiệp, đây là một bước nhảy của sinh viên để "rảnh tay" ra trường sớm hơn hoặc có nhiều thời gian thực tập chuyên sâu ở các công ty và đơn vị mà mình yêu thích do không còn vướng bận việc làm khóa luận, đồ án tốt nghiệp hay báo cáo tốt nghiệp cuối khóa. Chính yếu tố này thúc đẩy các em hăng say và nhiệt huyết trong nghiên cứu. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu khoa học không đạt giải cao, sinh viên các khóa dưới vẫn còn có cơ hội tự đứng ra làm người chịu trách nhiệm chính cho nghiên cứu khoa học sau này của mình, khi mình học lên các năm cuối với kinh nghiệm đã có trước, các em hoàn toàn hy vọng việc nghiên cứu của mình sẽ dễ dàng hơn.

Thứ năm: Việc kết hợp nghiên cứu giữa các khóa sẽ là sự hợp tác cộng sinh: sinh viên năm cuối được các em năm đầu hỗ trợ trong việc đánh máy, lấy mẫu, lấy phiếu khảo sát, tìm tài liệu, các việc liên hệ hành chính, in ấn...; Ngược lại, sinh viên năm đầu được học hỏi các kinh nghiệm cùng anh chị, có các kỹ năng học tập và tương tác xã hội tốt hơn, được Thầy Cô và anh chị truyền đạt kiến thức và các kỹ năng chuyên sâu hơn sớm hơn.

Thứ sáu: Một ví dụ khác, đối với các đề tài đạt giải thưởng cao mà nhóm tác giả từng hướng dẫn. Đề tài này sau đó được phòng khoa học lựa chọn làm đề tài đi thi cấp Bộ, thì điều kiện thi là sinh viên phải còn theo học tại trường. Lúc này các sinh viên năm tư đã ra trường

và có thể đã được phát bằng tốt nghiệp. Đây là lúc các em sinh viên năm dưới kế thừa, chuẩn bị hồ sơ, chuẩn bị chỉnh sửa hoàn thiện lại bài một cách tốt nhất để tiếp tục dự thi. Điều này tránh được sự lãng phí bỏ qua đề tài có giá trị để đi thi tiếp ở sâu chơi lớn hơn sau khi sinh viên năm tư chịu trách nhiệm chính đã ra trường (việc kế thừa thi tiếp tất nhiên là có sự cam kết và đồng thuận giữa các thành viên theo quy định của ban tổ chức cuộc thi).

Hoạt động nghiên cứu khoa học phối hợp này ngoài nhiều điểm sáng tích cực đã được liệt kê bên trên thì vẫn có các hạn chế như: Việc sinh viên các năm đầu chưa được trang bị đầy đủ khối kiến thức chuyên sâu, sẽ gặp khó khăn khi đi theo nhóm nghiên cứu. Các em sẽ gặp khó khăn ít nhiều khi nghe chuyên ngành sâu của bài nghiên cứu. Vì thế sự tham gia của các em không hoàn toàn 100% mà là một phần đóng góp hỗ trợ vào nghiên cứu. Hoặc sự tham gia phối hợp nghiên cứu giữa các khóa sẽ bị hạn chế ở một số đề tài nhất định, điều này do giảng viên hướng dẫn sẽ có sự phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp cuối cùng.

### *3.3 Liên kết, tiếp cận thực tế chuyên môn tại công ty sản xuất, kinh doanh dịch vụ... tạo sự cọ sát mới mẻ cho nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học*

Theo thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học thì “Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác”, đây cũng là cơ sở để giảng viên dẫn sinh viên thực tế chuyên môn làm nghiên cứu khoa học tại các đơn vị ngoài trường.

Trong quá trình hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, ở một số đề tài cần các mô hình trực quan bên ngoài để các em dễ dàng liên tưởng, hình dung và phân tích, đo đạc... các giảng viên trong nhóm đã liên hệ dẫn sinh viên đến trực tiếp các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ để các em được nhìn trực tiếp các quy trình hoạt động, các sản phẩm, môi trường sản xuất, được nghe báo cáo chia sẻ kinh nghiệm làm việc từ các anh chị phụ trách trong công ty. Các hoạt động này được các nhóm nghiên cứu rất thích thú, từ đó các em thấy mình hiểu biết hơn, trưởng thành hơn và yêu thích môi trường nghiên cứu hơn. Các em đều ý thức được rằng nếu không tham gia nhóm nghiên cứu khoa học, thì các em sẽ khó có dịp được bước chân vào các công ty sản xuất lớn như Công ty sữa Vinamilk, Công ty gốm sứ Minh Long, Tập đoàn tư vấn môi trường Interconfomity của Cộng Hòa Liên Bang Đức để tham quan tìm hiểu...

Một ví dụ điển hình sự kết hợp hướng dẫn nghiên cứu của giảng viên và đơn vị công ty.

Tại Việt Nam hiện nay, để tư vấn và cấp chứng chỉ tiêu chuẩn quốc tế cho các công ty đơn vị thì phần lớn các công ty đa quốc gia đảm trách, bên cạnh đó cũng có các công ty tiêu biểu của Việt Nam, hoặc các đơn vị thuộc Tổng cục đo lường chất lượng thực hiện. Nhóm tác giả thì tác giả lựa chọn tổ chức cấp chứng chỉ quốc tế Interconfomity của Cộng hòa Liên Bang Đức làm nơi liên kết thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học. Đây là tập đoàn có văn phòng đặt trên 20 quốc gia trên thế giới với lĩnh vực hoạt động chính là: Đào tạo tiêu chuẩn quốc tế, tư vấn thực hiện, đánh giá và cấp chứng chỉ quốc tế về ISO.

Để hiểu rõ hơn và sâu sắc, Giảng viên bằng các mối quan hệ đã tiếp cận trường nhóm tư vấn đánh giá của công ty đặt tại Việt Nam, Chúng tôi đã có buổi làm việc với nhau với tinh thần công ty hỗ trợ trường học, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu, học tập tiêu chuẩn quốc tế một cách tốt nhất. Điều rất may là bản thân đã gặp được đối tác rất thân thiện, cởi mở và sẵn sàng hỗ

trợ tôi tìm hiểu một cách sâu sắc nhất tiêu chuẩn quốc tế này và ngay cả hỗ trợ xây dựng bộ khung để sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học theo hướng này.

Công việc đầu tiên Giảng viên tham gia là đi theo trường nhóm tư vấn tập huấn cho một công ty lớn của Việt Nam để thực hiện cùng lúc 4 tiêu chuẩn quốc tế: ISO 14001 tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường. Bộ khoa học và công nghệ. (2015); OHSAS 18001 (tiêu chuẩn an toàn sức khỏe nghề nghiệp); ISO 9001 (tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng); HACCP (tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm) Cùng một lúc thực hiện 4 tiêu chuẩn quốc tế thì chúng ta cũng đoán được công ty này sẽ tiếp cận khách hàng quốc tế, và sắp tới có chiến lược hoạt động mạnh mẽ. Đây là công ty cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà giàn khoan dầu đang hoạt động trên vùng biển Việt Nam.

Giảng viên hỗ trợ nhóm tư vấn của công ty Interconformity với tư cách là người học việc, tìm hiểu thực tế và sau một thời gian giảng viên tiếp tục mời trường nhóm cùng xây dựng khung tiêu chuẩn phù hợp để hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo hướng ISO này. Điều này chiếm rất nhiều thời gian của chúng tôi, vì việc áp dụng tiêu chuẩn thực tế không đi theo khuôn mẫu như đối với làm nghiên cứu khoa học là đòi hỏi phải có các thành phần như: Lý do chọn đề tài; Mục tiêu đề tài; nội dung nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu...

Một vài thỏa thuận được lập nên bởi giảng viên và trường nhóm, sau đó trường nhóm đã hỗ trợ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn sinh viên trong suốt 2 năm học. Việc hỗ trợ của trường nhóm giúp chuyên môn và kỹ năng của giảng viên trở nên cứng cáp hơn, giảng viên có nhiều kiến thức thực tế để giảng dạy sinh viên, và quan trọng hơn cả là đã hướng dẫn nhiều nhóm sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tiêu chuẩn ISO gặt hái rất nhiều giải thưởng trong đó tiêu biểu nhất là giải nhất cấp trường năm học 2015-2016.

### *3.4 Ảnh hưởng tích cực từ việc thúc đẩy sinh viên sớm nhận thức việc nghiên cứu khoa học là một phần nhiệm vụ học tập của bản thân*

Trong 9 năm học vừa qua, thông qua các hoạt động kết hợp sinh viên các khóa khác nhau cùng nhau nghiên cứu khoa học, bản thân các tác giả có các nhận xét như sau:

- Việc thực hiện nghiên cứu của sinh viên năm cuối và sinh viên các năm đầu khi tham gia hoạt động cùng nhau diễn ra vô cùng thuận lợi. Các em đã hoàn thành các đề tài nghiên cứu của mình đúng thời hạn. Trong đó cũng đã có rất nhiều đề tài đạt giải thưởng nhất, nhì, ba cấp trường.

- Việc kết hợp nghiên cứu tạo mối giao lưu bền chặt giữa sinh viên các khóa với nhau, các em sinh viên có thể thông qua các anh chị khóa trước mà tìm hiểu trước các hướng chuyên ngành sâu sau này. Sinh viên tương tác học hỏi tìm hiểu lẫn nhau sẽ dễ dàng hơn sinh viên hỏi trực tiếp Thầy Cô do các em vẫn phần nào ngại liên lạc trực tiếp với Thầy Cô của mình.

- Việc lồng ghép các khóa nghiên cứu với nhau, giảng viên đỡ vất vả hơn trong việc hướng dẫn cách thức trình bày, và các thủ tục đăng ký hành chính. Việc này các em sinh viên chủ động phân công nhau thực hiện. Vì trong nhóm nghiên cứu lúc nào cũng tồn tại một thành viên đã trải qua và đã có kinh nghiệm từ các nghiên cứu trước.

- Trong 9 năm qua, hầu như các em các năm 2, 3 của bậc đại học sau khi nghiên cứu cùng các anh chị, thì sau này đều đã tự mình đứng tên chịu trách nhiệm chính cho đề tài

nghiên cứu của mình ở năm học tiếp theo. Chính điều này làm tăng số lượng sinh viên nghiên cứu khoa học cho ngành học và luôn luôn duy trì mạch nghiên cứu từ năm học này sang năm học khác.

Ngoài ra, Trường đại học Thủ Dầu Một cũng đã có các hoạt động nhằm thu hút sinh viên tham gia tích cực, vào nghiên cứu khoa học như:

- Hàng năm trường có quỹ hỗ trợ kinh phí cho các nghiên cứu khoa học của sinh viên. Trường sẽ cấp kinh phí khi đề tài nghiên cứu của sinh viên nghiệm thu thành công.

- Cấp giấy chứng nhận nghiên cứu khoa học cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu thành công hàng năm tại ngành học. Lựa chọn và tổ chức các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường và tặng giấy khen biểu dương thành tích cho sinh viên.

- Yêu cầu giảng viên hàng năm định hướng cho sinh viên lựa chọn những đề tài phù hợp với thực tiễn xã hội, trình độ kiến thức và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

- Nhà trường đã đầu tư hệ thống thông tin thư viện, liên kết các kho học liệu lớn trong nước và thế giới giúp cho sinh viên tìm kiếm, thu thập tài liệu, thông tin dễ dàng trong việc nghiên cứu.

- Đối với các sản phẩm nghiên cứu có tính ứng dụng cao, hàng năm nhà trường tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp để các em có sân chơi bổ ích, được cọ sát làm quen với việc khởi nghiệp sau này.

#### **4. Kết luận**

Trong lịch sử dạy học của Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, nghiên cứu khoa học tìm ra các vấn đề mới luôn được quan tâm công nhận. Đặc biệt, những công trình nghiên cứu có tính ứng dụng cao ngoài thực tế xã hội đã góp phần khẳng định tên tuổi và chất lượng đào tạo của đơn vị giáo dục. Cho nên, giảng viên và sinh viên đều nhận thức được vai trò thiết thực của hoạt động nghiên cứu khoa học, từ đó, có ý thức tự giác, nghiêm túc và kiên trì theo đuổi thực hiện thành công những đề tài nghiên cứu mà mình đã lựa chọn. Nghiên cứu khoa học không những củng cố, nâng cao vốn hiểu biết về kiến thức lý luận, kiến thức xã hội mà còn góp phần rèn luyện những kỹ năng mềm quan trọng dành cho sinh viên như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy độc lập hay kỹ năng thuyết trình, và kỹ năng học tập suốt đời... Do vậy, nhà trường và bản thân mỗi sinh viên luôn phải đề cao tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, tích cực thực hiện các biện pháp để không ngừng nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Ngoài ra, trong quá trình lên lớp, Giảng viên, ngoài việc giảng bài cho sinh viên, cần gợi mở và hướng các bạn đến những vấn đề có thể đào sâu nghiên cứu nhằm kích thích sự sáng tạo hướng đến nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Bài viết tham luận này nhằm trao đổi những kinh nghiệm của các tác giả, thể hiện những kỹ năng, đánh giá và đề xuất giải pháp riêng của các tác giả. Đây là kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu và tham khảo tài liệu của nhóm vì thế còn nhiều nhận xét chủ quan, hy vọng sẽ nhận được những phản hồi góp ý từ độc giả để bài viết ngày càng hoàn thiện hơn.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đinh, B. H. A., Tô. N. H. K (2017). Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội và hướng dẫn viết luận văn. TP Hồ Chí Minh. Kinh Tế.
2. Vũ, C. Đ. (1999). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Hà Nội: Khoa học Kỹ thuật.

3. Quốc Hội. (2012). “Luật Giáo dục Đại học” số 08/2012/QH13.
4. Bộ khoa học và công nghệ. (2015). TCVN ISO 14001:2015
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học.
6. Các website
  - <https://tdmu.edu.vn/don-vi-truc-thuoc/phong-khoa-hoc>
  - <http://www.svnckh.com.vn/>
  - <http://www.svvn.vn>

# **CHALLENGES FACED BY STUDENTS IN SCIENTIFIC RESEARCH AND SOME SOLUTIONS TO ENHANCE STUDENTS' RESEARCH ABILITIES**

Trần Thị Huyền Thương\*

Trường Đại học Nha Trang

\*Corresponding author: thihuyenthuongtran04@gmail.com

---

## **ARTICLE INFO**

## **ABSTRACT**

---

*Keywords:* Scientific research, solutions, enhance students'

According to the website of the University of Montana (USA), scientific research provides students with opportunities to explore new horizons, pursue personal interests, sharpen problem-solving skills, and challenge themselves. Specifically, as stated on their website, research enables students to collaborate with faculty members in their respective departments, engage with other departments, and connect with fellow students who share similar interests. It is also an opportunity for students to enhance time management skills, information retrieval abilities, and multitasking skills, ultimately fostering a more professional work ethic. Moreover, during the research process, students can avail themselves of scholarships, living allowances, and various other rewards.

---

## **1. Introduction**

In Vietnam, there are numerous competitions aimed at promoting the scientific research endeavors of students. Notably, the Euréka Scientific Research Awards is an annual competition organized by the Youth Scientific and Technological Development Center - Ho Chi Minh City Youth Union. As of September 18, 2023, the Youth Science website reports that 139 research topics have been submitted by 12 universities to this competition. Additionally, the RMIT Research Challenges is a notable research competition for students in the fields of Finance, Economics, and Accounting. Furthermore, there are other competitions catering to students, such as the Creative Science Contest organized by VnExpress, the Economic Research Champion (ERC) organized by the National Economics University (Hanoi), and Marketing Generators hosted by the Van Lang University (Ho Chi Minh City).

However, the journey of scientific research for students seems to be fraught with challenges. According to Dr. Pham Van Minh, Head of the Department of Electrical Engineering at the Hanoi University of Industry, only 1 out of 10 students proactively register for research topics.

Therefore, this proposal aims to accomplish two objectives: (1) identify the difficulties that students encounter during the research process, and (2) propose practical and applicable solutions to enhance students' research capabilities.

## **2. Current Situation and Solutions**

### *2.1 Current Situation*

For some students, engaging in scientific research appears to be a distant prospect. Despite the fact that all students have the potential to participate in scientific research, many believe that it is reserved for outstanding and highly achieving students, excluding those with average performance. This has led to an issue where students are hesitant to explore scientific research, not proactively testing their capabilities and challenging themselves.

When students do develop an interest in scientific research, selecting a suitable research topic becomes a significant hurdle. Students often believe that research topics should be broad rather than focused on depth. For example, a group of International Relations students might choose a research topic like "The Impact of Conflicts in the Middle East on International Relations." However, the topic of Middle East conflicts is vast, encompassing numerous conflicts such as Palestine-Israel, conflicts in the Gaza Strip, and International Relations is also a broad field, including relationships between Iran and the United States, or relations between Middle Eastern countries and European Union member states. Therefore, students need to narrow down their research topics to align with their research capabilities and ensure access to appropriate research materials. In the mentioned topic, students could proactively refine it to "The Influence of the Palestine-Israel Conflict on Relations with European Union Member States."

In the process of searching for research materials, language proficiency poses a challenge for some students. In certain fields, foreign-language materials are more abundant, and poor language skills hinder students from effectively utilizing these resources. Additionally, some students lack knowledge of academic writing and proper citation practices, leading to unintentional plagiarism.

Furthermore, students encounter difficulties such as insufficient financial support from the university, a lack of training, and delayed access to information about research competitions (Nguyen Minh Duc et al., 2020).

### *2.2 Solutions*

To address these issues, students, faculty, and universities should implement timely measures.

From the student's perspective, they need to shift their perception of scientific research. According to the Department of Education and Training at Western Sydney University (Australia), research encompasses two main activities: (1) discovering new knowledge or finding innovative ways to use existing knowledge to develop fresh ideas, methods, and insights, and (2) reviewing and examining previous research, as long as it results in novel and creative outcomes. Therefore, instead of viewing scientific research as a challenge, students should see it as an opportunity to explore new knowledge.

Students should also participate in research guidance sessions conducted by experts, both within and outside the university. Attending workshops and seminars to learn from experienced researchers can help students avoid common pitfalls in their research. To stay informed about such events, students can follow the Youth Science and Technology



Development Center's website and academic clubs' pages, such as the Young Economics Scientists at the National Economics University or the Academic and Research Club (ARC) at the Foreign Trade University.

Continuous improvement of language skills is essential for students to access materials in different languages, ensuring diversity and depth of information in their research.

From the faculty's perspective, they should organize research-related discussions with students during office hours. This facilitates effective communication between students and faculty, allowing for information exchange and guidance.

Universities should establish appropriate funding regulations to encourage student involvement in scientific research. Students should feel that the rewards they receive from competitions justify the time and effort they invest in research. Additionally, universities should have effective communication teams to ensure that students have early access to information about research competitions, preventing last-minute announcements that might hinder students from completing their research projects.

### **3. Conclusion**

Promoting student engagement in scientific research benefits not only the students themselves but also the nation's scientific progress. However, obstacles to scientific research persist, stemming from both student attitudes and university policies. Nevertheless, with clear and effective measures from all stakeholders, these obstacles can be swiftly overcome.

### **REFERENCES**

- Khoa học trẻ TST. (n.d.). Giải thưởng Eureka. <http://eureka.khoahoctre.com.vn/#>
- Lao Động. (2023, August 19). E ngại nghiên cứu khoa học là vấn đề cao siêu, nhiều sinh viên chọn từ bỏ. <https://laodong.vn/giao-duc/e-ngai-nghien-cuu-khoa-hoc-la-van-de-cao-sieu-nhieu-sinh-vien-chon-tu-bo-1230635.ldo>
- Nguyễn Minh Đức, Tô Thị Kim Hồng, & Nguyễn Thành Tuân. (2020). Các khó khăn để hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đại học khối ngành kinh tế tại TP. Hồ Chí Minh. *Van Hien University Journal of Science*, 7(3), 105-120.
- University of Montana. (n.d.). Why Do Research? <https://www.umt.edu/undergraduate-research/research/why-research.php>
- Western Sydney University. (n.d.). Definition of Research. [https://www.westernsydney.edu.au/research/researchers/preparing\\_a\\_grant\\_application/dest\\_definition\\_of\\_research](https://www.westernsydney.edu.au/research/researchers/preparing_a_grant_application/dest_definition_of_research)

# **FOSTERING A CULTURE OF ENTREPRENEURIAL RESEARCH AMONG STUDENTS: A BLUEPRINT FOR THE FUTURE**

TS. Trịnh Việt Dũng\*

Đại Học VinUni

\*Tác giả liên hệ: dung.tv@vinuni.edu.vn

---

## **ARTICLE INFO**

## **ABSTRACT**

*Keywords:* Research motivation, Student engagement, SOR model, Research Applicability

This study delves into the evolving dynamics of academic research, particularly juxtaposing traditional methodologies with entrepreneurial research in the context of student engagement. Rooted in the Stimulus-Organism-Response (S-O-R) model, the research underscores the influence of modern tendencies, such as instant gratification and disruptive innovation, on student preferences. An experimental approach involving 150 students across three groups revealed a significant inclination towards entrepreneurial research, which promises immediacy and tangible outcomes. The findings advocate for a paradigm shift in academic institutions, emphasizing the need to integrate real-time feedback, technological advancements, and interdisciplinary collaborations to align with the contemporary student psyche. By fostering an environment that champions immediacy, applicability, and innovation, institutions can enhance student engagement and significantly contribute to global research landscapes. This paper provides a blueprint for modernizing academic research, positioning students as pioneers of transformative change.

---

## **1. Introduction**

The academic world stands on the precipice of transformation (Doucet et al., 2018). As the 21st century ushers in rapid technological advancements and an evolving global economy, the traditional paradigms of education and research are being called into question. The ever-growing need to bridge the gap between theoretical knowledge and its real-world application has highlighted the importance of a more entrepreneurial approach to research, especially among students.

Historically, academic research has been the bedrock upon which institutions built their reputations. Students were nurtured in environments that encouraged deep dives into theoretical constructs, irrespective of their immediate applicability. However, the Digital Age presents a juxtaposition. On one hand, we have a vast repository of academic knowledge, a testament to centuries of scholastic pursuits (Dewey, 1986; Halstead & Taylor, 2005). On the other hand, we have a generation growing up in an era of instant gratification, where information is consumed in snippets, and results are expected rapidly (Ghaffari, 2009).

Gratification theory posits that individuals seek immediate rewards, and if an action does not offer swift satisfaction, they are less likely to engage in it. Applied to the realm of research, this theory suggests that students today might be more inclined towards research endeavors that promise quicker, tangible outcomes (Aguilos & Fuchs, 2022).

This transformation is not merely a generational shift in attitude. The world itself is changing at an unprecedented rate. Industries are being disrupted, societal structures are evolving, and there is a pressing need for solutions that are not just innovative but also immediately implementable (Christensen et al., 2006; Christensen et al., 2018). Herein lies the true essence and significance of entrepreneurial research. Unlike traditional academic research, which often culminates in publications read by a niche audience, entrepreneurial research aims for tangible solutions, products, or methodologies that address current challenges (Welter et al., 2017). Such research does not just end with a paper; it often starts with one and then evolves into a startup, a product, or a new service.

The core objective of this study is to understand the pressing need for an entrepreneurial approach to research in the modern academic landscape. Given the preferences of the current generation, aligning with the gratification theory, and the world's demand for instant, tangible solutions, it is imperative to recognize and address this paradigm shift. This paper aims to shed light on the benefits of entrepreneurial research over traditional academic research, especially from the perspective of student engagement, satisfaction, and overall societal impact.

The scope of this study encompasses a detailed exploration of both traditional academic research and entrepreneurial research methodologies, with a specific emphasis on student engagement. It will delve into gratification theory's implications in the context of research and how the modern generation's preferences align with the demands of today's rapidly evolving world.

Moreover, the study will scrutinize various global institutions' approaches, particularly those that have successfully integrated entrepreneurial research into their curriculum. While the focus remains mainly on higher education, references to secondary education and industry-driven research initiatives will be made to provide a comprehensive understanding of the larger research ecosystem.

This paper aims to more than just juxtapose two research methodologies. Instead, it endeavors to provide a blueprint for the future. In this future, students are not just passive consumers of knowledge but active contributors to the world's progress through entrepreneurial research.

## **2. Theoretical Framework**

The theoretical framework of this study focuses on bridging the traditional academic research realm with the modern drive for entrepreneurial research. Rooted in cognitive and social behavioral theories, this framework aims to understand students' motivations, challenges, and inclinations in the context of instant gratification, technological disruptions, and societal expectations.

### *2.1 Instant Gratification Theory*

Instant gratification, an essential aspect of behaviorist theory, refers to the desire to experience pleasure or fulfillment without delay that was first used by Sigmund Freud (McKenna, 1997). In the modern digital age context, it translates to a preference for quick rewards and rapid results (Teo, 2016). This theory helps to comprehend the mindset of modern students who have grown up in the digital era. It provides insights into why students might be inclined towards research that yields quicker, tangible outcomes. If entrepreneurial research is designed to yield faster and more visible results, it is more likely to align with the instant gratification tendencies of today's students.

### *2.2 Social Constructivism*

Social constructivism posits that individuals learn best when they can relate their experiences and knowledge to real-world applications, often emphasizing collaborative learning (Vygotsky and Cole, 2018). Social constructivism can explain students' inclination toward entrepreneurial research, given its real-world applicability. As students collaborate, share ideas, and work on projects that have a direct societal or market impact, they find greater relevance and meaning in their academic pursuits. This suggests that universities emphasizing hands-on, real-world applications of research could enhance student engagement and learning outcomes.

### *2.3 Theory of Motivation and Expectancy Theory*

The theory of motivation suggests that individuals are driven to act in certain ways based on their perceived outcomes or rewards (Maslow, 1943). Similarly, the expectancy theory posits that an individual's behavior is driven by the expected results of that behavior (Vroom, 1964). Applying these theories can help in understanding how to foster a culture of entrepreneurial research. If students believe that entrepreneurial research will lead to tangible benefits - such as launching a startup, solving a real-world problem, or gaining recognition - they will be more motivated to engage in it. Institutions can harness these theories by clearly showcasing the rewards and outcomes of entrepreneurial research.

### *2.4 Disruptive Innovation Theory*

Christensen (1997) introduced the theory of disruptive innovation, which describes how smaller companies or entities can challenge and eventually overtake established industry leaders by addressing overlooked segments or employing innovative solutions. This theory can be extrapolated to the realm of academic research. Traditional research paradigms can be seen as "industry leaders," with entrepreneurial research as the disruptive force that caters to emerging demands of society and industry. As students align with these emerging trends, they position themselves at the forefront of innovative solutions and thought processes.

This theoretical framework, rooted in well-established cognitive, behavioral, and innovation theories, serves as a lens to understand and analyze the shifting paradigm from traditional to entrepreneurial research. By understanding students' motivations and societal demands through these theoretical perspectives, higher education institutions can create an environment conducive to fostering entrepreneurial research.

### **3. The proposed Research Model**

Stimulus-Organism-Response (S-O-R) model is rooted in environmental psychology (Arora, 1982), where the 'Stimulus' affects the 'Organism', which in turn leads to a 'Response'. In the context of our study, the framework can be tailored to understand factors influencing students' willingness to participate in entrepreneurial research.

#### *3.1 Stimulus*

This represents the external factors or triggers that influence a student's perception or motivation towards research:

- Instant Gratification (McKenna, 1997): The need for immediate results or feedback in today's digital age.
- Real-world Applicability (Social Constructivism, Vygotsky & Cole, 1978): The perceived relevance and tangible application of research in the real world.
- Perceived Outcomes (Theory of Motivation and Expectancy Theory, Maslow, 1943 & Vroom, 1964): Potential benefits, recognition, and rewards from conducting research.
- Disruptive Innovation (Christensen, 1997): The appeal of challenging traditional norms and creating innovative solutions.

#### *3.2 Organism*

This pertains to the internal cognitive processes, emotions, or states that a student experiences when exposed to the stimuli:

- Perceived Value: The internal assessment of how worthwhile the research endeavor is, based on potential benefits, knowledge acquisition, and real-world impact.
- Self-efficacy: The belief in one's ability to succeed in conducting and completing research. This encompasses skills, knowledge, and resources.
- Emotional State: The feelings or emotions (like excitement, curiosity, apprehension) associated with the idea of undertaking research.

#### *3.3 Response*

The final behaviors or actions that result from the internal processes:

- Willingness to Participate in Research: The student's intent or proactive steps towards engaging in entrepreneurial research.
- Active Research Engagement: The actual involvement in research activities, collaborations, projects, or studies.
- Advocacy: Promoting or encouraging peers to also get involved in entrepreneurial research.

#### *3.4 Research Hypotheses*

H1: External stimuli like instant gratification, real-world applicability, perceived outcomes, and disruptive innovation significantly influence students' perceived value of research.

H2: Students with a high perceived value of research and self-efficacy are more likely to exhibit a willingness to participate in research activities.

H3: Emotional states, such as excitement or curiosity about research, positively correlate with active research engagement and advocacy.

### **3. Methodology**

To empirically test the hypotheses derived from the Stimulus-Organism-Response (S-O-R) model concerning students' willingness to participate in entrepreneurial research, we designed a controlled experiment. This experimental approach facilitates causal inferences about the effects of external stimuli on students' internal cognitive processes and subsequent behavioral responses.

A total of 150 students from various disciplines at a prominent university were selected to participate in the study. The students were then randomly assigned to one of three groups, ensuring an even distribution of backgrounds and academic years. Each group comprised 50 students:

- Group 1 (Control Group): No specific external stimulus was introduced.
- Group 2 (Traditional Academic Research Stimulus): Exposed to stimuli emphasizing the significance and procedures of traditional academic research.
- Group 3 (Entrepreneurial Research Stimulus): Exposed to stimuli highlighting the relevance, benefits, and immediacy of entrepreneurial research.

#### *4.1 Procedure*

**Introduction:** All groups were initially briefed about the general purpose of the study without revealing the specific hypotheses or the distinction between groups.

**Stimulus Administration:**

**Group 1:** Participants were given generic information about the importance of research in higher education.

**Group 2:** Participants were presented with detailed information on traditional academic research, its processes, significance, and long-term implications.

**Group 3:** Participants were exposed to dynamic presentations and case studies showcasing the immediacy, real-world applicability, and innovative potential of entrepreneurial research.

**Post-Stimulus Survey:** After exposure to the stimuli, students were given a structured survey. This questionnaire aimed to gauge:

Their perceived value of research (Organism)

Emotional state concerning research (e.g., excitement, curiosity, apprehension) (Organism)

Self-efficacy in conducting research (Organism)

Willingness to participate in research activities (Response)

**Advocacy inclination:** likelihood to recommend research participation to peers (Response).

#### *4.2 Measures*

**Perceived Value:** Using a 7-point Likert scale, students rated statements like "I believe research can add significant value to my academic journey" and "Engaging in research feels worthwhile to me."

**Emotional State:** A series of adjectives (e.g., interested, intimidated, curious) were listed, and students were asked to indicate on a 7-point scale how each word described their feelings towards research.

**Self-efficacy:** Students responded to statements like "I am confident in my ability to undertake and complete a research project" using a 7-point Likert scale.

**Willingness to Participate:** A direct question such as "Given the opportunity, would you participate in a research project in the next academic year?" was posed with options ranging from 'Definitely Not' to 'Absolutely'.

**Advocacy:** Using a 7-point Likert scale, students rated their agreement with statements like "I would encourage my peers to engage in research."

#### *4.3 Data Analysis*

The data collected from the post-stimulus surveys were subjected to statistical analyses using the SPSS software. An analysis of variance (ANOVA) was performed to compare the means across the three groups on all key metrics. Post-hoc tests were conducted to delve deeper into group comparisons. Additionally, regression analyses were executed to ascertain the predictive power of perceived value, emotional state, and self-efficacy on willingness to participate and advocacy.

### **5. Key findings**

After collecting responses from the 150 students who participated in the experiment, the data were systematically analyzed. The following are the key findings:

#### *5.1 Perceived Value*

Group 3 (Entrepreneurial Research Stimulus) recorded the highest mean score ( $M = 6.3$ ,  $SD = 0.72$ ) on the perceived value of research. Group 2 (Traditional Academic Research Stimulus) followed with a mean score of 5.1 ( $SD = 0.89$ ). Group 1 (Control Group) had the lowest mean score at 4.3 ( $SD = 0.78$ ).

ANOVA revealed a significant difference in perceived value scores across the three groups,  $F(2,147) = 34.6$ ,  $p < 0.001$ .

#### *5.2 Emotional State*

Students in Group 3 exhibited a more positive emotional state towards research, with a predominant feeling of curiosity ( $M = 6.0$ ,  $SD = 0.65$ ). Group 2 had mixed emotions but leaned more towards feelings of intimidation ( $M = 4.8$ ,  $SD = 0.91$ ). Group 1 remained neutral, with no strong inclination towards any particular emotion ( $M = 4.5$ ,  $SD = 0.82$ ).



### *5.3 Self-efficacy*

Group 3 showcased the highest confidence in their ability to undertake and complete research ( $M = 6.2$ ,  $SD = 0.74$ ). Group 2 followed at a mean score of 5.4 ( $SD = 0.81$ ). Group 1 lagged behind with a mean score of 4.6 ( $SD = 0.87$ ).

### *5.4 Willingness to Participate*

A significant 84% of students in Group 3 indicated a strong willingness to engage in research in the next academic year. Group 2 had 60% of students willing to participate. Group 1 had just 48% expressing willingness.

### *5.5 Advocacy*

Group 3 had the highest advocacy rates, with 82% of students likely to recommend research engagement to peers. This was followed by Group 2 at 58% and Group 1 at 50%.

## **6. Discussion and Implications**

The entrepreneurial research stimulus group (Group 3) consistently scored higher across all metrics, reaffirming the hypothesis rooted in the S-O-R model. The immediate relevance, dynamic nature, and potential real-world impact of entrepreneurial research seem to resonate more with students, aligning with the instant gratification theory (Robinson, 2017). This inclination towards tangible and swift outcomes validates the shift towards promoting entrepreneurial research in academic settings.

It's evident that the manner in which research is presented significantly impacts students' emotional state. While traditional research might seem intimidating to some, especially given its long-term and often complex nature, entrepreneurial research sparks curiosity and excitement. This underscores the importance of framing research in a manner that's inviting, relevant, and comprehensible to students.

The high advocacy rates in Group 3 suggest that positive experiences and perceptions related to research don't just influence individual behavior but can also drive peer influence. In an academic setting, peer recommendations play a pivotal role in shaping decisions and behaviors, making this finding particularly significant for institutions aiming to foster a research-centric culture.

To maximize student engagement in research, institutions should consider adopting a dual approach. While the importance of traditional academic research cannot be undermined, introducing elements that highlight the immediacy and applicability of entrepreneurial research can be a game-changer. As findings suggest, students today lean towards entrepreneurial research, lured by its immediacy and potential for groundbreaking innovation. Therefore, institutions must adapt, ensuring they're not only fostering knowledge but also aligning with these modern tendencies. To tap into the instant gratification psyche, institutions can provide real-time feedback, employ visualization tools for immediate progress tracking, and set short-term research milestones. These steps, while seemingly simple, can offer students the swift satisfaction they often seek. Additionally, celebrating incremental achievements can fuel their enthusiasm, pushing them to dive deeper into their research endeavors. Moreover, in an age of disruptive innovation, traditional research methods can seem archaic. Institutions can revitalize their approach by incorporating emerging

technologies, such as AI and machine learning, which not only streamline data analysis but also bring a fresh perspective. Collaborative platforms, connecting students across disciplines or even borders, can be a breeding ground for disruptive ideas. Furthermore, emphasizing research that addresses real-world challenges can position students at the forefront of societal and industry transformations. An interdisciplinary approach, too, can be a game-changer. Encouraging students to venture beyond their academic silos can lead to revolutionary insights, proving that often, the most impactful solutions emerge from the convergence of diverse disciplines.

While the study provides valuable insights, it's essential to recognize its limitations. The study's scope is confined to one university, and cultural, disciplinary, or regional variations might yield different results. Future studies could consider a cross-institutional approach, delve deeper into the nuances of the stimuli, or even explore faculty perspectives to provide a holistic understanding.

In conclusion, the results reinforce the pivotal role of entrepreneurial research in modern academia, emphasizing the need for a strategic shift in how research opportunities are presented and promoted to students. Institutions that understand and harness this shift are poised to lead the future of academic research.

## REFERENCES

- Aguilos, V., & Fuchs, K. (2022, July). The Perceived Usefulness of Gamified E-Learning: A Study of Undergraduate Students With Implications for Higher Education. In *Frontiers in Education* (Vol. 7, p. 945536). Frontiers.
- Arora, R. (1982). Validation of an SOR model for situation, enduring, and response components of involvement. *Journal of Marketing Research*, 19(4), 505-516.
- Christensen, C. M. (1997). Marketing strategy: learning by doing. *Harvard business review*, 75(6), 141-151.
- Christensen, C. M., Baumann, H., Ruggles, R., & Sadtler, T. M. (2006). Disruptive innovation for social change. *Harvard business review*, 84(12), 94.
- Christensen, C. M., McDonald, R., Altman, E. J., & Palmer, J. E. (2018). Disruptive innovation: An intellectual history and directions for future research. *Journal of management studies*, 55(7), 1043-1078.
- Dewey, J. (1986, September). Experience and education. In *The educational forum* (Vol. 50, No. 3, pp. 241-252). Taylor & Francis Group.
- Doucet, A., Evers, J., Guerra, E., Lopez, N., Soskil, M., & Timmers, K. (2018). *Teaching in the fourth industrial revolution: Standing at the precipice*. Routledge.
- Ghaffari, M. (2009). Instant gratification and culture of academic disintegrity: Implications of trinity paradigm of intelligence in developing a culture of integrity. *International Journal of Interdisciplinary Social Sciences*, 3(10), 89-101.
- Halstead, M., & Taylor, M. J. (2005). *Values in education and education in values*. Routledge.
- Maslow, A. H. (1943). Preface to motivation theory. *Psychosomatic medicine*, 5(1), 85-92.
- McKenna, R. (1997). *Real time: Preparing for the age of the never satisfied customer*. Harvard Business School Press.
- Teo, T. (2016). Do digital natives differ by computer self-efficacy and experience? An empirical study. *Interactive Learning Environments*, 24(7), 1725-1739.
- Vroom, V. H. (1964). *Work and motivation*.
- Vygotsky, L., & Cole, M. (2018). *Lev Vygotsky: Learning and social constructivism*. Learning

theories for early years practice, 66, 58.

Welter, F., Baker, T., Audretsch, D. B., & Gartner, W. B. (2017). Everyday entrepreneurship - a call for entrepreneurship research to embrace entrepreneurial diversity. *Entrepreneurship Theory and Practice*, 41(3), 311-321.

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DÀNH CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

Lê Thế Thuận

Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: 212010030@st.hcmca.edu.vn

---

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

---

*Từ khóa:* Khoa học; nghiên cứu khoa học; sinh viên với nghiên cứu khoa học; sáng tạo.

Khoa học là một lĩnh vực rộng lớn bao gồm hệ thống tri thức, quá trình nghiên cứu của con người nhằm khám phá ra những kiến thức mới, quy luật hay học thuyết mới về các vấn đề tự nhiên và xã hội. Quá trình nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong việc thay thế những điều cũ, lạc hậu, không phù hợp với xã hội bằng các kiến thức, học thuyết mới có đặc điểm tốt hơn và vai trò nghiên cứu khoa học trong sinh viên khá quan trọng giúp cho sinh viên có thể rèn luyện tư duy, có khả năng được trải nghiệm thực tế, đúc kết được những kiến thức, kinh nghiệm dựa trên sự quan sát, tìm hiểu, phân tích và tổng hợp. Nhưng hiện nay việc nghiên cứu khoa học trong sinh viên đang bị đánh giá thấp cả về tầm vóc lẫn hiệu quả, chất lượng của các sản phẩm nghiên cứu, mức độ tập trung và đầu tư vào các đề tài nghiên cứu vẫn còn hạn chế vì thế cho nên cần phải có những giải pháp làm “bước đệm” cho các bạn sinh viên tích cực tham gia, thực hiện nghiêm túc cả về tư duy, suy nghĩ, kiến thức vào các đề tài mà chính bản thân xây dựng và theo đuổi để đưa ra sản phẩm chất lượng, có tính ứng dụng cao.

---

## 1. Tổng quan chung về hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên

### 1.1. Khái quát hoạt động nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu là một quá trình tham vấn và điều tra một cách có hệ thống và có phương pháp nhằm làm gia tăng lượng kiến thức. Và nghiên cứu khoa học là một quá trình hành động, tìm hiểu, quan sát và thí nghiệm dựa vào các dữ liệu, tài liệu đã được thu thập giúp phát hiện ra những bản chất và quy luật chung của sự vật và hiện tượng đây là hướng nghiên cứu hàn lâm hoặc tìm ra những ứng dụng kỹ thuật mới, những mô hình mới có ý nghĩa thực tiễn đây là hướng nghiên cứu ứng dụng. Nghiên cứu khoa học hướng đến việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa lý giải được, hoặc là sáng tạo ra những phương pháp, phương tiện kỹ thuật mới để thế giới ngày một phát triển.

Xu thế phát triển của giáo dục đào tạo ngày nay là nhằm tạo ra những con người có thể giới quan, nhân sinh quan khoa học cách mạng tiến bộ, biết học tập liên tục, biết cách làm việc sáng tạo suốt đời. Bởi vì, với những tri thức mới bùng nổ, nếu không cập nhật bổ trợ, tăng thêm những tri thức thông tin mới, con người sẽ nhanh chóng lạc hậu, không đáp ứng được nhu cầu phát triển cực kỳ nhanh chóng của thực tiễn xã hội.

Giáo dục đào tạo ngày nay không chỉ phục vụ cuộc sống mà còn là cơ sở để phát hiện ra những năng lực tiềm ẩn trong bản thân sinh viên, khẳng định những năng lực ấy bằng đổi mới bản thân, tạo ra con người mới, cuộc sống mới. Chính vì lý do đó, hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên được chú trọng và thể hiện rõ tại Khoản 2 và 3, Điều 39, Luật Giáo dục Đại học có quy định về mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ như sau: “Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học và giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước”.

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên được thể hiện với nhiều hình thức khác nhau như: viết tiểu luận, báo cáo thực tập, làm khóa luận, làm đề tài nghiên cứu, tham gia các cuộc thi khoa học công nghệ... và đối với năng lực của sinh viên thì việc nghiên cứu khoa học không đòi hỏi kết quả nghiên cứu phải cao siêu, có tầm vóc. Mà mục tiêu chính của nghiên cứu khoa học ở bậc đại học, cao đẳng là trang bị cho các bạn sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập và chuẩn bị nền tảng cho các dự án thực tế sau khi tốt nghiệp. Chính vì vậy, khi tiếp cận nghiên cứu khoa học trong sinh viên, mục tiêu nên đặt nhiều trọng tâm vào hoạt động nghiên cứu hay quá trình tiến hành nghiên cứu là sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: phát hiện vấn đề, xây dựng đề cương, tổ chức thực hiện, phương pháp thực hiện, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin, thí nghiệm, quan sát, phân tích số liệu, thử nghiệm kết quả, viết báo cáo, trình bày báo cáo... chứ không đặt nặng 100% vào kết quả nghiên cứu hoặc sản phẩm cuối cùng. Từ đó, mang lại những ý nghĩa thiết thực cho sinh viên như: rèn khả năng tư duy sáng tạo, khả năng phê phán, bác bỏ hay chứng minh một cách khoa học những quan điểm nào đó, rèn kỹ năng, phân tích, tổng hợp kiến thức, khả năng tư duy logic, xây dựng tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

## *1.2. Vai trò của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên*

### *1.2.1. Tạo nên sự tiến bộ về kiến thức cho sinh viên*

Khi thực hiện một sản phẩm nghiên cứu khoa học cần phải có một khoảng thời gian nhất định tìm hiểu, góp nhặt những kiến thức từ nhiều nguồn thông tin khác nhau cả sơ cấp lẫn thứ cấp; từ đó góp phần nâng cao được khối lượng kiến thức dành cho sinh viên. Thông qua quá trình trải nghiệm, thực hiện nghiêm túc các bạn sinh viên có thể hiểu biết các hiện tượng khác nhau cho dù đó thuộc lĩnh vực y học, công nghệ, khoa học, văn hóa hay nghệ thuật... và sự tích lũy kiến thức thu được thông qua nghiên cứu khoa học đóng vai trò là nền tảng cho sự tiến bộ của sinh viên và trong xã hội.

Bên cạnh đó, sinh viên sẽ có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về những kiến thức đã được học trên giảng đường; trong quá trình thực hiện sinh viên có thể nhận ra những bài học tưởng chừng như cần cỗi trong sách vở hóa ra lại sinh động ở trong chính đời sống thực tế. Quá trình đi khảo sát, phỏng vấn, điều tra sinh viên sẽ có được cơ hội thử sức với bản thân của mình, vượt mình ra khỏi giới hạn an toàn của một sinh viên mà trở thành một nhà nghiên cứu thực thụ khám phá những điều mới, có giá trị mà chỉ khi các bạn sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học mới có thể trải nghiệm về những điều tuyệt vời như vậy, đó không chỉ trải nghiệm mới về những điều chúng ta quan tâm, yêu thích xung quanh mà quan trọng là khám phá ra chính những sức mạnh, suy nghĩ táo bạo tiềm ẩn bên trong chính bản thân sinh viên hiện nay.

### *1.2.2. Giúp sinh viên giải quyết vấn đề một cách khoa học*

Nghiên cứu khoa học là quá trình giúp cho sinh viên được rèn luyện tác phong làm việc tích cực, kỹ năng làm nhóm việc hiệu quả, kết hợp nhuần nhuyễn giữa các thành viên trong nhóm để cùng nhau giải quyết những khó khăn, rắc rối nảy sinh trong quá trình thực hiện các bước trong nghiên cứu khoa học vì sản phẩm của nghiên cứu khoa học là những nội dung, học thuyết mới mẻ có thể áp dụng giải quyết các vấn đề trong thực tại và tương lai cho nên việc nảy sinh các vấn đề là điều không tránh khỏi, nâng cao kỹ năng thuyết trình và bảo vệ đề tài, sản phẩm trước hội đồng; đó là kinh nghiệm rất quý khi sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học có được để áp dụng vào công việc trong tương lai cho chính bản thân.

Một trong những đóng góp quan trọng của nghiên cứu khoa học là khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp bằng cách sử dụng các phương pháp khoa học để nghiên cứu, xác định nguyên nhân của các vấn đề và phát triển các giải pháp dựa trên những dẫn chứng cụ thể đã tìm được trên thực tế. Qua đó, sinh viên biết được cách thực hiện những công việc khoa học và có thể áp dụng vào công việc học tập một cách có hiệu quả như: lập kế hoạch, bố trí và sử dụng thời gian hợp lý, phân công nhiệm vụ trong nhóm, tinh thần trách nhiệm với công việc được giao,...điều này sẽ tạo cho sinh viên một tư duy logic, biện chứng và cái nhìn bao quát mọi việc, đa chiều. Nghiên cứu khoa học giúp cho nhận thức của sinh viên phát triển theo chiều sâu và rộng hơn về thế giới xung quanh, mở rộng kho tàng tri thức của nhân loại bằng cái nhìn khoa học, duy vật và giải quyết các vấn đề chính bản thân sinh viên quan tâm bằng các phương pháp và cách làm khoa học; một sản phẩm nghiên cứu khoa học được ra đời sẽ phát hiện ra các vấn đề còn tồn đọng và đưa ra các phương án để giải quyết vấn đề một cách tốt nhất bằng lối tư duy và làm việc khoa học.

### *1.2.3. Tạo cơ hội kết nối sinh viên với xã hội*

Quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học về mặt khách quan đã tạo nên một môi trường thuận lợi để sinh viên mở rộng mối quan hệ của bản thân với bạn bè, anh chị, thầy cô trong chính môi trường học tập và các tổ chức, cơ quan bên ngoài xã hội. Nắm trong tay những mối quan hệ tốt đẹp đó cũng là một lợi thế, để sinh viên có thể học hỏi, mở mang tầm kiến thức đa dạng và phong phú hơn,... Điều đó sẽ tạo thuận lợi cho sinh viên khi tiếp cận công việc thực tế sau này.

## **2. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên hiện nay.**

### *2.1. Thuận lợi của sinh viên trong việc triển khai và thực hiện nghiên cứu khoa học*

#### *2.1.1. Chủ động sắp xếp được thời gian thực hiện*

Bước vào học tập tại môi trường đại học, thời gian lên lớp của sinh viên đa số các ngành, nhất là các ngành xã hội, kinh tế, không nhiều như khi học phổ thông. Nhiều trường đại học hiện nay đã chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ, thuận tiện của cách thức này đã giúp sinh viên chủ động hơn trong việc bố trí lịch học của mình sao cho thuận tiện nhất và có được một khoảng thời gian riêng phục vụ cho các sở thích, việc làm cá nhân của mình. Vì vậy, sinh viên ngày nay có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn so với khoảng thời gian học tại môi trường phổ thông, cũng như so với các thầy cô tham gia giảng dạy. Trong khi đó, thời gian là một yếu tố quan trọng làm nên một công trình nghiên cứu khoa học khả thi. Điều đó cho thấy sinh viên có khả năng hoàn thành tốt bài nghiên cứu của mình nếu các bạn biết tận dụng tối đa và sắp xếp hợp lý thời gian của mình.

### *2.1.2. Sự thông minh và nhạy bén của sinh viên*

Các điểm nổi trội của sinh viên ngày nay mà chúng ta và xã hội có thể nhìn thấy đó chính là: “Tự tin, năng động, sáng tạo”, sinh viên ngày nay là những nhân tố mang trong mình sức trẻ của thời đại mới bởi vì các bạn luôn không ngừng tìm kiếm hướng đi cho mình một cách tích cực dù có khó khăn hay thử thách các bạn đều có thể trải qua và không ngại thể hiện ý tưởng mới của mình. Đây là một đặc điểm rất cần thiết cho hoạt động nghiên cứu khoa học, sự sáng tạo giúp mở ra các hướng nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu mới. Tính năng động tạo điều kiện cho người nghiên cứu chủ động tìm tòi, học hỏi, và sự tự tin giúp họ đứng vững với lập trường của mình. Đây là những tố chất cần có ở một nhà nghiên cứu chân chính.

Sinh viên ngày càng có nhiều cơ hội để tiếp cận, kết nối và trải nghiệm nhờ sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin. Thế nên, là những công dân toàn cầu cho nên sinh viên rất linh hoạt, nhạy bén trong việc nắm bắt và phát hiện các nhu cầu của xã hội. Ngoài ra, nhờ được tiếp xúc và trao đổi với nhiều nguồn thông tin khác nhau, sinh viên còn có góc nhìn đa chiều, bao quát và thú vị về những vấn đề khoa học đáng quan tâm; điều này được thể hiện rõ nét qua các đề tài nghiên cứu đầy mới mẻ, sáng tạo, có tính thời sự và khả năng ứng dụng cao trong thời gian gần đây. Với niềm đam mê khoa học cùng tinh thần ham học hỏi, thích tìm tòi và khám phá cái mới, sinh viên đang tham gia hoạt động NCKH ngày càng tích cực, cởi mở và chủ động hơn.

### *2.1.3. Nguồn tài liệu đa dạng và phong phú*

Trong thời đại 4.0, ngoài sách vở truyền thống, sinh viên là thế hệ trẻ với khả năng sử dụng công nghệ thông tin thành thạo cho nên việc tìm kiếm tài liệu ngày càng dễ dàng và nhanh chóng hơn với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại cùng các nguồn học liệu mở trên internet. Không những thế, nhờ được đầu tư ngoại ngữ từ sớm nên sinh viên có khả năng chọn lọc và khai thác các nguồn tài liệu tiếng Việt lẫn tiếng nước ngoài. Điều này tạo ra những thuận lợi đáng kể trong việc tiếp cận một số hướng nghiên cứu mới, giúp sinh viên xác định và làm chủ thông tin trong quá trình nghiên cứu khoa học bởi lẽ có một số đề tài của sinh viên phải cần sử dụng đến tài liệu nước ngoài để phục vụ cho việc tham khảo.

### *2.1.4. Sự quan tâm và chỉ đạo từ nhà trường*

Với sự động viên, khuyến khích từ phía nhà trường là một trong những nguồn động lực to lớn giúp sinh viên hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu của mình. Các chính sách chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cho thấy sự quan tâm đặc biệt của nhà trường trong việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cũng như tầm nhìn và triết lý giáo dục toàn diện, khai phóng của đội ngũ giảng viên. Bởi lẽ, hoạt động nghiên cứu khoa học sẽ “hiện thực hóa” lý thuyết, gắn lý luận với thực tiễn, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo mà sinh viên đóng vai trò trung tâm, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học, cải thiện chất lượng đào tạo trong nhà trường và đáp ứng được những nhu cầu của nền giáo dục hiện đại.

## *2.2. Những hạn chế đang mắc phải trong sinh viên*

### *2.2.1. Khó khăn trong việc xác định đề tài nghiên cứu*

Lựa chọn và xác định được đề tài là khâu cực kỳ quan trọng và đóng vai trò then chốt. Bởi lẽ, việc lựa chọn đúng đề tài nghiên cứu sẽ là kim chỉ nam cho mọi công đoạn về sau, giúp sinh viên xác định chính xác vấn đề mà mình quan tâm và có hướng nghiên cứu đúng đắn, phù hợp. Tuy nhiên, lựa chọn được một đề tài hay, sáng tạo, khả thi, có ý nghĩa lý luận



lẫn thực tiễn và phù hợp với năng lực của sinh viên là một điều không hề dễ dàng. Các bạn sinh viên thường sẽ lựa chọn đề tài theo cảm tính, theo định hướng của thầy cô, theo ngân hàng đề tài mà không có chính kiến đưa ra được đề tài bản thân mong muốn; khía cạnh khác, các bạn sinh viên muốn một khoảng thời gian nghiên cứu sẽ thực hiện được nhiều khía cạnh khác nhau nhưng đây cũng là một hạn chế do xác định đề tài quá sức của bản thân hoặc các bạn cùng đồng hành.

### *2.2.2. Khả năng tìm kiếm và xử lý tài liệu*

Đây có lẽ là điều mà hầu hết sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đều gặp phải khi sinh viên tìm kiếm tài liệu bằng nhiều phương thức khác nhau như: internet, giáo trình trên thư viện, tài liệu giảng viên cung cấp hoặc số liệu từ các điều tra thực tế... song, không phải ai cũng biết cách quản lý và sử dụng tài liệu hiệu quả. Thực tế chỉ ra rằng sinh viên thường thiếu chọn lọc trong việc tìm kiếm tài liệu nhưng trong khi đó, các tài liệu chuyên ngành có liên quan và thực sự cần thiết lại khó tiếp cận với nhiều lý do khác nhau như vấn đề bản quyền, giá cả tốn kém hoặc hạn chế về ngôn ngữ. Vì thế, SV gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tài liệu chất lượng làm ảnh hưởng đến quá trình nghiên cứu và chất lượng của sản phẩm cuối cùng.

### *2.2.3. Kinh nghiệm trình bày khoa học*

Trình bày khoa học là một trong những yếu tố quyết định tính thuyết phục của đề tài và dĩ nhiên, trình bày theo đúng quy định và quy cách không phải đơn giản và điều này sẽ tốn một thời gian nhất định, ví dụ: việc trình bày bìa, tài liệu tham khảo, các chữ viết tắt, phụ lục hay danh mục hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ,... đều phải tuân theo quy chuẩn của văn bản hướng dẫn. Cho nên, sinh viên sẽ vấp phải những khó khăn nhất định, các lỗi kỹ thuật trong khi trình bày đề tài như lỗi phong chữ, hình vỡ nét, sai biểu đồ,... cũng khiến đề tài không được hoàn thiện mặc dù các bạn sinh viên đã cố gắng hết sức vào quá trình nghiên cứu.

Bên cạnh đó khi kết thúc nghiên cứu và báo cáo trước hội đồng khoa học thì không phải sinh viên nào cũng rèn luyện được kỹ năng trình bày trước đám đông. Khó khăn mà sinh viên thường gặp phải khi trình bày chính là giọng nói, do quen với việc sử dụng giọng địa phương khiến nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc truyền đạt và trao đổi với thầy cô. Số khác lại nói nhỏ, nói nhanh hoặc nói vấp vì tâm lý căng thẳng, thiếu phong thái tự tin và đánh mất sự bình tĩnh, tâm thế chủ động cũng là nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên quá tập trung vào trang trình chiếu mà quên mất sự tương tác qua lại giữa hai bên, khiến bài trình bày trở nên thiếu thuyết phục và hấp dẫn.

## **3. Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học trong sinh viên**

### *3.1. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên*

#### *3.1.1. Kỹ năng làm việc có khoa học cho sinh viên*

Mỗi bản thân mỗi sinh viên cần được bồi dưỡng thêm các kiến thức bổ sung vào năng lực nhằm có cái nhìn tích cực trước khó khăn trong các giai đoạn nghiên cứu khoa học và phải chủ động trong việc lên kế hoạch, xác định mục tiêu, tìm kiếm cơ hội cũng như lựa chọn cho mình một phương pháp nghiên cứu phù hợp và hiệu quả. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên cần tăng cường khả năng tự nghiên cứu thông qua các hoạt động như: tìm đọc tài liệu tham khảo, trình bày quan điểm và tranh luận với bạn bè, trao đổi bài học với thầy cô,... và từ đó, sinh viên có cơ hội để mở rộng và đào sâu kiến thức, tìm tòi và phát hiện cái mới, đánh

thức tiềm năng, tư duy nhạy bén và óc sáng tạo. Chính điều này, sau khi sinh viên được bồi dưỡng nghiêm túc và thực hiện một cách có khoa học thì các sản phẩm nghiên cứu khoa học sẽ đạt chất lượng và có khả năng ứng dụng rộng rãi vào thực tế.

### *3.1.2. Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng tiếng Anh vào nghiên cứu khoa học*

Sự sáng tạo và óc suy nghĩ của các bạn sinh viên trong giai đoạn hiện nay không chỉ dừng lại ở việc các vấn đề đơn giản xung quanh chúng ta mà còn tiến xa hơn về khả năng áp dụng và hòa nhập với xu thế toàn cầu cho nên khi các bạn sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học trang bị được khả năng tiếng Anh vào việc đọc tài liệu, phân tích dữ liệu, nghiên cứu sâu về vấn đề quan tâm sẽ làm cho sản phẩm nghiên cứu của sinh viên trở nên đa dạng, mang tính chất hội nhập khá cao trong thực tiễn. Nhưng với tình hình chung của các bạn sinh viên hiện nay còn khá hạn chế trong việc trang bị kiến thức ngoại ngữ và không có kỹ năng chọn, lọc các dữ liệu tiếng Anh về lĩnh vực mình quan tâm lựa chọn vào chính sản phẩm của mình và vì thế, cần phải đa dạng hơn các hình thức bồi dưỡng kỹ năng này dành cho sinh viên thông qua: các buổi tọa đàm, chuyên đề, Workshop,... nhằm làm cho sinh viên có động lực, hứng thú sáng tạo và có khả năng thực hiện những đề tài khoa học mong muốn được khám phá.

### *3.1.3. Kỹ năng làm việc nhóm có hiệu quả*

Thái độ hợp tác tương trợ nhau góp phần quan trọng trong thành công của hoạt động nhóm, dẫn đến thành công chung của công trình nghiên cứu khoa học. Khi lựa chọn nhóm, cần lưu ý đến tính cách và quan điểm của các cá nhân sao cho mọi người có thể hiểu và làm việc cùng nhau. Bên cạnh đó, nhóm cần chọn ra một nhóm trưởng (chủ nhiệm đề tài) có tiếng nói và có thể đại diện nhóm giải quyết những công việc chung. Nhóm trưởng phải là người có tinh thần trách nhiệm cao và khả năng quản lý tốt và nhóm trưởng cần phải có khả năng phân công các công việc hợp lý, đôn đốc việc hoàn tất công việc một cách khéo léo nhưng hiệu quả.

## *3.2. Xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học thuận tiện cho sinh viên*

Nhà trường cần tăng cường các điều kiện phục vụ quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên thông qua việc cải thiện hệ thống thông tin - thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thực hành chuyên môn; đổi mới các trang thiết bị,... nhằm giúp sinh viên có thể kiểm định, đánh giá kết quả nghiên cứu. Để thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học của SV, cần xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, có tính cạnh tranh lành mạnh dưới sự hỗ trợ, hướng dẫn và tạo điều kiện của nhà trường và đội ngũ giảng viên. Song song với đó, cần tăng cường tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học nhằm trang bị cho sinh viên phương pháp học tập hiện đại, xây dựng mục tiêu và thái độ nghiên cứu đúng đắn; kết hợp với việc thành lập và duy trì các câu lạc bộ học thuật, sân chơi trí tuệ để thu hút SV tham gia, chia sẻ và học hỏi.

Bên cạnh đó, về phía nhà trường cần có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời khi sinh viên đạt thành tích tốt trong nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, cần tăng kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, đi đôi với việc cải cách thủ tục hành chính, đổi mới cơ chế xét duyệt và nghiệm thu, thanh quyết toán đề tài. Các chính sách xét duyệt và cấp kinh phí đề tài cần nghiêm túc, công khai, minh bạch và được thực hiện bởi các hội đồng khoa học thực sự đảm bảo về chất lượng chuyên môn cũng như tính khách quan trong đánh giá. Điều này sẽ phần nào giảm bớt gánh nặng tài chính, giúp sinh viên tập trung hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Ngoài ra, các tổ chức hoặc doanh nghiệp cần có sự phối hợp với nhà trường trong việc hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đặt hàng các đề tài khoa học do sinh viên thực hiện, đây được xem là động lực thúc đẩy to lớn về tinh thần cho sinh viên tham gia và hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu khoa học của mình.

*3.3. Phát huy vai trò của giảng viên và các tổ chức Đoàn – Hội, các Câu lạc bộ tại các trường đại học*

*3.3.1. Về phía giảng viên*

Vai trò hướng dẫn khoa học của giảng viên cũng cần phải được đề cao., giảng viên cần xây dựng bài học theo hướng tích hợp liên môn, gợi mở kiến thức, vận dụng thực tiễn để khuyến khích, tạo động lực và hứng thú nghiên cứu khoa học, giúp hình thành trong sinh viên ý tưởng và niềm đam mê nghiên cứu, sáng tạo. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần có những hoạt động, bài tập nhằm giúp sinh viên rèn luyện kiến thức và kỹ năng cần thiết, phát huy năng lực nghiên cứu, nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học. Những tiết học trên lớp cũng là điều kiện lý tưởng để giảng viên quan sát và định hướng cho sinh viên các đề tài, lĩnh vực nghiên cứu phù hợp với thực tiễn, trình độ kiến thức và năng lực riêng, gắn với ngành học đào tạo.

*3.3.2. Về phía các tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên và các Câu lạc bộ*

Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên cần có những hoạt động thúc đẩy tuyên truyền, đưa các thông tin về nghiên cứu khoa học đến gần hơn với sinh viên hơn nữa, làm cho mỗi sinh viên đều tự ý thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học không phải là một hoạt động xa vời mà rất thiết thực với bản thân sinh viên. Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên cần là cầu nối thật sự giữa sinh viên và nhà trường, các doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu. Đây là một kênh thông tin chính thức, có thể bảo đảm tính chính xác trong thông tin giữa các bên. Từ đó phần nào nâng cao chất lượng và tính ứng dụng của các đề tài nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Thành lập và duy trì hiệu quả các câu lạc bộ dành cho sinh viên, để tháo gỡ những khó khăn trong quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên, cần tổ chức nhiều cuộc thi, sân chơi trí tuệ nhằm thu hút sinh viên tham gia, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức và kết hợp với việc giao lưu giữa sinh viên với những người thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học, từ đó thấp sáng ước mơ, hoài bão trong sinh viên. Cần tìm hiểu nguyện vọng của sinh viên trong từng khóa để tập hợp những vướng mắc và cùng giải quyết, muốn làm tốt công tác này, các Câu lạc bộ phải đi sâu, nắm rõ được tình hình học tập của từng cá nhân trong trường học và thường xuyên phản ánh với tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên tại trường học để có những giải pháp kịp thời.

#### **4. Kết luận**

Dù còn nhiều khó khăn và thách thức, song hoạt động nghiên cứu khoa học có ý nghĩa quan trọng và mang lại rất nhiều lợi ích cho sinh viên. Đó không chỉ dừng lại ở các giá trị vật chất mà còn là kiến thức, kỹ năng, mối quan hệ và những bài học quý giá thời sinh viên. Vì vậy, để phát huy tính chủ động và sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu khoa học của SV, nhà trường và các tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt là đội ngũ giảng viên cần tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách, cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính, định hướng nghiên cứu,... để thu hút, động viên và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu, góp phần đảm bảo và nâng cao

chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội và mang lại vị thế, uy tín cho nền khoa học nước nhà.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Đào Minh Quân, (2023), *Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học dành cho Học sinh, Sinh viên*, NXB: Trường Cao đẳng VMU.
2. Nguyễn Thị Kim Anh, (2023), *Những khó khăn của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học*, truy cập tại: <https://nhandan.vn/nhung-kho-khan-cua-sinh-vien-khi-tham-gia-nghien-cuu-khoa-hoc-post196415.html>
3. Vũ Thế Dũng, (2009), *Nghiên cứu khoa học trong sinh viên: cần cách tiếp cận mới*, truy cập tại: <https://oisp.hcmut.edu.vn/cuoc-song-sinh-vien/nghien-cuu-khoa-hoc-trong-sinh-vien.html>
4. TS. Lê Đình Viên, (2011), *Đừng coi nhẹ nghiên cứu khoa học của sinh viên*, NXB: Tạp chí giáo dục Việt Nam.
5. Bùi Ngọc Hà Duy, (2023), *Thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi nghiên cứu khoa học*, truy cập tại: <https://ukh.edu.vn/vi-vn/tong-quan/Khoa/khoa-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/chi-tiet-khoa-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/id/4254/Thuan-loi-va-kho-khan-cua-sinh-vien-khi-nghien-cuu-khoa-hoc>
6. Bùi Tiến Anh, (2019), *Những thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học*, truy cập tại: <http://khoa.hocoban.saodo.edu.vn/nghien-cuu-khoa-hoc/nhung-thuan-loi-va-kho-khan-cua-sinh-vien-khi-tham-gia-nghien-cuu-khoa-hoc-238.html>

# GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Th.S Phan Thị Thành

Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: phanthanh07sgc@gmail.com

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* Sinh viên, nghiên cứu khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Trong những năm gần đây, sinh viên ở các trường đại học của Việt Nam nói chung và sinh viên Trường Đại học Công Thương TP. HCM (HUIT) nói riêng đã quan tâm hơn đến hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một số bất cập trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Bài viết này nhằm phân tích tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, thực trạng và đưa ra số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên nói chung cũng như sinh viên Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh nói riêng.

### 1. Đặt vấn đề

Học tập và rèn luyện luôn là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của mỗi sinh viên trên giảng đường đại học. Để học tốt, ngoài kiến thức chuyên ngành, sinh viên cần chuẩn bị cho mình nhiều hành trang cần thiết như khả năng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giao tiếp... trong đó trước hết phải kể đến là công tác nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học là một hình thức học tập đang được quan tâm và tham gia của nhiều sinh viên. Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

Sinh viên nghiên cứu khoa học là hoạt động quan trọng và cần thiết của công tác đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, hội nhập về giáo dục và đào tạo, xây dựng và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học cho sinh viên ở các trường Đại học, Cao đẳng nói chung và sinh viên trường HUIT nói riêng hiện nay là một yêu cầu bức thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao tính tự chủ sáng tạo và năng động, một tố chất rất cần thiết nhưng lại rất hạn chế trong trình độ sinh viên Việt Nam hiện nay.

### 2. Tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học ở sinh viên

Nghiên cứu khoa học là một hình thức tổ chức dạy học đặc thù ở bậc đại học, có tác dụng giúp sinh viên chủ động học tập, tìm tòi sáng tạo; giúp phát triển tối ưu tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên trong quá trình tiếp nhận tri thức, từ đó giúp người học giải quyết một số vấn đề lí luận và thực tiễn. Hoạt động nghiên cứu khoa học là cơ hội để sinh viên tự thể hiện nhân cách của mình và hình thành kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động

nghiên cứu khoa học của sinh viên góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng là hoạt động không chỉ bao gồm giảng viên và các nhà khoa học khác, mà còn có cả sinh viên thuộc các loại hình đào tạo đang theo học tại trường. Khi tham nghiên cứu khoa học sinh viên sẽ nhận được rất nhiều lợi ích, cụ thể là:

*Thứ nhất*, việc tham gia nghiên cứu khoa học sẽ làm gia tăng về kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu. Tham gia nghiên cứu khoa học đòi hỏi người nghiên cứu phải không ngừng bổ sung, hoàn thiện kiến thức của mình, do đó việc tìm kiếm và đọc thêm các tài liệu bổ trợ là cần thiết. Thông qua điều này, kỹ năng nghiên cứu cũng như kiến thức phục vụ cho đề tài của các bạn sinh viên sẽ tăng lên. Thêm vào đó, sinh viên có cơ hội được làm việc cùng với giảng viên hướng dẫn sẽ được giảng viên định hướng và chỉ dẫn thấu đáo hơn đối với các vấn đề nghiên cứu.

*Thứ hai*, hoạt động nghiên cứu khoa học giúp sinh viên tăng cường các kỹ năng bổ trợ cần thiết cho công việc cuộc sống sau này như: kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng quản lý thời gian, làm việc nhóm, các kỹ thuật tin học,... trong đó quan trọng nhất là khả năng tư duy phản biện độc lập, sáng tạo, nhìn các sự vật, sự việc ở nhiều khía cạnh khác nhau để có cách hiểu toàn diện nhất.

*Thứ ba*, khi tham gia nghiên cứu khoa học, sinh viên sẽ tập làm quen với một đề tài nghiên cứu quy mô nhỏ, sẽ được tiếp cận với những vấn đề cụ thể, có ý thức đào sâu suy nghĩ, và tập cách tư duy để tự nghiên cứu giải quyết một vấn đề. Trong quá trình thực hiện đề tài sinh viên sẽ nảy sinh ra nhiều hướng giải quyết khác nhau. Quá trình này sẽ giúp sinh viên rèn luyện tư duy độc lập, biết bảo vệ lập trường khoa học của mình. Một số đề tài khoa học thường do một nhóm từ hai sinh viên trở lên cùng thực hiện do một sinh viên làm trưởng nhóm vì vậy việc cùng thực hiện một đề tài nghiên cứu cũng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm như làm việc theo nhóm với sự chia sẻ ý thức và trách nhiệm, thêm vào đó là kỹ năng tra cứu tư liệu, phương pháp phân tích, tổng hợp.

*Thứ tư*, bên cạnh những kiến thức và kinh nghiệm thu được thông qua việc nghiên cứu khoa học, sinh viên còn được tạo điều kiện trong việc nâng cao kết quả học tập. Mỗi sinh viên tham gia viết bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo hay thực hiện đề tài nghiên cứu sẽ được nhận kinh phí từ nhà trường, cộng thêm điểm rèn luyện. Đây cũng là cách thức giúp các sinh viên hứng thú và đạt được kết quả học tập cao cuối năm học.

*Thứ năm*, trong quá trình hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên sẽ rút kinh nghiệm, tích lũy kiến thức để năm cuối các em viết báo cáo, chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp khi ra trường.

Như vậy, việc nghiên cứu khoa học không những củng cố, nâng cao vốn hiểu biết về kiến thức lý luận, kiến thức xã hội mà còn góp phần rèn luyện những kỹ năng mềm quan trọng dành cho sinh viên. Vậy nên, sinh viên cần phải nhận thức được vai trò thiết thực của hoạt động nghiên cứu khoa học. Từ đó, có ý thức tự giác, nghiêm túc và kiên trì theo đuổi thực hiện thành công đề tài nghiên cứu mà mình đã lựa chọn.

### **3. Thực trạng về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh**

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM nay có tên là Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh (HUIT) với bề dày lịch sử hơn 40 năm xây dựng và phát triển đã định hình tầm nhìn trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu ở Việt Nam vào năm 2035. Bốn giá trị cốt lõi Nhân Văn – Đoàn Kết – Tiên phong – Đổi mới đã là cơ sở cho phát triển nhà trường trở thành cơ sở giáo dục, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp độ, có vị thế trong khu vực và quốc tế, luôn tiên phong trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; Đào tạo nhân lực có đạo đức, tri thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của xã hội; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phát triển dịch vụ; thực hiện trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.

Là một trong những cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp độ Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh đã và luôn khẳng định được vị trí của nhà trường trong các hoạt động giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Để có được thành công đó, trong quá trình phát triển, Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh đã triển khai nhiều hoạt động thực tế, gắn chặt việc đào tạo đi đôi với thực hành cho sinh viên. Trong đó, việc thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo qua hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những điểm nhấn ấn tượng, giúp sinh viên có thể tạo ra những sản phẩm giá trị phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đất nước. Ngay từ năm 2017, cùng với sự dịch chuyển của đất nước và thế giới khi bước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, Ban lãnh đạo trường đã bắt đầu triển khai các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong nhà trường. Mục tiêu nhằm khơi gợi tinh thần khởi nghiệp và khát khao cống hiến trong mỗi em sinh viên, tạo tiền đề cho các em khi bước vào thị trường lao động là những nhân sự chất lượng cao, có chuyên môn tốt, sẵn sàng với sự đổi mới, có khả năng sử dụng các công cụ hiện đại và có kỹ năng cùng thái độ phù hợp để phát triển sự nghiệp và bản thân.

Hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những hoạt động cơ bản của Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh, hoạt động này được trường quan tâm và liên tục có những bước phát triển nhanh.

Từ một cơ sở giáo dục đại học với nguồn lực hạn chế cho hoạt động nghiên cứu khoa học, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của trường còn rất khiêm tốn: số công trình công bố trên tạp chí quốc tế uy tín chỉ đếm trên đầu ngón tay, số người thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chiếm tỉ lệ thấp, các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp không nhiều, kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học rất ít nhưng từ khi trường được coi trói cơ chế hoạt động tự chủ bằng quyết định 901 của Thủ tướng Chính phủ (ngày 23/6/2015), với những chính sách phù hợp, trường đã có những bước phát triển trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học đáng kể. Với chính sách thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, có năng lực nghiên cứu khoa học, trường không chỉ bó hẹp ở các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, giảng viên mà trường còn thu hút một lượng lớn các công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên đang học tập ở trường.

Phát biểu khai mạc Hội nghị Tổng kết hoạt động khoa học công nghệ năm 2019 và định hướng hoạt động khoa học công nghệ năm 2020 - 2021 của trường, PGS.TS Nguyễn Xuân Hoàn - Hiệu trưởng Nhà trường nhấn mạnh. “Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm

TP.HCM nay có tên là Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh (HUIT) luôn xác định khoa học và công nghệ có vai trò hết sức quan trọng cùng với công tác giáo dục và đào tạo đại học. Nghiên cứu khoa học là động lực và giải pháp cho mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Trên cơ sở bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã có sự đầu tư về cơ sở vật chất và cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ nhằm phục vụ công tác đào tạo, phát triển ngành và phục vụ cộng đồng. Cụ thể: Nhà trường đã xây dựng trung tâm thí nghiệm với trang thiết bị hiện đại, thư viện với nguồn tài liệu học tập và nghiên cứu dồi dào... Bên cạnh đó, Nhà trường còn có chính sách thu hút giảng viên trình độ tiến sĩ, khen thưởng các bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus, thành lập các nhóm nghiên cứu, cấp kinh phí cho các giảng viên và sinh viên thực hiện đề tài cấp Trường. Với sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ - giảng viên, sinh viên Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh, trong những năm gần đây, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh đã đạt được những thành tựu quan trọng. Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, gắn liền với đời sống sinh viên đã được giải quyết tốt.

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh hàng năm đã triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp trường. Nhà trường đã rất chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Bằng nhiều hình thức khác nhau như viết tiểu luận, báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, các đề tài nghiên cứu khoa học, trường đã khuyến khích sinh viên tích cực tham gia các cuộc thi liên quan đến nhiều lĩnh vực như: Lĩnh vực Công nghệ thực phẩm - Dinh dưỡng; Lĩnh vực Hóa - Sinh học - Môi trường; Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật; Lĩnh vực Kinh tế - Xã hội...

Năm học 2021-2022, Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh có tổng số 524 công bố khoa học trong đó số lượng bài báo quốc tế uy tín là 161 công bố. Đề tài "Nghiên cứu quy trình sản xuất cơm ăn liền" của nhóm nghiên cứu HUFU đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo trao giải nhất tại Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên 2022 tổ chức vào ngày 9/11/2022 tại Hà Nội. Ngày 26/10/2022, Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh đăng cai tổ chức Vòng bán kết Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ 24 năm 2022 lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm. Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka do Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức, là Giải thưởng cao quý dành cho các công trình nghiên cứu khoa học, sáng tạo của sinh viên. Giải thưởng tạo môi trường giao lưu, học hỏi, bồi dưỡng những ý tưởng sáng tạo, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và mang những kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ có tính ứng dụng cao vào thực tế góp phần xây dựng phát triển đất nước. Kết quả Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh có 04 đề tài xuất sắc lọt vào Vòng chung kết Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học - Euréka lần thứ 24 năm 2022. Ngoài ra, dự án "SYMCOCHA - Dòng sản phẩm trà lên men kombucha từ vỏ hạt cacao, mật hoa dừa và trái cây Việt Nam" là được ký kết chuyển giao, giữa Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Nước ép Phúc Hà. Đây là dự án bởi nhóm sinh viên, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như mật hoa dừa và trái cây, trên cơ sở khai thác phụ phẩm vỏ hạt cacao. Qua đó hướng đến xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn, cỗ vũ lối sống lành mạnh,



xanh, bảo vệ môi trường. Với mục đích phát triển rõ ràng cùng kết quả có tính hỗ trợ cao cho người sử dụng, dự án “SYMCOCHA” của các bạn sinh viên HUIT đã đạt được nhiều thành tựu: TOP 20 chương trình khởi nghiệp quốc gia 2022; Giải 3 và giải bình chọn cuộc thi SV.Startup lần V do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Tiếp nối thành công của Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học năm học 2021 – 2022, năm học 2022 – 2023 cuộc thi được tổ chức với mong muốn lan tỏa tinh thần và thúc đẩy phong trào nghiên cứu sâu rộng, mạnh mẽ nhiều hơn nữa trong sinh viên của Nhà trường; phát huy tinh thần chủ động, năng lực tư duy sáng tạo cũng như tạo điều kiện và môi trường giao lưu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học giữa sinh viên với các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và các doanh nghiệp.

Trong năm học 2022- 2023 trường có 162 đề tài tham gia tăng 2.45 lần so với năm trước, trong đó: lĩnh vực Công nghệ thực phẩm – Dinh dưỡng có 57 đề tài tăng 3.8 lần so với năm trước, lĩnh vực Công nghệ Hóa – Sinh học – Môi trường có 24 đề tài tăng 4 lần so với năm trước, lĩnh vực Khoa học kỹ thuật có 52 đề tài tăng 1.62 lần so với năm trước, lĩnh vực Kinh tế - Xã hội có 29 đề tài tăng 2.23 lần so với năm trước. Ngoài ra, vòng thi chung kết cấp Trường có 447 sinh viên tham gia đến từ 12 đơn vị trong toàn trường, tăng 2.76 lần so với năm trước. Nhiều đề tài đã nhận được sự đánh giá cao từ phía Hội đồng khoa học về tính thời sự, tính sáng tạo và khả năng ứng dụng trong thực tiễn. Một số đề tài đã có công bố khoa học trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Đặc biệt hơn là ngay trong những tháng đầu tiên của năm 2023, Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh đã nhanh chóng triển khai hoạt động ký kết hợp tác, chuyển giao kết quả nghiên cứu giữa nhà trường với doanh nghiệp. Theo đó, đề tài “Nghiên cứu quy trình sản xuất com ăn liền” do 5 nữ sinh viên gồm: Dương Thị Hồng Phượng, Võ Thị Hồng Nhung, Trần Thị Huỳnh Như, Lê Thị Yến Lin, Nguyễn Ngọc Diễm Hằng thực hiện dưới sự hướng dẫn của Thạc sĩ Nguyễn Hoàng Anh đã được lựa chọn để chuyển giao công nghệ giữa HUIT với Công ty TNHH XNK Đại Dương Xanh thuộc Lotus Group.

Bên cạnh những dự án tiêu biểu kể trên, Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh còn ghi nhận nhiều dấu ấn khác trong hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của sinh viên. Đặc biệt, trong giai đoạn 2017 - 2022, nhà trường đã ghi nhận được hơn 700 ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên; tổ chức 3 lần cuộc thi Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp cấp trường với 80 dự án tham gia và hơn 20.000 sinh viên quan tâm; có 10 dự án tham gia 4 cuộc thi khởi nghiệp cấp khu vực, kết quả 1 dự án Top 50, 1 dự án vào Top 25, 1 dự án vào Top 12 chung kết, 1 dự án đạt giải ba. Ngoài ra, có 14 dự án tham gia 3 cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia, kết quả 1 dự án Top 50, 1 dự án Top 20, 1 dự án Top 15, 11 dự án Top 10, 1 dự án giải ba và 1 giải bình chọn...

Mặc dù trong những năm học vừa qua, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả, số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường ngày một tăng, tuy nhiên ngoài những kết quả đạt được tác giả nhận thấy hoạt động này còn nhiều hạn chế, cụ thể là: số lượng sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học chưa đồng, chưa thu hút, lan tỏa sâu rộng ở tất cả sinh viên, tỷ lệ sinh viên quan tâm đến nghiên cứu khoa học còn thấp, nhiều sinh viên mặc dù đã tham gia nghiên cứu khoa học nhưng còn thụ động; nhiều đề tài nghiên cứu có chất lượng không cao, không áp dụng được trong thực tiễn. Việc nghiên cứu khoa học ở sinh viên đang được xem như là một hoạt động phong trào. Chưa có nhiều sinh viên thật sự say mê với hoạt động nghiên cứu khoa học - vốn được coi là một trong những hoạt động chủ chốt của đào tạo

đại học, cũng như số lượng đề tài vẫn còn ít. Vậy đâu là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế này. Tác giả xin đưa ra một vài nguyên nhân cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, tính chủ động của sinh viên trong học tập chưa cao, vẫn còn tư tưởng thụ động. Sinh viên chỉ học bài và ôn bài khi chuẩn bị bước vào các kỳ thi, chỉ "xoay quanh" giảng đường với những bài học trên lớp, chưa chủ động nghiên cứu, tìm tòi cơ hội được học tập, nâng cao kiến thức thực tiễn. Một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay thiếu sự đam mê học tập, chưa có mục tiêu phấn đấu rõ ràng và không có kế hoạch cụ thể.

*Thứ hai*, với hình thức học tín chỉ một bộ phận sinh viên tỏ ra bị động và không hiểu rõ định hướng học tập và rèn luyện trong những năm học đại học. Có người không tìm hiểu kỹ việc học những khối kiến thức, những môn học trong khung chương trình đào tạo để làm gì và có ý nghĩa như thế nào trong việc xây dựng một hệ thống khối kiến thức tổng quan hoàn chỉnh cho sinh viên. Từ đó, nhiều bạn không thể xây dựng được kế hoạch học tập một cách cụ thể và có tính khoa học cao. Thực tế cho thấy, cứ đến giai đoạn đăng ký môn học, nhiều sinh viên chỉ biết đăng ký theo kiểu "bạn bè rủ nhau", dẫn đến trường hợp hệ thống các môn học chưa hoàn toàn phù hợp bản thân, khó có thể học tập đạt kết quả tốt.

*Thứ ba*, sinh viên thường khó khăn trong việc chọn đề tài, phương pháp nghiên cứu, tìm kiếm và xử lý số liệu. Nghiên cứu khoa học là một hoạt động đặc biệt - đó là công việc tìm kiếm và khám phá những điều chưa biết, kết quả tìm kiếm ra sao cũng không thể dự đoán chính xác được. Hơn nữa, việc nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thực chất chỉ là tập phương pháp nghiên cứu, giúp sinh viên hiểu rõ một quy trình nghiên cứu. Rất nhiều sinh viên thiếu kiến thức, kinh nghiệm thực tế chưa có, do vậy các em không biết bắt đầu từ đâu, mục đích nghiên cứu để làm gì và sử dụng công cụ/phương pháp nghiên cứu nào có hiệu quả nhất... Thậm chí, có một số em thu thập được thông tin nhưng do không rành về tin học hay các phần mềm chuyên ngành, nên cũng không thể xử lý, phân tích được các thông tin đó.

*Thứ tư*, mối quan hệ giữa sinh viên và giảng viên - người hướng dẫn khoa học chưa chặt chẽ. Nhiều sinh viên không thường xuyên tham khảo, tiếp thu ý kiến của người hướng dẫn khoa học, ngược lại một số cán bộ, giảng viên khi được phân công hướng dẫn sinh viên làm đề tài khoa học lại thiếu quan tâm hướng dẫn tận tình, sâu sát. Vì vậy nhiều đề tài không bám sát mục tiêu, đối tượng trong quá trình nghiên cứu, những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình nghiên cứu không được thoát gỡ kịp thời.

*Thứ năm*, sinh viên gặp khó khăn trong vấn đề tài chính. Vấn đề tài chính luôn là "bài toán nan giải" đối với việc nghiên cứu khoa học. Thực tế cho thấy, có rất nhiều chi phí liên quan đến việc tìm kiếm tài liệu, mua nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ chạy thử, in ấn, điều tra khảo sát, đi lại, liên lạc,... nhưng kinh phí được khoa và Nhà trường duyệt cấp thường là rất chậm và ít. Việc kết nối nghiên cứu khoa học của sinh viên với nhu cầu của doanh nghiệp hầu như không làm được, do đó ngoài việc công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên không đến được với doanh nghiệp, mà chính sinh viên còn mất đi một nguồn đầu tư lớn cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhìn chung, trong những năm gần đây, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Công Thương Tp. Hồ Chí Minh đã đạt được những thành tựu quan trọng. Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, gắn liền với đời sống sinh viên đã được giải quyết tốt.

#### **4. Các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học ở sinh viên Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.**

Từ thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học ở sinh viên của trường như sau:

*Thứ nhất*, bản thân sinh viên cần nhận thức sâu sắc hơn nữa vị trí, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học. Bởi vì, việc nghiên cứu khoa học sẽ mang lại nhiều lợi ích hữu hiệu cho các em. Chính vì vậy, các em cần xác định rõ việc học tập - thành tích - kiến thức phải gắn liền với công tác nghiên cứu khoa học. Phải luôn tìm tòi nghiên cứu, đọc các tài liệu liên quan đến lĩnh vực yêu thích hoặc tham dự một buổi hội thảo nghiên cứu hay một loạt chuyên đề. Cố gắng là một người đọc, một người nghe chủ động bằng cách phân tích và tìm hiểu sâu hơn những vấn đề được đề cập. Tự đặt câu hỏi cho mình và xem xét câu hỏi nào chưa có đáp án, bạn có thể bắt đầu đi tìm câu trả lời cho câu hỏi đó. Xuất phát điểm của chúng ta có thể nhẹ nhàng như những bài tiểu luận, những bài tập nhóm thầy cô giao cho chúng ta, đó cũng là nghiên cứu khoa học. Các bạn làm tốt thì dần dần các bạn sẽ có những kỹ năng tốt. Nghiên cứu các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí hay các nguồn dữ liệu trực tuyến. Bằng cách xem qua tên đề tài mà các tác giả khác đã viết hay danh mục các tài liệu tham khảo liên quan, bạn có thể xác định được vấn đề được quan tâm. Bắt đầu tìm hiểu về vấn đề, bạn sẽ tích góp được một lượng kiến thức đủ để bắt đầu bài nghiên cứu cho riêng.

Mỗi sinh viên cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc lên kế hoạch học tập và nghiên cứu, xác định mục tiêu rõ ràng, tìm hiểu và lựa chọn cho mình một phương pháp học tập, nghiên cứu hiệu quả, phù hợp. Nâng cao khả năng tự học, ngoài thời gian nghe giảng trên lớp thì sinh viên cần tăng cường việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, ở thư viện để mở rộng và đào sâu tri thức, trong đó kỹ năng tự đọc tài liệu rất quan trọng.

*Thứ hai*, nhà trường cần tăng cường nâng cao nhận thức cho sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học tạo tiền đề để sinh viên hứng thú với công việc nghiên cứu khoa học. Nhà trường có thể tạo ra các phong trào nghiên cứu khoa học cho sinh viên bằng cách tổ chức nhiều cuộc thi, sân chơi trí tuệ nhằm thu hút sinh viên tham gia, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức. Xây dựng câu lạc bộ học thuật dành cho sinh viên. Phối hợp với các giảng viên, khoa - trường hướng dẫn sinh viên trong hoạt động nghiên cứu. Tổ chức nhiều buổi sinh hoạt học thuật về phương pháp nghiên cứu để sinh viên hiểu rõ hơn về cách thức làm một bài nghiên cứu - tổ chức các cuộc thi với nhiều phần thưởng hấp dẫn thu hút sinh viên tham gia như tặng điểm rèn luyện, giấy khen thưởng, quà khi đạt kết quả. Bên cạnh đó cũng sẽ có các giảng viên hướng dẫn trong quá trình làm bài nghiên cứu để cho sinh viên thấy rõ lỗi sai của mình và tính hiệu quả của bài nghiên cứu. Từ đó sinh viên sẽ hứng thú hơn đối với việc nghiên cứu vì cảm thấy công trình của bản thân có hiệu quả.

Nhà trường phải luôn là cầu nối giữa sinh viên và giảng viên – người hướng dẫn khoa học gặp gỡ thảo luận về những đề tài nghiên cứu sau đó lập ra một đội, nhóm phù hợp và từ đó thảo luận, tìm ra được một đề tài phù hợp đảm bảo tính vừa sức, ít tốn kém về tài chính, thời gian đi lại trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó cần có sự giám sát và đưa ra lời khuyên của khoa sẽ giúp các sinh viên tự thực hiện được một công trình nghiên cứu hiệu quả hơn.

*Thứ ba*, nhà trường cần tạo động lực cho sinh viên nghiên cứu khoa học. Vì chỉ có động lực nghiên cứu mới tạo ra năng lượng và sự hào hứng, đam mê nghiên cứu, thúc đẩy

sinh viên tự nguyện dấn thân vào hoạt động nghiên cứu khoa học, đủ sức vượt qua nhiều khó khăn vất vả, chấp nhận hy sinh những nhu cầu khác để dành thời gian và công sức cho nghiên cứu khoa học. Nhà trường cần đề ra những chính sách, cơ chế phù hợp, có chính sách tạo nhiều nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học thoả đáng, tăng kinh phí nghiên cứu khoa học; cải tiến chính sách động viên và khen thưởng, nâng cao mức thưởng cho các bài báo khoa học quốc tế nhằm tăng cường tạo động lực cho sinh viên nghiên cứu khoa học; khuyến khích sinh viên đạt kết quả tốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học...

*Thứ tư*, Nhà trường cần cải tiến và duy trì môi trường nghiên cứu tốt, cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học, nâng cấp phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học.

## **5. Kết luận**

Như vậy, nghiên cứu khoa học là hoạt động trí tuệ đặc biệt của con người, mang tính đặc thù, phức tạp, có nhiều khó khăn và thách thức, đòi hỏi trình độ tư duy khoa học và sáng tạo cao, cần có đủ động lực nghiên cứu để khơi dậy tiềm năng nghiên cứu và đánh thức năng lực nghiên cứu, nhằm tìm lời giải và tri thức mới cho các vấn đề đang đặt ra. Vì vậy, việc kích thích và phát huy hiệu quả năng lực nghiên cứu, tính năng động, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học của sinh viên là rất cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu khoa học có ý nghĩa to lớn, giúp sinh viên tiếp nhận cách học mới, hình thành phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tập làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học căn bản. Để mang lại được luồng gió mới trong nghiên cứu khoa học đối với sinh viên, đòi hỏi nhà trường và sinh viên cần có những bước đột phá mới, phải trang bị kiến thức về nghiên cứu khoa học và tạo môi trường nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngay từ những năm đầu của chương trình đại học. Với phương pháp tiếp cận mới đòi hỏi phải có sự đồng thuận và hỗ trợ từ nhiều phía, trong đó nhà trường đóng vai trò đầu tàu, định hướng cho sự thành công của cả quá trình đào tạo.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học công nghệ năm 2019 và định hướng hoạt động khoa học công nghệ năm 2020, 2021 của trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đăng Bình - Nguyễn Văn Dự (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Nguyễn Quang Giao (2008), *Các biện pháp tăng cường quản lý công tác nghiên cứu khoa học nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên*. Đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số B2006-ĐN05-08.
- Phùng Văn Hiền (2017), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học*. Tạp chí Lí luận chính trị, số 3-2017, tr 68-72
- Nguyễn Văn Tuấn (2005), *Đi vào nghiên cứu khoa học*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh

# **HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

TS. Hồ Văn Tường

Giảng viên thỉnh giảng Trường đại học Công Nghiệp TP.HCM

\*Tác giả liên hệ: vosuhotuong56@gmailcom

---

## **THÔNG TIN**

## **TÓM TẮT**

*Từ khóa:* Nghiên cứu khoa học, Sinh viên, Đại học, Cao đẳng

Nghiên cứu khoa học và học tập là hai nhiệm vụ chính của sinh viên ở các trường đại học và cao đẳng. Nghiên cứu khoa học chính là kết quả của quá trình học tập, do sinh viên thực hiện dưới sự chỉ bảo của giảng viên hướng dẫn. Trong thực tế, nghiên cứu khoa học không diễn ra đại trà và cũng không diễn ra thường xuyên như học tập, chỉ diễn ra đối với từng cá nhân sinh viên hay từng nhóm sinh viên, cho nên đã triển khai với nhiều khó khăn hơn là thuận lợi. Tuy nhiên, thực hiện hoàn tất công trình nghiên cứu khoa học thì các sinh viên như đã nắm trong tay tấm hộ chiếu để bước vào tương lai một cách vững chắc bởi đã trang bị được tinh thần nghiên cứu khoa học phù hợp với thời đại của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

---

### **1. Đặt vấn đề**

“Nghiên cứu khoa học là sự tìm hiểu khám phá những thuộc tính bản chất nhất của sự vật hoặc hiện tượng, phát hiện quy luật vận động của chúng, đồng thời vận dụng những quy luật ấy để sáng tạo các giải pháp cải tạo thế giới khách quan” (Vũ Cao Đàm, 1995). Từ đó, chúng ta có thể thấy rằng nghiên cứu khoa học của các sinh viên thực hiện trong các trường cao đẳng, đại học là một hoạt động thiết thực và hữu ích cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giúp sinh viên tiếp cận làm quen và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học; góp phần rèn luyện tư duy khoa học, khả năng phản biện, xây dựng tinh thần hợp tác giúp đỡ nhau trong nghiên cứu khoa học.

### **2. Mục đích nghiên cứu khoa học**

Theo “Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng” được ban hành kèm theo quyết định số 08/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành, chỉ rõ nghiên cứu khoa học của sinh viên nhằm ba mục đích: góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học; giải quyết một số vấn đề khoa học và thực tiễn. Tham luận này chỉ đề cập đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thể hiện qua những đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp khoa, trường...

Trên hành trình chinh phục tri thức, nghiên cứu khoa học có ý nghĩa quan trọng đối với sinh viên. Khi tiến hành thực hiện nghiên cứu khoa học, sinh viên sẽ có điều kiện để tiếp

cận với các đề tài ở quy mô nhỏ, cùng với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên sẽ bắt đầu định hình được cách thức, quy trình để thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học chất lượng, hiệu quả. Hoạt động nghiên cứu khoa học giúp sinh viên vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp nghiên cứu và thông tin khoa học vào thực tiễn cuộc sống. Nhờ vậy, sinh viên có khả năng đào sâu kiến thức, mở rộng và nâng cao vốn hiểu biết cũng như rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, từ đó góp phần giải quyết những vấn đề khoa học đang được đặt ra. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khoa học sẽ tạo nền tảng vững chắc để sinh viên có cơ hội được tiếp cận với khoa học và con đường học thuật chuyên nghiệp, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Cách nay hơn 2500 năm, Khổng Tử đã từng cho rằng: “Ngã thính đáo, ngã vong ký; ngã khán đáo, ngã ký đắc; ngã luyện tập, ngã lĩnh hội” 我听到我忘记我看到我记得我练习我领会, mà người ta đã dịch sang tiếng Anh là: “I hear and I forget. I see and I remember. I do and I understand”, tạm dịch: “tôi nghe, tôi quên; tôi thấy, tôi nhớ; tôi làm và tôi hiểu”. Công việc nghiên cứu khoa học ngày nay dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng chính là “ngã luyện tập, ngã lĩnh hội” 我练习我领会 I do and I understand” mà Khổng Tử đã khẳng định vậy !

### **3. Lợi ích nghiên cứu khoa học:**

Lợi ích đầu tiên là khuyến khích được sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, lợi ích thứ hai là tạo ra một phong trào sôi động từ những sinh viên trẻ và từ đó làm cho trường đại học có sinh khí nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu khoa học sẽ giúp sinh viên rèn luyện tư duy độc lập, biết bảo vệ lập trường khoa học của mình.

Một số đề tài khoa học thường do một nhóm từ hai sinh viên trở lên cùng thực hiện do một sinh viên làm trưởng nhóm vì vậy việc cùng thực hiện một đề tài nghiên cứu cũng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm, như: làm việc theo nhóm với sự chia sẻ ý thức và trách nhiệm, thêm vào đó là kỹ năng tra cứu tư liệu, phương pháp phân tích, tổng hợp.

Bên cạnh đó, việc thực hiện và bảo vệ một đề tài nghiên cứu khoa học sẽ rèn giũa cho sinh viên kỹ năng diễn đạt, trình bày một vấn đề, kỹ năng thuyết trình, tập cho sinh viên phong thái tự tin khi bảo vệ trước một hội đồng khoa học. Đây cũng là trải nghiệm rất quý báu và thú vị mà không phải bất kỳ sinh viên nào cũng có được trong quãng đời sinh viên của mình.

Ngoài những kiến thức và kinh nghiệm thu được thông qua việc nghiên cứu khoa học, sinh viên còn được tạo điều kiện trong việc nâng cao kết quả học tập. Mỗi sinh viên tham gia viết bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo hay thực hiện đề tài nghiên cứu sẽ được cộng thêm điểm rèn luyện. Đây cũng là cách thức giúp các sinh viên đạt được kết quả học tập cao cuối năm học.

Một lợi ích khó đong đếm mà việc thực hiện đề tài nghiên cứu mang lại cho sinh viên là việc gây dựng các mối quan hệ xã hội. Cụ thể là quá trình tiếp cận với các giảng viên hướng dẫn sẽ thúc đẩy sự gắn bó hơn trong quan hệ của sinh viên với các giảng viên. Sau quá trình cộng tác sinh viên sẽ học hỏi được rất nhiều từ các giảng viên kiến thức cũng như những kinh nghiệm thực tế.

Tóm lại, việc nghiên cứu khoa học trong sinh viên có bốn kết quả to lớn: nâng cao và củng cố kiến thức, đào sâu suy nghĩ; phát triển và rèn luyện kỹ năng mềm; có cơ hội nhận điểm thưởng từ Khoa và Nhà trường; và tạo dựng mối quan hệ xã hội.

#### **4. Thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học**

Tuy nghiên cứu khoa học mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, cũng như cho giảng viên hướng dẫn và cho nhà trường đại học, cao đẳng, nhưng trong quá trình triển khai hoạt động này thời gian qua không chỉ gặp nhiều thuận lợi mà còn vướng phải không ít khó khăn.

##### *4.1. Thuận lợi*

###### *4.1.1. Sức trẻ trong nghiên cứu của sinh viên*

Trong dòng chảy hiện đại, con người và đặc biệt là giới trẻ, ngày càng có nhiều cơ hội để tiếp cận, kết nối và trải nghiệm nhờ sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin. Thế nên, là những công dân toàn cầu, sinh viên rất linh hoạt, nhạy bén trong việc nắm bắt và phát hiện các nhu cầu của xã hội. Ngoài ra, nhờ được tiếp xúc và trao đổi với nhiều nguồn thông tin khác nhau, sinh viên có góc nhìn đa chiều, bao quát và thú vị về những vấn đề khoa học đáng quan tâm. Điều này được thể hiện rõ nét qua các đề tài nghiên cứu đầy mới mẻ, sáng tạo, có tính thời sự và khả năng ứng dụng cao trong thời gian gần đây. Với niềm đam mê khoa học cùng tinh thần ham học hỏi, thích tìm tòi và khám phá cái mới, có thể nói, sinh viên đang tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng tích cực, cởi mở và chủ động hơn.

Đội ngũ giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đang từng bước được cải thiện về số lượng lẫn chất lượng. Tất cả giảng viên đều tốt nghiệp Thạc sĩ trở lên, được trang bị các kiến thức khoa học và có kinh nghiệm thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế. Thế nên, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn cùng kỹ năng nghiệp vụ đều được đảm bảo để có thể hỗ trợ sinh viên một cách tốt nhất. Bên cạnh nghiên cứu, giảng viên còn là những người làm giáo dục nên có xu hướng thấu hiểu tâm lý và thân thiết, gần gũi với sinh viên, rất nhiệt tình, năng động trong việc hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu.

Trong thời đại 4.0, ngoài sách vở truyền thống, sinh viên tìm kiếm tài liệu ngày càng dễ dàng và nhanh chóng hơn với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại cùng các nguồn học liệu mở trên internet. Không những thế, nhờ được đầu tư ngoại ngữ từ sớm nên sinh viên có khả năng chọn lọc và khai thác các nguồn tài liệu tiếng Việt lẫn tiếng nước ngoài. Điều này tạo ra những thuận lợi đáng kể trong việc tiếp cận một số hướng nghiên cứu mới, giúp sinh viên xác định và làm chủ thông tin trong quá trình nghiên cứu khoa học.

Sự quan tâm, chỉ đạo cũng như động viên, khuyến khích từ phía nhà trường là một trong những nguồn động lực to lớn giúp sinh viên hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu của mình. Các chính sách chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cho thấy sự quan tâm đặc biệt của nhà trường trong việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cũng như tầm nhìn và triết lý giáo dục toàn diện, khai phóng của đội ngũ giảng viên. Bởi lẽ, hoạt động nghiên cứu khoa học sẽ “hiện thực hóa” lý thuyết, gắn lý luận với thực tiễn, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo mà sinh viên đóng vai trò trung tâm, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học, cải thiện chất lượng đào tạo trong nhà trường và đáp ứng được những nhu cầu của nền giáo dục hiện đại.

Hơn nữa, nghiên cứu khoa học trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng là một chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, lại được Trung Ương Đoàn và Thành Đoàn tổ chức giải thưởng cho nên rất thuận lợi.

### *3.1.2. Lực lượng giảng viên hùng hậu luôn sẵn sàng hướng dẫn sinh viên*

Tất cả giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng đều có bằng Thạc sĩ trở lên, cho nên phương pháp nghiên cứu khoa học đều đã trải qua. Cho nên việc hướng dẫn cho sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học vô cùng thuận lợi. Tinh nghĩa thầy trò và tinh thần trách nhiệm của các giảng viên hướng dẫn chắc chắn sẽ giúp cho sinh viên thực hiện công trình nghiên cứu vừa nghiêm túc, lại vừa đạt hiệu quả cao. Qua các công trình nghiên cứu khoa học này, sinh viên như được “tập dượt” những công việc tương lai của bản thân khi ra trường có thể tiếp cận ngay, không phải trải qua quá trình “đào tạo lại” vừa gây hao tổn kinh phí cho đơn vị bố trí việc làm, vừa tạo nên sự hụt hẫng trong sinh viên sau ba, bốn năm học tập !

### *3.1.3. Sức trẻ của sinh viên*

Sinh viên ngày nay mang trong mình sức trẻ của thời đại mới, luôn tìm kiếm hướng đi cho mình một cách tích cực, không ngại thể hiện ý tưởng mới của mình. Đây là một đặc điểm rất cần thiết cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Sự sáng tạo giúp mở ra các hướng nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu mới. Tính năng động tạo điều kiện cho người nghiên cứu chủ động tìm tòi, học hỏi, và sự tự tin giúp họ đứng vững với lập trường của mình. Đây là những tố chất cần có ở một nhà nghiên cứu chân chính.

Bước vào ngưỡng cửa đại học, thời gian lên lớp của sinh viên đa số các ngành, nhất là các ngành xã hội, kinh tế, không nhiều như khi học phổ thông. Nhiều trường đại học hiện nay đã chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Cách thức này giúp sinh viên chủ động hơn trong việc bố trí lịch học của mình sao cho thuận tiện nhất. Vì vậy, sinh viên ngày nay xem ra có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn so với thời học phổ thông. Trong khi đó, thời gian là một yếu tố quan trọng làm nên một công trình nghiên cứu khoa học khả thi. Điều đó cho thấy sinh viên có khả năng hoàn thành tốt bài nghiên cứu của mình nếu các bạn biết tận dụng tối đa thời gian của mình.

## **3.2. Khó khăn**

### *3.2.1. Sinh viên gặp nhiều rào cản để tạo tính khoa học cho công trình nghiên cứu*

a) Đây là khâu cực kỳ quan trọng và đóng vai trò then chốt. Trước hết là việc lựa chọn đúng đề tài nghiên cứu sẽ là kim chỉ nam cho mọi công đoạn về sau, giúp sinh viên xác định chính xác vấn đề mà mình quan tâm và có hướng nghiên cứu đúng đắn, phù hợp. Tuy nhiên, lựa chọn được một đề tài hay, sáng tạo, khả thi, có ý nghĩa lý luận lẫn thực tiễn và phù hợp với năng lực của sinh viên là một điều không hề dễ dàng.

Khi bắt tay thực hiện đề tài, sinh viên thường gặp phải ba trường hợp: một là sinh viên không biết nên làm về vấn đề nào nên thường đưa ra những lựa chọn cảm tính: theo định hướng của giảng viên hướng dẫn hoặc theo ngân hàng đề tài của nhà trường gợi ý. Đây là một sự lựa chọn thiếu chắc chắn, vốn không phải thế mạnh và sở thích của sinh viên; hai là sinh viên ôm đồm quá nhiều, thứ gì cũng muốn làm nên dẫn tới tình trạng lựa chọn đề tài quá phức tạp và lan man, vượt quá khả năng của bản thân; ba là sinh viên tìm được đề tài trong quá



trình học tập, tuy nhiên đó lại là những kiến thức sách vở vốn tương đối ổn định và quen thuộc, thậm chí nhiều thông tin đã không còn phù hợp với bối cảnh hiện tại nên khó đảm bảo được tính mới và khả năng ứng dụng của đề tài.

Chúng tôi đã từng hướng dẫn cho một sinh viên gốc Hoa làm đề tài nghiên cứu khoa học. Sự thành công trong kinh doanh của dân tộc Hoa đã khiến cho sinh viên chọn đề tài về "kinh doanh của người Hoa trên toàn thế giới". Chúng tôi phân tích cho bạn sinh viên biết rằng đây là một đề tài khoa học cho nên phải có số liệu chính xác để minh họa mới mang tính thuyết phục, cho nên với đề tài của bạn chọn phải đi chuyển khắp năm châu để lấy số liệu thực tế. Nghe vậy, bạn sinh viên đủ thu nhỏ phạm vi đề tài lại là "kinh doanh người Hoa ở châu Á". Chúng tôi tiếp tục phân tích để cho bạn sinh viên thấy rằng châu Á rất rộng lớn, liệu bạn ấy có đủ khả năng tài chính và đủ quỹ thời gian để đáp ứng những chuyến đi đến tất cả quốc gia ở châu Á không? Bạn sinh viên hơi cau mày suy nghĩ và đổi ngay đề tài lại là "kinh doanh người Hoa ở Đông Nam Á". Một lần nữa, chúng tôi phân tích giá vé máy bay, chi phí khách sạn, nhà hàng, cho phí đi lại và tiêu dùng ở 10 quốc gia Đông Nam Á liệu rằng bạn có đủ thời gian và đủ kinh phí để phục vụ cho công trình nghiên cứu khoa học không? Cuối cùng, bạn sinh viên đã "xuống nước" khá nhanh để chọn đề tài "kinh doanh của người Hoa ở khu vực Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh" !

b) Việc tìm kiếm và xử lý tài liệu là điều mà hầu hết sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đều gặp phải không ít khó khăn. Sinh viên tìm kiếm tài liệu bằng nhiều phương thức khác nhau như internet, giáo trình trên thư viện, tài liệu giảng viên cung cấp hoặc số liệu từ các điều tra thực tế. Song, không phải ai cũng biết cách quản lý và sử dụng tài liệu hiệu quả. Thực tế chỉ ra rằng sinh viên thường thiếu chọn lọc trong việc tìm kiếm tài liệu. Trong khi đó, các tài liệu chuyên ngành có liên quan và thực sự cần thiết lại khó tiếp cận với nhiều lý do khác nhau như vấn đề bản quyền, giá cả tốn kém hoặc hạn chế về ngôn ngữ. Vì thế, sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tài liệu chất lượng.

Trong trường hợp tìm kiếm được nguồn tài liệu phù hợp thì việc xử lý những tài liệu đó cũng gặp phải nhiều vấn đề. Sự khác biệt về quan điểm, chênh lệch về số liệu từ các nguồn khác nhau sẽ khiến sinh viên bối rối trong quá trình xử lý. Thêm nữa, đối với những đề tài cần khảo sát thực tế hoặc điều tra điền dã, sinh viên chưa có đủ kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng trong việc tổng hợp, xử lý và phân tích thông tin. Do đó, ý nghĩa của các con số, hình ảnh hay biểu đồ sẽ không được khai thác chính xác và hiệu quả.

c) Nghiên cứu khoa học là một hoạt động trí tuệ cao, người nghiên cứu cần có tố chất và năng lực nghiên cứu. Nó đòi hỏi tư duy phản biện, khả năng lập luận chặt chẽ, hệ thống lý luận vững chắc và số liệu thống kê chính xác. Bởi lẽ đó, làm quen và diễn đạt ngôn ngữ theo văn phong khoa học sẽ là một thách thức lớn đối với sinh viên khi phần lớn đều đã quen thuộc với phong cách ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày, thiếu vốn từ chuyên ngành và không có nhiều kiến thức lẫn kinh nghiệm trong nghiên cứu. Vì vậy, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên vẫn còn mắc lỗi chính tả, dùng sai từ, hành văn lủng củng hoặc lập luận thiếu logic, dẫn tới việc đề tài nghiên cứu không được đánh giá cao bởi hội đồng khoa học.

Tiếp theo là trình bày khoa học là một trong những yếu tố quyết định tính thuyết phục của đề tài. Dĩ nhiên, trình bày theo đúng quy định và quy cách không phải đơn giản và điều này sẽ tốn một thời gian nhất định. Đơn cử, việc trình bày bìa, tài liệu tham khảo, các chữ viết tắt, phụ lục hay danh mục hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ,... đều phải tuân theo quy chuẩn của

văn bản hướng dẫn. Thế nên, sinh viên sẽ vấp phải những khó khăn nhất định. Các lỗi kỹ thuật trong khi trình bày đề tài như lỗi phong chữ, hình vỡ nét, sai biểu đồ,... cũng khiến đề tài không được hoàn thiện.

Chẳng hạn như trường hợp nhiều sinh viên tuy đã được tham gia học phần “Nghiên cứu khoa học” do giảng viên có kinh nghiệm trình bày, nhưng do nhiều yếu tố đã khiến cho không ít sinh viên đã thực hiện phần “Tài liệu tham khảo” ở cuối công trình nghiên cứu không đúng với quy cách: tên tác giả không ghi theo thứ tự A, B, C; thiếu nhiều thông tin cần thiết như ngày tháng năm công bố tác phẩm đối với các bài đăng trên các website... Việc này tuy nhỏ, nhưng dễ bị đánh giá ... thiếu tính khoa học !

Ngoài trình bày trên văn bản, không thể không nói đến việc trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng khoa học. Trình bày không chỉ dừng lại ở việc báo cáo kết quả mà còn là cơ hội để sinh viên làm rõ nghiên cứu của mình trước các chuyên gia, từ đó nhận được những đóng góp, nhận xét hữu ích để hoàn thiện đề tài nghiên cứu của mình.

Song, không phải sinh viên nào cũng rèn luyện được kỹ năng trình bày trước đám đông. Khó khăn mà sinh viên thường gặp phải khi trình bày chính là giọng nói. Giọng địa phương khiến nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc truyền đạt và trao đổi với thầy cô. Số khác lại nói nhỏ, nói nhanh hoặc nói vấp vì tâm lý căng thẳng. Thiếu phong thái tự tin và đánh mất sự bình tĩnh, tâm thế chủ động cũng là nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên quá tập trung vào trang trình chiếu mà quên mất sự tương tác qua lại giữa hai bên, khiến bài trình bày trở nên thiếu thuyết phục và hấp dẫn.

Một vấn đề cần quan tâm nữa, đó chính là việc trả lời câu hỏi từ hội đồng khoa học. Trong nghiên cứu khoa học, bất đồng quan điểm là điều bình thường, không có đúng - sai hoàn toàn. Vì vậy, việc phản biện và dũng cảm thể hiện quan điểm cá nhân là tốt, tuy nhiên nên có chừng mực và giới hạn nhất định. Trong một số trường hợp, nhiều sinh viên khá hiếu thắng, mong muốn chứng tỏ “cái tôi” nên dễ sa vào cuộc tranh luận hơn thua, “bật” lại mọi ý kiến của hội đồng - một điều mà giới khoa học không đề cao.

### *3.2.2. Nguồn tài chính hỗ trợ*

Bên cạnh những yếu tố chủ quan, khó khăn về mặt khách quan cũng là một bài toán nan giải đối với sinh viên, đặc biệt là nguồn tài chính hỗ trợ. Hiện nay, kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chưa nhận được sự quan tâm đúng mức và kịp thời. Sự hỗ trợ từ nhà trường nhìn chung chỉ mang tính chất động viên, khuyến khích, chỉ được nhận sau khi sản phẩm đã hoàn thành, bên cạnh đó việc hỗ trợ từ phía doanh nghiệp cũng gần như bị bỏ ngỏ. Trong quá trình thực hiện đề tài, sinh viên thường phải tự bỏ tiền túi để chi trả các khoản tiền (di chuyển, in ấn, mua dữ liệu, điều tra khảo sát,...) - đây là một khó khăn đối với nhiều bạn trẻ chưa thể tự chủ tài chính. Kinh phí eo hẹp cũng là một trong những nguyên nhân khiến chất lượng và khả năng ứng dụng của đề tài bị hạn chế. Do đó, sinh viên không có đủ điều kiện và cơ hội để thể hiện năng lực nghiên cứu cũng như tận dụng, khai thác hiệu quả các ý tưởng khoa học.

Đó là chưa kể đến một số trường đại học và trường cao đẳng gần như “bỏ qua” công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên, với lý do là không đủ quỹ thời gian của nhà trường và quỹ thời gian của sinh viên vì phải dạy và học cho đủ số lượng tín chỉ đã được duyệt !

### *3.2.3. Quỹ thời gian dành cho nghiên cứu khoa học chưa được phân bổ hợp lý*

Trong thực tế, ở bậc đại, cao đẳng tuy không còn phải học cả ngày đêm như thời phổ thông, nhưng sinh viên thường có thời gian biểu dày đặc: lịch học trên lớp, công việc làm thêm, hoạt động ngoại khóa hoặc các lớp luyện thi để lấy chứng chỉ..., chưa kể đến việc gặp bạn bè, chơi games... Trong khi đó, nghiên cứu khoa học lại đòi hỏi thời gian và công sức khá nhiều. Chính vì thời gian eo hẹp nên sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc sắp xếp thời gian để thực hiện đề tài, tập hợp các thành viên cùng thảo luận hay hẹn lịch phỏng vấn với chuyên gia. Quá tải công việc, không thể cân bằng cuộc sống khiến nhiều sinh viên cảm thấy "ngộp thở" và luôn trong trạng thái căng thẳng, mệt mỏi. Có trường hợp sinh viên làm nhiều việc cùng lúc để tiết kiệm thời gian nhưng thực chất lại không đem lại hiệu quả, kéo theo đó là kết quả học tập sụt giảm và sự trì hoãn trong tiến độ nghiên cứu.

## **4. Một số giải pháp**

### *4.1. Nâng cao nhận thức của sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học*

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, trước hết phải nâng cao nhận thức cho sinh viên về vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên. Đây là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng nhằm tạo ra những chuyển biến quan trọng trong nhận thức của sinh viên về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong trường đại học. Do đó, trong quá trình đào tạo, cần thống nhất tính chất và nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học, đó là hoạt động có phạm vi, nội dung rộng, thâm nhập và có quan hệ chặt chẽ với các hoạt động khác trong nhà trường, đặc biệt được đặt ngang tầm với hoạt động học tập, rèn luyện, giáo dục, đào tạo.

### *4.2. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên*

Hoạt động nghiên cứu khoa học đòi hỏi những kiến thức và kỹ năng, để đẩy mạnh hoạt động này nhất thiết phải bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng cho sinh viên, trong đó chú trọng nâng cao trình độ vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học; kỹ năng phân tích, đánh giá một công trình, đề tài nghiên cứu khoa học, áp dụng những kết quả nghiên cứu vào trong thực tiễn.

Để thực hiện được việc này, nhà trường và các khoa đào tạo cần phải quan tâm:

Một là, cần rà soát, đánh giá đúng thực trạng kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên, xác định điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động này để có biện pháp phù hợp.

Hai là, các khoa, bộ môn chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học (kiến thức, kỹ năng) cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường.

Ba là, tổ chức các hoạt động để sinh viên có cơ hội trải nghiệm sáng tạo, rèn luyện và khẳng định năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân dưới các hình thức phong phú như: thông qua sinh hoạt khoa học ở khoa và bộ môn; tổ chức tọa đàm, trao đổi học thuật, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học; giao nhiệm vụ có phân công giúp đỡ, kiểm tra, giám sát: Các bài tập lớn trong khi học chuyên ngành; tham gia làm đề tài trong nhóm sinh viên (hoặc cùng các giảng viên); khuyến khích sinh viên tham gia viết bài cho Kỷ yếu Hội thảo, Tạp chí khoa học; tham gia Hội thảo, Hội nghị nghiên cứu khoa học (trình bày báo cáo); nhận xét, đánh giá kết quả nghiên cứu trong nhóm nghiên cứu.

Bốn là, tổ chức đánh giá, tổng kết kinh nghiệm định kỳ, hằng năm... có những khen thưởng kịp thời cho những sinh viên thực hiện tốt.

#### *4.3. Gắn chặt hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động học tập, tự học, tự nghiên cứu học của sinh viên*

Học tập và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ cơ bản của sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng. Hai hoạt động này không thể tách rời với nhau. Còn học tập, còn phải nghiên cứu; học tập và nghiên cứu vừa là kết quả vừa là điều kiện để giúp nhau cùng phát triển. Trong quá trình đào tạo nếu đưa yếu tố học tập của sinh viên thâm nhập sâu vào hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên sẽ trực tiếp góp phần làm cho tư duy lý luận và năng lực nghiên cứu khoa học của họ phát triển, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường (Bùi Ngọc Hoàng, 2015: 116).

Bên cạnh đó, để hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học có hiệu quả sinh viên phải phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm mở mang kiến thức, cập nhật thông tin, khai thác thông tin, hình thành ý tưởng mới.

Muốn vậy, cần hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch tự học, đồng thời phải tăng cường kiểm tra quá trình tự học và kết quả tự học của sinh viên. Để tiến hành nghiên cứu khoa học, sinh viên cũng cần phải được rèn luyện để hình thành những phẩm chất của người làm công tác nghiên cứu, như sự kiên trì, bền bỉ, chịu khó vượt qua những thử thách trên con đường khám phá tri thức.

#### *4.4. Tạo môi trường thuận lợi và động lực cho sinh viên nghiên cứu khoa học*

Để thu hút sinh viên tham gia tích cực, say mê, thực hiện nghiên cứu khoa học một cách có hiệu quả cần chú trọng thực hiện một số những giải pháp sau đây:

Thứ nhất, cần tạo dựng môi trường nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, có tính cạnh tranh dành cho sinh viên, dưới sự hướng dẫn, tạo điều kiện tối đa của giảng viên và nhà trường;

Thứ hai, cần khuyến khích, tạo động lực cho sinh viên tham gia tích cực những hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua việc biểu dương thành tích tại các cuộc thi, các cuộc hội thảo nghiên cứu khoa học ở các cấp.

Thứ ba, cần định hướng cho sinh viên lựa chọn những đề tài phù hợp với thực tiễn, trình độ kiến thức và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Thứ tư, tăng cường các điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bằng cách đầu tư hệ thống thông tin thư viện, phương tiện kỹ thuật hiện đại để hỗ trợ cho sinh viên trong việc tìm kiếm, thu thập tài liệu, thông tin.

Thứ năm, tạo điều kiện để những thành tựu, kết quả nghiên cứu khoa học có chất lượng của sinh viên được áp dụng vào thực tiễn; tạo động lực cho sinh viên tích cực thực hiện những nghiên cứu khoa học vừa mang tính lý luận vừa mang tính ứng dụng thực tiễn.

Thứ sáu, bản thân sinh viên cần phải nhận thức được vai trò thiết thực của hoạt động nghiên cứu khoa học, từ đó, có ý thức tự giác, nghiêm túc và kiên trì theo đuổi thực hiện thành công những đề tài nghiên cứu mà mình đã lựa chọn.

## **5. Kết luận**

Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động mà người học vận dụng kiến thức phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học để tiến hành hoạt động nhận thức có tính chất nghiên cứu, bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. Nhờ đó, sinh viên có thể đào sâu, mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của mình, phát triển năng lực tư duy sáng tạo, khả năng lực tự phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, tự kiểm tra và đánh giá cũng như những phẩm chất khác của một nhà khoa học như: tính kiên trì, chịu khó, khả năng làm việc độc lập trong nghiên cứu, v.v...

Đối với trường đại học, cao đẳng, hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm đối với sinh viên trong quá trình đào tạo. Mục tiêu của hoạt động này đã được khẳng định trong Điều 39 Luật Giáo dục đại học (2012): “Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu khoa học của trường đại học là nâng cao chất lượng giáo dục đại học, hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao”. Trong trường đại học, cao đẳng, nghiên cứu khoa học là một hoạt động phong phú diễn ra dưới nhiều hình thức, từ việc thực hiện các bài tập lớn, đến đề tài, khóa luận, luận văn tốt nghiệp, xêmina khoa học, trao đổi học thuật, v.v...

Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) ra đời, đã đặt ra cho sinh viên Việt Nam cũng như sinh viên trong khu vực những thách thức mới. Muốn thành công, sinh viên phải có ý thức mở rộng kiến thức nghề nghiệp, nâng cao năng lực tư duy khoa học độc lập, lao động sáng tạo, phát huy tiềm năng sáng tạo, để trở thành chủ nhân tương lai có tri thức, sức khỏe, có bản lĩnh, vững vàng hội nhập, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ hội nhập. Như vậy, cùng với học tập để chiếm lĩnh tri thức, sinh viên phải tham gia nghiên cứu khoa học.

Tóm lại, nghiên cứu khoa học là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, xuất phát từ đòi hỏi của nhà trường, xã hội và cá nhân trong quá trình đào tạo. Nghiên cứu khoa học không chỉ là quyền lợi mà còn là trách nhiệm của người học. Các trường đại học, cao đẳng cần quan tâm tạo điều kiện để sinh viên thực hiện quyền và nhiệm vụ này để đào tạo nên thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học để vận dụng vào thực tế nghề nghiệp trong quá trình đất nước hội nhập cùng các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng được ban hành kèm theo quyết định số 08/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/06/2012 ban hành “Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học”.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Vũ Cao Đàm (1995), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Viện nghiên cứu phát triển giáo dục xuất bản, Hà Nội.
5. Bùi Ngọc Hoàng (2015), Biện pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn ở sinh viên các trường đại học hiện nay, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số Đặc biệt, tháng 11/2015, Hà Nội, tr. 115-116.
6. Đặng Vũ Hoạt & Hà Thị Đức. (2004). Lí luận dạy học đại học, Đại học Sư phạm Hà Nội

xuất bản.

7. Quốc Hội (2012), Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 do Chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Sinh Hùng ký ban hành ngày 18/06/2012.
8. Trần Thị Thảo. (2017). Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Tâm lí - Giáo dục - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, tr. 126-135.

# KINH NGHIỆM HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI THAM DỰ CUỘC THI SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, THÀNH ĐOÀN TP. HỒ CHÍ MINH

TS. Lê Hoàng Việt Lâm

Trường Đại học An ninh Nhân dân

\*Tác giả liên hệ: [hoangvietlamle@gmail.com](mailto:hoangvietlamle@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* Đại học An ninh nhân dân, Nghiên cứu khoa học,

Bài viết đi vào khẳng định tầm quan trọng của hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học (NCKH) trong môi trường giáo dục Đại học. Từ đó, trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân và những kết quả đạt được trong hướng dẫn sinh viên NCKH ở các trường Công an nhân dân (CAND), tác giả đưa ra những kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong giai đoạn hiện nay.

### 1. Giới thiệu

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng trong nhiệm kỳ là “tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế... Chú trọng phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị”. Trên cơ sở đó, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Theo quyết định số 569/QĐ-TTG, ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ) đã nhấn mạnh: “Triển khai các chính sách, giải pháp để đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, là nguồn cung tri thức cho các hoạt động đổi mới sáng tạo. Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và một số nhóm nghiên cứu trình độ quốc tế; học viên cao học và nghiên cứu sinh là lực lượng quan trọng thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”. Luật *Giáo dục Đại học* được Quốc hội thông qua (Luật số 34/2018/QH14) ngày 19/11/2018 đã khẳng định một trong những chính sách của Nhà nước Việt Nam về phát triển giáo dục đại học là “Phát triển giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước”<sup>1</sup>, đồng thời phải “Gắn đào tạo với nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với tổ chức nghiên cứu khoa học và với doanh nghiệp”<sup>2</sup>. Thực tiễn cho thấy, trong bất cứ giai đoạn nào, giáo dục đào tạo luôn hướng đến mục tiêu phát triển con người toàn diện, cả trên bình diện tri thức lẫn nhân cách và kỹ năng thực hành. Để đạt được mục tiêu ấy cần có sự đổi mới đồng bộ các bộ phận cấu thành từ nội dung, phương pháp đến các yếu tố cần thiết khác, trong đó việc chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong quá trình học tập ở bậc Đại học trên thực tế đã trở thành một

<sup>1</sup> Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), Luật Giáo dục Đại học, Hà Nội.

<sup>2</sup> Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), Luật Giáo dục Đại học, Hà Nội.

cách thức mang lại nhiều ý nghĩa, là xu hướng đào tạo rất đúng đắn, vừa mang tính thực tế, vừa mang tính xây dựng, lại có hiệu quả cao.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết được nghiên cứu bằng phương pháp phân tích, tổng hợp, dựa vào các tư liệu đã có để đưa ra những nhận xét, đánh giá trong quá trình hướng dẫn sinh viên tham dự các cuộc thi NCKH do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

Là một trong những Nhà trường có bề dày thành tích NCKH, trong quá trình xây dựng và phát triển của mình, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học An ninh nhân dân luôn đặc biệt chú trọng công tác giáo dục và đào tạo, xem đó là bước đi đúng đắn, căn bản và quan trọng nhất để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho Bộ Công an và các cơ quan ban ngành có liên quan. Chính các hoạt động NCKH đó đã góp phần bồi dưỡng năng lực sáng tạo cho sinh viên, là cơ hội để sinh viên kiểm nghiệm những kiến thức chuyên ngành đã được học, được trải nghiệm sự gian khó cũng như niềm vui thành công trong nghiên cứu, là dịp để mỗi sinh viên bồi dưỡng tinh thần, thái độ, đạo đức và phương pháp làm việc khoa học. Khi được tham gia và dần thân vào NCKH, sinh viên Nhà trường đã có cơ hội “phát triển bốn mặt của chiến lược dạy và học: Mặt kiến thức để đi tìm đến sự thật; Mặt kỹ năng để đi đến sáng tạo; Mặt thái độ để đi đến say mê; Mặt nhân cách để con người có đạo đức”<sup>3</sup>. Đặc biệt, tham gia NCKH sẽ xây dựng cho sinh viên một tinh thần chính trực và hướng tới sự trung thực từ học thuật tới đời sống. Trung thực là giá trị cốt lõi trong việc đào tạo con người và NCKH là một công cụ vô cùng hiệu quả để Nhà trường có thể dẫn dắt sinh viên cùng nhau đạt được giá trị này.

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, từ năm 2003 đến nay, sinh viên trường Đại học An ninh nhân dân đã nghiên cứu 2.575 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, với 3.208 sinh viên tham gia (trong đó có 66 giải Nhất, 124 giải Nhì, 126 giải Ba, 224 giải Khuyến khích). Cũng trong khoảng thời gian đó, Nhà trường đã gửi 200 đề tài (với 317 sinh viên) tham gia Giải thưởng Sinh viên NCKH Euréka, đạt 06 giải Nhì, 11 giải Ba và 09 giải Khuyến khích. Đối với cuộc thi Sinh viên NCKH do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, từ 2003 đến nay Nhà trường đã gửi 50 đề tài (80 sinh viên tham gia), đạt 01 giải Nhất, 08 giải Nhì, 09 giải Ba và 28 giải Khuyến khích. Những kết quả đó phản ánh sự quan tâm sâu sát của Đảng ủy, Ban Giám hiệu; sự nỗ lực, cố gắng và đam mê nghiên cứu của các thế hệ sinh viên Nhà trường, đóng góp quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục, đào tạo và NCKH, xứng đáng là trung tâm NCKH hàng đầu của các trường CAND phía Nam.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc hướng dẫn và lựa chọn đề tài để tham dự các cuộc thi do các cấp, các ngành (ngoài ngành Công an), đặc biệt là các cuộc thi Sinh viên NCKH do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức gặp nhiều khó khăn; số lượng đề tài gửi đi nhiều song kết quả mang lại không cao, số giải thưởng đạt được rất ít. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: Các đề tài nghiệp vụ không thể gửi đi tham dự (vì liên quan đến bí mật, an ninh quốc gia); sinh viên thường lựa chọn những vấn đề cũ, thiếu tính thời sự, gắn với lý luận chứ ít bám sát thực tiễn... Đặc biệt, cách triển khai, kết

---

<sup>3</sup> Vũ Việt Hằng (2010), "*Khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học để nâng cao tính tích cực, chủ động và năng lực sáng tạo*", Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, số 2 (17), 2010, tr. 69.



câu và phương pháp thực hiện đề tài theo dạng “truyền thông” của sinh viên Đại học An ninh có nhiều điểm khác biệt so cách tổ chức triển khai nghiên cứu theo hướng “hiện đại” mà bên ngoài đã áp dụng.

Từ thực tiễn nghiên cứu và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, tham gia các cuộc thi Sinh viên NCKH do Bộ Giáo dục - Đào tạo, Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tác giả rút ra được những kinh nghiệm thực tiễn, từ đó gọi mở những vấn đề cần lưu ý trong quá trình thực hiện hướng dẫn sinh viên NCKH.

#### **4. Kết luận và gợi ý**

Thứ nhất, về định hướng vấn đề nghiên cứu

Trong nghiên cứu khoa học, việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của đề tài, bởi lẽ vấn đề nghiên cứu (cụ thể là lựa chọn tên đề tài) không chỉ phản ánh trình độ, sự am hiểu, cái “tâm” của người nghiên cứu, mà còn phản ánh khả năng tiếp cận và chất lượng vấn đề, đặc biệt là những vấn đề nóng hổi, thời sự, đang dành được sự quan tâm và chú ý của dư luận. Kinh nghiệm cho thấy, các cuộc thi Sinh viên NCKH do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức thường rất chú ý những vấn đề mới nảy sinh, đang thu hút sự quan tâm của công chúng, của truyền thông, gắn với các chương trình, kế hoạch hành động của các Bộ, Ngành hoặc Thành phố. Ví dụ như năm học 2014 - 2015, khi tình hình khiếu nại, tố cáo liên quan đến chính sách bồi thường trong khu vực xây dựng Khu đô thị Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh tăng cao, tác giả đã định hướng cho sinh viên nghiên cứu đề tài Sinh kế bền vững cho những hộ gia đình bị thu hồi đất trong quá trình xây dựng Khu đô thị Đại học quốc gia Hồ Chí Minh; hay khi thảm họa môi trường do Formosa diễn ra vào năm 2016, nhóm sinh viên mà tác giả hướng dẫn đã thực hiện đề tài Chính sách an sinh xã hội cho những hộ gia đình làm nghề biển bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường do Formosa gây ra tại địa bàn tỉnh Quảng Trị... Năm 2018, khi các vụ bỏ nhiệm “đúng quy trình” bị phanh phui, gây hiệu ứng lớn trên các phương tiện truyền thông, tác giả đã gợi mở cho nhóm sinh viên lựa chọn đề tài “Phản biện xã hội của báo chí qua các vụ việc “đúng quy trình” - Nghiên cứu trường hợp báo Tuổi trẻ và Dân trí” đã được Hội đồng Giám khảo các cấp đánh giá cao.

Đặc biệt, vấn đề lựa chọn nên vừa tầm so với khả năng của sinh viên, không nên lựa chọn những vấn đề quá lớn, mang tính vĩ mô hoặc những vấn đề mà sinh viên không có khả năng thu thập tài liệu. Mặt khác, cần bám sát những nội dung mang tính định hướng mà trong kế hoạch tổ chức cuộc thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh thường đưa ra, theo dạng “đặt hàng” cho các nhà nghiên cứu.

Thứ hai, về lựa chọn sinh viên

Lựa chọn sinh viên thực hiện đề tài có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của đề tài nghiên cứu. Theo đó, nên lựa chọn những sinh viên cùng chung một lớp hoặc một địa phương để việc thực hiện đề tài được dễ dàng, thuận lợi hơn, việc phân chia người để tìm kiếm, thu thập tài liệu hay thực hiện các công việc khác liên quan đến quá trình nghiên cứu cũng sẽ khoa học hơn. Cũng nên lựa chọn nhóm sinh viên thực hiện (từ 2 đến 4 người) bởi lẽ khi làm việc theo nhóm, ý tưởng khoa học sẽ được phát huy, sức sáng tạo, sự sinh động và đa chiều trong ý tưởng nghiên cứu sẽ phong phú và thuyết phục.

Cũng không nên chỉ lựa chọn những sinh viên có điểm số học tập cao, bởi lẽ điểm số trong học tập và khả năng nghiên cứu khoa học không phải lúc nào cũng cùng chung một mẫu số. Bằng cảm quan của giáo viên, nhất là qua quá trình giao tiếp với sinh viên, bản thân tôi thường lựa chọn những sinh viên nhanh nhẹn, hoạt bát, có khả năng trình bày, diễn giải tốt, khả năng tiếp cận vấn đề nhanh, đặc biệt là có thể tiếp cận, thu thập được những tài liệu cần thiết để thực hiện đề tài. Như việc thực hiện đề tài Chính sách an sinh xã hội cho những hộ gia đình làm nghề biển bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường do Formosa gây ra tại địa bàn tỉnh Quảng Trị, một sinh viên trong nhóm đã liên hệ và xin được nhiều tài liệu từ một Đại biểu Quốc hội (tài liệu này do Chính phủ tổng hợp và phát cho các Đại biểu Quốc hội trong một kỳ họp) và nguồn tài liệu đó đã thực sự hữu ích, mang lại những thông tin chính xác, khách quan cho quá trình nghiên cứu.

Thứ ba, về triển khai thực hiện đề tài

Sau khi lựa chọn vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài, thì việc triển khai thực hiện đề tài, nhất là triển khai cấu trúc, đặt tên các mục, chương... có ý nghĩa rất quan trọng. Tại Trường Đại học An ninh nhân dân, sinh viên thường lựa chọn cấu trúc đề tài theo dạng "truyền thống", ít chú ý đến các nội dung như tổng quan tình hình nghiên cứu, khung lý thuyết, lý thuyết áp dụng, câu hỏi nghiên cứu..., trong khi ở các cuộc thi Sinh viên NCKH bên ngoài lại đặc biệt chú ý đến những vấn đề này. Đây cũng là lý do tại sao mặc dù nhiều đề tài tại Trường có vấn đề nghiên cứu tốt, song lại không đạt kết quả cao khi gửi ra ngoài tham gia xét giải bởi cách triển khai thực hiện không được đánh giá cao.

Vì vậy, khi thực hiện đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học để tham dự các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức, giáo viên hướng dẫn và tác giả nghiên cứu cần chú ý bổ sung và thực hiện tốt những nội dung cơ bản sau (ngoài những nội dung cần thiết, bắt buộc phải có khi nghiên cứu như lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu; đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu....)

Một là, phần **Tổng quan tình hình nghiên cứu**. Phần này phải được trình bày rõ ràng, cụ thể, chỉ ra được các đề tài đã đi vào nghiên cứu những nội dung gì, quan điểm của tác giả nghiên cứu đối với đề tài này như thế nào, thậm chí có thể chỉ ra ưu và nhược điểm của đề tài. Mỗi đề tài thường được tổng quan từ 10 đến 12 dòng. Cũng tùy vào yêu cầu của từng cuộc thi mà lựa chọn số lượng đề tài cần tổng quan cũng như phân nhóm vấn đề khi tổng quan. Sau khi nghiên cứu từng đề tài thì cần có phần tóm lược ở cuối nội dung này nhằm chỉ ra sự cần thiết, không trùng lặp của vấn đề mà tác giả đang nghiên cứu.

Hai là, phần **Phương pháp nghiên cứu**. Chính phương pháp quyết định khoa học tính của một hoạt động, và phân định hoạt động đó là khoa học hay phi khoa học. Một phương pháp thu thập dữ liệu mang tính khoa học nếu phương pháp đó có cơ sở lý thuyết, có giả định, độ tin cậy cao, và độ chính xác cao. Nội dung này trong các cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng, bởi nó chỉ rõ cho Ban Giám khảo biết tác giả đã thực hiện đề tài này bằng phương pháp nào, cách thức triển khai ra sao. phương pháp đó có khoa học, phù hợp không, nhất là có đảm bảo tính khách quan trong nghiên cứu...

Khi trình bày nội dung này, tác giả phải trình bày rõ về từng phương pháp, thậm chí phải chỉ rõ phương pháp đó đã áp dụng vào mục, chương... nào của đề tài. Ban Giám khảo cũng sẽ đánh giá rất cao nếu tác giả thực hiện đề tài áp dụng các phương pháp điều tra bằng

bảng hỏi, phỏng vấn sâu hay điền giả, bởi lẽ các phương pháp này mang lại số liệu đáng tin cậy, phản ánh đúng thực tế vấn đề nghiên cứu. Nếu áp dụng phương pháp này phải chỉ rõ mẫu và lý do lựa chọn mẫu, địa bàn triển khai mẫu, đặc điểm nhân khẩu của mẫu...

Đặc biệt, người nghiên cứu phải hết sức chú ý việc lập bảng hỏi hay bộ câu hỏi phỏng vấn sâu, bởi lẽ bảng hỏi là công cụ đo lường quan trọng trong nghiên cứu thực nghiệm. Chính nhờ những câu hỏi đặt ra trong bảng hỏi mà ta có thể có được thông tin về các yếu tố có liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Mặt khác, từ bảng hỏi, nhà nghiên cứu có thể kiểm định được các giả thuyết và thực hiện được mục tiêu nghiên cứu của mình. Khi nhìn vào bảng hỏi, người ta có thể hình dung được về đại thể người nghiên cứu muốn nghiên cứu cái gì, những quan hệ nào cần phải được phân tích thông qua nghiên cứu. Kinh nghiệm cho thấy, nhiều người nghĩ công việc này đơn giản song thực tế lại rất khó, đòi hỏi tư duy, kỹ năng của giáo viên hướng dẫn và sự nỗ lực, tìm tòi, khảo nghiệm của sinh viên thực hiện.

Ba là, phần **Lý thuyết áp dụng**. Hiểu một cách đơn giản, lý thuyết áp dụng nghĩa là đi vào giải thích đề tài được nghiên cứu dựa trên nền tảng lý thuyết nào. Nội dung này cần chỉ rõ các nội dung cơ bản liên quan đến lý thuyết như: Cha đẻ, tác giả của lý thuyết; nội dung chính của lý thuyết và đặc biệt là lý thuyết đó được áp dụng như thế nào trong đề tài. Tất nhiên, đây là nội dung khó, lạ lẫm với sinh viên Đại học An ninh, vì vậy rất cần sự dày công nghiên cứu của sinh viên và “bàn tay” của người thầy.

Thứ năm, về kết cấu chương, mục của đề tài

Ở **chương 1**, tác giả nên đi vào trình bày các khái niệm công cụ có liên quan đến đề tài (thường gọi là Thao tác hóa khái niệm). Đây thực chất là quá trình chuyển các khái niệm lý luận trừu tượng và phức tạp thành các khái niệm thực nghiệm cụ thể hơn, xác định hơn, sau đó lại chuyển các khái niệm thực nghiệm thành các chỉ tiêu rất cụ thể có thể đo lường được dùng vào việc thu thập số liệu và phân tích kết quả nghiên cứu mà tác giả hướng đến.

Việc trình bày nội dung này phải rõ ràng, khoa học, bám sát ý tưởng nghiên cứu, sau đó rút ra được các khái niệm liên quan đến vấn đề mà tác giả nghiên cứu (có thể lựa chọn một khái niệm của một tác giả nào đó mà tác giả cho rằng hợp lý nhất; hoặc có thể đưa ra một khái niệm mới theo ý kiến của tác giả). Sau đó đi vào phân tích các lý thuyết mà đề tài áp dụng.

Ở **chương 2**: Đi vào trình bày hiện trạng và phân tích các nội dung cần thiết, song các nội dung liên quan phải gắn với kết quả điều tra, phỏng vấn sâu hay điền dã của tác giả nghiên cứu. Nói một cách khác, cần khai thác triệt để kết quả điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu hay điền dã để đưa vào quá trình phân tích, đánh giá hiện trạng, nguyên nhân hay những thuận lợi, khó khăn... gắn với đề tài nghiên cứu.

Ở **Chương 3**: Thường được đặt tên là **Kết luận và Khuyến nghị**. Nghĩa là, chương này đưa ra các kết luận từ quá trình nghiên cứu nêu trên, sau đó đưa ra các khuyến nghị cần thiết. Khuyến nghị phải cụ thể, rõ ràng, tránh văn phong mang tính “tuyên giáo”, “hàn lâm” như “nâng cao”, “đẩy mạnh”, “tăng cường”, “phát huy”... Các khuyến nghị này phải gắn với kết quả điều tra hay điền dã và kết quả phân tích, so sánh mối tương quan từ chính kết quả khảo sát.

**Tóm lại**, khuyến khích sinh viên NCKH là một trong những phương pháp có hiệu quả trong việc đào tạo, rèn luyện kỹ năng tư duy cho sinh viên trong môi trường Đại học. Hoạt động này phát triển tối ưu tư duy sáng tạo, những đặc điểm nhân cách, những kỹ năng, kỹ xảo

nghiên cứu của người sinh viên, cho phép thực hiện đào tạo những sỹ quan an ninh có sáng kiến, phát triển tính linh cảm khoa học, tư duy sâu sắc, quan điểm sáng tạo... trong học tập và nghiên cứu. Tất nhiên, khoa học, hay cái danh "sinh viên nghiên cứu khoa học" v.v... không phải là những phù hiệu mà ai muốn mang vào ngực thì mang, mà là những việc làm thực tiễn, những ý nghĩ hay sáng kiến mới. Muốn có những sáng kiến mới và làm nghiên cứu thực tế, sinh viên phải làm việc một cách gian khổ, bất vụ lợi, có khi rất lâu dài. Có thể ví khoa học như một cái đỉnh chót vót của sự chính trực, công bằng, và hợp lí. Nhưng cái đỉnh này nó trơn và dễ bị trượt. Người ta cần phải có một sự cố gắng tốt bụng mới đến gần hay đứng trên nó được, và càng phải cố gắng hơn để ở được cái vị trí đó. Điều này đòi hỏi nỗ lực và ý chí, tâm và tầm của cả thầy và trò trong quá trình nghiên cứu, nhằm mang lại kết quả nghiên cứu tốt nhất, không chỉ trên phương diện giải thưởng mà còn là sự tích lũy tri thức, kỹ năng và nhân cách từ chính quá trình nghiên cứu đó, góp phần đào tạo ra được một nguồn nhân lực chất lượng cao, có đủ năng lực, chuyên môn nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức, đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của đất nước.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022), Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Theo quyết định số 569/QĐ-TTG, ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội).
2. Võ Hồng Công (2019), Nâng cao năng lực tư duy cho sinh viên thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập các môn Lý luận chính trị, Tạp chí An ninh nhân dân, số 82 (02).
3. Đại học An ninh nhân dân (2017), Đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học An ninh nhân dân, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường, TP. Hồ Chí Minh.
4. Vũ Việt Hằng (2010), "Khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học để nâng cao tính tích cực, chủ động và năng lực sáng tạo", Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, số 2 (17), 2010.
5. Lê Hoàng Việt Lâm (2015), Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần đẩy mạnh chất lượng giáo dục - đào tạo trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Quốc gia, TP. Hồ Chí Minh.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), Luật Giáo dục Đại học, Hà Nội.
7. Hồ Bá Thâm (1994), Bàn về năng lực tư duy, Tạp chí Triết học, số 2, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Bạch Vân (2014), Nâng cao trình độ tư duy lý luận cho sinh viên thông qua giảng dạy triết học. Tạp chí Khoa học xã hội nhân văn, số 9.

## MÔ HÌNH HỖ TRỢ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TIẾP CẬN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TỪ NHÓM SÁNG TẠO TRẺ BẾN TRE

TS. Phạm Văn Luân (1), CN. Phạm Nguyễn Phúc Toàn (2)

Trường ĐH Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh, (2) Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM

\*Tác giả liên hệ: [pvlan8@yahoo.com](mailto:pvlan8@yahoo.com)

---

### THÔNG TIN

### TÓM TẮT

*Từ khóa:* Khởi nghiệp sáng tạo, Nghiên cứu khoa học, Nhóm Sáng tạo Trẻ, VID, WB.

Cách nay 13 năm, vào tháng 10 năm 2010, Hiệu trưởng trường CĐ Bến Tre đã ban hành quyết định thành lập nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre. Sự kiện này đặt nền tảng cho hoạt động hỗ trợ SV không chỉ của trường CĐ Bến Tre mà cả các trường khác trong quá trình NCKH tiếp cận khởi nghiệp sáng tạo. Mô hình nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre là sự kết tinh thành quả các dự án thuộc Chương trình Ngày Sáng tạo Việt Nam (VID) do Ngân hàng Thế giới tài trợ thực hiện ở Bến Tre, một chương trình có nhiều tiềm năng kết nối trường ĐH-CĐ với các hoạt động NCKH phục vụ khởi nghiệp sáng tạo thông qua các tổ chức đoàn thể xã hội, doanh nghiệp... tham gia giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội. Điều này đã khẳng định vai trò nòng cốt của nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre - mô hình hỗ trợ sinh viên và các đối tượng có cùng mối quan tâm tiếp cận và phát triển các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

---

### 1. Giới thiệu

Khi tìm hiểu các dự án nhỏ của Ngân hàng thế giới tại Việt Nam (các dự án cộng đồng thuộc Chương trình Ngày Sáng tạo Việt Nam – VID, Quỹ xã hội dân sự, Chương trình Sáng kiến phòng chống tham nhũng Việt Nam – VACI, Quỹ PARAFF...) ở các tỉnh phía Nam, chúng tôi đã phát hiện được “Nhóm ngày Sáng tạo Việt Nam” ở Bến Tre (nhóm Sáng tạo Trẻ/VID Bến Tre) – tiền thân là các Dự án đạt giải thưởng VID, VACI từ năm 2007 – 2016 của Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ PARAFF tại Bến Tre – nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre. Nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre (nhóm Sáng tạo Khởi nghiệp Bến Tre ngày nay, viết tắt là STT) là nơi tập hợp nhiều giảng viên trẻ và sinh viên tâm huyết trên hành trình nghiên cứu khoa học (NCKH) phục vụ khởi nghiệp sáng tạo và hành động vì cộng đồng với thực tiễn 13 năm đồng hành cùng nhà trường, doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể xã hội... triển khai các hoạt động cộng đồng vì sự phát triển bền vững qua kênh NCKH phục vụ khởi nghiệp sáng tạo. Được tin Thành Đoàn Tp. Hồ Chí Minh phối hợp Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học “Thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên”, chúng tôi rất phấn khởi được góp tiếng nói vì một cơ chế liên kết mới thúc đẩy NCKH góp phần phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết các tổ chức xã hội, cộng đồng với các trường Đại học thông qua các dự án VID, VACI khẳng định NCKH gắn với hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên là một xu thế giúp các trường Đại học hội nhập sâu rộng vào trào lưu học thuật vì sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội.

Chúng tôi muốn nhân cơ hội tốt từ Hội thảo này được chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn, góp phần xác lập những mô hình mới, cách làm hay hướng tới xây dựng và phát triển nguồn lực tạo ra những tác động tích cực từ NCKH phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên trong bối cảnh hiện nay, chúng tôi hy vọng Hội thảo không chỉ là diễn đàn của Thành Đoàn Tp. Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh mà còn là diễn đàn bổ ích của giảng viên và sinh viên (SV) các trường Đại học – Cao đẳng (ĐH-CD) trong cả nước.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

NCKH là một trong hai hoạt động chính yếu, là một nhu cầu cơ bản và có tính phổ quát cao trong các trường ĐH. NCKH liên quan trực tiếp đến lợi ích, quyền lợi và nghĩa vụ của SV đồng thời tác động mạnh mẽ đến tiến trình và hiệu quả đào tạo của mỗi trường ĐH. Để phát triển bền vững phong trào NCKH của SV, vấn đề hình thành nhóm nghiên cứu theo từng đề tài đã được thực hiện trong thời gian qua. Tuy nhiên việc xác lập, đúc kết, xây dựng các mô hình để nuôi dưỡng phong trào NCKH của SV chưa được các trường quan tâm. Đến nay chưa có nhiều mô hình các nhóm hỗ trợ SV NCKH được xác lập và giới thiệu như một gợi ý cho các tổ chức Đoàn thanh niên, trường ĐH nghiên cứu vận dụng vào thực tiễn. Mô hình nhóm STT Bến Tre đã được công nhận là sáng kiến cấp tỉnh ở Bến Tre, là mô hình được chúng tôi khảo cứu tư liệu từ các chương trình sáng tạo của Ngân hàng Thế giới, điển dã, trao đổi với các bên liên quan, đặc biệt là SV ở các trường của Tp. Hồ Chí Minh hiện nay để đúc kết trong bài viết này là gợi ý hữu ích góp phần “Thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên” hiện nay.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong bài nghiên cứu này là khảo cứu tư liệu, điển dã, khảo sát thực địa, quan sát, thu thập tư liệu bằng chụp ảnh, ghi chép, phỏng vấn cộng đồng trường ĐH-CD, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và các bên liên quan trong và ngoài tỉnh Bến Tre, ... từ đó phác thảo bức tranh toàn cảnh hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên ở Bến Tre, tìm hiểu thực tế, đúc rút thành Mô hình có giá trị tham khảo trong việc hỗ trợ SV nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH qua kênh khởi nghiệp sáng tạo.

## **4. Kết quả nghiên cứu & thảo luận**

### *4.1. Tổng quan về khởi nghiệp sáng tạo – đích đến của phong trào NCKH của sinh viên hiện nay*

Khởi nghiệp sáng tạo (Start-up) là quá trình khởi nghiệp dựa trên cơ sở ý tưởng sáng tạo khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, vận hành mô hình tổ chức, phương pháp tiếp cận làm việc mới và có khả năng tăng trưởng nhanh, tạo ra sản phẩm mới; hoặc sản phẩm cũ nhưng có điểm khác nổi trội, ưu việt hơn so với những sản phẩm, dịch vụ từng có trên thị trường và được phát triển nhanh chóng vượt bậc<sup>4</sup>. Đây là môi trường thuận lợi để các tổ chức Đoàn trong trường ĐH tận dụng, khai thác để hình thành, nuôi dưỡng và phát triển phong trào NCKH trong SV.

---

<sup>4</sup> Đề án 1665 về “Hỗ trợ Học sinh, Sinh viên Khởi nghiệp đến năm 2025” (2018), *Tài liệu hướng dẫn đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp dành cho sinh viên*, (Do nhóm chuyên gia đến từ Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Bách Khoa Hà Nội biên soạn), tr.49.

<sup>2</sup> Tài liệu đã dẫn tr.50.

Khi nói đến Khởi nghiệp sáng tạo (KNST) người ta đề cập đến Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (***Startup ecosystem***): bao gồm các cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp KNST và các chủ thể hỗ trợ phát triển hệ sinh thái này; trong đó có chính sách và luật pháp của nhà nước (về thành lập doanh nghiệp, thành lập tổ chức đầu tư mạo hiểm, thuế, cơ chế thoái vốn, v.v.); cơ sở hạ tầng dành cho khởi nghiệp (các khu không gian làm việc chung, cơ sở – vật chất phục vụ thí nghiệm, thử nghiệm để xây dựng sản phẩm mẫu, v.v.); vốn và tài chính (các quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư cá nhân, các ngân hàng, tổ chức đầu tư tài chính, v.v.); văn hóa khởi nghiệp (văn hóa doanh nhân, văn hóa chấp nhận rủi ro, mạo hiểm, thất bại); các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp, các huấn luyện viên khởi nghiệp và nhà tư vấn khởi nghiệp; các trường đại học; các khóa đào tạo, tập huấn cho cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp; nhà đầu tư khởi nghiệp; nhân lực cho doanh nghiệp khởi nghiệp; thị trường trong nước và quốc tế<sup>5</sup>.

Từ những hiểu biết chung về KNST và hệ sinh thái KNST cho thấy, vai trò của trường ĐH có một vị trí rất quan trọng, trường ĐH là nơi cung cấp đội ngũ giảng viên khởi nghiệp (Trainers/Educators) cho hoạt động KNST và góp phần xây dựng hệ sinh thái KNST; khó có nơi nào quy tụ được các cố vấn dẫn dắt KNST như trường ĐH bởi nơi đó có những cá nhân/nhóm dẫn dắt KNST (Startup Coach/Mentor) là những người có hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, họ trực tiếp đào tạo, hướng dẫn, cung cấp kiến thức, kỹ năng, công cụ cần thiết cho SV và các đối tượng khác trong hệ sinh thái KNST, họ đóng vai trò quan trọng hỗ trợ, định hướng, dẫn dắt, tư vấn hình thành, phát triển và vận hành các doanh nghiệp được ra đời từ quá trình KNST.

Về mặt lý thuyết, vấn đề KNST có thể dễ dàng nhận diện và thống nhất với nhau, nhưng đưa vào thực tiễn là cả một quá trình không đơn giản, quá trình đó không chỉ đòi hỏi có những điều kiện chính thức (nguồn lực, thời gian...) mà còn cần cả một môi trường thực tiễn sinh động, có tính chất “quá độ”, cầu nối cho KNST vào nhà trường khi mà các trường vẫn còn đang phải chịu nhiều áp lực khác về chuyên môn... Do đó việc tìm ra “điểm nhấn”, tạo “cầu nối” để khai thông đưa KNST vào nhà trường bằng những hoạt động thực tiễn là vô cùng cần thiết.

#### *4.2. Điểm nhấn “Khởi nghiệp sáng tạo” từ các dự án nhỏ của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam - khởi nguồn của nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre*

##### *4.2.1. Bối cảnh ra đời*

Cách nay khoảng 20 năm, từ năm 2003, với sức lan tỏa từ các dự án nhỏ của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ xuất hiện một phong trào nghiên cứu – sáng tạo theo mô hình mới trong khối các trường ĐH-CĐ: Bắt đầu từ trường ĐHSPTp Hồ Chí Minh đến ĐH Cần Thơ, CĐ Bến Tre, ĐH An Giang... Nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre, Nhóm VID Bến Tre – những nhóm nghiên cứu cộng đồng tiên thân từ các Dự án đạt giải thưởng Ngày sáng tạo Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam; trong phạm vi bài tham luận này, chúng tôi xin chia sẻ, giới thiệu một chương trình có tiềm năng nghiên cứu, xây dựng và phát triển các mô hình thúc đẩy NCKH phục vụ khởi nghiệp sáng tạo trong SV từ các dự án nhỏ của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam.

Phòng Nghiên cứu khoa học và Quan hệ Quốc tế (NCKH-QHQT), trường CĐ Bến Tre thành lập năm 2008, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao đã quan tâm nghiên cứu vấn đề KNST một cách thấu đáo. Bởi thực tiễn hoạt động, do yêu cầu công tác, vấn đề cấp bách đặt ra là khai thác KNST nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững từ nhà trường thông qua các chương trình an sinh xã hội, chương trình Đồng khởi khởi nghiệp (ĐKKN) và Phát triển doanh nghiệp (PTDN)... hình thành ở cán bộ thực hiện nhiệm vụ NCKH-QHQT ở trường CĐ Bến Tre (với đặc thù riêng là không được đào tạo chính quy, cơ chế, nguồn lực hoạt động còn hạn chế: phòng chức năng về NCKH-QHQT mới thành lập và có sự liên đới, tương tác hoạt động giữa NCKH và QHQT với KNST) những kiến thức cơ bản, vững chắc, đồng thời có những kỹ năng tác nghiệp linh hoạt thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH-QHQT đáp ứng yêu cầu KNST, phát triển cộng đồng. Những năng lực thực hiện KNST được hình thành không đơn thuần chỉ là những kỹ năng, thao tác thực hiện theo lối mòn quen thuộc, khuôn mẫu đúc sẵn mà cần phải có những năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn về lĩnh vực KNST, kỹ năng, thao tác chuyên môn từng mặt công tác như nghiên cứu tài liệu, biên dịch, tiếp cận đối tác, xử lý thông tin, vận dụng đề xuất, tham mưu lĩnh vực QHQT, đề xuất dự án, vận động tài trợ, mời gọi hợp tác triển khai Chương trình ĐKKN&PTDN...

Trong điều kiện nhà trường còn hạn chế về kinh phí, ít có cơ hội cọ xát, tiếp cận đối tác trong và ngoài nước nếu muốn thành công đều phải hướng tới cách tiếp cận KNST một cách chuyên nghiệp. Mặt khác, việc tìm kiếm thông tin, hợp tác khai thác nguồn kinh phí các tổ chức nước ngoài, các nguồn tài trợ phi chính phủ thực hiện các chương trình, dự án về KH-CN, KNST phục vụ phát triển nhà trường và cộng đồng hưởng ứng Chương trình ĐKKN&PTDN còn khó khăn do các tổ chức nước ngoài hầu hết đã kết thúc chương trình tài trợ ở Việt Nam đã đặt ra yêu cầu năng động, linh hoạt, nhạy bén, bám sát quy trình trong công tác QHQT để có cách tiếp cận đối tác phù hợp qua kênh KNST.

Vì thế để cán bộ thực hiện công tác NCKH-QHQT hoàn thành chức trách được giao, có nhiều vấn đề cần phải học hỏi, cần phải rèn luyện để nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, nhất là khi tỉnh Bến Tre triển khai Chương trình Đồng Khởi khởi nghiệp. Thêm vào đó, việc thực hành các kỹ năng cũng như phương pháp tiếp cận, tổ chức các hoạt động của cán bộ phòng NCKH-QHQT nhà trường do ít trải nghiệm trong tác nghiệp hoạt động thực tiễn, hoặc ngay cả trong các chương trình tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ phòng, số lượt cán bộ được cử đi, thời gian, kinh phí... còn rất khiêm tốn, chưa thể giúp cán bộ thực hiện công tác NCKH-QHQT rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nâng cao năng lực và thích ứng ở từng lĩnh vực với những mô hình cụ thể nhằm tạo ra kênh thông tin và huy động nguồn lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH-QHQT trong bối cảnh các trường ĐH – CĐ đẩy mạnh thực hiện KNST với những chương trình như Đồng Khởi Khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp ở tỉnh Bến Tre. Xuất phát từ tình hình trên, phòng NCKH-QHQT trường CĐ Bến Tre đã đề xuất thành lập nhóm Sáng tạo Trẻ trường CĐ Bến Tre. Đây là một mô hình mới, tạo ra cầu nối giúp cán bộ giảng viên và HSSV nhà trường quán triệt phương châm “Vừa làm, vừa học, học đi đôi với hành, học trong môi trường học đường hướng tới STKN”. Qua 13 năm định hình và được thừa nhận cho đến nay, mô hình nhóm STT đã giúp chúng tôi nhận thức một cách sâu sắc đây chính là cách tiếp cận tốt nhất của trường CĐ Bến Tre hướng đến mô hình KNST góp phần triển khai Chương trình ĐKKN&PTDN. Điều đó cho thấy nghiên cứu, tổ chức khai thác hoạt động nhóm STT hoạt động tiếp cận theo hướng phát triển KNST sẽ tạo ra cơ hội tốt để nâng cao năng lực cán bộ, không chỉ phục vụ đặc lực



yêu cầu công tác NCKH-QHQT mà còn thúc đẩy triển khai Chương trình ĐKKN&PTDN, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội bức xúc của tỉnh Bến Tre.

Từ những vấn đề theo chúng tôi, hoạt động nhóm STT là một mô hình tốt hỗ trợ giảng viên, SV trường CĐ Bến Tre NCKH và từ đó tiếp cận KNST, đã đến lúc khẳng định việc hình thành và phát triển KNST trong nhà trường là hết sức cần thiết, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của nhà trường trong bối cảnh tăng cường thực hành, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn đào tạo theo qui định. Đồng thời, việc khai thác hoạt động nhóm STT qua kênh KNST còn đáp ứng yêu cầu đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp theo chủ trương của Tỉnh ủy Bến Tre.

#### *4.2.2. Quá trình hình thành và hoạt động của Nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre*



*Hình 1.-Thành viên sáng lập Nhóm STT ngày ra mắt (Ảnh: Phúc Toàn)*

Nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre (Tên tiếng Anh là Bentre Young Creative Group) là tổ chức nghiên cứu, sáng tạo, thúc đẩy giao lưu và hợp tác quốc tế duy nhất ở Bến Tre trực thuộc phòng NCKH-QHQT, trường CĐ Bến Tre. Nhóm hình thành từ phong trào Sáng tạo Trẻ của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh từ năm 1998; và từ phong trào này cán bộ, giảng viên và SV tiếp cận tham gia ngày Sáng tạo Việt Nam của Ngân hàng thế giới từ năm 2005 và đạt giải thưởng VID, VACI các năm 2007, 2008, 2009, 2011, 2013 thông qua các hoạt động NCKH của nhà trường. Nhóm STT hoạt động theo mô hình tự trang trải kinh phí, phi lợi nhuận. Trải qua một thời gian tìm hiểu và xác định mô hình thông qua hoạt động Ngày sáng tạo Việt Nam do Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam tổ chức; Nhóm chính thức hoạt động như một tổ chức nghiên cứu theo Quyết định số 394/QĐ-CĐBT, ngày 14/10/2010 của Hiệu trưởng trường CĐ Bến Tre. Nhóm STT Bến Tre được thành lập trên tinh thần tự nguyện của các thành viên quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu giáo dục với mục tiêu góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng, giảng viên, SV và cựu SV về sự cần thiết của hoạt động học tập, NCKH, hợp tác KNST vì sự phát triển bền vững của cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre và khu vực. Mục đích của Nhóm STT: Nghiên cứu khoa học, thúc đẩy sáng kiến, sáng tạo nhằm tạo dựng một mạng lưới bao gồm các tổ chức nghiên cứu, nhà trường, doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội, các cá nhân có cùng mối quan tâm liên kết với nhau cùng chăm lo giáo dục thế hệ trẻ, thông qua hoạt động NCKH, sáng tạo và khởi nghiệp, góp phần xây dựng quê hương Bến Tre phát triển bền vững và giàu đẹp.

Nhóm STT Bến Tre phát triển dựa trên thực tiễn hoạt động các dự án thực hiện được các thành viên nhóm tham gia với các bên phối hợp (Xem bảng).

**- Bảng tổng hợp các dự án/chương trình nhóm STT đã thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
1	Tổ chức cho học sinh Thị xã Bến Tre đi học bằng xe bus (Dự án Xe bus học đường).	2007	Giải thưởng Ngày Sáng tạo Việt Nam - VID 2007	Ngân hàng Thế giới - Ủy ban ATGT Quốc gia
2	Truyền thông tăng cường áp dụng các thông lệ và kinh nghiệm tốt về an toàn thực phẩm trên các tuyến xe buýt tại tỉnh Bến Tre.	2008	Giải thưởng Ngày Sáng tạo Việt Nam - VID 2008	Ngân hàng Thế giới - Cục An toàn vệ sinh thực phẩm
3	Sưu tầm, truyền dạy dân ca Bến Tre.	2008	Đã thực hiện thành công và nhân rộng	Quỹ Ford
4	Giải báo chí Nâng cao tính trách nhiệm và minh bạch, giảm tham nhũng tỉnh Bến Tre.	2009	Giải thưởng Ngày Sáng tạo Việt Nam - VID 2009	Ngân hàng Thế giới - Thanh tra Chính phủ VN
5	Sổ tay bảo vệ sản chim Vàm Hồ.	2010	Đã thực hiện thành công và nhân rộng	Nhóm Cabaret Trung tâm LIN
6	Xây dựng phòng máy tính cho trẻ em xã Châu Hưng, huyện Bình Đại.	2011	Đã thực hiện thành công phổ cập Tin học và nhân rộng	AMCHAM Việt Nam – Tp. Hồ Chí Minh
7	Thiết kế bài giảng phục vụ ngoại khóa giáo dục liên chính cho thanh thiếu niên Bến Tre.	2011	Giải thưởng Sáng kiến phòng chống tham nhũng Việt Nam - VACI	Ngân hàng Thế giới, DFID-Thanh tra Chính phủ VN.
8	Tăng cường dạy chữ - dạy người cho học sinh sinh viên, hỗ trợ giáo dục liên chính cho thanh thiếu niên tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre.	2013	Giải thưởng Sáng kiến phòng chống	Ngân hàng Thế giới, DFID-Thanh tra Chính phủ VN
9	Thuốc nam cho người nghèo Bến Tre (huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).	2013	Được Cơ sở bảo chế Đông Nam dược Trường Sanh Đường tiếp nhận nhân rộng	Trung tâm Sáng kiến Tia sáng - - SPARK
10	Thúc đẩy tham vấn ý kiến luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật về bảo hiểm y tế thông qua nghiên cứu tác động của giáo dục, phổ biến pháp luật trong các trường học ở tỉnh Bến Tre.	2014	Dự án PARAFF C1-082 được nhà tài trợ đánh giá cao, nhân rộng tạo Bệnh viện huyện Bình Đại	DANIDA (Đan Mạch), DFID (Anh) thông qua Văn phòng Quốc hội Việt Nam
11	Cuộc thi câu chuyện tình nguyện vì sự phát triển của Chương trình tình nguyện Liên hiệp quốc (UNV).	2014	Đạt 1 giải nhất, 1 giải khuyến khích	Do Tổ chức UNV

12	Chương trình vận động xây dựng mô hình <i>Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Bến Tre</i> .	2015- nay	Được mời hợp tác và là đầu mối	Làng nghề Một thoáng Việt Nam
13	Mô hình Dự án Dạy chữ- Dạy người.	2015 – 2016	1 trong 10 mô hình sáng kiến tiêu biểu được Thanh tra Chính phủ Việt Nam và UNDP chọn phổ biến nhân rộng toàn quốc năm.	UNDP- Thanh tra Chính phủ VN.
14	Mô hình cung cấp nước uống tại vòi.	2016- 2017	Được mời hợp tác và là đầu mối sau khi kết thúc DA của Trung tâm SPARK	Cty Phúc Thành, Vĩnh Long
15	Sáng kiến “Ngày hội phóng sinh vì môi trường” Sáng kiến “Sổ tay bảo vệ săn chim Vàm Hồ”.	2016	Được Cục Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu ghi nhận trong danh sách 11 sáng kiến tiêu biểu thích ứng biến đổi khí hậu tại Việt Nam giai đoạn 2009-2015	Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	Chương trình NCKHSV chuyên giao kỹ thuật giúp người dân vùng chưa có nước sạch ứng dụng mô hình lọc nước bằng phương pháp màng sinh học.	2017- nay	Được hỗ trợ kết nối dự án khởi nghiệp thích ứng với BĐKH qua ý tưởng khởi nghiệp từ chương trình bộ sưu tập cây trồng chịu được hạn mặn	Sở KHCN Bến Tre – Cty Nguyên Dung
17	Phát huy nhân tố Giới trong bảo vệ nguồn nước hạ lưu sông MeKong từ mô hình lọc nước bằng phương pháp màng sinh học và trồng cây Chùm Ngây ở Cồn Tàu, xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, Bến Tre.	2018	Đã thực hiện thành công và nhân rộng	Trung tâm Bảo tồn và Phát triển tài nguyên nước - WARECOD thuộc VUSTA
18	Chương trình khảo sát dự án Quản lý nguồn nước tỉnh Bến Tre.	2018- 2019	Viện Sinh thái học Miền Nam mời tham gia thực hiện các hợp phần thực địa.	JICA (Nhật Bản)
19	Đề tài Nông sản chủ lực Bến Tre trước ngưỡng cửa EVFTA- Góc nhìn từ Đồng bằng sông Cửu Long (thể loại phóng sự truyền hình).	2020	Là 1 trong 6 đơn vị của cả nước được tài trợ tham gia Chương trình hỗ trợ báo chí truyền thông về các vấn đề về Thương mại và Phát triển bền vững trong EVFTA	Viện IPS
20	Sáng kiến “Chuyên giao công nghệ lọc nước sạch cho phụ nữ và thúc đẩy chia sẻ việc nhà của nam giới trong hộ gia đình” do tài trợ thực hiện. hiện.	2021	Là 1 trong 8 sáng kiến tiêu biểu của cả nước có tính sáng tạo và nỗ lực cao được xét tài trợ	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR)

Kỷ yếu Hội thảo "Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nâng tầm Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka"

21	Chương trình vận động xây dựng và ủng hộ trình hồ sơ khoa học Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu lên UNESCO.	2021-2022	Là đơn vị đóng vai trò kết nối các học giả nước ngoài cho Chương trình	Hội Di sản Văn hóa tỉnh Bến Tre
22	Chương trình số hóa và biên dịch từ sách, báo nước ngoài Tín ngưỡng dân gian về Dừa Bến Tre (trường hợp đạo Dừa, vua Dừa, nhạc cụ Dừa...)	2021	Đã thực hiện có sản phẩm đang tiếp tục thông qua hợp tác nghiên cứu với các trường ĐH Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh, ĐH Công nghệ Thông tin, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.	Hợp tác với CLB Nhiếp ảnh Tp. Bến Tre, GS. Shimizu Masaaki ĐH Osaka, Nhật Bản.
23	Mô hình giáo dục mới lần đầu tiên có ở Tây Nam Bộ "Học phục vụ cộng đồng – SL/CEL tại Bến Tre.	2021-2022	Hỗ trợ sinh viên trường CĐ Bến Tre thực hiện 4 đề tài NCKH trong chương trình Phát triển môn học/dự án/hoạt động Service-Learning/Community-Engaged Learning (SL/CEL)	Mạng lưới học giả Kết nối Cộng đồng Việt Nam (VNES)- trường ĐH Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh
24	Chương trình Truyền cảm hứng, giáo dục đạo lí cho giới trẻ qua Nói thơ Vân Tiên.	2021-nay	Đã và đang triển khai với sự bảo trợ của Cty Du lịch sinh thái Hải Vân.	Tạp chí Cao Đài, Nông trại sân chim Vàm Hồ
25	Chương trình xây dựng hồ sơ công nhận Cây di sản Việt Nam – Cây Me (Đình Tân Hưng), xã Tân Hưng, huyện Ba Tri. Đề xuất hiệu chỉnh tên khoa học trên bia công nhận Cây di sản - Cây Bạch Mai (Đình Phú Tụ), xã Phú Hưng, Tp. Bến Tre.	2022	Đã được công nhận	Hội Bảo vệ thiên nhiên & Môi trường Việt Nam
26	Dự án xuất bản sách Truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên tác giả Nguyễn Đình Chiểu song ngữ Việt-Hàn.	2022	Đã hợp tác với ĐH Ngoại ngữ Hàn Quốc thực hiện thành công và đang phát hành, nhân rộng sang các thứ tiếng: Hindi (Ấn Độ), Thái Lan, Cambodia	Công ty ACCENDUS, Công ty SNA Việt Nam, Công ty VK LINK và Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam
27	Sáng kiến tổ chức Cuộc thi ảnh nghệ thuật chủ đề "Năng lượng thích ứng với biến đổi khí hậu Đồng bằng sông Cửu Long".	2022	Triển khai thành công 1 trong 13 sáng kiến của Diễn đàn Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long.	GreenIN thông qua VUSTA.

Nguồn: Nhóm STT Bến Tre và phòng NCKH&QHQT trường CĐ Bến Tre-9/2022.

Từ năm 2016 đến nay, Hướng ứng Chương trình Đồng Khởi Khởi nghiệp & Phát triển doanh nghiệp (ĐKKN&PTDN), Nhóm STT đã kết nối nâng cao năng lực thành viên nhóm theo mô hình mới. Từ những kết quả đạt được, môi trường hoạt động nhóm STKN tạo sự phấn khởi,

khuyến khích thành viên trong nhóm và các bạn trẻ có cùng mối quan tâm đến NCKH, mạnh dạn đề xuất những ý tưởng sáng tạo mang tính đột phá, tạo điều kiện cho Nhóm giữ vai trò nòng cốt kết nối thúc đẩy Chương trình ĐKKN&PTDN của tỉnh. nhóm đã hướng dẫn các startup trẻ tham gia các diễn đàn, các cuộc thi, phối hợp xây dựng đề án và tham gia các Chương trình, dự án theo định hướng khai thác thành quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH-CN vào cuộc sống: đã hỗ trợ xây dựng 7 Dự án dự Hội thi Sáng tạo Khởi nghiệp - 2016 cho Trung tâm BSA tổ chức tại Bến Tre, Tp Hồ Chí Minh và Cần Thơ, có 4 dự án đạt giải cấp quốc gia, qua đó kết nối Chương trình MeKong Startup; Chương trình Shark Tank Vietnam... về Bến Tre.

Với những kết quả ban đầu đạt được (Nhóm Sáng tạo Trẻ và 5 thành viên của nhóm được UBND tỉnh Bến Tre tặng 5 Bằng khen; Thanh tra Chính phủ - Ngân hàng Thế giới, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Chương trình tình nguyện Liên hiệp quốc – UNV, Trung tâm Phát triển doanh nghiệp xã hội Tia sáng - SPARK tặng 4 cúp và 4 bằng chứng nhận đạt giải VID, VACI...) mô hình Nhóm STT được khẳng định là 1 tổ chức nghiên cứu, giao lưu hợp tác quốc tế cấp địa phương có nhiều tiềm năng trong các hoạt động giúp SV, giới trẻ kết nối cùng doanh nghiệp, người dân tiếp cận hoạt động NCKH, sáng tạo và vận động đưa KHCN phục vụ đặc lực cuộc sống; xứng đáng là mô hình nghiên cứu, tập hợp những người yêu thích, say mê và tâm huyết NCKH, sáng tạo khởi nghiệp phát triển cộng đồng, nhằm tạo ra môi trường phát triển KNST bằng con đường học tập, nghiên cứu, sáng tạo. Ngày 5/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ký quyết định số 1528/QĐ-UBND công nhận mô hình *Nhóm STT là Sáng kiến cấp tỉnh* và cho chủ trương nhân rộng ra toàn tỉnh. Từ đó thông tin về nhóm STT được truyền thông trên các website và mạng xã hội<sup>6</sup>.

#### 4.2.3. Bài học kinh nghiệm triển khai hoạt động nhóm STT theo hướng tiếp cận KNST

Để triển khai hoạt động nhóm STT, kết nối khai thác nguồn lực xây dựng và nâng cao năng lực NCKH tiếp cận KNST, yêu cầu đặt ra là mỗi giảng viên, SV cần có ý thức, thái độ NCKH, học tập tích cực, chủ động, tự giác rèn luyện kiến thức, khả năng làm việc với tài liệu về KNST, tiếp cận đối tác một cách độc lập và đề xuất xây dựng kế hoạch đúng qui trình hoạt động có yếu tố nước ngoài. Với những kết quả ban đầu đạt được, môi trường hoạt động nhóm STT tạo sự phấn khởi và tự tin cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ QHQT gắn với KNST khuyến khích giảng viên, SV mạnh dạn đề xuất những ý tưởng sáng tạo mang tính đột phá, tạo điều kiện cho phòng NCKH-QHQT hoàn thành nhiệm vụ được giao và giữ vai trò nòng cốt trong kết nối thúc đẩy triển khai nghiên cứu phát triển cộng đồng, thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

4.2.3.1. Môi trường hoạt động nhóm STT luôn hướng đến mục tiêu giáo dục tính thích ứng trong một thế giới đa dạng, đầu óc tổ chức, tính chịu khó, kiên trì, thiết kế, tính sáng tạo trong mọi hoạt động. Tính chất đặc thù của nhóm STT là hoạt động theo tinh thần tự nguyện, phi lợi nhuận. Năm vững nét đặc thù này để tạo ra kênh tiếp cận các loại hình hoạt động xây dựng và nâng cao năng lực giảng viên, HSSV trong và ngoài nhà trường chú ý yêu cầu kết nối với KNST. Việc lựa chọn loại hình hoạt động có tiềm năng khai thác phục vụ yêu cầu xây dựng và nâng cao năng lực nhóm STT, thu hút sự quan tâm của cộng đồng đến nhóm STT,

<sup>6</sup> Các link truy cập ngày 12/9/2023 [http:// https://xudua.com/gioi-thieu;](http://https://xudua.com/gioi-thieu;)  
<http://philoinhuan.org/n.../index/ben-tre-young-creative-group;>  
<https://www.facebook.com/sangtao.tre.7>



có thể nói ở một góc độ nào đó cũng chính là quan tâm đến KNST của nhà trường, từ đó khai thác giá trị xây dựng năng lực NCKH tiếp cận KNST.



Hình 2. Một hoạt động thường niên của nhóm Sáng tạo Trẻ (Ảnh: Phúc Toàn)

4.2.3.2. Thông qua các dự án, tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn, diễn đàn, giao lưu... nhóm STT được mời dự tạo ra môi trường học tập, rèn luyện và NCKH tốt cho thành viên nhóm khi tận dụng tốt sự quan tâm, tư vấn của các nhà khoa học, chính khách, cựu giảng viên, cựu SV để nâng cao chất lượng phát hiện, xử lý thông tin và xây dựng hồ sơ dự án; đây là môi trường rất lý tưởng giúp nhóm STT học tập, tích lũy được nhiều phương pháp tiếp cận, biện pháp tích hợp, tạo ra sự hứng thú, tự tin phát huy khả năng sáng tạo của thành viên nhóm là cán bộ, giảng viên SV, cựu giảng viên, SV trong và ngoài nhà trường. Khai thác hoạt động nhóm STT thông qua các chuyến tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn, diễn đàn, giao lưu, các đề tài NCKH... để kết nối, mời gọi sự quan tâm, tham gia của các nhà khoa học, chính khách, giảng viên, cựu giảng viên, cựu SV nhà trường trong vai trò cố vấn, chuyên gia, thành viên danh dự, cộng tác viên nhóm STT. Thực hiện cơ chế tư vấn, tham vấn từ xa qua email và gặp gỡ trực tiếp khi tham dự các sự kiện, hội thảo, tập huấn. Khai thác hoạt động nhóm STT theo định hướng này đã mở ra kênh tiếp cận và kết nối doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ SV có địa điểm thực hành, thực tế về KNST. Phát triển hoạt động nhóm STT theo hướng chuyên nghiệp, bền vững là định hướng chiến lược đến 2025 của nhóm, đây là tiền đề xác lập NCKH là kênh tiếp cận và kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ SV có địa điểm thực hành, thực tế, nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp, lập nghiệp thông qua các dự án nhà trường chủ quản do nhóm STT kết nối.

4.2.3.3. Khai thác hoạt động NCKH, nhóm STT mở ra môi trường học tập, nghiên cứu, sinh hoạt học thuật; giao tiếp sử dụng tiếng Anh và tiếp cận các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh, ứng dụng công nghệ thông tin thúc đẩy khởi nghiệp, lập nghiệp tiếp cận kênh giáo dục quốc tế để tận dụng nguồn lực truyền thông tiếp cận và phát triển năng lực hoạt động KNST.



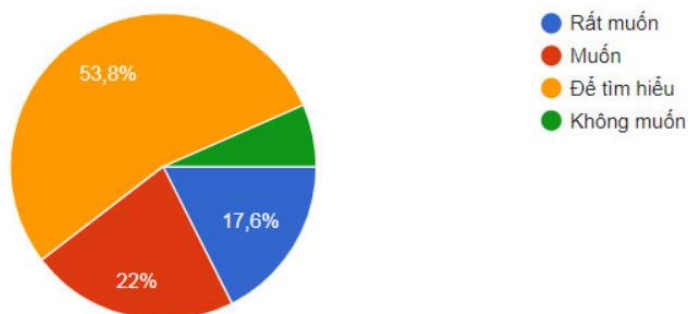
Hình 3. Trợ giảng tiếng Anh Chương trình Fulbright tham gia sinh hoạt nhóm STT (Ảnh: Phúc Toàn)

Theo qui định nội bộ nhóm STT, mỗi năm, thành viên chính thức của nhóm có ít nhất 1 – 3 sản phẩm KHCN, sáng kiến, ý tưởng sáng tạo, đề tài NCKH, chương trình, dự án (bài báo khoa học, bài trình bày, chia sẻ các nội dung đã được nhóm cử đi tập huấn, hội thảo...); thực hiện qui ước này đã tạo ra cho thành viên nhóm STT, nhất là các thành viên nhóm có được “thước đo” hiệu quả công tác thu thập, xử lý thông tin, tiếp cận và xác lập quan hệ đối tác qua kênh NCKH, giới thiệu và hướng dẫn SV tiếp cận thông tin dạng tiềm năng từ nguồn tài liệu trong và ngoài nước có thể khai thác phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ phục vụ KNST qua các chương trình, dự án KHCN và phát triển cộng đồng.

4.2.3.4. Khai thác hoạt động NCKH, nhóm STT đã mở ra kênh tiếp cận và nâng cao năng lực ch SV hình thành ý tưởng sáng tạo, nghiên cứu đề tài, viết đề xuất dự án, tìm kiếm đối tác vận động tài trợ thực hiện hoạt động KNST qua kênh đối ngoại nhân dân. Quá trình tham gia hoạt động phát triển cộng đồng đã giúp nhóm STT tiếp cận các chương trình sáng kiến, sáng tạo, khởi nghiệp, các hội thảo xúc tiến đầu tư, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong và ngoài tỉnh, giúp HSSV nhà trường có cơ hội tiếp thu, trao đổi, tích lũy những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong quá trình tiếp cận hình thành ý tưởng sáng tạo, viết đề xuất dự án, vận động tài trợ cho NCKH và hoạt động KNST qua đó thú hút sự quan tâm tìm hiểu tham gia nhóm STT của SV trong và ngoài tỉnh.

4.2.3.5. Bài học về tính hiệu quả trong hoạt động của nhóm STT; theo kết quả khảo sát của chúng tôi tại Khoa Quản trị doanh nghiệp, trường ĐH Công thương Tp. Hồ Chí Minh ngày 19- 27/8/2023 với sự tham gia trả lời của 91 SV, khi được hỏi “*Anh/chị có muốn tiếp cận hay dự định tham gia một hoạt động nào của Nhóm Sáng tạo Tré Bến Tre không?*” thu được kết quả như sau:

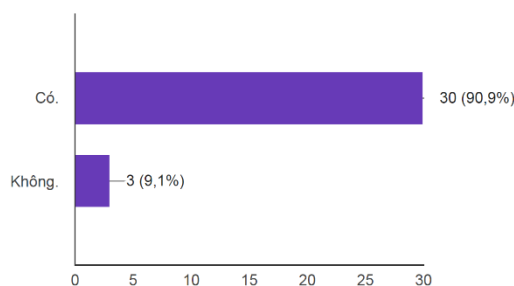
91 câu trả lời



(Nguồn: Nhóm tác giả- 2023)

Kết quả khảo sát có 39,6% SV được khảo sát trả lời “rất muốn” và “muốn”, 53,8% người được khảo sát trả lời “để tìm hiểu thêm”. Điều đó cho thấy nhóm STT đang là mối quan tâm của SV.

Kết quả khảo sát trong tỉnh Bến Tre với 102 SV trường CD Bến Tre: Khi được hỏi: “... nếu không thể tham gia nhóm STT, để đáp ứng vấn đề mà anh, chị đang quan tâm, theo anh, chị đơn vị của mình, tổ chức Đoàn, Hội, địa phương nên có tổ chức như nhóm STT không?”, chúng tôi nhận được phản hồi sau:



(Nguồn: Nhóm tác giả- 2023)

Khi được hỏi: “*Bạn cần sự hỗ trợ gì và đề xuất gì cho nhóm STT ?*”, chúng tôi nhận được ý kiến: “*Nhóm STT cần mở rộng phạm vi hoạt động*”.

Hiệu quả của nhóm STT được khẳng định bởi sự quan tâm, đề xuất hợp tác từ các doanh nghiệp, trường học, các tổ chức, cá nhân và các chương trình, dự án do nhóm STT đề xuất. Từ bốn bài học cụ thể trên đây cho thấy nhóm STT đã góp phần nâng cao khả năng tác nghiệp, năng lực hoạt động đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hỗ trợ SV NCKH, từ đó chủ động tham gia các hoạt động KNST, trực tiếp hình thành những phẩm chất và xây dựng năng lực NCKH cần thiết của SV trong một “*Quốc gia khởi nghiệp*”.

4.2.3.6. Bên cạnh các bài học đã nêu, chúng tôi rút ra kinh nghiệm khai thác hoạt động NCKH của nhóm STT tạo ra nhân tố tác động đến ý tưởng và hiệu quả hoạt động KNST, giúp SV NCKH tiếp cận KNST phục vụ yêu cầu đào tạo của trường ĐH:

+ Xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của NCKH gắn với KNST và việc hình thành nhóm STT gắn với yêu cầu rèn luyện nâng cao năng lực NCKH giải quyết những vấn đề thực tiễn ở trường ĐH.

+ Kết quả tham dự các hoạt động KNST, hưởng ứng Chương trình ĐKKN&PTDN của nhóm STT thông qua đó SV được nâng cao năng lực NCKH.

+ Kết quả khảo sát hoạt động của nhóm STT và tác động của nó đến quá trình hỗ trợ SV NCKH theo định hướng tiếp cận KNST.

+ Phân tích và tổng hợp các biện pháp được khai thác, áp dụng từ hoạt động của nhóm STT hướng tới tiêu điểm xây dựng và nâng cao năng lực SV NCKH thông qua kênh KNST.

Vấn đề NCKH phục vụ KNST hướng ra cộng đồng để huy động nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo hiện nay vừa là thời cơ, vừa là thách thức to lớn đối với tổ chức Đoàn và các trường ĐH; bởi hơn ai hết Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, các trường ĐH hiểu rất rõ chỉ có bằng con đường này chất lượng đào tạo - NCKH mới được khẳng định, nhà trường mới tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, cũng không vì chạy theo thành tích, triển khai NCKH một cách “*hình thức*”, máy móc, dôi dư, thiếu cân nhắc, tính toán, chuẩn bị tốt mô hình, phương thức hoạt động và đặc biệt coi trọng việc tìm ra những cơ chế, giải pháp cần thiết có tính thực tiễn cao nhằm tạo ra nhân tố thúc đẩy hình thành ý tưởng và nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH lấy KNST trong SV làm mục tiêu và động lực của phòng trào NCKH.



## 5. Kết luận

Quá trình hình thành và hoạt động của nhóm STT 13 năm qua khẳng định, nhóm STT đã góp phần quan trọng tạo ra môi trường giúp giảng viên và SV Bến Tre được trải nghiệm, tập dượt NCKH để thích nghi và tự trang bị các tri thức về tâm lý, giáo dục, các tri thức khoa học và năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu tiếp cận và thực hiện các đề tài, dự án NCKH gắn với hoạt động KNST ở Bến Tre. Điều này thể hiện cụ thể qua các dự án, chương trình đã được triển khai. Đây là môi trường tạo ra nền tảng có tác dụng rèn luyện và nâng cao hiểu biết, phát huy khả năng linh hoạt của SV trong NCKH. Từ đó rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong thực hành NCKH, kết nối với các hoạt động chuyên môn thể hiện trong từng bài giảng, học phần. Quá trình thực hiện các dự án, chương trình có yếu tố nước ngoài được coi là cầu nối thích hợp, chuẩn bị những tiền đề cơ bản cho SV ham thích NCKH gắn với KNST. Trong quá trình hoạt động nhóm STT, các hoạt động được thiết kế dựa trên quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và pháp luật nhà nước về KHCN; tích hợp tổ chức các hoạt động nghiên cứu, tiếp cận thực tiễn, giúp SV từng bước làm quen với NCKHT, qua đó xây dựng và nâng cao năng lực KNST.

Thiết nghĩ, cơ chế phối hợp giúp các trường khai thác, sử dụng hiệu quả mô hình Ngày Sáng tạo Việt Nam của WB chỉ có thể được xác lập trên cơ sở các bộ, ngành, tổ chức Đoàn ở trung ương, địa phương có chủ trương mạnh mẽ giúp các tổ chức Đoàn, trường ĐH nghiên cứu, xây dựng các chương trình đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế thông qua các chương trình, dự án cụ thể, thiết thực như chương trình VID, VACI... thúc đẩy NCKH trong SV, phát triển KNST. Do đó, các tổ chức Đoàn, trường ĐH cần được các cơ quan chức năng, cộng đồng, các nhà tài trợ cả trong và ngoài nước ủng hộ về mọi mặt tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, có những diễn đàn thiết thực bàn thảo sâu hơn về cơ chế phối hợp giúp thầy cô giáo, SV NCKH tiếp cận, nung nấu ý tưởng đến hành động sáng tạo trong xây dựng các mô hình thúc đẩy đào tạo, NCKH phát triển nguồn lực cho KNST. Những hoạt động thiết thực đem lại niềm tin của xã hội đối với các tổ chức Đoàn và nhà trường trong quá trình đóng góp công sức xây dựng một "nước Việt Nam ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" từ khâu đột phá là NCKH, tạo ra những nhân tố quan trọng tác động đến ý tưởng và hiệu quả hoạt động KNST của SV các trường ĐH trong bối cảnh hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của nhóm Sáng tạo Trẻ Bến Tre (từ 2015-2022).
- [2] *Bến Tre tiên phong Chương trình "Đồng khởi khởi nghiệp"*, link truy cập ngày 15/9/2023, link <https://baodautu.vn/ben-tre-tien-phong-chuong-trinh-dong-khoi-khoi-nghiep-d135184.html>
- [3]- Phạm Minh Hạc – Trần Kiều – Đặng Bá Lãm – Nghiêm Đình Vỹ (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI* (sách tham khảo). NXB Chính trị Quốc gia.
- [4] Khôi Nguyên (2020), *Bến Tre: Thúc đẩy sáng tạo khởi nghiệp theo tinh thần Đồng Khởi mới*, link truy cập ngày 15/9/2023, link <http://dost-bentre.gov.vn/tin-tuc/2322/ben-tre-thuc-day-sang-tao-khoi-nghiep-theo-tinh-than-dong-khoi-moi>
- [5] Khôi Nguyên (2020), *Nhóm sáng tạo khởi nghiệp Bến Tre nhiều hoạt động thiết thực hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ trong giới trẻ tỉnh nhà*, link truy cập ngày 15/9/2023, link <http://dost-bentre.gov.vn/tin-tuc/2297/nhom-sang-tao-khoi-nghiep-ben-tre-nhieu-hoat-dong-thiet-thuc-ho-tro-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-trong-gioi-tre-tinh-nha>

[6] Nguyễn Thị Oanh (1999), *Giáo dục phát triển*, Ban xuất bản ĐH Mở Bán công TP Hồ Chí Minh.

[7]- Raja Roy Singh (1994), *Nền giáo dục cho thế kỷ XXI: Những triển vọng của châu Á - Thái Bình Dương*, Viện KHGD Việt Nam.

[8] *Tài liệu hướng dẫn đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp dành cho sinh viên* (2018), thuộc Đề án 1665 về "Hỗ trợ Học sinh, Sinh viên Khởi nghiệp đến năm 2025" (Nhóm chuyên gia Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Bách Khoa Hà Nội biên soạn),

[9] Lâm Trúc (2018) *Nhóm Sáng tạo khởi nghiệp tham gia Chương trình Sáng kiến đổi mới trước thách thức của mục tiêu thiên niên kỷ* link truy cập ngày 15/9/2023, link 018, <http://hiephoiduabentre.com.vn/index.php?Module=Content&Action=view&id>

[10] C.Trúc (2022), *Phát động kế hoạch thực hiện Chương trình Đồng khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2*, link truy cập ngày 15/9/2023, link <https://baodongkhoi.vn/phat-dong-ke-hoach-thuc-hien-chuong-trinh-dong-khoi-khoi-nghiep-va-phat-trien-doanh-nghiep-giai-doan-11032022-a97837.html>

[11] The World (2013), "Vietnam Women's Innovation Day 2013" Launched, Themed "Women's Economic Empowerment – Link truy cập 15/9/2023, link <http://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2013/03/13/vietnam-womens-innovation-day-2013-launched-themed-womens-economic-empowerment-8221>

[12] Trần Xuân, *Bến Tre: Nhiều nỗ lực trong tạo lập hệ sinh thái khởi nghiệp và đẩy mạnh hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp* link truy cập ngày 15/9/2023, link <http://dongkhoikhoinghiiep.vn/ben-tre-nhieu-no-luc-trong-tao-lap-he-sinh-thai-khoi-nghiep-va-day-manh-ho-tro-phat-trien-doanh-nghiep/>

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Trần Anh Hà

Phòng KHCN&HTQT Trường Đại học Quy Nhơn

\*Tác giả liên hệ: trananhha@qnu.edu.vn

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* giải pháp, hoạt động nghiên cứu khoa học

Bài viết này không ngoài mục đích mang lại cho các bạn sinh viên một số thông tin hữu ích, góp phần kết nối nhiều hơn giữa các bạn sinh viên với hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Quy Nhơn; khơi mào tiềm năng nghiên cứu khoa học, niềm say mê khám phá tri thức và kỹ năng tìm kiếm tri thức; kỹ năng mềm; kỹ năng tổng hợp thông tin cần thiết cho công tác nghiên cứu khoa học. Đồng thời, chia sẻ một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học.

### 1. Giới thiệu chung

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của trường đại học là đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH), trong đó hoạt động NCKH sinh viên (SV) có vai trò quan trọng trong đánh giá hiệu quả, chất lượng đào tạo của nhà trường. Một trong các nhiệm vụ và quyền hạn của các trường cao đẳng, đại học, học viện là “triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.” (Điều 28, Khoản 2, Luật Giáo dục Đại học) (6). Tuy nhiên, đối tượng của hoạt động Khoa học công nghệ trong nhà trường đại học không chỉ bao gồm giảng viên và các nhà khoa học khác, mà còn có cả sinh viên (SV) thuộc các loại hình đào tạo đang theo học tại trường. Điều này thể hiện qua mục tiêu “hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học” mà hoạt động Khoa học Công nghệ của nhà trường hướng tới (Điều 39, Khoản 2, Luật Giáo dục Đại học) (6).

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đã nêu: “Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả NCKH, chuyển giao công nghệ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số trường đại học. Có chính sách khuyến khích học sinh, SV NCKH” (1). Đồng thời, nghị quyết cũng đã nêu những nhiệm vụ, giải pháp, trong đó: “... Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học...” (1).

Việc tham gia hoạt động NCKH trong trường đại học không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học, tích lũy, mở rộng kiến thức chuyên môn mà còn tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện khả năng tư duy phản biện, kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ

năng tư duy độc lập hay kỹ năng thuyết trình...), góp phần phát huy khả năng chủ động, sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn và tạo ra nhiều sản phẩm giá trị cao.

Với sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ, Trường Đại học Quy Nhơn luôn quan tâm chú trọng và đẩy mạnh hoạt động NCKH nói chung và NCKH của sinh viên nói riêng. Nhà trường coi đây là một nhiệm vụ quan trọng bên cạnh quá trình đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; khẳng định thương hiệu, uy tín hàng đầu của trường trong khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên và cả nước, hướng đến đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á.

Trong những năm qua, NCKH là một trong những hoạt động thường niên của sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn; hàng năm, Trường triển khai nhiều hoạt động như tổ chức các hội nghị, hội thảo trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu, trang bị cho sinh viên những phương pháp học tập, nghiên cứu mới, hiện đại; kết hợp với việc giao lưu giữa sinh viên với các nhà khoa học uy tín, các doanh nghiệp khoa học công nghệ thành công nhằm thu hút sự quan tâm và thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH. Mỗi năm, Trường hỗ trợ kinh phí cho hàng trăm đề tài NCKH của sinh viên và thu hút hàng ngàn sinh viên tham gia thực hiện đề tài ở tất cả các lĩnh vực đào tạo của Trường. Ngoài ra, sinh viên và giảng viên còn được hỗ trợ kinh phí thực hiện các nghiên cứu của mình từ chủ nhiệm các đề tài, dự án, chương trình khoa học công nghệ... kinh phí hỗ trợ cho các đề tài được tăng theo hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tiễn, nhất là những đề tài được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín và định hướng ứng dụng thực tiễn. Tất cả sinh viên tham gia thực hiện đề tài NCKH được nghiệm thu với kết quả từ loại "Đạt" trở lên, đều được Trường cấp giấy chứng nhận.

Giải thưởng NCKH của sinh viên cấp Trường được tổ chức thường niên nhằm xét chọn các công trình chất lượng, giá trị ứng dụng thực tiễn cao hoặc ý tưởng có thể xây dựng, triển khai thành đề án sáng tạo, khởi nghiệp. Bên cạnh đó, Trường tổ chức xét chọn các công trình NCKH của sinh viên chất lượng gửi tham dự các giải thưởng sinh viên NCKH cấp tỉnh, cấp bộ; giải thưởng Euréka và giải thưởng sinh viên NCKH của các tổ chức, doanh nghiệp. Cuối mỗi năm học, Trường tổ chức Hội nghị Sinh viên NCKH nhằm tổng kết, đánh giá công tác NCKH của sinh viên và trao thưởng cho các nhóm sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH; công bố rộng rãi, trưng bày sản phẩm đề tài, bài báo khoa học, các mô hình, mẫu vật, pilot, poster về kết quả nghiên cứu của đề tài; qua đó khơi dậy niềm say mê học tập, nghiên cứu, ý thức đổi mới, sáng tạo trong sinh viên và tạo sức lan tỏa cho hoạt động NCKH trong sinh viên toàn trường.

Trong 5 năm, giai đoạn 2016-2020, Trường đã có 436 đề tài NCKH của sinh viên và thu hút gần 1456 sinh viên tham gia thực hiện nghiên cứu. Trong số đó có 117 đề tài đạt giải thưởng sinh viên NCKH cấp Trường, 13 đề tài đạt giải sinh viên NCKH cấp Bộ và 06 đề tài đạt giải sinh viên NCKH Euréka. Năm học 2023-2024, số lượng đề tài tăng nhanh từ 74 đến 96 đề tài. Các nhóm nghiên cứu ngày càng được đầu tư về tài chính và chất lượng đề tài, đáng chú ý có nhiều đề tài đạt giải cao như giải Nhất, giải Nhì cấp Bộ GD&ĐT; chất lượng nghiên cứu của các đề tài ngày càng được nâng cao, thể hiện ở việc ngày càng có nhiều bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, các tạp chí thuộc danh mục Scopus; nhiều sản phẩm của đề tài là các mô hình, pilot có khả năng ứng dụng cao và giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp, địa phương.

Bên cạnh việc duy trì, thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên, Nhà trường thường xuyên đổi mới quản lý hoạt động khoa học công nghệ và xây dựng kế hoạch NCKH trong sinh viên từng năm học, Trường còn hướng đến việc chủ động tìm kiếm, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh để vừa thu hút nguồn tài trợ, tạo điều kiện phát triển các đề tài NCKH của sinh viên có tính ứng dụng thực tiễn cao hơn. Theo kế hoạch, bắt đầu từ năm học 2021-2022, Trường sẽ tổ chức sự kiện Open Days về hoạt động NCKH cho giảng viên và sinh viên nhằm thu hút sự quan tâm NCKH không chỉ cho giảng viên, sinh viên trong trường mà còn cho học sinh phổ thông và những người yêu khoa học.



Một số hình ảnh về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Quy Nhơn

## **2. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên**

Song song với những kết quả đạt được trong công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên (NCKHSV), cùng với sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo nhà trường, sự năng nổ, nhiệt tình của chuyên viên quản lý, giảng viên hướng dẫn và sự nỗ lực của các nhóm sinh viên nghiên cứu, trong thời gian qua, còn bộc lộ một số vấn đề mang tính thực tiễn cần phải xem xét và cần nhiều giải pháp khắc phục, cụ thể như sau:

Hiện nay, hoạt động NCKHSV chưa thật sự thu hút nhiều sự quan tâm của sinh viên vì nhiều lý do: nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động này chưa cao; cơ chế thu hút sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Quan trọng hơn là tư tưởng học tập thụ động của sinh viên; sinh viên chỉ học bài và ôn bài khi chuẩn bị bước vào các kỳ thi, "xoay quanh" giảng đường với những bài học trên lớp, chưa chủ động nghiên cứu, tìm tòi cơ hội được học tập và nâng

cao kiến thức thực tiễn. Một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay thiếu sự đam mê học tập, chưa có mục tiêu phấn đấu rõ ràng và không có kế hoạch cụ thể, kiểu đối phó, học để đáp ứng mong muốn, yêu cầu của gia đình về việc "phải có tấm bằng đại học"...

Sự hiểu biết của sinh viên về phong trào NCKH trong trường chưa đủ cả về chất và lượng; công tác thông tin tuyên truyền thường xuyên về trách nhiệm, quyền lợi, hiệu quả của việc NCKSV đến với sinh viên còn hạn chế, nhất là sinh viên năm nhất; vì thế, các bạn sinh viên hầu hết coi việc NCKH là khá xa vời, chỉ dành cho những sinh viên xuất sắc, không phải là mình. Không ít bạn trẻ chưa hiểu rõ NCKH là như thế nào, không biết bắt đầu từ đâu hay nghiên cứu những gì. Việc nghiên cứu mất nhiều thời gian và không giúp ích gì cho việc học trên giảng đường, chưa chú trọng việc rèn luyện các kỹ năng mềm trong quá trình học tập.

Sinh viên chưa chủ động tìm ra hướng nghiên cứu mới mang tính sáng tạo, đột phá, còn thụ động chờ sự định hướng, chỉ bảo của giảng viên làm cho các đề tài nghiên cứu còn nghèo nàn, lỗi mòn, thiếu tính ứng dụng thực tiễn trong cuộc sống hiện nay;

Một số giảng viên còn xem nhẹ công tác NCKHSV, chỉ tham gia mang tính bắt buộc, đối phó, chưa thật sự mặn mà với việc NCKHSV nên chất lượng một số đề tài chưa cao;

Một số giảng viên, sinh viên chưa nắm rõ quy chế, quy định, quy cách hoạt động NCKHSV làm hạn chế sự phối hợp giữa chuyên viên quản lý, giảng viên và sinh viên, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành đề tài nghiên cứu; các bài viết đăng tuyển tập NCKH của sinh viên còn nhiều lỗi chính tả, nghèo nàn về nội dung, ít tuân thủ cấu trúc quy định của Trường và chưa thông qua quy trình phản biện chặt chẽ như Tạp chí khoa học của Trường.

### **3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên**

Xuất phát từ thực trạng trên, trong phạm vi bài viết, tôi chỉ tập trung đề xuất một số giải pháp nâng cao hoạt động NCKHSV, góp phần lan tỏa nhiệt huyết NCKH trong đội ngũ sinh viên; giúp các bạn có góc nhìn tích cực hơn về hoạt động này. Đồng thời mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong trường Đại học Quy Nhơn:

- Nâng cao vai trò, nhận thức của giảng viên, người học về tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bằng các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích, động viên các em tích cực tham gia hoạt động này.

- Thể chế hóa nguồn kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên qua Quy chế chi tiêu nội bộ, việc thành lập Quỹ Khoa học & Công nghệ của Trường. Đặc biệt ưu tiên cho các đề tài có sản phẩm là công bố khoa học trên tạp chí uy tín và có mô hình, ứng dụng thực tiễn.

- Từng bước hoàn thiện Quy định Khoa học & Công nghệ, đổi mới sáng tạo của Trường, trong đó cụ thể hóa quy trình và các chế tài nhằm thúc đẩy và phát triển hoạt động này; đẩy nhanh tiến độ xét duyệt và cấp kinh phí hỗ trợ đề tài; bên cạnh đó, chi tiết hóa hệ thống biểu mẫu liên quan và công bố rộng rãi thông tin trên cổng thông tin điện tử của Trường và các kênh thông tin khác góp phần lan tỏa nhiệt huyết và tinh thần nghiêm túc tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học đến từng giảng viên, người học.

- Khuyến khích người học tham gia hoạt động nghiên cứu ngay từ năm thứ nhất để mở rộng cơ hội tham gia nhiều giải thưởng lớn dành cho sinh viên. Kết nối chặt chẽ người học và



người hướng dẫn, định hướng nghiên cứu ngay từ giai đoạn thai nghén đề tài, để tránh mất nhiều thời gian và tập trung vào các nghiên cứu khả thi về tài chính và chất lượng nghiên cứu.

- Tăng cường các hoạt động bổ ích phát huy tính sáng tạo, tìm tòi khoa học trong môi trường sinh viên như: Ngày khoa học & công nghệ của Trường, Open days... Xây dựng chặt chẽ mạng lưới doanh nghiệp kết nối với trường học trong công tác nghiên cứu, tăng cường khả năng ứng dụng thực tiễn của các đề tài, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế địa phương; Khuyến khích phát triển các hình thức khởi nghiệp, dự án ươm ươm sáng tạo trong môi trường sinh viên.

#### **4. Kết luận**

- Sinh viên là lực lượng trẻ, đầy nhiệt huyết, dám nghĩ dám làm, có thời gian và khả năng sáng tạo không ngừng được hỗ trợ, phát triển dưới mái trường đại học. Vấn đề hạn chế là do sinh viên chưa nhận thức được lợi ích từ công tác NCKH đem lại trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay. Thông tin từ Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết tỷ lệ sinh viên nghiên cứu khoa học vẫn còn thấp, chất lượng nhiều đề tài chưa cao, chưa bám sát yêu cầu của đời sống; nguyên nhân mấu chốt của vấn đề này là do kinh phí hỗ trợ cho sinh viên NCKH còn thấp; nhiều trường thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất, thiếu cán bộ hướng dẫn nhiệt huyết, có tâm; chưa có chính sách động viên và khuyến khích thầy cô đóng góp tích cực cho công tác NCKH sinh viên.

- Hoạt động NCKH mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho sự phát triển của đời sống xã hội và đất nước. Thực tế còn tồn tại nhiều rào cản đối với hoạt động này, làm nản lòng không ít các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, sức mạnh và ý chí nội tại luôn giữ vai trò quan trọng. Hi vọng rằng hoạt động NCKH của SV sẽ tiếp tục là một mảng sáng trên bức tranh NCKH quốc gia và bài viết này là một kênh thông tin hữu ích, góp phần kết nối nhiều hơn các bạn sinh viên với hoạt động NCKH tại Trường Đại học Quy Nhơn; góp phần khơi mào tiềm năng nghiên cứu khoa học, khám phá tri thức; khả năng tìm kiếm, kỹ năng tổng hợp thông tin và các kỹ năng mềm trước khi tìm việc.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. Thông tư 26/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành ngày 17 tháng 9 năm 2021 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học.
3. Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-ĐHQN của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành ngày 28 tháng 4 năm 2022.
4. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên <<http://qttc.vimaru.edu.vn/vi/nckh/kinh-nghiem-nckh-danh-cho-sinh-vien>> truy cập ngày 17/2/2023.
5. Trần Ngọc Thảo Nguyên, Thực trạng nhận thức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Sài Gòn, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, 2018, 95-98 <[file:///C:/Users/Admin/Downloads/19tran-ngoc-thao-nguyen%20\(1\).pdf](file:///C:/Users/Admin/Downloads/19tran-ngoc-thao-nguyen%20(1).pdf)>, truy cập ngày 17/2/2023.
6. Luật Giáo dục Đại học 2012 <[http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=163054](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=163054)> truy cập ngày 17/2/2023.

# MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ VIỆC THÚC ĐẨY PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN – GÓC NHÌN TỪ BỐI CẢNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH

Lâm Quốc Bảo<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: bao.lq@ou.edu.vn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p><i>Từ khóa:</i></p> <p>Nghiên cứu khoa học, sinh viên, phân tích, lợi thế, hàm ý quản trị.</p>	<p>Sinh viên nghiên cứu khoa học là một hoạt động vô cùng ý nghĩa cả về mặt học thuật lẫn giáo dục. Với vị thế là Trường Đại học tiên phong trong chuyển đổi số, trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện chuẩn hóa quy trình quản lý nghiên cứu khoa học sinh viên với hệ thống phần mềm hiện đại. Các chính sách cũng được triển khai rộng rãi và đạt được nhiều hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế tồn đọng cần được giải quyết. Theo đó, tham luận đề xuất một số kiến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh hiệu quả hơn.</p>
<p><i>Keywords:</i></p> <p>Scientific research, student, analysis, advantage, managerial implication.</p>	<p><b>ABSTRACT</b></p> <p>Student scientific research is a significant activity both academically and educationally. As a pioneering university in digitalization, Ho Chi Minh City Open University has standardized students' scientific research management process with a modern software system. Policies have also been widely implemented and achieved many effects. However, there are still some outstanding limitations that need to be overcome. Accordingly, this article proposes some management implications to promote the scientific research activities of students at Ho Chi Minh City Open University more effectively</p>

## 1. Giới thiệu

Nền tảng phát triển và thúc đẩy thế giới đổi mới nhanh nhất chính là hoạt động nghiên cứu khoa học (Schwartz và cộng sự, 2023). Từ khi khoa học bắt đầu xuất hiện, các kinh nghiệm, các đúc kết mang tính chủ quan được kiểm nghiệm và khám phá, từ đó tạo ra các thành tựu mang tính nhảy vọt đối với cuộc sống cả nhân loại. Với quan điểm khoa học là “sự phát minh phức tạp, sáng tạo và đẳng cấp cao”, khoa học hàn lâm chưa thực sự được phổ biến và chuyển hóa thành khoa học thực nghiệm rộng rãi trong đại chúng (Scola và cộng sự, 2021). Tuy nhiên, với trình độ kinh tế-xã hội phát triển, nghiên cứu khoa học đã được phổ biến hơn, từ đó hầu như những cá nhân có nhu cầu phát triển năng lực nghiên cứu khoa học hàn lâm đều có thể tiếp cận ở một phương diện cơ bản hơn, nhưng lại sâu sắc và mang tính sáng tạo hơn.

Nhận thức được vai trò của việc phát huy tư duy khoa học, các nhà giáo dục đã thực hiện triển khai giảng dạy bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học ở giảng đường đại học. Đây không chỉ nhằm phát triển các nhà khoa học mà còn giúp cho sinh viên/học viên phát triển khả năng ứng dụng khoa học một cách thực tiễn hơn. Theo đó, nhằm tạo cơ hội cho sinh



viên cạnh tranh năng lực khoa học, phát huy kỹ năng nghiên cứu, cuộc thi Sinh viên nghiên cứu Khoa học được tổ chức hằng năm tại các Trường đã mang lại nhiều thành tựu đáng kể. Thậm chí, có nhiều sinh viên và nhóm sinh viên có công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín – điều mà trước đây chỉ có các nhà khoa học với học vị cao mới có thể làm được. Đây cũng là bàn đạp lớn để các em có thể phát triển tương lai hiệu quả hơn, dù trong khía cạnh học thuật hoặc bất kỳ công việc trí thức nào khác.

Thuận theo xu thế phát triển đó, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện xây dựng chính sách ngày càng hoàn thiện đối với hoạt động Nghiên cứu Khoa học Sinh viên. Với hàng trăm đề tài được thực hiện hàng năm, Trường luôn tạo điều kiện tối ưu để các em có thể hoàn thiện được đề tài với chất lượng cao. Dù vậy, vẫn có những bất cập gây cản trở trong quá trình thực hiện triển khai các hoạt động thúc đẩy phong trào Sinh viên nghiên cứu Khoa học của nhà Trường. Theo đó, bài tham luận này kỳ vọng đóng góp một số phân tích và kiến nghị nhằm cải thiện chất lượng triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tiết kiệm, hiệu quả và tối ưu. Ngoài ra, nội dung tham luận giới hạn ở phạm vi năm học 2022-2023 nhằm đảm bảo tính cập nhật và chi tiết thông tin.

Bài tham luận được bố cục thành các phần gồm giới thiệu vấn đề, bối cảnh triển khai hoạt động Sinh viên nghiên cứu Khoa học, đánh giá tổng quan và một số kiến nghị.

## **2. Bối cảnh triển khai hoạt động Sinh viên Nghiên cứu Khoa học năm học 2022-2023**

### *2.1 Giai đoạn triển khai kế hoạch*

Trong năm học 2022-2023, đây là giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid. Việc triển khai hoạt động Sinh viên nghiên cứu Khoa học trong thời điểm này là một điều không mấy dễ dàng với tất cả các Trường Đại học. Riêng đối với Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, hoạt động được bắt đầu vào thời điểm tháng 8/2022. Các em sinh viên nhận được kế hoạch thông báo triển khai và thực hiện đề cương nghiên cứu. Sau đó, Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học thực hiện tổng hợp kết quả chấm đề cương và phân công giảng viên hướng dẫn phù hợp đối với các đề cương đạt yêu cầu.

### *2.2 Giai đoạn thực hiện chính*

Các đề tài có tổng thời gian thực hiện là 6 tháng. Sinh viên/nhóm sinh viên dưới sự hướng dẫn của Giảng viên hướng dẫn sẽ hoàn thành đề tài trong thời hạn cho phép. Các công bố cũng được thực hiện trong thời gian này.

### *2.3 Giai đoạn nghiệm thu đề tài*

Các đề tài được hoàn toàn quản lý dựa trên hệ thống sinh viên nghiên cứu Khoa học được xây dựng và chứng nhận bản quyền bởi Trường Phòng Hợp tác và Quản lý Khoa học. Hội đồng chấm nghiệm thu bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, các thầy, cô có chuyên môn cao trong lĩnh vực được mời tham dự Hội đồng chấm. Đặc biệt, với định hướng giáo dục mở, khách quan, có đến 50% hội đồng có sự tham dự của các thầy, cô ngoài trường.

Sau khi có kết quả từ Hội đồng chấm, Ban Giám hiệu trực tiếp chỉ đạo Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học thành lập Hội đồng nghiệm thu toàn trường nhằm xét điều kiện hoàn thành và điều kiện đạt giải cho các đề tài đã nghiệm thu.

### **3. Đánh giá tổng quan**

#### *3.1 Các chính sách*

Như đã trình bày, các chính sách của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh luôn mang tính chất hỗ trợ tối đa các nguồn lực để sinh viên có thể hoàn thành đề tài một cách hiệu quả, chất lượng và đảm bảo liêm chính khoa học. Theo đó, các chính sách đề ra sẽ bao hàm các khía cạnh liên quan đến nghiên cứu khoa học, trong đó chính yếu là kinh phí thực hiện và huấn luyện kỹ năng nghiên cứu. Đối với kinh phí, trường có chế độ cấp học bổng để hỗ trợ khuyến khích sinh viên. Học bổng có sự phân biệt theo chất lượng hoàn thành của đề tài nhằm tạo động lực khuyến khích cho các bạn sinh viên. Ngoài học bổng, trường có chế độ thưởng đối với đề tài đạt giải cũng như các chính sách hỗ trợ về tài chính và chuyên môn cho các đề tài tham dự các cuộc thi khác ngoài trường.

Thứ hai, về huấn luyện kỹ năng nghiên cứu, nhà trường chỉ đạo các Khoa thực hiện Hội nghị sinh viên nghiên cứu Khoa học cấp Khoa cũng như các hội thảo, workshop định kỳ nhằm hướng dẫn tổng quan đối với sinh viên về phương pháp nghiên cứu khoa học. Các giảng viên hướng dẫn cũng được yêu cầu phải sát sao theo dõi tình hình triển khai nghiên cứu của sinh viên. Nói một cách tổng quát, mức độ triển khai một đề tài nghiên cứu tại Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh hoàn toàn được thực hiện như quá trình của một luận văn thạc sĩ.

Hoạt động công bố khoa học của các đề tài cũng được quan tâm sát sao. Các công bố khoa học quốc tế được hưởng mức khen thưởng tương đương với giảng viên. Đây cũng là động lực lớn để các giảng viên và sinh viên phối hợp phát triển công bố khoa học ngay trong thời gian hạn hẹp như vậy.

#### **3.2 Một số quan điểm về triển khai hoạt động sinh viên nghiên cứu Khoa học**

##### *3.2.1 Tiếp cận từ góc độ sinh viên*

Trong quá trình triển khai, nhà trường khuyến khích các giảng viên truyền thông mạnh về hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học của nhà trường. Theo đó, các sinh viên cũng nhận thức được cơ bản về hoạt động này và tham gia năng nổ với số lượng đề tài lớn. Sinh viên cũng có cái nhìn tích cực đối với tiến trình triển khai kế hoạch của nhà trường. Cụ thể, Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học không nhận được các phản hồi tiêu cực liên quan đến quá trình triển khai. Song song đó, hầu hết các bạn tham gia đều cho rằng thời gian thực hiện nghiên cứu là phù hợp, các đợt gia hạn đề tài cũng tạo cho các bạn cơ hội để hoàn thiện đề cương, đề tài tốt hơn khi nộp.

Các bạn sinh viên có tham gia Đoàn, Hội xem đây là một cơ hội để hoàn thiện hồ sơ của mình. Các bạn khác thì cũng nhận thấy rằng nhà trường tạo điều kiện tối ưu và thường trực giải quyết các khúc mắc của các bạn theo nhiều cấp độ, từ quá trình làm việc với giảng viên hướng dẫn, Khoa và Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học sẵn sàng giúp đỡ các bạn khi có thắc mắc liên quan đến thủ tục hoặc thậm chí là chuyên môn.

Bên cạnh các đánh giá lạc quan, một số bạn có phàn nàn về việc chậm trễ trong việc nhận được học bổng. Nhà Trường vẫn đang cố gắng hoàn thiện quy trình thanh toán sớm và hiệu quả nhất cho các bạn.

### *3.2.2 Tiếp cận từ góc độ giảng viên hướng dẫn*

Đây là người theo sát sinh viên trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Các kỹ năng, phương pháp, cách thức nghiên cứu và trình bày nghiên cứu khoa học đều được truyền tải đến sinh viên chủ yếu thông qua giảng viên hướng dẫn. Các thủ tục hành chính liên quan cũng được thông qua giảng viên hướng dẫn để truyền đạt cho sinh viên. Theo đó, vai trò của người giảng viên là cực kỳ quan trọng.

Hầu hết giảng viên đều xem trọng hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học của nhà trường. Các thầy, cô có nghĩa vụ tham gia hướng dẫn sinh viên theo chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, nhưng không vì vậy mà họ qua loa, ngược lại rất năng nổ và nhiệt tình tham gia hướng dẫn. Riêng đối với hoạt động triển khai của Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học, các thầy cô cho rằng kế hoạch được triển khai rõ ràng, chi tiết. Các mốc thời gian, nội dung công việc, quy định, mức điểm, mức thưởng và các yếu tố khác đều chặt chẽ và logic. Nhà trường cũng tạo điều kiện cho thầy cô tham gia hướng dẫn nghiên cứu khoa học khi tính giờ nghỉ vụ nghiên cứu cho quý thầy cô, đồng thời họ cũng tỏ ra hài lòng với mức thù lao nhận được sau khi tham gia hướng dẫn một đề tài nghiên cứu.

Các thầy cô cũng chỉ ra một số điểm hạn chế trong quá trình thực hiện đề tài rằng nhà Trường chưa thực hiện truyền thông mạnh mẽ và đa dạng về sinh viên nghiên cứu khoa học. Chỉ thông qua sự dẫn dắt của các thầy cô trong quá trình giảng dạy là chưa đủ. Thêm nữa, giảng viên hướng dẫn ngoài trường đôi khi chưa liên kết chặt chẽ với Khoa mà chỉ làm việc với sinh viên, vì vậy đôi khi chưa có thể tiếp cận sát sao và quy chuẩn về hoạt động này.

### *3.3 Thành tựu đạt được*

Mặc dù có nhiều rào cản như vậy, hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh vẫn có nhiều thành tựu đáng tự hào. Với sự quan tâm mạnh mẽ và chỉ đạo xuyên suốt của ban giám hiệu, Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học tổ chức thành công cuộc thi Sinh viên nghiên cứu Khoa học năm học 2022-2023.

Trường đã đạt thành tựu kỷ lục với 370 đề tài được nghiệm thu đạt yêu cầu. Có đến 14 công bố trên tạp chí Khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước. Đặc biệt, 5 trong số đó là tạp chí danh mục Scopus và ISI. Đây là một bước tiến lớn trong việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Tổng cộng có 17 giải nhất, 37 giải nhì, 61 giải ba đã được xét đạt điều kiện khen thưởng. Điều này khẳng định được quy chuẩn chất lượng của các đề tài nghiên cứu. Mặc dù chỉ là sinh viên và kinh nghiệm nghiên cứu còn ít, các em cũng đã nỗ lực và hoàn thành đề tài đúng thời gian quy định và đạt được thành tích cao.

Nhà trường đã đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đây cũng là nỗ lực rất lớn của nhà trường để có thể tổ chức một cuộc thi quy mô, khách quan và tạo ra hứng thú thật sự cho các em sinh viên tham gia vào hoạt động mang tính chất kết hợp giữa ứng dụng và thực tiễn như vậy.

Trên cơ sở các đề tài đã thực hiện, trong năm học 2022-2023, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh đã đạt được 01 giải nhì cuộc thi sinh viên nghiên cứu Khoa học cấp Bộ, 1 giải nhì cuộc thi Eureka lần thứ 24 và nhiều giải thưởng khác ngoài trường. Điều này chứng minh

được đăng cấp của các đề tài và chất lượng khoa học của những ý tưởng nghiên cứu của các bạn ngay từ khi còn là sinh viên.

### *3.4 Ưu điểm*

Ưu điểm của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh trong việc triển khai hoạt động Sinh viên nghiên cứu khoa học có nhiều khía cạnh, tuy nhiên trong đó bao gồm các yếu tố chính, cụ thể:

- Thứ nhất, đội ngũ giảng viên của Trường luôn được tuyển chọn gắt gao và đảm bảo chất lượng hàng đầu trong việc đào tạo. Đồng thời, năng lực nghiên cứu của quý thầy, cô được chứng minh thông qua chất lượng và cả số lượng công bố quốc tế. Do đó, các sinh viên được học tập về phương pháp nghiên cứu khoa học vừa đa dạng, vừa chất lượng và đảm bảo được quy mô khoa học của một đề tài nghiên cứu đúng chuẩn.

- Thứ hai, sinh viên của Trường đi theo định hướng chủ động học tập và định hướng ứng dụng. Vậy nên, ham muốn học hỏi, khám phá của sinh viên cũng là động lực lớn để các em có thể vượt qua nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện đề tài.

- Thứ ba, quy trình quản lý của Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học nói riêng cũng như Nhà Trường nói chung đã được chuẩn hóa sau nhiều năm triển khai. Gần như nghiên cứu khoa học sinh viên đã trở thành một văn hóa khác của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh và được duy trì liên tục qua nhiều thế hệ sinh viên.

- Thứ tư, với tư cách là một trường tiên phong trong chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong giáo dục, hầu hết quá trình quản lý đều được số hóa và chuẩn hóa trên cơ sở hệ thống phần mềm của Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học. Vì vậy, công tác tổ chức được diễn ra nhanh chóng và hiệu quả.

- Các chính sách triển khai mang lại thế cân bằng đối với phân công nhiệm vụ giảng viên, lợi ích của sinh viên và danh tiếng của nhà trường. Chính sách hiệu quả cả về kinh tế lẫn cơ chế đã mang lại thành công lớn hàng năm cho cuộc thi Sinh viên nghiên cứu Khoa học cấp Trường của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.

### *3.5 Hạn chế*

Bên cạnh các ưu điểm và lợi thế như trên, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh còn gặp phải một số hạn chế như sau:

- Sinh viên chưa được tiếp cận sớm về nghiên cứu khoa học sinh viên ngay khi mới vào Trường. Điều này dẫn đến việc các đề tài thường do sinh viên năm thứ ba hoặc năm thứ tư chủ trì.

- Giảng viên hướng dẫn và sinh viên đôi khi không tìm được tiếng nói chung về ý tưởng nghiên cứu hoặc phương pháp nghiên cứu, do đó có thể khiến đề tài không thể tiếp tục thực hiện được.

- Việc nhận được kinh phí thực hiện đề tài của sinh viên còn chậm trễ, việc này đôi khi khiến cho động lực nghiên cứu của sinh viên vào các năm tiếp theo bị sụt giảm dần.

#### **4. Kết luận và một số hàm ý quản trị**

Về cơ bản, sinh viên nghiên cứu khoa học là một phong trào mang nhiều ý nghĩa cả về tính học thuật lẫn về mặt giáo dục đạo đức. Thông qua đó, sinh viên học được nhiều kỹ năng về nghiên cứu, tư duy khoa học, hình thức trình bày một văn bản đúng chuẩn quốc tế. Ngoài ra, các em còn học được cách thức làm việc nhóm, kiên trì và năng lực làm việc độc lập tốt hơn. Đây cũng là cơ hội để các giảng viên giao tiếp sâu hơn với sinh viên, thậm chí là phát triển khả năng nghiên cứu, khám phá ý tưởng nghiên cứu thông qua các đề tài của sinh viên. Tuy nhiên, nhằm phát triển được hoạt động sinh viên nghiên cứu Khoa học tốt hơn, hiệu quả hơn, tham luận này xin phép đưa ra một số kiến nghị.

Đầu tiên, sinh viên hầu hết đều thích thú khi tham gia khám phá một hoạt động mới, kiến thức mới cũng như môi trường mới. Tuy nhiên, lý do hầu hết sinh viên trả lời khi được hỏi lý do không tham gia nghiên cứu khoa học sớm có 3 khía cạnh thường thấy. Thứ nhất, họ không biết về hoạt động này. Thứ hai, họ có biết đến nhưng không dám tham gia vì nghĩ rằng hoạt động này quá khó và không thể thực hiện. Thứ ba, họ muốn tham gia nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Theo đó, các kiến nghị của tác giả cũng dựa trên từng khía cạnh này.

Về lý do sinh viên không biết đến hoạt động, nhà trường có thể thực hiện truyền thông hoạt động này ngay khi sinh viên vừa nhập học. Cụ thể, các buổi sinh hoạt công dân, trong sổ tay sinh viên, trong các hoạt động liên quan đến họp mặt tập thể sinh viên đều nên dành thời gian đề cập đến nghiên cứu khoa học sinh viên. Ban cán sự lớp, Đoàn, Hội sinh viên cũng cần được tuyên truyền kỹ lưỡng để họ truyền đạt lại với sinh viên trong lớp, trong Hội.

Khi sinh viên đã biết đến hoạt động nhưng không dám bắt đầu thực hiện, đó là họ chưa hiểu rõ được quy mô, yêu cầu cũng như bản chất của hoạt động nghiên cứu khoa học. Các giảng viên có thể dành một phần thời gian giúp cho các bạn hiểu hơn về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, cũng có thể tổ chức nhiều hoạt động liên quan đến học tập phát triển phương pháp luận nghiên cứu hơn trong sinh viên.

Thứ ba, việc định hướng từ ban đầu là cực kỳ quan trọng. Có lẽ, mầm mống tốt nhất để sinh viên tiếp cận phương pháp nghiên cứu khoa học chuẩn, chính, chính quy là thông qua môn học phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Do đó, các thầy, cô giảng dạy bộ môn này nên khuyến khích sinh viên tham gia thực hiện đề tài xuyên suốt thời gian học tập để nâng cao tinh thần của các em. Thậm chí, đề tài, ý tưởng nghiên cứu tốt trong thời gian học cũng nên được phát triển thành đề tài mới.

Kiến nghị thứ hai nhằm khuyến khích phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học hiệu quả là sự kết nối giữa giảng viên với sinh viên trong quá trình thực hiện đề tài, ví dụ thường xuyên tổ chức các đợt báo cáo định kỳ về hoạt động nghiên cứu và tình hình thực hiện đề tài nói chung tại các đơn vị (Khoa chuyên môn), thành lập các diễn đàn thảo luận về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên để các em cũng như thầy, cô có không gian trao đổi thảo luận sâu hơn.

Trên đây là một số phân tích và kiến nghị về thúc đẩy hoạt động sinh viên nghiên cứu Khoa học trong bối cảnh Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh. Trong tương lai, có thể thực hiện các nghiên cứu mang tính chất tổng hợp chuỗi thời gian và sử dụng kho dữ liệu của nhiều trường đại học hơn.

Đối với giải Eureka, đề xuất xem xét tăng số lượng đề tài cho lĩnh vực Kinh tế vì đây là một lĩnh vực khá rộng, số lượng sinh viên nhiều nhiều trường có số lượng sinh tập trung rất lớn trong lĩnh vực này. Vì thế việc giới hạn 10 đề tài cho lĩnh vực này phần nào hạn chế cơ hội của các bạn sinh viên ở các trường đó.

#### **Lời cảm ơn**

Chân thành cảm ơn Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh cùng Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học đã hỗ trợ về mặt số liệu phân tích cho tham luận này.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Schwartz, A. C., Hickman, B., Borowczak, A. C. B., Dale, D. A., & Myers, A. D. (2023). Roles of Technology in the Science Classroom: Meta-Analysis, Example Vignettes, and Guidance for Teacher Practitioners and Educators. In *Theoretical and Practical Teaching Strategies for K-12 Science Education in the Digital Age* (pp. 208-237). IGI Global.
- Scola, B., Bucci, L. C., & Baglione, L. (2021). "Pale, male, and stale"? An analysis of introductory readers in political science. *Journal of Political Science Education*, 17(sup1), 770-793.

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Ths. Lý Hoàng Oanh

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: oanhlh@hub.edu.vn

---

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

---

Triết lý giáo dục đại học luôn xem “người học là trung tâm”, đề cao tinh thần tự học và sự chủ động của người học. Để phát huy tính tích cực của sinh viên (SV), các trường đại học ở Việt Nam hiện nay đã và đang trong quá trình đổi mới, hoàn thiện chương trình đào tạo cũng như phương pháp giảng dạy theo chuẩn AUN-QA. Theo đó, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong SV là một hoạt động đang được quan tâm và đẩy mạnh vì tính thiết thực và hữu ích đối với SV trong việc tiếp cận làm quen và vận dụng các phương pháp NCKH, góp phần rèn luyện tư duy khoa học và nâng cao chất lượng đào tạo.

Trên thực tế, hoạt động NCKH hiện nay của SV tại các trường đại học ở Việt Nam còn khá hạn chế mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tính thụ động của SV và sự thiếu định hướng về hoạt động nghiên cứu. Nhận thức được vấn đề này, một số trường đại học đã thành lập câu lạc bộ (CLB) nghiên cứu khoa học cho SV. Trong quá trình hoạt động, CLB đã tích cực hỗ trợ SV thông qua các buổi gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ những vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu đã mang lại kết quả khả quan trong hoạt động NCKH của SV với nhiều thành tích đáng ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động NCKH của SV cũng như hoạt động của CLB NCKH còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Do đó, cần có những giải pháp tích cực để vực dậy và phát triển vai trò của CLB NCKH góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu trong SV tại trường đại học.

*Từ khóa:* Hoạt động nghiên cứu khoa học, Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học

---

## 1. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

### 1.1 Mục tiêu:

Tìm hiểu những vấn đề chung về hoạt động NCKH, Câu lạc bộ NCKH của SV.

Đánh giá tình hình hoạt động NCKH của SV và vai trò của câu lạc bộ NCKH của SV tại các trường đại học.

Đề xuất kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH, Câu lạc bộ NCKH của SV tại các trường đại học.

### *1.2. Phương pháp nghiên cứu:*

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc tổng hợp và phân tích một số vấn đề liên quan đến hoạt động NCKH, Câu lạc bộ NCKH của SV tại các trường đại học.

## **2. Đặt vấn đề**

NCKH không chỉ là phương pháp học tập mà còn là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học, tạo nguồn lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Việc tham gia NCKH giúp cho SV hình thành và bồi dưỡng sự kiên trì, nhẫn nại, khắc phục khó khăn, tìm tòi sáng tạo, tính khách quan, chính xác... Thông qua hoạt động NCKH, mỗi SV tăng thêm sự hiểu biết về nghề, hình thành, bồi dưỡng tình cảm đối với công việc tương lai của mình.

Một môi trường học tập tốt luôn đi đôi với một sân chơi lành mạnh, bổ ích và ý nghĩa. CLB NCKH là nơi để SV trong và ngoài trường có thể giao lưu, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau đồng thời cũng là nơi để các bạn SV có thể nâng cao kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Môi trường hữu ích của CLB NCKH sẽ lan tỏa tri thức trong tập thể trong các thế hệ SV, thể hiện tinh thần trách nhiệm, tương thân tương ái trong học tập, rèn luyện. CLB NCKH có nhiệm vụ chính là hỗ trợ các bạn SV trong quá trình học tập và NCKH, từ đó thúc đẩy phong trào NCKH của SV tại các trường đại học ngày càng vững mạnh hơn.

Trong phạm vi bài tham luận, tác giả tập trung phân tích về hoạt động NCKH của SV. Bên cạnh đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV cũng như đẩy mạnh vai trò CLB NCKH của SV tại các trường đại học.

## **3. Cơ sở lý luận về hoạt động NCKH và CLB NCKH của SV tại các trường đại học**

### **3.1. Một số khái niệm**

*Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV:* là hoạt động của SV trong việc tìm kiếm, xem xét, điều tra, hoặc thử nghiệm. Dựa trên những số liệu, tài liệu, kiến thức... đạt được từ các thí nghiệm NCKH để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, về thế giới tự nhiên, xã hội nhằm sáng tạo phương pháp và phương tiện kỹ thuật mới có giá trị hơn.

*CLB NCKH của SV:* là nơi tập hợp những SV có cùng sở thích, cùng nhu cầu NCKH. CLB NCKH vừa là một loại hình tổ chức, vừa là một phương thức hoạt động, là một bộ phận quan trọng của tổ chức Hội SV, nhằm hỗ trợ giải quyết những vấn đề quan trọng trong học tập và NCKH của SV trong môi trường đại học.

### *3.2. Vai trò và nhiệm vụ của CLB NCKH*

Đào tạo kiến thức, rèn luyện kỹ năng NCKH cho thành viên CLB. Các thành viên CLB giữ vai trò nòng cốt trong hoạt động NCKH của trường đại học.

Hỗ trợ SV trong quá trình học tập và NCKH, thúc đẩy phát triển phong trào NCKH.



Là cầu nối quan trọng giữa giảng viên và SV trong trường đại học, giữa SV trong trường cũng như giữa SV trong trường với các trường đại học khác.

Tạo cơ hội cho SV phát triển các kỹ năng mềm trong môi trường lành mạnh, thân thiện cho SV học tập, nghiên cứu và trao đổi kiến thức kinh tế - xã hội, từ đó làm cơ sở để phát triển kỹ năng NCKH.

Tạo điều kiện để các SV được tiếp xúc với thực tế và học hỏi trực tiếp với các lãnh đạo các doanh nghiệp, đúc kết kinh nghiệm ứng tuyển từ các nhà tuyển dụng.

### *3.3. Các hoạt động chủ yếu của CLB NCKH*

Tổ chức cho SV đăng ký đề tài nghiên cứu, giới thiệu giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu nghiên cứu, thu nhận đề tài và đề nghị thành lập hội đồng thẩm định đề tài. Các đề tài nghiên cứu này do Ban Chủ nhiệm CLB đã liên hệ, thống nhất với các khoa chuyên môn hoặc do SV tự nghiên cứu. Nội dung các đề tài phải phù hợp với chương trình đào tạo của nhà trường. Thời gian nghiên cứu của đề tài do Ban Chủ nhiệm CLB quy định.

Tổ chức báo cáo đề tài nghiên cứu của các SV, tổng kết đợt nghiên cứu, đề nghị khen thưởng, cộng điểm học tập cho những SV có đề tài nghiên cứu đạt kết quả tốt. Các Hội nghị Báo cáo Tổng kết cần tổ chức trang trọng, mời SV trong trường tham gia, tạo không khí thi đua NCKH trong SV.

Tổ chức giao lưu SV với các doanh nghiệp, tham quan thực tế các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực được đào tạo. Các địa điểm này do Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm liên hệ.

Tổ chức các cuộc thi về chuyên ngành.

Tổ chức các cuộc tọa đàm mời báo cáo viên là các chuyên gia, các nhà khoa học về chuyên đề là các lĩnh vực mà SV quan tâm, có tác dụng thiết thực cho việc học tập và nghiên cứu của SV.

Tổ chức các cuộc thi NCKH cấp trường và Euréka cấp thành phố.

Trang bị kỹ năng mềm cần thiết: kỹ năng nói trước công chúng, quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp, xây dựng đội nhóm, kỹ năng trình bày bài NCKH hoàn chỉnh...cho SV.

Phát triển cho SV các kỹ năng học tập, tư duy cần thiết để học tập và nghiên cứu hiệu quả.

## **4. Hoạt động NCKH và vai trò CLB NCKH của SV tại các trường đại học Việt Nam**

### *4.1. Các kết quả đạt được*

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH với quá trình học tập của SV, phần lớn các trường Đại học hiện nay đã thành lập CLB NCKH SV quy tụ các SV xuất sắc, với nhiều tố chất nghiên cứu.

Khi vào quỹ đạo hoạt động, CLB NCKH của SV đã tạo ra một sân chơi sáng tạo, phát triển phong trào nghiên cứu, có định hướng cụ thể với sự tư vấn chuyên môn của các giảng viên, các nhà khoa học, có nguồn tài chính và cơ sở vật chất để phát triển hoạt động. Đồng thời, CLB NCKH cũng đã ứng dụng các sản phẩm NCKH vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp... từ các ý tưởng sáng tạo của SV.

Bên cạnh đó, CLB NCKH đã tổ chức nhiều buổi trao đổi với các chuyên gia, cũng như các giảng viên của các trường đại học để cung cấp cho SV thông tin bổ ích về hoạt động

NCKH. Điều này, làm cho hoạt động NCKH trở nên gần gũi hơn với SV và động viên, khuyến khích các bạn tham gia.

Cùng với sự phát triển của CLB NCKH, hoạt động NCKH của SV dần được cải thiện theo chiều hướng tích cực hơn. Số lượng đề tài NCKH của SV tại các Trường Đại học tăng lên về số lượng lẫn chất lượng. Nhiều đề tài SV đầu tư nghiên cứu được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xuất sắc, giỏi và có tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Nhiều công trình nghiên cứu của SV, nhóm SV đạt giải thưởng cấp quốc gia, cấp bộ, cấp thành phố...

Đây là những kết quả đáng ghi nhận trong phong trào NCKH của SV tại các trường đại học. Thông qua quá trình thực hiện đề tài khoa học đã giúp cho SV hình thành, củng cố và phát triển năng lực, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, cách giải quyết vấn đề chuyên môn và vận dụng tri thức và phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn đồng thời khơi dậy niềm đam mê và sáng tạo khoa học.

#### *4.2. Những hạn chế tồn tại*

Song song với kết quả đạt được thì hoạt động NCKH của SV tại các trường đại học nhìn chung vẫn chưa thực sự phát triển mạnh mẽ, chưa tạo được sự lan tỏa thành phong trào nghiên cứu rộng khắp trong toàn thể SV. Những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động NCKH của SV, cụ thể:

*Thứ nhất:* Số lượng SV đăng ký đề tài chưa nhiều, chủ yếu là SV đại học hệ chính quy năm thứ 3, 4. Đa số SV năm 1, 2 còn chưa quen, còn thờ ơ hoặc không quan tâm đến công tác nghiên cứu. Bên cạnh đó, chất lượng một số đề tài chưa cao, một số đề tài, công trình nghiên cứu của SV chưa mang tính thiết thực, chưa phù hợp với năng lực NCKH của SV.

*Thứ hai:* Vấn đề sử dụng kết quả NCKH của SV chưa được khai thác triệt để. Thực tế, chỉ có một số ít đề tài được sử dụng làm tài liệu tham khảo, còn phần lớn đề tài của SV không được quan tâm sử dụng dẫn đến lãng phí trong công tác nghiên cứu và giảm giá trị thực tiễn của đề tài cho dù các công trình nghiên cứu của SV thực sự được đánh giá hiệu quả cao.

*Thứ ba:* Về công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động NCKH của SV chưa được quan tâm khuyến khích đúng mức và kịp thời nhằm tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy SV tham gia tích cực hoạt động NCKH. Một số trường Đại học chưa quy định bắt buộc SV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH dẫn đến tình trạng SV ỷ lại, chây lười hoặc NCKH mang tính chất đối phó, qua loa, thực hiện không nghiêm túc.

#### *4.3. Nguyên nhân của những tồn tại*

Những hạn chế trong hoạt động NCKH của SV được phân tích trên chủ yếu xuất phát từ những nguyên nhân chính, cụ thể như sau:

##### *Về phía CLB NCKH của SV*

CLB NCKH hoạt động không thường xuyên và liên tục, thời gian sinh hoạt còn bị ngắt quãng, cầm chừng. Các sản phẩm NCKH chủ yếu khởi phát từ một số cá nhân, nhóm SV riêng lẻ chưa lan tỏa và tạo hiệu ứng cho toàn thể SV. Vì vậy, kết quả hoạt động chưa thật sự cao, chưa gắn kết được các thành viên trong CLB lại với nhau, chưa tổ chức được nhiều hoạt động thiết thực để nâng cao kỹ năng NCKH trong SV, nhất là đối với những SV năm 1 mới nhập học.

Hoạt động của CLB NCKH của SV tại các trường đại học vẫn mang tính chất đơn lẻ, chỉ tập trung trong SV đại học chính quy, chưa có sự tham gia, gắn kết với SV các hệ đào tạo khác như: SV hệ liên thông, hệ vừa học vừa làm cũng như SV chương trình đào tạo chất lượng cao.

Nội dung hoạt động của CLB NCKH của SV còn mang tính hình thức, chưa chú ý nhiều chất lượng các buổi sinh hoạt chuyên môn, các chủ đề sinh hoạt của CLB còn sơ sài. Vì vậy chưa thu hút được sự tham gia đông đảo và tích cực từ phía SV.

Kinh phí để CLB NCKH của SV còn hạn hẹp nên các hoạt động diễn ra còn hạn chế, quy mô nhỏ, chưa đạt được kết quả như mong muốn.

#### *Về phía SV*

SV gặp khó khăn trong việc lựa chọn đề tài NCKH phù hợp với bản thân.

Hoạt động NCKH của SV thiếu tính định hướng khiến nhiều SV cảm thấy NCKH là một nhiệm vụ khó có thể thực hiện được, hoặc hầu hết SV đã bỏ dở giữa chừng hoặc làm nghiên cứu mang tính đối phó.

Phần lớn SV thụ động, ngại khó, ngại nghiên cứu tài liệu.

SV thiếu kinh nghiệm thực tế và hạn chế về phương pháp nghiên cứu.

Bên cạnh đó, trình độ tiếng anh của SV còn tương đối hạn chế đã gây áp lực lớn trong việc nghiên cứu tài liệu nước ngoài.

#### *Về phía các trường đại học*

Hiện nay, vẫn còn một số trường Đại học tư thục chưa có sự quan tâm đúng mức đến hoạt động NCKH của SV cũng như hoạt động của CLB NCKH trong SV. Điều này đã làm hạn chế năng lực nghiên cứu của SV tại trường.

Phần lớn các trường Đại học ở Việt Nam chưa có chế tài và quy định bắt buộc hoạt động NCKH phải gắn liền với chuẩn đầu ra của SV phù hợp với chuyên ngành, trình độ đào tạo (đặc biệt là SV chương trình đào tạo chất lượng cao) mà chỉ dừng lại ở góc độ khuyến khích SV tập làm quen với hoạt động NCKH.

Chưa chú trọng đến việc tạo ra sân chơi bổ ích về hoạt động NCKH cho SV toàn trường.

### **5. Một số đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV tại các trường Đại học.**

#### **Đối với CLB NCKH của SV**

Tích cực duy trì hoạt động của CLB NCKH thường xuyên và liên tục thông qua việc nhanh chóng xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của CLB để hoạt động NCKH trong SV từng bước được đi vào nề nếp ổn định.

CLB NCKH cần phối hợp chặt chẽ với các khoa, bộ môn, các phòng chức năng để thường xuyên nắm bắt tình hình, trao đổi, giải đáp kịp thời và giúp đỡ SV trong hoạt động NCKH.

CLB NCKH tập trung tổ chức các buổi trao đổi khoa học định kỳ nội dung bao gồm báo cáo các hướng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, dự án nghiên cứu hay trao đổi bình luận các bài báo khoa học. Các hội thảo này đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành các môi trường nghiên cứu, trao đổi chuyên môn dành cho tất cả SV trong và ngoài trường đại học.

### Đối với SV

Chủ động tham gia vào các câu lạc bộ NCKH của trường và của khoa.

Rèn luyện và tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm hình thành ý thức NCKH cho bản thân.

Liên kết với các thành viên khác tổ chức các nhóm học tập và NCKH hiệu quả nhằm phát huy tinh thần đoàn kết và sức mạnh tập thể trong công tác nghiên cứu.

Chủ động liên hệ với các giảng viên để nhận được sự hỗ trợ của thầy, cô về lĩnh vực mà bản thân hoặc nhóm đang tiến hành nghiên cứu.

Đối với các trường đại học, các khoa quản lý chuyên ngành, các giảng viên

Cần định hướng hoạt động NCKH của SV phải trở thành phong trào phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu.

Xây dựng quy định chi tiết và cụ thể hoạt động NCKH phải gắn liền với chuẩn đầu ra của SV cho từng hệ đào tạo, từng chương trình đào tạo.

Kiến tạo các cuộc thi học thuật về hoạt động NCKH cho SV đồng thời hỗ trợ kinh phí cho cuộc thi nhằm khuyến khích SV tham gia. Định hướng nghiên cứu cho các đối tượng SV các hệ đào tạo có thể tham gia NCKH.

Tăng cường tổ chức cho SV giao lưu với các doanh nghiệp để tăng khả năng tiếp xúc và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn.

Đưa vào khai thác, sử dụng các đề tài NCKH SV phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, học tập.

Nghiêm túc thực hiện công tác thi đua khen thưởng đồng thời phải có chế tài kỷ luật đối với hoạt động NCKH của SV trong toàn trường.

Khuyến khích các cán bộ, giảng viên tham gia vào CLB để SV có nhiều cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm tham gia nghiên cứu đề tài khoa học.

Giảng viên cần tạo các chuyên đề để SV thảo luận và thuyết trình nhóm nhằm tạo điều kiện cho mọi SV được bày tỏ quan điểm, khuyến khích sự chủ động và tự tin, giúp SV rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan.

### **Kết luận**

Hoạt động NCKH mang lại nhiều lợi ích thiết thực trong quá trình học tập của SV tại trường đại học, một mặt giúp SV đào sâu kiến thức tăng sự hiểu biết, mặt khác hình thành các kỹ năng nghiên cứu, góp phần rèn luyện tư duy khoa học. Chính vì vậy, thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV ngày càng mạnh mẽ là điều hết sức cần thiết góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học theo chuẩn. Để thực hiện được điều này cần có những giải pháp mang tính đồng bộ đòi hỏi sự nỗ lực và phối hợp giữa trường đại học, CLB NCKH, giảng viên và SV.

Thông qua bài tham luận này, tác giả hy vọng góp phần đóng góp một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của CLB NCKH SV tại các trường Đại học ở Việt Nam.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Quy chế tổ chức và hoạt động câu lạc bộ nghiên cứu khoa học Học viện hành chính.  
Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của Sinh viên trường Đại học Kinh tế - Luật.  
Quy định Về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

# NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

TS. Lê Thị Yên

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

\*Tác giả liên hệ: [Lethiyenkttdt@gmail.com](mailto:Lethiyenkttdt@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:*

Nghiên cứu khoa học, Sinh viên, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học Sinh viên từ góc nhìn của sinh viên. Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ khảo sát sinh viên tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Kết quả phân tích là cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học Sinh viên.

### 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng không chỉ đối với các giảng viên, các nhà khoa học mà còn với sinh viên, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) chẳng những giúp giảng viên có thể nâng cao kiến thức chuyên môn, mà còn giúp sinh viên vận dụng phương pháp luận và kiến thức mình học được vào thực tiễn. Đồng thời đây còn là hành trang quý cho sinh viên trong tương lai.

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội là ngôi trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, sinh viên của nhà trường được đào tạo đa dạng từ kỹ thuật, kiến trúc, thiết kế đến kinh tế và quản lý đô thị. Nhà trường vẫn đang tích cực cải tiến chất lượng đào tạo thông qua nhiều phương pháp khác nhau, trong đó phải kể đến là vấn đề đẩy mạnh công tác NCKH trong sinh viên, đây là một giải pháp khá hữu hiệu cho việc nâng cao chất lượng đào tạo trong trường đại học. Tuy nhiên, không phải đơn vị nào cũng thực hiện tốt hoạt động này. Có những nguyên nhân chủ quan và khách quan tác động đến hoạt động này. Bên cạnh đó phải nhắc đến là nhận thức của sinh viên về hoạt động NCKH còn hạn chế, từ đó phong trào NCKH của sinh viên chưa trở thành một làn sóng mạnh.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của sinh tại nhà trường.

### 2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng không chỉ của giảng viên mà đối với cả sinh viên. NCKH là một trong những kênh hữu giúp sinh viên bổ sung kiến thức thực tế bên cạnh việc học tập từ thầy cô, bạn bè trên ghế nhà trường. Tuy nhiên, hoạt động NCKH của sinh viên Việt Nam nói chung, sinh viên các trường ĐH nói riêng còn nhiều hạn chế. Việc phân tích thực trạng hoạt động NCKH, xác định các nhân tố ảnh hưởng

đến khả năng tham gia NCKH đối với sinh viên là việc làm cần thiết, từ đó đưa ra một số gợi ý nhằm góp phần đẩy mạnh hoạt động NCKH trong sinh viên.

Với tầm quan trọng của nó, có nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện như: Tác giả Đặng Danh Lợi và Lê Hoàng Việt Lâm (2011) đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả NCKH, từ đó góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong sinh viên các trường ĐH, cao đẳng vùng Đồng bằng sông cửu long. Hay tác giả Đặng Thị Vân (2006) đã xác định nhận thức của sinh viên trường ĐH Nông nghiệp 1 về hoạt động NCKH. Tác giả Nguyễn Quốc Nghi (2011) chỉ ra thực trạng về hoạt động NCKH trong sinh viên, từ đó chứng minh rằng chính hoạt động NCKH đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tác giả Nguyễn Thị Mai và cộng sự (2014) trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra những lợi ích của hoạt động NCKH bao gồm cả người hưởng thụ thành quả và người tạo ra thành quả NCKH đó. Tác giả cũng chỉ ra những nhân tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động NCKH của sinh viên trường ĐH Ngoại thương cơ sở II, và chỉ ra rằng, giáo viên hướng dẫn là một trong những yếu tố có vai trò quan trọng nhất và ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động NCKH của sinh viên, sau đó là sự hạn chế về kiến thức và niềm đam mê trong NCKH của sinh viên. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hoạt động NCKH của sinh viên trường ĐH Ngoại thương cơ sở II.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng, mỗi một môi trường khác nhau, mỗi khu vực khác nhau có những đặc điểm khác nhau về con người, về nhận thức, về điều kiện kinh tế... Vì vậy, rất khó để lấy kết quả nghiên cứu của khu vực này áp dụng cụ thể cho khu vực/đơn vị khác. Việc nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội là cần thiết, để từ đó gợi ý một số giải pháp nhằm tăng cường hoạt động NCKH của sinh viên trong trường.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học kiến trúc Hà Nội, nguồn số liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập thông qua điều tra trực tiếp bằng việc sử dụng bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp.

Theo Hair & ctg (2006) cho rằng, để sử dụng phân tích nhân tố, kích thước mẫu tối thiểu là 50, tốt hơn là 100 và tỷ lệ quan sát/biến đo lường là 5:1, nghĩa là một biến đo lường cần tối thiểu là 5 quan sát.

Tác giả lựa chọn xác định mẫu theo quan điểm của tác giả Nguyễn Văn Thắng (2014), số lượng mẫu tối thiểu để có thể thực hiện các phép phân tích thống kê là 100, tác giả lựa chọn cỡ mẫu là 100 ứng với 100 em sinh viên được lựa chọn để phỏng vấn thu thập dữ liệu.

Thông qua tham khảo các tài liệu nghiên cứu của tác giả Chử Bá Quyết (2014), Nguyễn Thúy Phương, Lê Thị Xuân Sang (2014), Trần Thị Kim Phương (2014), tác giả đã xác định 7 nhóm tiêu chí được cho là có ảnh hưởng đến khả năng tham gia NCKH của sinh viên. Nhóm tác giả sử dụng mô hình phân tích nhân tố và quy ước biến từ V1 đến V7. Cụ thể như sau:

**Bảng 1. Diễn giải các biến của mô hình nghiên cứu**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Tên biến</b>	<b>Thang đo</b>
V1	Quy trình thanh quyết toán phức tạp	1→5

V2	Năng lực của bản thân và sở thích tham gia NCKH	1→5
V3	Được khen thưởng và tham gia vào các cuộc thi NCKH của sinh viên	1→5
V4	Sự nhiệt tình của giảng viên hướng dẫn (GVHD)	1→5
V5	Khả năng giao tiếp, thuyết trình, sắp xếp thời gian giữa học tập và NCKH	1→5
V6	Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài	1→5
V7	Thông tin về các hoạt động NCKH	1→5

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng trong nghiên cứu.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

Thực trạng tham gia hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội được thể hiện qua các khía cạnh: Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH, vai trò tham gia, năm tham gia thực hiện.

**Bảng 2: Thực trạng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học**

Tiêu chí		Số mẫu ( N )	Tỷ lệ ( % )
<b>Có tham gia</b>		47	14,46
Vai trò tham gia	Chủ nhiệm đề tài	9	19,14
	Thành viên tham gia	38	80,86
Năm tham gia thực hiện	Năm thứ 1	0	0,0
	Năm thứ 2	16	34,04
	Năm thứ 3	26	55,31
	Năm thứ 4	5	10,65
<b>Không tham gia</b>		278	85,54

*Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả*

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH còn rất hạn chế (14,46%). Trong đó có 19,14 % sinh viên tham gia với tư cách là chủ nhiệm đề tài, 80,86% sinh viên tham gia với vai trò là thành viên của đề tài. Tuy sinh viên năm thứ 4 hội đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện đề tài NCKH, nhưng do phải hoàn thành khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp và giới hạn về thời gian thực hiện đề tài nên tỷ lệ sinh viên năm thứ 4 tham gia NCKH là khá thấp (10,65%). Đa số sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học là sinh viên năm thứ 3 (55,31%) và sinh viên năm thứ 2 (34,04). Số lượng sinh viên năm thứ 1 tham gia đề tài NCKH là 0, lý do được các em trả lời: Do các em mới nhập học, còn bỡ ngỡ với phương pháp học tập mới, thầy cô mới, môi trường mới. Các em chưa đủ tự tin và kiến thức về tham gia hoạt động NCKH. Đồng thời, việc cập nhật kiến thức của các em còn rất hạn chế.



**Bảng 3: Nhận thức của sinh viên về hoạt động NCKH**

<b>Nhận thức về hoạt động Nghiên cứu khoa học</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ (%)</b>
Rất quan trọng	0	0
Quan trọng	1	1
Ít quan trọng	24	24
Không quan trọng	75	75
<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả*

Kết quả khảo sát cho thấy, khoảng 24% số lượng sinh viên được phỏng vấn cho rằng hoạt động nghiên cứu khoa có có tác động tới sinh viên, tuy nhiên mức độ quan trọng của nó được đánh giá là ít, có hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được và không có cũng sẽ không ảnh hưởng gì tới nghề nghiệp cũng như công việc học tập của sinh viên. Khoảng gấp 3 lần số sinh viên được phỏng vấn trả lời rằng, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên không quan trọng so với số sinh viên trả lời có vai trò nhưng ít quan trọng (khoảng 75% sinh viên).

Tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học đã được khẳng định cả về mặt lý luận thông qua những công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố, mà nó đúng trong thực tế. Nghiên cứu khoa học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan hơn, rèn luyện khả năng logic cũng như các kỹ năng mềm trong công việc... Từ đó, giúp sinh viên có thể bắt nhịp tốt hơn và nhanh hơn với các công việc được phân công cũng như sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

Nhằm đo lường mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia NCKH của sinh viên, thống kê mô tả các biến được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

**Bảng 4: Thống kê mô tả các biến**

<b>Descriptive Statistics</b>		
	<b>Mean</b>	<b>Std. Deviation</b>
V1	3.80	.473
V2	3.77	.490
V3	3.51	.507
V4	3.51	.507
V5	3.37	.490
V6	3.46	.505
V7	3.69	.471

*Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu điều tra*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, giá trị trung bình của các thang đo (Mean) dao động từ 3,46 đến 3,8. Trong đó, biến V1 có giá trị trung bình cao nhất 3,8, biến số có giá trị trung bình thấp nhất là V6 với giá trị là 3,46.

## **5. Một số kiến nghị**

Để đẩy mạnh hoạt động NCKH của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, một số giải pháp được đề xuất như sau:

Thứ nhất, xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học, khuyến khích, tạo động lực cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học

Biện pháp này nhằm xây dựng một môi trường nghiên cứu khoa học với nhiều hoạt động đa dạng, rộng khắp trong toàn thể các khoa, bộ môn, các lớp sinh viên của các đơn vị trực thuộc; sử dụng nhiều biện pháp để khuyến khích và khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học của sinh viên. Một môi trường nghiên cứu tạo điều kiện cho họ đóng góp những kinh nghiệm, kỹ năng và tri thức của mình vào việc thực hiện nhiệm vụ NCKH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đóng góp vào sự phát triển của ngành, của địa phương.

Thứ hai, tăng cường các điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Biện pháp này nhằm tăng cường các điều kiện, cơ sở vật chất, kinh phí một cách kịp thời, hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế nhằm để phục vụ tốt cho công tác NCKH của sinh viên nói riêng và giảng viên trong trường nói chung. Huy động các nguồn kinh phí khác nhau để từng bước nâng kinh phí cho hoạt động khoa học công nghệ, tăng cường tài liệu chuyên môn, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm từng bước đồng bộ và hiện đại phục vụ nghiên cứu.

Thứ ba, tăng cường công bố, ứng dụng kết quả, sản phẩm của hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Biện pháp này nhằm đổi mới về quản lý, về cách làm, tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống để khoa học và công nghệ ngày càng phát huy vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đặng Danh Lợi và Lê Hoàng Lâm, (2011), Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong sinh viên các trường đại học, cao đẳng vùng ĐBSCL, Kỷ yếu hội thảo khoa học Đại học Tây Đô.
2. Nguyễn Quốc Nghi, (2011), Đẩy mạnh NCKH góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, Tài chính Marketing, số 2-2011:36-41.
3. Đặng Thị Vân, (2006), Nhận thức của sinh viên trường ĐH Nông nghiệp 1 về hoạt động NCKH, tạp chí khoa học và phát triển- ĐH nông nghiệp 1 Hà Nội.
4. Nguyễn Đình Thọ, (2011), phương pháp nghiên cứu khoa học rong kinh doanh, NXB Xã hội
5. Nguyễn Văn Thắng, (2014), Giáo trình thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và quản trị kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
6. Trần Minh Khai, (2012), Phương pháp nghiên cứu Kinh tế- Kiến thức cơ bản, NXB Lao động xã hội
7. Nguyễn Thị Thu Phương và cộng sự, (2014), Nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Kinh tế và quản trị kinh doanh: Lý thuyết và thực tiễn, Kỷ yếu hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học các trường Kinh tế và QTKD toàn quốc lần thứ III, NXB Thanh Niên.

# NGHIÊN CỨU KHOA HỌC – MÔI TRƯỜNG SÁNG TẠO ĐỐI VỚI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP. HỒ CHÍ MINH

Hàn Văn Tiên, Trần Lâm Kim Phượng

Bộ phận Đào tạo - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế,

Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: [tienhan@hcmuc.edu.vn](mailto:tienhan@hcmuc.edu.vn)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học là sân chơi học thuật uy tín, các cơ sở giáo dục đại học nói chung và Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh nói riêng đều xác định được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Các hoạt động về học thuật của nhà trường hay các quy định, quy chế được xây dựng nhằm tiếp tục phát hiện, bồi dưỡng những ý tưởng, giải pháp sáng tạo, đóng góp giải quyết những vấn đề thực tiễn và phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, hiện nay việc nghiên cứu khoa học trong sinh viên nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế dù đã có nhiều hoạt động nhằm lan tỏa đam mê nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Bài viết đề cập đến một vài số liệu và nêu lên nguyên nhân của vấn đề, đồng thời khẳng định hoạt động nghiên cứu khoa học chính là môi trường sáng tạo cho sinh viên Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh

*Từ khóa:* Nghiên cứu khoa học, sáng tạo, sinh viên

### 1. Dẫn luận

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho sự phát triển chung của đời sống xã hội và bản thân tác giả nghiên cứu. Mục đích của nghiên cứu khoa học nói chung và hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng nhằm phát huy năng lực tư duy sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên; nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học độc lập, phương pháp làm việc nhóm để góp phần hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên; qua đó, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của đào tạo.

Trong thực tế vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình nghiên cứu khoa học đối với sinh viên do nguyên nhân chủ quan và khách quan tác động. Tuy nhiên, nhóm tác giả cho rằng nghiên cứu khoa học là môi trường sáng tạo cho sinh viên, là hoạt động mang nhiều lợi ích cho sinh viên khi học đại học. Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh cũng là cơ sở giáo dục đại học luôn đầu tư, khuyến khích và hỗ trợ cho sinh viên muốn thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

### 2. Nội dung nghiên cứu

Sinh viên nghiên cứu khoa học không chỉ có ý nghĩa với bản thân sinh viên mà còn đem lại sự hiệu quả của hoạt động giảng dạy trong các khoa chuyên môn tại các cơ sở giáo

dục đại học. Vì vậy, tại các trường đại học đề có các chính sách hỗ trợ và khuyến khích sinh viên và giảng viên tham gia tích cực hoạt động này.

Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học là một trong những phương thức học tập hiệu quả nhất hiện nay, trong quá trình nghiên cứu, sinh viên có thể tiếp cận kiến thức lý thuyết và thực tiễn thông qua các bài giảng trên lớp, tự học, nghiên cứu tài liệu, phương tiện truyền thông hoặc trong cuộc sống hàng ngày... từ đó sinh viên tự tạo cho mình cách học tập hiệu quả, khoa học, khơi gợi khả năng sáng tạo của mình. Ngoài ra, trong quá trình lên lớp, ngoài việc giảng bài cho sinh viên, giảng viên đều gợi mở và hướng các bạn đến những vấn đề có thể tìm hiểu, khai thác, đào sâu nghiên cứu nhằm kích thích sự sáng tạo hướng đến nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

### *2.1. Thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh*

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được các cơ sở giáo dục quan tâm và tạo điều kiện khuyến khích sinh viên. Một số thông tư, quy định từ Bộ Giáo dục và Đào tạo đến từng cơ sở giáo dục được ban hành để thực hiện hiệu quả các hoạt động này.

Điều 39, Luật Giáo dục Đại học số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2019 có đề cập “Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế” và “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân”.

Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 09 năm 2021 quy định về quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đề cập đến trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học. Thông tư này giúp hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên; góp phần phát hiện và bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ tài năng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao. Từ đó tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm hình thành các ý tưởng, dự án khởi nghiệp góp phần tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Cũng như các cơ sở đào tạo đại học ở Việt Nam, Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh rất quan tâm, khuyến khích và có chính sách hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành các quyết định và quy chế nhằm hỗ trợ cho hoạt động này, cụ thể:

- Quyết định số 826/QĐ-ĐHVHHCM ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh;

- Quy chế Nghiên cứu khoa học trong sinh viên của Khoa Quản lý văn hóa, nghệ thuật Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh;

- Quy chế chi tiêu nội bộ có nội dung về hỗ trợ kinh phí cấp cho sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học;

Và một số quy định, thông báo của các khoa chuyên môn về việc khuyến khích, hỗ trợ cho đối tượng sinh viên đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

Nội dung chính của các thông tư, quy chế, quy định trên đều tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên và có hình thức khen thưởng nếu sinh viên đạt thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học của mình.

Trong 3 năm (từ 2021-2023), sinh viên Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh đã đăng ký và tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, có thể kể đến một số đề tài đã nghiệm thu thành công hoặc đang thực hiện như:

STT	Tên đề tài	Sinh viên/nhóm sinh viên	Khoa
1.	Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch của người khuyết tật tại thị trường TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Duy Nguyễn Hồng Ân	Du lịch
2.	Nghiên cứu nhu cầu tin của người dùng tin Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. HCM	Nguyễn Thị Thảo Vy Phan Ngọc Tường Vy	Thông tin – Thư viện
3.	Văn hóa đọc cho học sinh PTHH trên địa bàn quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Trần Ngọc Sơn	Thông tin – Thư viện
4.	Nhu cầu tin của linh mục, tu sĩ tại thư viện Dòng Tên	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thông tin – Thư viện
5.	Phát triển nguồn tài nguyên thông tin tại thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	Đặng Công Đức	Thông tin – Thư viện
6.	Phát triển thư viện số tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	Trần Lê Trúc Quỳnh	Thông tin – Thư viện
7.	Động cơ chọn học ngành Kinh doanh Xuất bản phẩm của sinh viên Khoa Xuất bản, Phát hành Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh.	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như Nguyễn Thị Cẩm Tiên Nguyễn Thị Cẩm	Xuất bản, Phát hành
8.	Thực trạng và giải pháp tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa: Nghiên cứu trường hợp tại Phường An Phú, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Châu Khoa Ngô Thị Kim Chi Nguyễn Thị Lệ Giang Hồ Lê Ánh Nhi Nguyễn Phạm Hoàng Phước	Quản lý văn hóa, nghệ thuật
9.	Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	Trần Ngọc Minh Châu Lâm Bảo Hân Võ Thị Thành	Xuất bản, phát hành

10.	Khai thác các giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống dân tộc Khmer trong phát triển du lịch tỉnh An Giang	Ngô Hồng Kiên	Du lịch
-----	--	---------------	---------

Trong đó, có đề tài nghiên cứu khoa học tham dự và đạt giải 3 Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka năm 2022:

- Đề tài “Giải pháp phát triển du lịch cho người khuyết tật tại TP. Hồ Chí Minh”, sinh viên thực hiện Nguyễn Hoàng Duy, Khoa Du lịch.

Tuy nhiên, từ số liệu cho việc đăng ký và nghiệm thu đề tài của sinh viên Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh, cụ thể:

	2021	2022	2023
<b>Đề tài đăng ký</b>	18	1	3
<b>Đề tài nghiệm thu</b>	6	1	0
<b>Đề tài không thực hiện</b>	12	0	0

Có thể thấy, số lượng đề tài đã đăng ký nhưng không thực hiện được do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, nhất là trong thời gian dịch bệnh ở năm học 2021 - 2022, nhiều đề tài phải ngừng và hủy vì sinh viên không thực hiện được các yêu cầu của nội dung đề tài.

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh hiện nay rất khiêm tốn, một số trường hợp có ý tưởng thực hiện việc đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, cũng đã liên hệ với giảng viên và nhờ hướng dẫn bước đầu về đề cương nhưng sau đó lại không thực hiện.

Đối với sinh viên, khó khăn của việc tham gia nghiên cứu khoa học không phải nhỏ, thực tế không phải do chủ quan mong muốn. Khác với đối tượng giảng viên, vốn là những người có kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học và hoạt động này cũng là nghĩa vụ của ngành nghề. Trong khi sinh viên lại mới được tiếp cận với hoạt động này khi bước chân vào môi trường đại học hoặc có từ trước nhưng chưa được học chín chu về nghiên cứu khoa học cũng như chưa đủ kinh nghiệm và kiến thức cần thiết về chuyên ngành.

Việc nghiên cứu khoa học cũng cần thời gian, đến năm thứ 3 hoặc sớm nhất là cuối năm thứ 2, sinh viên của Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh mới học về Phương pháp nghiên cứu khoa học, từ lúc học đến lúc ứng dụng vào việc đưa ra ý tưởng và thực hiện đề tài lại mất thêm thời gian, đến năm cuối thì tập trung cho thực tập cuối khoa nên không còn ý định muốn hoàn thành đề tài nữa. Nhiều giảng viên hướng dẫn khi nhận đề tài của sinh viên còn phải hướng dẫn lại về phương pháp vì các bạn chưa nắm chắc, chưa biết cách áp dụng, họ lại không đủ thời gian để hỗ trợ lại kiến thức nền này, gây khó khăn rất nhiều cho việc nghiên cứu và thời gian hoàn thiện.

Đây cũng là vấn đề thực tế mà nhà trường cần phải xem xét, khắc phục và có giải pháp thích hợp để khuyến khích hơn nữa sinh viên nghiên cứu khoa học, xem nghiên cứu khoa học là môi trường sáng tạo cho sinh viên trong quá trình nghiên cứu, học tập tại nhà trường.

## *2.2. Xây dựng môi trường sáng tạo cho sinh viên trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh bằng nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu khoa học được xem là môi trường cho sinh viên sáng tạo, tự do đưa ra ý tưởng phù hợp với lĩnh vực chuyên ngành của mình, các cơ sở giáo dục nói chung và Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh luôn tạo mọi điều kiện cả về kinh phí lẫn động viên, khích lệ tinh thần cho sinh viên thực hiện. Nhà trường đã, đang và vẫn sẽ xác định nghiên cứu khoa học là môi trường sáng tạo đối với sinh viên đang học tập và sinh hoạt tại Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh.

Nhằm góp phần hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, nhà trường từng bước xây dựng môi trường học thuật, tạo điều kiện cho sinh viên trong trường tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học ở các quy mô cấp khoa, cấp trường, cấp Thành đoàn như:

- Tọa đàm “Tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên” do Khoa Truyền thông tổ chức vào tháng 11/2022;

- Cuộc thi “Sinh viên Nghiên cứu khoa học - Lần thứ 1” do Khoa Quản lý văn hóa, nghệ thuật tổ chức;

- Giải thưởng Sinh viên Nghiên cứu khoa học - Euréka là Giải thưởng cao quý dành cho những công trình nghiên cứu khoa học, sáng tạo của sinh viên trên toàn quốc.

Thông qua các đợt đăng ký nghiên cứu khoa học, các buổi tọa đàm hay các cuộc thi về nghiên cứu khoa học dành riêng cho sinh viên, sinh viên Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh có thêm cơ hội tích lũy kinh nghiệm, học hỏi phương pháp tư duy khoa học, giải quyết vấn đề, phương pháp viết báo cáo khoa học, làm việc nhóm cũng như trình bày kết quả, ý tưởng khoa học.

Những suy nghĩ ban đầu về nghiên cứu khoa học như: nghiên cứu khoa học quá khó, rất tốn thời gian, nội dung khô khan, không có lợi ích gì khi thực hiện hoặc mục đích ban đầu khi tham gia nghiên cứu khoa học là vì điểm rèn luyện chứ không phải thật sự tâm huyết, đam mê... đã dần thay đổi khi sinh viên được tham gia các cuộc thi và tọa đàm về nghiên cứu khoa học, hiểu hơn về nhiều điều thú vị mà hoạt động này mang lại.

Từ những buổi trao đổi, chia sẻ kiến thức và kỹ năng, mục đích của buổi tọa đàm hay cuộc thi đã cơ bản đạt được, các khoa chuyên môn của Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh mong muốn lan tỏa niềm đam mê nghiên cứu khoa học cho sinh viên, hoạt động nghiên cứu khoa học sẽ có cơ hội phát triển, mở rộng hơn nữa, sinh viên có thêm những đề tài gắn với chuyên ngành và mang tính ứng dụng, từ đó sử dụng các kết quả nghiên cứu của mình vào thực tiễn cho công việc sau này.

### **3. Kết luận**

Qua thực trạng về nghiên cứu khoa học trong sinh viên của Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh, ngoài những mặt tích cực đáng khen khích lệ như tham gia đăng ký thực hiện đề tài, đạt Giải thưởng Euréka... trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng như những quy định khuyến khích hoạt động này của Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh, nhà trường còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Vì vậy, để hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên trở thành môi trường sáng tạo khi sinh viên học tập và nghiên cứu, nhà trường cần quan tâm nhiều hơn nữa, các giảng viên có kinh nghiệm và chuyên môn sâu về nghiên cứu cần tạo điều kiện, hỗ trợ với vai trò là

người định hướng, hướng dẫn đề tài cho sinh viên. Bên cạnh đó, chính bản thân sinh viên cũng cần nhận thấy những thuận lợi đối với mình khi trong quá trình học tập tại trường thực hiện nghiên cứu khoa học.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh (2021,2022,2023), Báo cáo Tình hình hoạt động nghiên cứu khoa học từ năm 2021 - 2023
2. Trường Đại học Văn hóa TP.HCM (2014), Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại Văn hóa TP. Hồ Chí Minh
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Quy định về quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên
4. Quốc hội (2019), Luật Giáo dục Đại học



# NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN NỀN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Nguyễn Tấn Thành\*

Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: [ntthanh.workhard@gmail.com](mailto:ntthanh.workhard@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* nghiên cứu khoa học, vai trò giáo dục, giáo dục đại học

Bài tham luận này tập trung vào vai trò then chốt của nghiên cứu khoa học trong phát triển giáo dục đại học trong thời đại hiện nay. Nghiên cứu khoa học không chỉ là quá trình tìm hiểu và khám phá kiến thức mới, mà còn là công cụ quan trọng giúp nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Việc đánh giá và thúc đẩy vai trò của nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học là cần thiết để tăng cường hoạt động nghiên cứu trong giáo dục đại học và nâng cao chất lượng giáo dục. Bài tham luận này sẽ xem xét chi tiết các khía cạnh của vai trò này và đề xuất các giải pháp để khuyến khích và tối ưu hóa hoạt động nghiên cứu khoa học trong hệ thống giáo dục đại học.

### 1. Giới thiệu

Trong thời đại hiện nay, giáo dục đại học đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển các quốc gia. Đặc biệt, nghiên cứu khoa học đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Nghiên cứu khoa học là quá trình tìm hiểu và khám phá kiến thức mới, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề và tạo ra sự tiến bộ trong lĩnh vực học thuật. Tuy nhiên, vai trò của nghiên cứu khoa học trong việc phát triển giáo dục đại học vẫn chưa được đánh giá đầy đủ và thực sự nhận thức trong các cơ sở đào tạo.

Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá vai trò của nghiên cứu khoa học trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Nhờ vào nghiên cứu khoa học, giáo dục đại học có thể tiến xa hơn trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng và sáng tạo. Đối với sinh viên, hoạt động nghiên cứu khoa học không chỉ cung cấp cơ hội để khám phá và phát triển trình độ kiến thức chuyên môn, mà còn rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo, khả năng phân tích, xử lý số liệu và giải quyết vấn đề. Đối với giảng viên, nghiên cứu khoa học giúp cải thiện phương pháp giảng dạy và nâng cao trình độ chuyên môn, từ đó mang lại sự tương tác tích cực giữa giảng viên và sinh viên.

Đánh giá vai trò của nghiên cứu khoa học trong việc phát triển giáo dục đại học là quan trọng để nhìn nhận và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Bài tham luận này sẽ đi sâu vào từng khía cạnh của vai trò của nghiên cứu khoa học, tìm hiểu cách mà nghiên cứu khoa học đóng góp vào quá trình giảng dạy và cung cấp các giải pháp để tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học.

## **2. Khát quát về nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học**

### *2.1. Định nghĩa nghiên cứu khoa học và các phương pháp nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu khoa học là quá trình tìm hiểu và khám phá kiến thức mới thông qua việc sử dụng phương pháp khoa học đúng đắn và hệ thống. Nó là quá trình thu thập, phân tích và hiểu rõ sự liên quan giữa các yếu tố để đưa ra các kết quả có cơ sở và đáng tin cậy. Nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học tiếp tục nâng cao tri thức và đóng góp vào việc phát triển lĩnh vực học thuật.

Các phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm:

Phương pháp quan sát: Đánh giá và nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, xã hội bằng cách quan sát một cách kỹ lưỡng và ghi lại các quan sát.

Phương pháp thảo luận: Nghiên cứu qua việc thảo luận trực tiếp hoặc qua các cuộc hội thoại để tìm hiểu ý kiến, thông tin từ các chuyên gia hoặc cộng đồng.

Phương pháp thí nghiệm: Sử dụng các phương pháp thực nghiệm trong việc kiểm tra các giả định và thu thập dữ liệu để làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố.

Phương pháp nghiên cứu tư liệu: Tìm hiểu và phân tích các tài liệu, sách báo, tài liệu nghiên cứu có sẵn với mục đích tìm ra thông tin liên quan và xây dựng tri thức mới.

Phương pháp mô hình hóa: Sử dụng mô hình và phương pháp toán học để mô phỏng, dự đoán và hiểu về các quá trình và hiện tượng trong lĩnh vực nghiên cứu.

Ngoài ra, nghiên cứu khoa học cũng đòi hỏi sự kỹ năng trong việc xử lý dữ liệu, phân tích kết quả và đưa ra đánh giá khách quan. Các nhà nghiên cứu cần có khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề.

Việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học không chỉ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức được tạo ra một cách chặt chẽ và có cơ sở, mà còn giúp họ phát triển kỹ năng nghiên cứu và tư duy sáng tạo. Qua đó, nghiên cứu khoa học chính là công cụ trọng yếu để phát triển chất lượng giáo dục đại học và đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội.

### *2.2. Sự phát triển và tiến bộ của giáo dục đại học dựa trên nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu khoa học là cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển và tiến bộ của giáo dục đại học. Nó cung cấp cơ sở khoa học và xây dựng kiến thức mới, bổ sung vào lĩnh vực học thuật và thúc đẩy sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Một số cách mà nghiên cứu khoa học đóng góp vào phát triển giáo dục đại học:

Một là, mở rộng kiến thức chuyên môn:

Nghiên cứu khoa học cho phép giảng viên và sinh viên khám phá và nghiên cứu mới về lĩnh vực chuyên môn của họ. Qua việc tiếp cận các tài liệu, nghiên cứu trước đó và thực hiện nghiên cứu mới, họ có thể nâng cao trình độ kiến thức và hiểu sâu về ngành học của mình. Điều này giúp cung cấp một nền tảng vững chắc cho quá trình giảng dạy và đóng góp vào việc phát triển các chương trình đào tạo.

Hai là, cải thiện phương pháp giảng dạy:

Nghiên cứu khoa học giúp giảng viên nắm bắt được các phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn. Qua việc nghiên cứu về các phương pháp giảng dạy mới, nghiên cứu viên có thể áp dụng những phương pháp đó vào quá trình giảng dạy. Điều này giúp tạo ra một môi trường học tập tích cực, kích thích sự tò mò và khám phá của sinh viên, nâng cao hiệu quả giảng dạy và sự hứng thú trong việc học tập.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng:

Nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng. Khi sinh viên tham gia vào những hoạt động nghiên cứu, họ có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, tư duy phản biện và làm việc nhóm. Điều này giúp họ trở thành những cá nhân có khả năng giải quyết vấn đề, có khả năng sáng tạo và ứng dụng kiến thức vào thực tế. Những kỹ năng này rất quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của xã hội và phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao.

Bốn là, tạo ra sự sáng tạo và khám phá:

Nghiên cứu khoa học khuyến khích sự sáng tạo và tìm hiểu mới trong giáo dục đại học. Giảng viên và sinh viên có thể tham gia vào nghiên cứu độc lập hoặc trong nhóm, khám phá các vấn đề mới, tìm ra các phương pháp sáng tạo và đưa ra các giải pháp chất lượng trong lĩnh vực học thuật của họ. Việc khám phá sẽ tạo ra một môi trường học tập đa dạng và kích thích trí tò mò, từ đó thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ.

Năm là, nâng cao chất lượng giáo dục:

Thông qua nghiên cứu khoa học, giáo dục đại học có thể liên tục cải tiến và nâng cao chất lượng giảng dạy và chương trình đào tạo. Giảng viên có thể áp dụng những kết quả nghiên cứu mới và các phương pháp giảng dạy tiên tiến để cung cấp kiến thức hiện đại và phản ánh các xu hướng mới trong lĩnh vực học thuật. Điều này sẽ làm cho giáo dục đại học trở nên cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của công nghiệp và xã hội.

Sáu là, xây dựng mạng lưới hợp tác:

Nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học cũng cung cấp cơ hội để xây dựng mạng lưới hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, ngành công nghiệp và cộng đồng. Sự hợp tác này mang lại những lợi ích cả cho giảng viên và sinh viên. Giảng viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và tài nguyên với các chuyên gia khác trong lĩnh vực, trong khi sinh viên có thể tham gia vào các dự án nghiên cứu thực tế và có cơ hội tiếp xúc với thế giới thực.

Tóm lại, nghiên cứu khoa học là yếu tố quan trọng trong việc phát triển và tiến bộ của giáo dục đại học. Thông qua việc khám phá kiến thức mới, cải thiện phương pháp giảng dạy và xây dựng mạng lưới hợp tác, giáo dục đại học có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và đóng góp vào sự phát triển bền vững và tiến bộ của đất nước.

### *2.3. Vai trò của nghiên cứu khoa học trong việc xây dựng kiến thức mới và cùng với sự tiến bộ của công nghệ và khoa học*

Nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong việc xây dựng kiến thức mới và đóng góp vào sự tiến bộ của công nghệ và khoa học. Dưới đây là một số vai trò quan trọng của nghiên cứu khoa học trong quá trình này:

Một là, tạo ra kiến thức mới:

Nghiên cứu khoa học giúp mở rộng và tăng cường cơ sở kiến thức trong các lĩnh vực học thuật khác nhau. Qua quá trình nghiên cứu, nhà nghiên cứu khám phá và tạo ra kiến thức mới, mở ra những lĩnh vực mới và đưa ra những phát hiện và hiểu biết mới. Điều này cung cấp cơ sở cho việc cải tiến và phát triển trong các lĩnh vực công nghệ, khoa học, y học, và nhiều lĩnh vực khác.

Hai là, đánh giá và cải tiến công nghệ hiện có:

Nghiên cứu khoa học cung cấp dữ liệu và thông tin mới để đánh giá và cải tiến công nghệ hiện có. Nhờ nghiên cứu, các nhà khoa học có thể nắm bắt được các vấn đề hiện tại và tìm ra phương pháp và giải pháp để cải thiện hiệu suất và chất lượng của công nghệ. Điều này góp phần vào sự tiến bộ và phát triển của công nghệ và các lĩnh vực ứng dụng khác.

Ba là, đưa ra các giải pháp và đề xuất mới:

Nghiên cứu khoa học giúp tạo ra các giải pháp và đề xuất mới để giải quyết các vấn đề và thách thức trong công nghệ và khoa học. Các nhà nghiên cứu tìm ra các ý tưởng và phương pháp mới, áp dụng các nguyên lý khoa học và tri thức để đưa ra những giải pháp sáng tạo và hiệu quả. Điều này có thể dẫn đến việc tạo ra các sản phẩm, quy trình, và công nghệ mới, đóng góp vào sự phát triển và tiến bộ của xã hội.

Bốn là, đồng hành với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ:

Nghiên cứu khoa học cùng với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, tạo điều kiện cho sự phát triển và cải tiến liên tục. Khi khoa học và công nghệ tiến bộ, nghiên cứu khoa học cũng cần phải thích nghi và tìm tòi các phương pháp và công cụ mới để nắm bắt và khám phá những tiềm năng và thách thức mới. Điều này giúp đẩy nhanh quá trình tiến bộ và phát triển trong các lĩnh vực công nghệ, khoa học và đóng góp sự phát triển bền vững cho xã hội.

Tổng kết, nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng kiến thức mới và đóng góp vào sự tiến bộ của công nghệ và khoa học. Qua việc tạo ra kiến thức mới, cải tiến và đề xuất giải pháp mới, nghiên cứu khoa học giúp mở rộng và phát triển lĩnh vực học thuật và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.

### **3. Vai trò của nghiên cứu khoa học trong phát triển nền giáo dục đại học**

Thứ nhất, đóng góp vào quá trình giảng dạy: Tạo ra một môi trường học tập tích cực và phát triển các phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn.

Nghiên cứu khoa học đóng góp quan trọng vào quá trình giảng dạy trong giáo dục đại học. Nó tạo ra một môi trường học tập tích cực và thúc đẩy sự phát triển của các phương pháp giảng dạy hiệu quả. Một số cách mà nghiên cứu khoa học đóng góp vào quá trình giảng dạy:

Phân tích và áp dụng những kết quả nghiên cứu mới: Giảng viên có thể sử dụng những kết quả nghiên cứu mới nhất để cải thiện phương pháp giảng dạy. Các phương pháp mới có thể được áp dụng để tạo ra một môi trường học tập trực quan, tương tác và kích thích sự tò mò của sinh viên. Nhờ đó, quá trình giảng dạy trở nên phù hợp với xu hướng công nghệ và kỹ thuật mới và đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên.

Xây dựng các chương trình đào tạo sáng tạo và tương tác: Nghiên cứu khoa học có thể đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các chương trình đào tạo mới và sáng tạo. Giảng viên dựa vào nghiên cứu để xây dựng các chương trình học tập phù hợp với những yêu cầu của ngành nghề và đáp ứng nhu cầu của học viên. Các chương trình đào tạo sáng tạo và

tương tác giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy, khả năng giải quyết vấn đề, và trở thành người học suốt đời.

Tạo ra môi trường học thuật chất lượng: Nghiên cứu khoa học góp phần tạo ra một môi trường học thuật chất lượng trong giáo dục đại học. Nhờ nghiên cứu, giảng viên và sinh viên có thể tiếp cận và nghiên cứu các tài liệu, những công trình nghiên cứu trước đó, và thực hiện những nghiên cứu mới. Điều này tạo ra một nền tảng khoa học và chất lượng cho quá trình giảng dạy, thúc đẩy sự sáng tạo, nâng cao trình độ kiến thức và khám phá trong lĩnh vực học thuật.

Thứ hai, khám phá kiến thức mới: Đóng góp vào việc mở rộng hiểu biết và nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn của giảng viên và sinh viên.

Nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong việc khám phá kiến thức mới và nâng cao trình độ chuyên môn của cả giảng viên và sinh viên. Dưới đây là một số cách mà nghiên cứu khoa học đóng góp vào việc mở rộng hiểu biết và nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn:

Tạo cơ hội cho việc nghiên cứu độc lập: Nghiên cứu khoa học cho phép giảng viên và sinh viên thực hiện các dự án và nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực chuyên môn của họ. Qua quá trình này, họ có cơ hội tiếp cận, nắm bắt và tìm hiểu sâu về các khía cạnh mới và độc đáo trong lĩnh vực của mình. Điều này giúp mở rộng hiểu biết và nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn.

Tiếp cận tài liệu và công trình nghiên cứu mới nhất: Nghiên cứu khoa học cung cấp cơ hội cho giảng viên và sinh viên tiếp cận các tài liệu và công trình nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực chuyên môn của họ. Điều này giúp họ cập nhật kiến thức mới, hiểu rõ hơn về những phát triển, tiến bộ và xu hướng trong lĩnh vực học thuật mà họ quan tâm. Qua đó, trình độ kiến thức của họ được cải thiện và nâng cao.

Tham gia vào các cuộc hội thảo và hội nghị: Nghiên cứu khoa học cung cấp cơ hội cho giảng viên và sinh viên tham gia vào các cuộc hội thảo và hội nghị chuyên ngành. Tại đây, họ có thể chia sẻ kết quả nghiên cứu của mình, tiếp thu từ những đóng góp của các nghiên cứu khác, và tạo ra mạng lưới kết nối với các chuyên gia và nhà nghiên cứu khác trong lĩnh vực học thuật của mình. Thông qua môi trường học thuật này, trình độ kiến thức chuyên môn có thể được mở rộng và nâng cao.

Đẩy mạnh sự phát triển cá nhân và chuyên môn của giảng viên: Nghiên cứu khoa học không chỉ ảnh hưởng đến sinh viên mà còn đóng góp vào sự phát triển cá nhân và chuyên môn của giảng viên. Thông qua việc tham gia vào các dự án nghiên cứu, giảng viên có thể không chỉ nâng cao kiến thức chuyên môn của mình mà còn tiếp cận với những phương pháp, công nghệ và xu hướng mới trong lĩnh vực của mình. Điều này giúp họ cải thiện khả năng giảng dạy, đáp ứng được nhu cầu của sinh viên và duy trì sự năng động và hiệu quả trong công việc giảng dạy.

Thực hiện tiến bộ và sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn: Nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện tiến bộ và sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn. Nhờ nghiên cứu, các giảng viên và sinh viên có thể đề xuất các ý tưởng mới, phát triển công nghệ và phương pháp tiên tiến, và đưa ra những giải pháp đột phá. Điều

này đóng góp vào sự phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học, đồng thời cung cấp ứng dụng vững chắc trong thực tế và xã hội.

Tóm lại, nghiên cứu khoa học đóng góp quan trọng vào việc mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn và phát triển cá nhân trong giáo dục đại học. Bằng cách tham gia vào nghiên cứu, giảng viên và sinh viên có thể đóng góp vào sự phát triển của ngành và mang lại lợi ích cho cả xã hội và cộng đồng.

Thứ ba, phát triển kỹ năng nghiên cứu: Đánh giá và hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu của sinh viên, từ đó giúp họ trở thành nhà nghiên cứu tài ba và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tham gia vào nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng nghiên cứu của sinh viên. Bằng việc thực hiện các dự án nghiên cứu, sinh viên có cơ hội rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng liên quan đến việc thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá kết quả, và hình thành khả năng suy luận logic và đưa ra kết luận. Đồng thời, sinh viên cũng học cách tìm hiểu và nắm bắt các nguồn tài liệu, đọc và viết bài báo khoa học, và thực hiện các phương pháp nghiên cứu chất lượng.

Phát triển kỹ năng nghiên cứu không chỉ giúp sinh viên trở thành những nhà nghiên cứu tài ba, mà còn giúp họ đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Có khả năng thực hiện nghiên cứu chất lượng, sinh viên có thể đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển công nghệ và đưa ra các giải pháp sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Kỹ năng nghiên cứu cũng giúp sinh viên tự tin trong việc tiếp cận kiến thức mới và nắm bắt các xu hướng và phát triển trong ngành của mình.

Do đó, phát triển kỹ năng nghiên cứu trong giáo dục đại học không chỉ mang lại lợi ích cho sinh viên cá nhân mà còn góp phần vào phát triển của xã hội và đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác.

Thứ tư, xuất bản và chia sẻ kiến thức: Qua việc xuất bản bài báo khoa học, giảng viên và sinh viên có thể chia sẻ kiến thức mới và góp phần phát triển ngành đào tạo và xã hội.

Việc xuất bản bài báo khoa học và chia sẻ kết quả nghiên cứu là một phần quan trọng trong quá trình nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong giáo dục đại học. Những công trình được xuất bản và chia sẻ không chỉ góp phần phát triển ngành đào tạo mà còn đóng góp vào sự phát triển và tiến bộ của xã hội.

Bằng cách xuất bản bài báo khoa học, giảng viên và sinh viên có cơ hội chia sẻ kiến thức mới và những kết quả quan trọng từ nghiên cứu của mình. Những công trình được xuất bản thông qua các tạp chí, hội nghị hoặc sách giáo trình giúp góp phần nâng cao chất lượng và độ tin cậy của kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn. Bên cạnh đó, việc chia sẻ kết quả nghiên cứu cũng giúp các nhà nghiên cứu khác tiếp cận và sử dụng những kết quả này để đưa ra các nghiên cứu và giải pháp mới.

Thông qua việc chia sẻ kiến thức và công bố kết quả nghiên cứu, cộng đồng học thuật sẽ được tạo ra. Điều này khuyến khích sự trao đổi ý kiến, hợp tác và tiến bộ chung trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, việc chia sẻ kiến thức cũng giúp nâng cao uy tín và độ nhìn nhận của cá nhân trong giới học thuật, và góp phần vào sự phát triển của cả lĩnh vực chuyên môn và cộng đồng xã hội.

Tóm lại, việc xuất bản và chia sẻ kết quả nghiên cứu giúp giảng viên và sinh viên góp phần vào sự phát triển của ngành đào tạo và đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội thông qua việc chia sẻ kiến thức mới và tạo ra một cộng đồng học thuật chia sẻ kiến thức.

#### **4. Các thách thức và giải pháp**

Một là, thiếu tài nguyên và hỗ trợ

Giải pháp: Nâng cao nguồn lực và môi trường hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu trong giáo dục đại học. Điều này có thể thực hiện thông qua việc tăng cường đầu tư tài chính và đầu tư vào cơ sở vật chất nghiên cứu, như phòng thí nghiệm, phần mềm và thiết bị hiện đại. Các trường đại học có thể tạo ra các chương trình hay quỹ hỗ trợ cho giảng viên và sinh viên để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Hơn nữa, việc thiết lập một môi trường hỗ trợ nghiên cứu tốt cũng cần được chú trọng, bao gồm sự tạo điều kiện làm việc và hợp tác giữa giảng viên, sinh viên và các bộ phận học thuật khác.

Hai là, thiếu định hướng và khả năng nghiên cứu

Giải pháp: Cung cấp định hướng và hỗ trợ cho sinh viên về hoạt động nghiên cứu trong quá trình học tập. Điều này có thể bao gồm việc đưa ra các khóa học về phương pháp nghiên cứu khoa học và những kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu. Ngoài ra, cần tạo điều kiện để sinh viên có thể hợp tác với giảng viên và tham gia vào các dự án nghiên cứu thực tế. Định hướng nghiên cứu từ giai đoạn đầu cũng giúp sinh viên có cái nhìn rõ ràng hơn về các khía cạnh nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn của họ.

Ba là, đo lường và đánh giá

Giải pháp: Phát triển các phương pháp đo lường và đánh giá hiệu quả để đo lường hoạt động nghiên cứu trong giáo dục đại học. Điều này có thể bao gồm việc xác định các tiêu chí đánh giá nghiên cứu rõ ràng và công bằng, và sử dụng các công cụ và phương pháp đo lường phù hợp để đánh giá chất lượng và tác động của nghiên cứu. Các trường đại học có thể tạo ra các hệ thống đánh giá định kỳ và sử dụng phản hồi từ cộng đồng học thuật để nâng cao chất lượng nghiên cứu. Đồng thời, cần thiết lập hướng dẫn và hỗ trợ cho giảng viên và sinh viên về cách nghiên cứu hiệu quả và tiến hành đo lường và đánh giá kết quả nghiên cứu.

***Đề xuất các hướng phát triển và nâng cao vai trò của nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học:***

Tăng cường đầu tư và hỗ trợ tài nguyên cho hoạt động nghiên cứu, bao gồm tài chính, cơ sở vật chất và nhân lực.

Cung cấp định hướng và hỗ trợ cho sinh viên về hoạt động nghiên cứu, bằng cách đưa vào chương trình đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào các dự án và nghiên cứu thực tế.

Phát triển các phương pháp đo lường và đánh giá chất lượng nghiên cứu, để đánh giá hiệu quả và tiến bộ của hoạt động nghiên cứu.

Thúc đẩy việc xuất bản và chia sẻ kết quả nghiên cứu, tạo cộng đồng học thuật chia sẻ kiến thức và thúc đẩy tiến bộ trong lĩnh vực chuyên môn.

Nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển và nâng cao chất lượng của giáo dục đại học, đồng thời mang lại lợi ích cho cả xã hội và cộng đồng học thuật.

## **5. Kết luận**

Tổng kết lại, nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Trong bài tham luận này, chúng ta đã điểu qua các thách thức và đề xuất giải pháp để tăng cường vai trò của nghiên cứu trong giáo dục đại học.

Trước hết, việc nâng cao tài nguyên và hỗ trợ là yếu tố quan trọng để đảm bảo hoạt động nghiên cứu được thực hiện một cách hiệu quả. Đồng thời, việc cung cấp định hướng và khả năng nghiên cứu cho sinh viên giúp tạo điều kiện để họ tham gia vào các dự án và góp phần vào nghiên cứu khoa học. Cuối cùng, việc phát triển các phương pháp đo lường và đánh giá hiệu quả là cần thiết để đo lường chất lượng và tác động của hoạt động nghiên cứu.

Sự phát triển và nâng cao vai trò của nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học không chỉ mang lại lợi ích cho các trường đại học và học thuật, mà còn đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội. Bằng cách tạo ra kiến thức mới, nghiên cứu trong giáo dục đại học giúp cải thiện chất lượng giảng dạy và ứng phó với những thách thức của thế giới hiện đại. Đồng thời, việc chia sẻ kết quả nghiên cứu và tạo cộng đồng học thuật đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển và khám phá tri thức mới.

Để nâng cao vai trò của nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học, cần sự hỗ trợ và cam kết từ các bên liên quan, từ nhà trường đến các tổ chức chính phủ và xã hội. Chúng ta cần tăng cường đầu tư tài chính và xây dựng môi trường học tập và làm việc thích hợp, đồng thời thu hút và đào tạo nhân lực nghiên cứu tài năng.

Trước một thế giới đầy thách thức và sự phát triển không ngừng, việc nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tiến bộ và cung cấp giải pháp sáng tạo. Chúng ta cần liên tục khám phá và đổi mới để đưa ra các phương án tốt nhất cho giáo dục đại học. Với những đề xuất và giải pháp đã được đề cập, chúng ta có thể tạo ra một môi trường giáo dục đại học mạnh mẽ và phát triển, đáp ứng nhu cầu của xã hội và thực tế.



# NHỮNG KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI CỦA SINH VIÊN KHI THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ GIẢI PHÁP GIÚP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Thị Việt Trinh

Trường Đại học Kiểm sát

Tác giả liên hệ: [thevinh.tksk9@gmail.com](mailto:thevinh.tksk9@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* Nghiên cứu khoa học sinh viên, thuận lợi, khó khăn, giải pháp

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hoạt động không thể thiếu trong quá trình đào tạo ở các trường Đại học và cao đẳng. Đây cũng là hình thức dạy học đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của nhà trường trong đào tạo theo học chế tín chỉ như hiện nay. Chính vì thế việc tổ chức rèn luyện cho sinh viên kỹ năng hoạt động NCKH đã trở thành vấn đề cấp thiết, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học giáo dục trong và ngoài nước. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân mà hoạt động NCKH của sinh viên trường hiện nay chưa đạt hiệu quả cao còn nhiều tồn tại và hạn chế. Vì vậy, đánh giá được những khó khăn, thách thức trong công tác NCKH của sinh viên là việc làm hết sức cần thiết, từ đó đưa ra những biện pháp hợp lý để nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học cho các em sinh viên. Bài viết này trình bày những khó khăn, thuận lợi của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học và giải pháp giúp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên

### 1. Đặt vấn đề

Bước vào thời đại công nghệ 4.0, thời đại của kĩ nguyên công nghệ và truyền thông thì tri thức càng trở thành một nhân tố quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. Cùng với sự phát triển đó đòi hỏi con người cần phải tìm ra những sáng chế mới, những phát minh mới nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống con người. Chính vì lí do đó mà NCKH ngày càng được các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu.. chú trọng phát triển, khuyến khích các nhân tài tham gia. Nghiên cứu khoa học đem đến nhiều đóng góp quan trọng đối với các quốc gia dân tộc, đặc biệt đối với sinh viên – thế hệ tương lai của đất nước.

1 Sinh viên ngành Luật – Chuyên ngành Kiểm sát, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

2 Sinh viên ngành Luật – Chuyên ngành Kiểm sát, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

Nghiên cứu khoa học là phương pháp hiệu quả để sinh viên mở mang vốn kiến thức của bản thân; là cơ hội để họ áp dụng những kiến thức được học tại trường lớp vào thực tiễn. Một công trình nghiên cứu khoa học còn góp phần làm phát huy tính năng động, sáng tạo, cải thiện khả năng tư duy, tự học hỏi của sinh viên. Đối với mỗi sinh viên, những kỹ năng đó

không chỉ quan trọng trong quãng thời gian học tập tại giảng đường mà còn là hành trang để họ mang theo trong suốt quãng thời gian làm việc sau này.

Trong nhiều năm gần đây, nền khoa học nước nhà đã và đang có nhiều khởi sắc khi các trường đại học, cao đẳng bắt đầu chú trọng đến hoạt động NCKH trong nhà trường và ngày càng nhiều SV đam mê khoa học, tham gia nghiên cứu từ rất sớm. Tuy nhiên các hoạt động NCKH của sinh viên cũng gặp phải không ít những khó khăn, vướng mắc. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: môi trường nghiên cứu, đề tài nghiên cứu chưa phù hợp, quá trình tìm kiếm tài liệu không suôn sẻ hoặc cũng do chính sự quyết tâm và thái độ làm việc của những người tham gia nghiên cứu... Do đó việc chỉ ra những thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi tham gia NCKH là cần thiết, nhằm kịp thời đưa ra các giải pháp hỗ trợ, nâng cao chất lượng sản phẩm khoa học.

## **2. Những khó khăn, thuận lợi của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học**

### *2.1. Những thuận lợi của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học*

#### *2.1.1. Sự sáng tạo, nhạy bén và linh hoạt của sinh viên*

Là thế hệ trẻ tuổi, sinh viên rất ham học hỏi, tìm tòi, khám phá những cái mới. Với sự năng động, linh hoạt cũng như nhạy bén của tuổi trẻ, sinh viên nắm bắt rất nhanh các nhu cầu của xã hội để từ đó đưa ra các giải pháp đáp ứng nhu cầu. Sinh viên có sự sáng tạo cao cộng với chất táo bạo sẵn có. Sự táo bạo trong nghiên cứu khoa học của họ bắt đầu với niềm đam mê về một chủ đề nào đó, tiếp đó lựa chọn chính xác một người cố vấn và tìm ra bài toán quan trọng cần giải quyết. Họ sẵn sàng lăn xả, chấp nhận rủi ro để thực hiện những đề tài mới, khó nhưng có khả năng ứng dụng thực tế cao. Chính vì vậy, sinh viên luôn trở thành những người đi đầu phong trào trong việc áp dụng những cái mới, bài trừ những cái cũ, bảo thủ, khơi dậy nguồn cảm hứng sáng tạo và nhiệt huyết cháy bỏng cho những người nghiên cứu khoa học.

#### *2.1.2. Sự phong phú nguồn tài liệu tham khảo*

Trong dòng chảy hiện đại, con người và đặc biệt là giới trẻ, ngày càng có nhiều cơ hội để tiếp cận, kết nối và trải nghiệm nhờ sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin. Thế nên, là những công dân toàn cầu, SV rất linh hoạt, nhạy bén trong việc nắm bắt và phát hiện các nhu cầu của xã hội.

Với sự phát triển của xã hội, ngoài sách vở truyền thống, SV tìm kiếm tài liệu ngày càng dễ dàng và nhanh chóng hơn với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại cùng các nguồn học liệu mở trên internet. Không những thế, nhờ được đầu tư ngoại ngữ từ sớm nên SV có khả năng chọn lọc và khai thác các nguồn tài liệu tiếng Việt lẫn tiếng nước ngoài. Điều này tạo ra những thuận lợi đáng kể trong việc tiếp cận một số hướng nghiên cứu mới, giúp SV xác định và làm chủ thông tin trong quá trình NCKH.

#### *2.1.3. Chất lượng của đội ngũ giảng viên nhà trường ngày càng nâng cao*

Đội ngũ giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đang từng bước được cải thiện về số lượng lẫn chất lượng. Hầu hết giảng viên đều tốt nghiệp Thạc sĩ trở lên, được trang bị các kiến thức khoa học và có kinh nghiệm thực hiện nhiều đề tài NCKH, công bố quốc tế. Thế nên, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn cùng kỹ năng nghiệp vụ đều được đảm bảo để có thể hỗ trợ SV một cách tốt nhất. Bên cạnh nghiên cứu, giảng viên còn là những người làm giáo dục nên có xu hướng thấu hiểu tâm lý và thân thiết, gần gũi với SV, rất nhiệt

tình, năng động trong việc hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu. Chính vì vậy giảng viên hướng dẫn đóng một vai trò không kém phần quan trọng trong sự thành công của một đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Họ là người định hướng, hướng dẫn và theo sát sinh viên trong quá trình thu thập tài liệu, xử lý thông tin; là người thẩm định chất lượng bài viết trước khi sinh viên chính thức nộp bài.

Sự quan tâm, chỉ đạo cũng như động viên, khuyến khích từ phía nhà trường là một trong những nguồn động lực to lớn giúp SV hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu của mình. Các chính sách chú trọng hoạt động NCKH của SV cho thấy sự quan tâm đặc biệt của nhà trường trong việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cũng như tầm nhìn và triết lý giáo dục toàn diện, khai phóng của đội ngũ giảng viên.

#### 2.1.4. Nhà trường chú trọng phát triển nghiên cứu khoa học trong sinh viên

Nhà trường đẩy mạnh việc giao lưu nghiên cứu trong nội bộ trường, giữa các khoa, các trường đại học, tổ chức các hội thảo chuyên môn định kỳ cho mọi thành phần (giảng viên, sinh viên,...) với nội dung báo cáo các định hướng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, dự án nghiên cứu, chia sẻ thông tin hay trao đổi bình luận các bài báo khoa học. Đó là cơ hội cho sinh viên tích lũy kinh nghiệm và phương pháp nghiên cứu từ những người đi trước, cũng như tham gia vào các dự án nghiên cứu do giảng viên thực hiện.

2.2. Những khó khăn của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học, khó khăn trong việc lựa chọn đề tài nghiên cứu.

Việc lựa chọn đề tài là khâu cực kỳ quan trọng và đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện một công trình khoa học. Việc lựa chọn đề tài nghiên cứu phù hợp sẽ giúp xác định đúng lĩnh vực mà mình quan tâm và xác định được phạm vi, đối tượng và mục đích của việc nghiên cứu. Tuy nhiên, để có thể lựa chọn được một đề tài cấp thiết, nghĩa và mang tính khả thi cao, đồng thời, có thể thực hiện trong khả năng của sinh viên thì không phải là điều đơn giản. Với đặc thù của một cơ sở đào tạo chuyên ngành Kiểm sát, sinh viên Trường ĐH KSHN thường nghiên cứu những vấn đề xoay quanh pháp luật và tội phạm. Cũng vì thế mà các đề tài nghiên cứu vừa phải đảm bảo tính mới, tính cấp thiết, đồng thời có tính ứng dụng đối với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành. Trong khi đó, các vấn đề thuộc về pháp luật và tội phạm thường khá khó để tiến hành nghiên cứu thực nghiệm. Vì vậy, khi thực hiện nghiên cứu, phần lớn sinh viên chỉ có những cái nhìn tổng quát, thậm chí đơn sơ về đề tài mà mình nghiên cứu, điều này gây khó khăn trong việc hoàn thành công trình nghiên cứu sau này.

Đây có lẽ là điều mà hầu hết sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đều gặp phải. Trong nghiên cứu về luật pháp, việc tìm kiếm những tài liệu, số liệu quan trọng và mang tính thực tế thì rất khó khăn, đôi khi tốn kém. Thông thường sinh viên sẽ tìm kiếm quá nhiều tài liệu, thậm chí, có những tài liệu không cần thiết và không liên quan đến đề tài nghiên cứu. Trong khi đó, các tài liệu nghiên cứu liên quan trực tiếp và thực sự cần thiết với đề tài lại không tìm được. Điểm đặc trưng trong đa số các tài liệu viết về những vấn đề pháp luật đó là tính hàn lâm, theo định hướng nghiên cứu là chủ yếu. Đôi khi, sinh viên Kiểm sát còn mắc phải sự mâu thuẫn trong quan điểm của các tác giả đối với cùng một vấn đề trong nhiều tài liệu khác nhau. Hơn nữa, việc thu thập được số liệu và tiến hành xử lý số liệu trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm chưa bao giờ là đơn giản, thậm chí, sinh viên Kiểm sát chỉ có thể tiếp

cận được nguồn số liệu thứ cấp nên việc phân tích, đánh giá số liệu cũng rất hạn chế khiến cho đề tài nghiên cứu không xuất phát từ thực tế, không gắn với thực tế và khó áp dụng được trong thực tế.

Thực tế cho thấy, sinh viên thường lựa chọn giảng viên hướng dẫn theo sở thích cá nhân mà không cần nhắc đến các yếu tố như trình độ chuyên môn, tác phong làm việc hay khả năng hướng dẫn của giảng viên. Do đó, đến khi thực hiện đề tài, nhiều sinh viên mới nhận thấy điểm bất đồng trong hướng nghiên cứu hoặc gặp khó khăn khi giao tiếp, trao đổi với giảng viên. Dần dà, sự trái ngược từ hai phía có thể sẽ khiến đề tài nghiên cứu đi vào ngõ cụt.

Bên cạnh đó, lựa chọn bạn đồng hành cũng là một vấn đề nan giải. Thường, sinh viên có xu hướng chọn "teammate" là những người bạn thân quen, gần gũi một cách cảm tính và thiếu chắc chắn. Nhiều trường hợp phải "tan đàn xẻ nghé" vì sự phân công công việc không đồng đều, đánh mất sự lắng nghe, cảm thông lẫn nhau hoặc thiếu thức trách nhiệm trong công việc của một số thành viên. Trong nhiều trường hợp, đăng ký làm NCKH chỉ là quyết định nhất thời, chạy theo đám đông nên khi đối mặt với khó khăn thực sự, nhiều sinh viên thường ỷ lại vào các thành viên khác hoặc tệ hơn là bỏ ngang giữa chừng. Điều này sẽ ảnh hưởng không tốt đến tiến độ làm việc chung của cả nhóm cũng như chất lượng đầu ra của đề tài.

Sinh viên thường rất bận rộn với thời gian biểu dày đặc: lịch học trên lớp, công việc làm thêm, hoạt động ngoại khóa hoặc các lớp luyện thi để lấy chứng chỉ. Trong khi đó, Nghiên cứu khoa học lại đòi hỏi rất nhiều thời gian và công sức. Chính vì thời gian eo hẹp nên sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc sắp xếp thời gian để thực hiện đề tài, tập hợp các thành viên cùng thảo luận hay hẹn lịch phỏng vấn với chuyên gia. Quá tải công việc, không thể cân bằng cuộc sống khiến nhiều sinh viên cảm thấy "ngộp thở" và luôn trong trạng thái căng thẳng, mệt mỏi. Có trường hợp sinh viên làm nhiều việc cùng lúc để tiết kiệm thời gian nhưng thực chất lại không đem lại hiệu quả, kết quả học tập sụt giảm và sự trì hoãn trong tiến độ nghiên cứu.

Đây là vấn đề then chốt nhất và vướng mắc nhất của Nghiên cứu khoa học trong trường đại học. Hàng năm, ngân sách nhà nước đầu tư cho nghiên cứu khoa học là 2% = 0,5% GDP. Trong số này, Bộ Khoa học Công nghệ chỉ nhận được khoảng 8 -10% tổng chi ngân sách. Số kinh phí này còn ít nhưng cũng hơn nhiều nước khác như Indonesia, Philippine... Tuy nhiên, số kinh phí này lại phân chia chưa hợp lý, dàn trải giữa trung ương và địa phương, giữa cơ quan này với cơ quan khác... Vì thế, kinh phí thực sự cho Nghiên cứu khoa học tại trường đại học rất hạn chế. Hơn nữa, kinh phí thực hiện đề tài Nghiên cứu khoa học của sinh viên chưa nhận được sự quan tâm đúng mức và kịp thời. Sự hỗ trợ từ nhà trường nhìn chung chỉ mang tính chất động viên, khuyến khích, chỉ được nhận sau khi sản phẩm đã hoàn thành, bên cạnh đó việc hỗ trợ từ phía doanh nghiệp cũng gần như bị bỏ ngỏ. Trong quá trình thực hiện đề tài, sinh viên tự bỏ tiền túi để chi trả các khoản tiền (di chuyển, in ấn, mua dữ liệu, điều tra khảo sát,...) - đây là một khó khăn đối với nhiều bạn trẻ chưa thể tự chủ tài chính. Kinh phí eo hẹp cũng là một trong những nguyên nhân khiến chất lượng và khả năng ứng dụng của đề tài bị hạn chế. Do đó, sinh viên không có đủ điều kiện và cơ hội để thể hiện năng lực nghiên cứu cũng như tận dụng, khai thác hiệu quả các trường khoa học.

### **3. Giải pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên**

Nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò và tác động tích cực mà hoạt động NCKH đem lại. Để thực hiện điều này, có thể tiến hành tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin, thông báo thường xuyên trên các bản tin của nhà trường, các diễn đàn,... về hoạt động NCKH của SV nhằm nâng cao nhận thức của SV. Đồng thời chú trọng triển khai giảng dạy môn Phương pháp NCKH cho sinh viên toàn trường ngay từ năm nhất. Về phía Đoàn trường, thành lập và đẩy mạnh phát triển các hoạt động của câu lạc bộ NCKH dành cho các SV đam mê NCKH và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chia sẻ kỹ năng với các chủ đề về NCKH.

Tăng cường công tác tuyên truyền về hoạt động NCKH của sinh viên và các công trình NCKH của sinh viên. Đẩy mạnh các phong trào NCKH cho sinh viên trong nhà trường, xây dựng diễn đàn, website tra cứu thông tin, dữ liệu về các đề tài NCKH. Ngoài ra, có thể áp dụng các công trình NCKH của SV đạt giải vào thực tiễn dạy và học tại trường hoặc tổ chức các buổi thuyết minh về những đề tài NCKH SV đạt giải cao, tăng cường hỗ trợ nguồn lực cần thiết cho sinh viên làm NCKH. Điều cần thiết hiện nay là đa dạng hóa nguồn tài liệu ví dụ như thông qua liên kết thư viện của các trường cùng chuyên ngành để sinh viên có thể tiếp cận được nguồn tài liệu phong phú, hoàn thiện cơ sở vật chất thiết yếu phục vụ cho việc học tập, NCKH của sinh viên. Các trường có thể thành lập tổ chuyên môn tư vấn hỗ trợ cho hoạt động NCKH của sinh viên để giải đáp kịp thời các thắc mắc của sinh viên trong quá trình thực hiện NCKH, hỗ trợ sinh viên trong việc liên hệ lấy nguồn số liệu, tổ chức các buổi tư vấn đối với SV tham gia NCKH và xem xét hỗ trợ kinh phí cho sinh viên thực hiện NCKH.

Tiến hành tổng kết, khen thưởng sinh viên tham gia NCKH kịp thời. Định kỳ hằng năm, các trường thường tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động NCKH của SV nhằm vinh danh các SV đạt giải thưởng cao trong NCKH SV. Điều này có tác động tích cực lên tinh thần NCKH của sinh viên, qua đó khuyến khích, động viên SV tham gia NCKH, nâng cao tri thức.

### **4. Kết luận**

Từ những phân tích ở trên, phải công nhận rằng nghiên cứu khoa học đã và đang mang lại cho sinh viên những lợi ích to lớn. Đó là bước đầu để sinh viên có thể tiếp cận đến những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, thông qua đó rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý giá, ngày càng trau dồi bản thân, rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, trau dồi khả năng nghiên cứu khoa học. Đồng thời mở rộng thêm các mối quan hệ thân thiết với thầy cô, bạn bè trong quá trình tham gia nghiên cứu, điều đó là bước đệm vững chắc cho sinh viên sau này. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn còn tồn tại, để khắc phục tình trạng đó chúng tôi đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1 Tham luận (2023): Nghiên cứu khoa học – ảnh hưởng của sinh viên – Kinh nghiệm từ Đại học Kiểm sát Hà Nội;
- 2 Nguyễn Thị Thu Hồng, Trần Quốc Bảo, Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học sinh viên kỹ thuật thông qua dạy học giải quyết vấn đề, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 4/2019, tr234 – tr238.
- 3 Nguyễn Thu Thủy (2013), các yếu tố ảnh hưởng đến động lực nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân, trường Đại học kinh tế quốc dân;
- 4 Lê Thị Thanh Hương (2016), Giải pháp thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học đối với

- sinh viên các trường đại học, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 244, tháng 5/2016;
- 5     Bùi Ngọc Hà Duy (2023), Thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Khánh Hòa;
- 6     Hoàng Thị Hương (2016), Biện pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học cho sinh viên Trường Đại học Lao động – Xã hội trong đào tạo theo học chế tín chỉ, Trường Đại học Lao động – Xã hội;

# NHỮNG THÁCH THỨC VÀ KHÓ KHĂN MÀ SINH VIÊN THƯỜNG GẶP KHI THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÁCH VƯỢT QUA

Nguyễn Tân Thành

Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: [ntthanh.workhard@gmail.com](mailto:ntthanh.workhard@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* thách thức sinh viên, khó khăn nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học, sinh viên

Bài tham luận đã thảo luận về những thách thức và khó khăn thường gặp trong quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên, cùng các chiến lược để vượt qua chúng. Việc vượt qua những khó khăn này không chỉ giúp phát triển kiến thức và kỹ năng mà còn tạo cơ hội sự nghiệp. Sinh viên có thể tự học, quản lý thời gian, phát triển kỹ năng tìm hiểu và phân tích dữ liệu, xây dựng mạng lưới, và tìm kiếm tài trợ để đối mặt với các thách thức nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu không chỉ là hành trình cá nhân mà còn là cách đóng góp cho xã hội và phát triển khoa học.

### 1. Giới thiệu

#### 1.1. Sự quan trọng của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên và phát triển cá nhân

Nghiên cứu khoa học là một khía cạnh quan trọng trong cuộc sống học thuật của sinh viên và có vai trò quyết định trong việc phát triển cá nhân của họ. Đây không chỉ là một hoạt động học thuật mà còn là một cơ hội để sinh viên rèn luyện và phát triển một loạt các kỹ năng và phẩm chất quan trọng. Trong thời đại hiện đại, sự nắm vững khả năng tiếp cận, phân tích thông tin, và tạo ra kiến thức mới thông qua nghiên cứu khoa học là một yếu tố quyết định đối với sự thành công sau này của sinh viên.

Phát triển kiến thức sâu rộng: Nghiên cứu khoa học cho phép sinh viên khám phá các lĩnh vực chuyên môn một cách sâu rộng hơn, giúp họ hiểu rõ hơn về những nguyên lý cơ bản và ứng dụng thực tế của lĩnh vực họ quan tâm. Điều này cung cấp cho họ cơ hội để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực của mình và đóng góp cho sự phát triển kiến thức toàn cầu.

Học tập tư duy phản biện: Nghiên cứu khoa học yêu cầu sự tư duy phản biện và phân tích sâu rộng. Sinh viên phải xem xét các thông tin, dữ liệu, và bằng chứng một cách logic và khách quan để đưa ra những kết luận hợp lý. Quá trình này khuyến khích sự sáng tạo, sự tự chủ, và khả năng giải quyết vấn đề.

Phát triển kỹ năng nghiên cứu: Nghiên cứu khoa học đào tạo sinh viên về cách thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, và phân tích kết quả. Điều này không chỉ giúp họ có kiến thức về quy trình nghiên cứu mà còn phát triển kỹ năng thực hành cần thiết để thực hiện nghiên cứu chất lượng.

Tăng cường khả năng giao tiếp: Trong quá trình nghiên cứu, sinh viên thường phải trình bày kết quả của họ trước công chúng hoặc trong báo cáo nghiên cứu. Điều này đòi hỏi họ phải học cách diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng và thuyết phục. Khả năng giao tiếp được cải thiện thông qua việc viết báo cáo nghiên cứu, tham gia vào các buổi thảo luận, và trình bày trước giảng đường.

Xây dựng lòng tự tin: Thành công trong nghiên cứu khoa học giúp sinh viên xây dựng lòng tự tin. Việc hoàn thành các dự án nghiên cứu khó khăn và đóng góp vào sự hiểu biết chung tạo ra cảm giác tự hào và khích lệ họ đối mặt với thách thức trong tương lai.

### *1.2. Mục tiêu của bài tham luận*

Mục tiêu chính của bài tham luận này là phân tích và trình bày một số thách thức và khó khăn phổ biến mà sinh viên thường gặp khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, bài tham luận cũng sẽ đề xuất các chiến lược và cách tiếp cận để vượt qua những thách thức này. Bằng việc trình bày các thông tin này, tác giả hy vọng sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và cách họ có thể tận dụng nó để phát triển cá nhân và nắm bắt cơ hội học thuật một cách tối ưu.

## **2. Thách thức và khó khăn chung trong nghiên cứu khoa học**

### *2.1. Thiếu kinh nghiệm và kiến thức cơ bản*

Nghiên cứu khoa học đòi hỏi sự nắm vững về phương pháp nghiên cứu và kiến thức cơ bản về lĩnh vực nghiên cứu. Điều này thường là một trong những thách thức chính mà sinh viên thường phải đối mặt khi bắt đầu hoạt động nghiên cứu. Dưới đây là hai khía cạnh quan trọng của thách thức này:

Thứ nhất, hiểu biết về phương pháp nghiên cứu khoa học:

Thiếu kinh nghiệm về quy trình nghiên cứu: Sinh viên thường chưa có kinh nghiệm thực tế về cách tiến hành một dự án nghiên cứu từ đầu đến cuối. Điều này bao gồm lập kế hoạch, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, và viết báo cáo. Sự thiếu hiểu biết về quy trình này có thể dẫn đến sự bất định và hoang mang.

Thiếu kỹ năng thống kê và phân tích dữ liệu: Nghiên cứu thường yêu cầu xử lý và phân tích dữ liệu phức tạp. Thiếu kỹ năng trong lĩnh vực này có thể làm cho việc hiểu và sử dụng các phương pháp thống kê trở nên khó khăn.

Thứ hai, kiến thức về lý thuyết và nguyên tắc liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu:

Thiếu hiểu biết về lĩnh vực cụ thể: Để nghiên cứu một lĩnh vực cụ thể, sinh viên cần phải có kiến thức sâu về các lý thuyết, nguyên tắc, và tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực đó. Thiếu kiến thức này có thể dẫn đến việc thiếu sự tự tin và không thể hiểu rõ hoàn toàn về các khía cạnh quan trọng của nghiên cứu.

Khó khăn trong việc tìm hiểu và đọc tài liệu: Để nắm bắt sự phát triển mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu, sinh viên cần phải có khả năng đọc và hiểu các tài liệu nghiên cứu. Tuy nhiên, đôi khi, tài liệu này có thể khá khó hiểu và cần sự kiên nhẫn và kỹ năng đọc chuyên sâu.



## *2.2. Thiếu thời gian và quản lý thời gian*

Thiếu thời gian và khó khăn trong việc quản lý thời gian là một trong những thách thức phổ biến mà sinh viên thường phải đối mặt khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học. Dưới đây là hai khía cạnh quan trọng của thách thức này:

Thứ nhất, áp lực học tập và công việc ngoại khoá khác:

Áp lực học tập: Sinh viên thường phải cân nhắc giữa việc thực hiện nghiên cứu và hoàn thành các khóa học bắt buộc. Áp lực học tập có thể khiến cho họ cảm thấy căng thẳng và gặp khó khăn trong việc tìm thời gian cho nghiên cứu.

Công việc ngoại khoá khác: Ngoài việc học tập, nhiều sinh viên còn tham gia vào các hoạt động ngoại khoá như công việc bán thời gian, các câu lạc bộ, hoặc các dự án xã hội. Điều này có thể làm mất thời gian và tăng áp lực trên lịch trình.

Thứ hai, lập kế hoạch nghiên cứu hiệu quả:

Thiếu kế hoạch cụ thể: Để nghiên cứu thành công, sinh viên cần phải lập kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn của dự án nghiên cứu. Thiếu kế hoạch cụ thể có thể dẫn đến việc lãng phí thời gian và tài nguyên.

Quản lý thời gian không hiệu quả: Sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc ưu tiên và quản lý thời gian. Điều này có thể làm cho họ cảm thấy bị áp đặt và không có đủ thời gian cho cả học tập và nghiên cứu.

## *2.3. Khả năng tìm hiểu và phân tích dữ liệu*

Một phần quan trọng trong quá trình nghiên cứu khoa học là khả năng tìm hiểu và phân tích dữ liệu một cách hiệu quả. Thách thức này đặc biệt phổ biến đối với sinh viên, đặc biệt là khi họ tham gia vào nghiên cứu đòi hỏi xử lý và phân tích dữ liệu phức tạp. Dưới đây là hai khía cạnh quan trọng của thách thức này:

Thứ nhất, thu thập dữ liệu phù hợp và tin cậy:

Lựa chọn phương pháp thu thập dữ liệu: Sinh viên cần phải quyết định phương pháp thu thập dữ liệu nào phù hợp nhất với nghiên cứu của họ. Sự lựa chọn này có thể ảnh hưởng đến tính tin cậy và chất lượng của dữ liệu.

Khả năng tìm nguồn dữ liệu đáng tin cậy: Đôi khi, việc tìm kiếm và thu thập dữ liệu có thể đầy khó khăn, đặc biệt là khi không có nguồn dữ liệu sẵn có hoặc khi dữ liệu cần thiết là một phần của một dự án nghiên cứu lớn hơn.

Thứ hai, xử lý và phân tích dữ liệu một cách chính xác:

Thiếu kỹ năng sử dụng công cụ và phần mềm thống kê: Để phân tích dữ liệu, sinh viên cần phải nắm vững các công cụ và phần mềm thống kê phức tạp. Sự thiếu kỹ năng trong lĩnh vực này có thể dẫn đến sai sót trong quá trình phân tích.

Hiểu rõ các phương pháp phân tích dữ liệu: Sinh viên cần phải hiểu rõ về các phương pháp phân tích dữ liệu mà họ sử dụng, bao gồm cả cách lựa chọn phương pháp phù hợp nhất với dữ liệu và mục tiêu của nghiên cứu.

## *2.4. Xây dựng mạng lưới và tìm kiếm tài trợ*

Xây dựng mạng lưới và tìm kiếm tài trợ là một khía cạnh quan trọng trong quá trình nghiên cứu khoa học, nhất là đối với sinh viên. Đây là một trong những thách thức mà họ thường phải đối mặt khi muốn thực hiện các dự án nghiên cứu. Dưới đây là hai khía cạnh quan trọng của thách thức này:

Thứ nhất, tham gia vào các nhóm nghiên cứu hoặc dự án liên quan:

**Thiếu kinh nghiệm và mạng lưới:** Sinh viên thường thiếu kinh nghiệm và mạng lưới trong lĩnh vực nghiên cứu của họ. Điều này có thể khiến cho việc tìm kiếm cơ hội tham gia vào các nhóm nghiên cứu hoặc dự án trở nên khó khăn.

**Tính cạnh tranh:** Các cơ hội tham gia vào các dự án nghiên cứu thường rất cạnh tranh, đặc biệt là trong các lĩnh vực nghiên cứu phổ biến. Sinh viên có thể cảm thấy khó để cạnh tranh và tham gia vào các dự án này.

Thứ hai, nắm rõ các nguồn tài trợ và học cách xây dựng đề xuất nghiên cứu chất lượng:

**Khả năng xác định nguồn tài trợ:** Để thực hiện một dự án nghiên cứu, sinh viên cần phải biết nơi tìm kiếm nguồn tài trợ phù hợp, bao gồm cả các học bổng, hỗ trợ nghiên cứu, hoặc dự án tài trợ từ các tổ chức hoặc viện nghiên cứu.

**Xây dựng đề xuất nghiên cứu chất lượng:** Việc xây dựng một đề xuất nghiên cứu chất lượng là quá trình phức tạp đòi hỏi sự hiểu biết về cách lập kế hoạch, thiết kế nghiên cứu, và động viên tài trợ về tính cấp thiết và ảnh hưởng của dự án.

## **3. Cách vượt qua**

### *3.1. Tự học và nâng cao kiến thức*

Tự học và nâng cao kiến thức là một phần quan trọng trong việc vượt qua những thách thức và khó khăn trong nghiên cứu khoa học. Dưới đây là hai cách sinh viên có thể tự học và cải thiện kiến thức:

Thứ nhất, tham gia các khóa học và buổi hội thảo liên quan đến nghiên cứu:

**Chọn các khóa học liên quan đến phương pháp nghiên cứu:** Đăng ký vào các khóa học về phương pháp nghiên cứu, thống kê, và xử lý dữ liệu. Những khóa học này giúp bạn nắm vững cách tiến hành nghiên cứu khoa học và phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.

**Tham gia buổi hội thảo và tương tác với các chuyên gia:** Cố gắng tham dự các buổi hội thảo, seminar, hoặc cuộc họp với các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu của bạn. Đây là cơ hội tốt để học hỏi và xây dựng mạng lưới.

Thứ hai, tìm kiếm người hướng dẫn hoặc giáo viên hỗ trợ:

**Liên hệ với giảng viên hoặc người hướng dẫn nghiên cứu:** Tìm một giảng viên hoặc người có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu của bạn và yêu cầu họ trở thành người hướng dẫn hoặc cố vấn. Họ có thể cung cấp hướng dẫn cụ thể và hỗ trợ trong quá trình nghiên cứu.

**Tham gia vào nhóm nghiên cứu:** Nếu trường học hoặc viện nghiên cứu có các nhóm nghiên cứu hoặc dự án nghiên cứu, xem xét tham gia vào một trong những nhóm này. Điều này giúp bạn học hỏi từ đồng nghiệp và có cơ hội thực hành.

Nhớ rằng quá trình tự học và nâng cao kiến thức là một quá trình liên tục và đòi hỏi sự kiên nhẫn và đam mê. Đừng ngần ngại tìm kiếm sự hỗ trợ và hỏi ý kiến từ những người có kinh nghiệm, và luôn luôn cải thiện bản thân mình để đối mặt với các thách thức trong nghiên cứu khoa học.

### *3.2. Quản lý thời gian hiệu quả*

Quản lý thời gian hiệu quả là yếu tố quan trọng trong việc vượt qua các thách thức trong nghiên cứu khoa học. Dưới đây là cách vượt qua thách thức này:

Thứ nhất, lập kế hoạch nghiên cứu cụ thể và thiết lập hạn chót:

Xác định mục tiêu cụ thể: Trước khi bắt đầu dự án nghiên cứu, hãy xác định rõ mục tiêu cụ thể của dự án. Biết rõ bạn muốn đạt được điều gì và những công việc cụ thể cần hoàn thành để đạt được mục tiêu đó.

Lập kế hoạch chi tiết: Tạo ra một lịch trình chi tiết cho dự án nghiên cứu, bao gồm cả các bước, công việc, và giai đoạn. Xác định thời điểm hoàn thành cho từng bước công việc và thiết lập hạn chót cho chúng.

Sử dụng công cụ quản lý thời gian: Sử dụng các công cụ như lịch Google, ứng dụng quản lý thời gian, hoặc bảng lịch để theo dõi và tổ chức công việc. Đảm bảo rằng bạn tuân thủ kế hoạch của mình và giữ được sự tổ chức.

Thứ hai, ước tính thời gian cần cho từng giai đoạn của dự án:

Sử dụng kinh nghiệm trước đó (nếu có): Nếu bạn đã có kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án nghiên cứu trước đây, hãy sử dụng kinh nghiệm đó để ước tính thời gian cần cho từng giai đoạn của dự án mới.

Tham khảo ý kiến từ người có kinh nghiệm: Nếu bạn không có kinh nghiệm, hãy tham khảo ý kiến từ người hướng dẫn nghiên cứu hoặc người có kinh nghiệm trong lĩnh vực tương tự. Họ có thể giúp bạn ước tính thời gian cần cho từng giai đoạn một cách chính xác hơn.

Dự trữ thời gian dự phòng: Luôn dự trữ thời gian dự phòng để đối phó với các tình huống không mong muốn hoặc trục trặc trong quá trình nghiên cứu. Điều này giúp bạn tránh tình trạng thời gian cạn kiệt đột ngột.

Nhớ rằng quản lý thời gian là một quá trình liên tục, và sinh viên cần thường xuyên đánh giá và điều chỉnh kế hoạch của mình để đảm bảo tiến độ suôn sẻ cho dự án nghiên cứu.

### *3.3. Phát triển kỹ năng tìm hiểu và phân tích dữ liệu*

Phát triển kỹ năng tìm hiểu và phân tích dữ liệu là quan trọng để nghiên cứu khoa học có độ chính xác và hiệu quả. Dưới đây là cách sinh viên có thể vượt qua thách thức này:

Thứ nhất, sử dụng các công cụ và phần mềm phân tích dữ liệu:

Học cách sử dụng công cụ thống kê và phân tích dữ liệu: Đối với nghiên cứu phụ thuộc vào số liệu, nắm vững các công cụ thống kê như SPSS, R, Python, hoặc các phần mềm khác. Tham gia vào các khóa học hoặc tìm kiếm tài liệu học tập để làm quen với các công cụ này.

Thực hành thường xuyên: Thực hành phân tích dữ liệu bằng cách tham gia vào các dự án nghiên cứu, tạo các bài tập tự học hoặc phân tích dữ liệu từ các tài liệu thực tế. Thực hành giúp cải thiện kỹ năng và tạo sự tự tin trong việc sử dụng các công cụ và phần mềm.

Thứ hai, học cách đọc và hiểu tài liệu nghiên cứu:

Tìm hiểu về cấu trúc tài liệu nghiên cứu: Đầu tiên, nắm vững cấu trúc chung của một tài liệu nghiên cứu, bao gồm phần mở đầu, phương pháp, kết quả, và kết luận. Điều này giúp bạn biết cách nhanh chóng định vị thông tin quan trọng trong tài liệu.

Học cách đọc và tóm tắt tài liệu: Hãy học cách đọc tài liệu một cách cẩn thận, tóm tắt ý chính, và xác định các phương pháp nghiên cứu và kết quả quan trọng. Điều này giúp bạn hiểu sâu hơn về lĩnh vực nghiên cứu của mình và cách mà những người khác đã thực hiện nghiên cứu.

Tương tác với tác giả và chuyên gia: Nếu bạn gặp khó khăn trong việc hiểu hoặc phân tích tài liệu nghiên cứu, hãy tìm cách liên hệ với tác giả hoặc chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu đó để yêu cầu giải đáp thắc mắc hoặc hỗ trợ.

Bằng việc liên tục học hỏi và thực hành, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng tìm hiểu và phân tích dữ liệu một cách tự tin và thành thạo, giúp nâng cao chất lượng của nghiên cứu khoa học.

### *3.4. Xây dựng mạng lưới và tìm kiếm tài trợ*

Xây dựng mạng lưới và tìm kiếm tài trợ là một phần quan trọng của quá trình nghiên cứu khoa học. Dưới đây là cách sinh viên có thể vượt qua thách thức này:

Thứ nhất, tham gia vào các nhóm nghiên cứu hoặc dự án liên quan:

Liên kết với giáo viên và đồng nghiệp: Hãy tìm cách liên kết với giáo viên hoặc người có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu của bạn. Họ có thể giới thiệu bạn vào các nhóm nghiên cứu hoặc dự án liên quan, nơi bạn có cơ hội học hỏi và xây dựng mạng lưới.

Tham gia vào dự án nghiên cứu tại trường: Nếu trường học hoặc viện nghiên cứu có các dự án nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu, hãy tham gia vào một trong những nhóm này. Đây là cơ hội tốt để có kinh nghiệm thực tế và xây dựng mạng lưới với các sinh viên và giáo viên khác.

Thứ hai, nắm rõ các nguồn tài trợ và học cách xây dựng đề xuất nghiên cứu chất lượng:

Tìm hiểu về nguồn tài trợ: Nắm rõ các nguồn tài trợ có sẵn cho nghiên cứu trong lĩnh vực của bạn, bao gồm cả học bổng, grant, và dự án tài trợ từ các tổ chức, viện nghiên cứu, và nguồn tài trợ khác.

Học cách viết đề xuất nghiên cứu chất lượng: Tham gia vào các khóa học hoặc buổi học tập về việc xây dựng đề xuất nghiên cứu chất lượng. Đảm bảo rằng bạn hiểu cách trình bày ý tưởng nghiên cứu của mình một cách rõ ràng, hấp dẫn, và có tính thuyết phục đối với các nhà tài trợ.

Kết hợp kế hoạch nghiên cứu với kế hoạch tài trợ: Khi bạn đã có một kế hoạch nghiên cứu cụ thể, hãy kế hoạch tài trợ song song. Điều này giúp bạn dễ dàng xác định các nguồn tài trợ phù hợp với dự án của bạn và viết đề xuất nghiên cứu phù hợp với yêu cầu của nguồn tài trợ.

Sử dụng mạng lưới của bạn: Khi bạn xây dựng mạng lưới trong lĩnh vực nghiên cứu của bạn, hãy tận dụng mạng lưới này để tìm kiếm cơ hội tài trợ và nhận sự hỗ trợ từ những người có kinh nghiệm.

Bằng việc tự học và tạo mối quan hệ trong lĩnh vực nghiên cứu, sinh viên có thể tăng cơ hội tham gia vào các dự án nghiên cứu và thu thập tài trợ cho nghiên cứu của mình.

#### **4. Kết luận**

Trong tham luận, tác giả đã thảo luận về những thách thức và khó khăn mà sinh viên thường gặp khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, cũng như các cách để vượt qua chúng. Nghiên cứu khoa học không chỉ là việc tích lũy kiến thức mà còn là một hành trình phát triển cá nhân quan trọng. Việc vượt qua các thách thức này giúp sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng, và cơ hội sự nghiệp trong tương lai.

Việc tự học, quản lý thời gian, phát triển kỹ năng tìm hiểu và phân tích dữ liệu, cùng việc xây dựng mạng lưới và tìm kiếm tài trợ là những bước quan trọng trong hành trình nghiên cứu khoa học của sinh viên. Bằng việc áp dụng những chiến lược này và không ngừng rèn luyện, sinh viên có thể đối mặt với mọi khó khăn và đạt được thành công trong việc thực hiện các dự án nghiên cứu.

Cuối cùng, nghiên cứu khoa học không chỉ là một nhiệm vụ cá nhân mà còn là một cơ hội để góp phần vào sự phát triển của xã hội và khoa học. Hy vọng rằng bài tham luận này đã giúp các bạn sinh viên hiểu rõ hơn về những thách thức trong nghiên cứu khoa học và cách vượt qua chúng, từ đó, khám phá ra tầm quan trọng của việc nghiên cứu khoa học đối với sự phát triển cá nhân và sự nghiệp của mình.

**PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN  
TẠI HỌC VIỆN TÒA ÁN – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP  
SCIENTIFIC RESEARCH MOVEMENT AMONG STUDENTS AT  
VIETNAM COURT ACADEMY – CURRENT SITUATION AND  
SOLUTIONS**

Bùi Lê Hiếu<sup>1\*</sup>, Dương Lan Phương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Học viện Tòa án

<sup>2</sup>Học viện Tòa án

\*Tác giả liên hệ: [buihieuvank25thd@gmail.com](mailto:buihieuvank25thd@gmail.com)

---

**THÔNG TIN**

**TÓM TẮT**

*Từ khóa:* Nghiên cứu khoa học, sinh viên, Học viện Tòa án, thực trạng, giải pháp.

Phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên là một biểu hiện nổi bật của quyền tự do học thuật trong môi trường đại học. Học viện Tòa án, một ngôi trường tuy mới thành lập trong thời gian ngắn, quy mô sinh chưa lớn nhưng đã quan tâm đến công tác xây dựng phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học. Bài viết nêu lên thực trạng tại Học viện Tòa án, đánh giá các mặt tích cực, hạn chế, đưa ra một số giải pháp trong việc xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

**ABSTRACT**

*Keywords:* Scientific research, students, Vietnam Court Academy, situation, solutions.

The scientific research movement among students is an outstanding expression of academic freedom in the university environment. Vietnam Court Academy, a school that has only been established for a short time and has a small student population, has paid attention to the work of building a student scientific research movement. The article presents the current situation at the Court Academy, evaluates the positive and negative aspects, and offers some solutions in building a scientific research movement among students.

---

**1. Giới thiệu**

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được quan tâm trong môi trường giáo dục đại học tại Việt Nam. Đây là biểu hiện nổi bật của quyền tự do học thuật được pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế ghi nhận và bảo vệ. Trong đó, nghiên cứu khoa học trong sinh viên là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo.

Mục tiêu của nghiên cứu khoa học trong sinh viên là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của sinh viên, hình thành năng lực tự học cho sinh viên; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.

Do đó, việc xây dựng và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án là cần thiết trong bối cảnh hội nhập và kỷ nguyên số, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam trong giai đoạn mới.

## 2. Khung lý thuyết

“Đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, Bộ Chính trị, Chính phủ đã đồng ý cho phép thành lập Học viện Tòa án trên cơ sở Trường Cán bộ Tòa án trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao; có chức năng đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp; đào tạo đại học, sau đại học chuyên ngành để chủ động cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho Tòa án nhân dân các cấp. Điều này, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước trong việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới....

Cùng với đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, Học viện cần tăng cường nghiên cứu khoa học để trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý, khoa học xét xử có uy tín của Việt Nam. Trước mắt, khẩn trương triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thiện chương trình, giáo trình; nhất là các giáo trình chuyên ngành Tòa án, tài liệu đào tạo đại học và bồi dưỡng nghiệp vụ.

Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn xét xử. Nghiên cứu khoa học phải hỗ trợ để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng; giảng dạy phải góp phần tích cực nâng cao chất lượng xét xử của các Tòa án. Cần có giải pháp để thu hút cán bộ, sinh viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu của Học viện; triển khai và nhân rộng mô hình câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu và sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên”<sup>7</sup>.

Công tác phát triển phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên được chú trọng tại Học viện Tòa án ngay từ ngày tuyển sinh khóa sinh viên đầu tiên. Tuy nhiên, hiện chưa có một báo cáo đánh giá về thực trạng phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án. Do đó, bài viết này đóng góp những đánh giá bước đầu về phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án, từ đó có những đề xuất nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp tổng hợp dùng để khái quát về hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án.

- Phương pháp phân tích nhằm đánh giá quy chế nghiên cứu khoa học sinh viên, đánh giá các mặt tích cực, hạn chế của hoạt động phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên tại Học viện Tòa án.

- Phương pháp thống kê dùng để thống kê số lượng đề tài được phê duyệt thực hiện, số đề tài đạt giải tại các cuộc thi nghiên cứu khoa học sinh viên, số lượng tham luận mà sinh viên Học viện Tòa án là tác giả tại các Hội thảo khoa học, các hoạt động khác liên quan đến việc thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

---

<sup>7</sup> Nguyễn, B. H. (2016, December 6). *Bài phát biểu của Đồng chí Nguyễn Hòa Bình tại Lễ khai giảng năm học 2016 - 2017 Học viện Tòa án*. Tòa án nhân dân tối cao. Retrieved September 15, 2023, from <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/ca/chi-tiet?dDocName=TOAAN009431>

#### **4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

##### *4.1. Thực trạng phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án*

Học viện Tòa án được thành lập theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Học viện Tòa án là cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Tòa án trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, hoạt động theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường đại học.

Học viện Tòa án tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2016 với số lượng 208 sinh viên. Hiện nay, học viện đã tuyển sinh được 07 khóa đào tạo hệ đại với quy mô sinh viên là 1143 (tính đến ngày 31/12/2022). So với các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật trong cả nước, quy mô sinh viên tại Học viện Tòa án không quá lớn.

Tại học viện, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện Tòa án giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng, thúc đẩy các hoạt động phong trào trong sinh viên. Ban Chấp hành Đoàn Học viện Tòa án đã có nhiều quan tâm trong việc xây dựng và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên thông qua Nghị Quyết Đại hội Đoàn Học viện Tòa án nhiệm kỳ 2022-2025, Kế hoạch hoạt động theo từng năm học.

Câu lạc bộ Học thuật trực thuộc Đoàn Học viện Tòa án là một trong những đơn vị chủ chốt trong việc xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Câu lạc bộ Học thuật là nơi để các sinh viên Học viện Tòa án trao đổi về học thuật, tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm, cuộc thi.

Hiện nay, các hoạt động nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án được thực hiện theo Quyết định số 48/QĐ-HVTA ngày 02 tháng 6 năm 2021. Quy chế nghiên cứu khoa học trong sinh viên được quy định cụ thể tại Chương 4.

Phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên Học viện Tòa án các năm qua được thể hiện ở một số nội dung:

*Thứ nhất, số lượng sinh viên tham gia cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện.*

Qua các năm tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án, số lượng sinh viên đăng ký tham gia khá lớn. Tuy nhiên, số lượng đề tài được duyệt và thực hiện là hữu hạn. Tùy vào điều kiện thực tế của từng năm học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện Tòa án đã duyệt số lượng đề tài để thực hiện là khác nhau: năm học 2019-2020 có **10** đề tài được phê duyệt, năm học 2020-2021 có **15** đề tài được phê duyệt, năm học 2021-2022 có **12** đề tài được phê duyệt, năm học 2022-2023 có **16** đề tài được phê duyệt, năm học 2023-2024 có **26** đề tài. Số lượng đề tài được duyệt tăng theo các năm đã minh chứng cho sự quan tâm của sinh viên Học viện Tòa án đối với phong trào nghiên cứu khoa học.

*Thứ hai, số lượng đề tài đạt giải sinh viên nghiên cứu khoa học cấp học viện, cấp Bộ và các giải thưởng khác.*

Tại giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện, số lượng đề tài đạt giải qua các năm có sự chuyển biến theo chiều hướng tăng. Tỷ lệ đề tài đạt giải sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện chiếm tỷ lệ cao so với số lượng đề tài được duyệt: năm học 2019-2020 là **80%**, năm học 2020-2021 là **66,6%**, năm học 2021-2022 là **75%**, năm học 2022-2023 là **81,3%**.



Các số liệu trên thể hiện chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Tòa án được cải thiện qua các năm, số đề tài đạt giải chiếm tỷ lệ cao trong số các đề tài được phê duyệt để thực hiện.

**Bảng 1** Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải cấp Học viện giai đoạn 2019-2023

STT	Năm học	Số lượng đề tài được phê duyệt	Số lượng đề tài đạt giải				
			Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải Khuyến khích	Tổng
1	2019-2020	10	01	02	02	03	08
2	2020-2021	15	02	05	02	01	10
3	2021-2022	12	00	03	03	03	09
4	2022-2023	16	00	04	05	04	13

Tại giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka do Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh tổ chức, đề tài “Nghiên cứu về hình thức chấp hành hình phạt tù - tù tại gia trong thi hành án hình sự ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng tại Việt Nam” của nhóm sinh viên Học viện Tòa án Phạm Thị Hồng Mơ, Lê Thị Thơm, Phạm Thị Nguyệt Hằng lớp A khóa 2 do TS. Nguyễn Văn Nam hướng dẫn đã đạt giải khuyến khích vào năm 2021.

Tại giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung Ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức năm 2020 (Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ), Sinh viên Học viện Tòa án đạt 02 giải Nhì (đề tài “Cộng đồng LGBT ở Việt Nam và những vấn đề pháp lý cần hoàn thiện” của nhóm sinh viên Nguyễn Khánh Linh và Hoàng Thị Trang lớp A khóa 3 do PGS. TS. Dương Tuyết Miên hướng dẫn; đề tài “Đấu tranh phòng, chống tệ nạn tín dụng đen ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” của nhóm sinh viên Vũ Thị Thu Trang và Nguyễn Thị Mỹ Nguyên lớp A khóa 2 do TS. Nguyễn Trí Tuệ hướng dẫn), 01 giải Ba (đề tài “Cách mạng công nghiệp 4.0 - Thách thức pháp lý đối với Việt Nam về thanh toán điện tử” của nhóm sinh viên Phạm Thị Hương Giang và Nguyễn Lê Huy lớp B khóa 2 do TS. Nguyễn Minh Oanh hướng dẫn).

Thứ ba, sinh viên Học viện Tòa án tham gia viết bài, trình bày tham luận tại các Hội thảo khoa học, tạp chí khoa học.

Mặc dù số lượng sinh viên Học viện Tòa án tham gia viết bài, trình bày tham luận tại các Hội thảo khoa học chưa nhiều nhưng đã đánh dấu bước trưởng thành, phát triển của phong trào Nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện.

**Bảng 2:** Số lượng bài viết đăng ký yếu có tác giả là sinh viên Học viện Tòa án tại các Hội thảo khoa học từ tháng 09/2022-09/2023

STT	Tên Hội thảo khoa học	Thời gian	Đơn vị tổ chức	Số lượng bài viết
1.	Hội thảo nhà Khoa học trẻ trong khuôn khổ diễn đàn Luật học Mùa Thu lần thứ Hai	10/2022	Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	01
2.	Hội thảo khoa học sinh viên liên trường lần thứ II năm 2022	12/2022	Câu lạc bộ Sinh viên nghiên cứu khoa học, Đoàn Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	03
3.	Hội thảo khoa học " <i>Phật giáo và hoạt động từ thiện</i> "	11/2022	Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội	01
4.	Hội thảo " <i>Góp ý dự thảo Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi</i> "	3/2023	Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam, Viện Nghiên cứu Lập pháp và Trường Đại học Luật Hà Nội	01
5.	Hội thảo " <i>Chuyển đổi số cho thanh niên - Giải pháp và ứng dụng</i> "	5/2023	Trung tâm Khoa học và Công nghệ trẻ, Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh phối hợp Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	02
6.	Hội thảo trọng điểm " <i>Hoàn thiện hệ thống pháp luật qua 10 năm thi hành Hiến pháp năm 2013 đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> " trong khuôn khổ Diễn đàn Luật học và phát triển năm 2023	5/2023	Trường Đại học Luật Hà Nội	03
7.	Hội thảo khoa học " <i>Quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Nghị quyết 27/NQ-TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới</i> "	7/2023	Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức	01
8.	Hội thảo khoa học " <i>Tài chính toàn diện và khả năng tiếp cận tín dụng cho người yếu thế ở Việt Nam</i> "	9/2023	Khoa Luật, Học viện Ngân hàng	01
9.	Hội thảo khoa học trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ Hai " <i>Thanh niên trong bối cảnh chuyển đổi số</i> "	9/2023	Trung ương Hội sinh viên Việt Nam	01



**Hình 1:** Sinh viên Học viện Tòa án tham gia Hội thảo khoa học sinh viên liên trường lần thứ II do Câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học - Đoàn Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tổ chức ngày 20/12/2022.

*Thứ tư, các hoạt động khác liên quan đến phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.*

Bên cạnh các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học và các Hội thảo khoa học, nhiều hoạt động liên quan khác được tổ chức tại Học viện Tòa án đã tuyên cảm hứng nghiên cứu trong sinh viên.

Tọa đàm sinh viên nghiên cứu khoa học do Câu lạc bộ Học thuật thuộc Đoàn Học viện Tòa án tổ chức hằng năm vào khoảng thời gian Học viện tổ chức đăng ký tên đề tài nghiên cứu. Tọa đàm là nơi sinh viên được giải đáp các vướng mắc trong quá trình thực hiện đề tài, được các giảng viên đến từ Phòng Nghiên cứu khoa học Tòa án phổ biến quy chế nghiên cứu khoa học, hướng dẫn các kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo...

Nhiều hoạt động do Câu lạc bộ Học thuật tổ chức: cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment, Tập huấn Kỹ năng tranh biện, Rung chuông vàng, The Court's Olympic... Mỗi hoạt động đều có mục đích giúp sinh viên trau dồi thêm kiến thức pháp lý, ngoại ngữ, tư duy phản biện, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập. Mục tiêu lớn nhất là tạo nền tảng kiến thức và kỹ năng để sinh viên Học viện Tòa án có thể tham gia nghiên cứu khoa học.



**Hình 2:** Vòng chung kết cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment năm 2023<sup>8</sup>

Ngoài ra, tại các học phần, giảng viên Học viện Tòa án đã cập nhật các vấn đề mới, bình luận các quy định, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, gợi mở hướng nghiên cứu cho sinh viên. Sinh viên Học viện Tòa án còn được tạo điều kiện tham dự các Hội thảo Khoa học được tổ chức tại Học viện.

#### 4.2. Đánh giá phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án

Thứ nhất, những mặt tích cực của phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án

Một là, Đảng ủy và Ban giám đốc Học viện Tòa án đã quan tâm sâu sắc đến phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi, cơ hội để sinh viên có thể tiếp cận, tham gia nghiên cứu khoa học ở nhiều hình thức khác nhau.

Hai là, sinh viên Học viện Tòa án nhận thức rõ vai trò quan trọng của nghiên cứu khoa học trong gia đoạn hiện nay nên đã chủ động, tích cực tham gia và đạt nhiều thành tích cao trong các giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, hội thảo khoa học.

Ba là, quỹ khuyến học của Học viện Tòa án đã góp phần nâng mức thưởng dành cho sinh viên đạt giải trong cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học. Điều đã tạo thêm động lực để sinh viên Học viện có thể tập trung nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu một cách hoàn thiện nhất.

<sup>8</sup> Câu lạc bộ Học thuật. (2023, 4 22). *Vòng chung kết Cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment năm 2023*. (...) - Wiktionary. Retrieved September 15, 2023, from <https://www.facebook.com/photo/?fbid=633089498831711&set=pb.100063919985624.-2207520000>



Bốn là, các hoạt động tiếp cận nghiên cứu từ góc độ sinh viên, nổi bật là mô hình Câu lạc bộ Học thuật. Câu lạc bộ Học thuật trở thành cầu nối, thu hẹp khoảng cách, giúp sinh viên Học viện Tòa án giải tỏa các thắc mắc, xây dựng các hoạt động thanh niên gắn liền với nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, những mặt hạn chế của phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án

Một là, số lượng đề tài được duyệt còn ít so với số lượng đề tài đăng ký. Điều này dẫn đến hiện tượng các sinh viên không được duyệt tên đề tài dễ tự ti, không còn động lực tham gia đăng ký nghiên cứu khoa học sinh viên trong các năm tiếp theo.

Hai là, số lượng giảng viên đủ điều kiện hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng với nhu cầu của sinh viên. Theo quy định, mỗi giảng viên chỉ được hướng dẫn 02 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học trong cùng một thời gian. Do đó, trường hợp sinh viên có nguyện vọng được một giảng viên cụ thể hướng dẫn sẽ khó thực hiện. Điều này cũng tạo rào cản để các sinh viên Học viện tham gia nghiên cứu,

Ba là, hệ thống tài liệu của thư viện chưa được số hóa làm hạn chế khả năng tiếp cận của sinh viên. Hiện nay, việc mượn các tài liệu như khóa luận, báo cáo nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án chỉ được mượn đọc trong ngày đã gây khó khăn cho sinh viên trong việc đọc và nghiên cứu tài liệu. Việc tiếp cận nguồn tư liệu từ thư viện Học viện Tòa án còn bị giới hạn về mặt không gian và thời gian.

Bốn là, mức khen thưởng dành cho sinh viên đạt giải tại các cuộc thi còn thấp; chưa có quy chế cụ thể ghi nhận, khen thưởng các trường hợp sinh viên có bài viết được đăng trên các Tạp chí khoa học, Kỷ yếu Hội thảo, trình bày tham luận tại các Hội thảo khoa học. Hiện nay, việc tham gia nghiên cứu khoa học, sinh viên Học viện Tòa án chỉ được cộng điểm rèn luyện (mức điểm còn khiêm tốn, chỉ 2/100 điểm), chưa có chính sách ưu tiên, công điểm vào điểm tích lũy học tập.

### **5. Gợi ý giải pháp**

Từ những phân tích, đánh giá tại mục 4, tác giả đề xuất một số giải pháp trong việc xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên như sau:

Thứ nhất, tăng cường việc truyền cảm hứng, đam mê, phổ biến quy định, tập huấn kỹ năng, trang bị kiến thức nghiên cứu khoa học trong sinh viên bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, gần gũi. Các hoạt động tiếp cận nghiên cứu khoa học được thực hiện ngay trong từng giờ học, lồng ghép trong các hoạt động của tổ chức thanh niên tại Học viện. Cần có cơ chế phối hợp cụ thể giữa các đơn vị Phòng nghiên cứu khoa học, Khoa Đào tạo Đại học, Phòng Tư liệu và Thư viện và Ban Chấp hành Đoàn Học viện để có thể tổ chức các hoạt động ý nghĩa như các cuộc thi, tọa đàm, tập huấn, tham quan... liên quan đến việc nghiên cứu khoa học. Chỉ khi sinh viên có thể hiểu rõ ý nghĩa sâu sắc của việc nghiên cứu khoa học mới có thể chủ động, tích cực, say mê tham gia.

Thứ hai, quỹ khuyến học của Học viện Tòa án mà một điểm nổi bật trong xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Nguồn quỹ này sẽ hỗ trợ việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên, gia tăng tiền thưởng cho các sinh viên đạt giải, có thành tích

nghiên cứu khoa học xuất sắc. Do đó, cần vận động mở rộng các nguồn tài trợ để quỹ khuyến học là nguồn động lực tài chính cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, số hóa các tài liệu tham khảo tại thư viện nhằm mở rộng khả năng tiếp cận nguồn tư liệu của sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, không bị giới hạn về mặt không gian và thời gian.

Thứ tư, cần có quy định ghi nhận thành tích các sinh viên có bài viết đăng kỷ yếu Hội thảo khoa học, Tạp chí khoa học; tăng điểm rèn luyện cho sinh viên có tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; có mức tiền thưởng phù hợp; nghiên cứu việc công điểm ưu tiên vào thành tích học tập đối với sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc.

Thứ năm, hoàn thiện và phát triển mô hình Câu lạc bộ Học thuật trở thành nơi kết nối những sinh viên đam mê nghiên cứu, cùng nhau chia sẻ về phương pháp, cầu nối giữa sinh viên và các phòng, khoa đầu mối trong hoạt động khoa học, tạo ra các sân chơi mang đậm nét sinh viên, tạo dựng niềm say mê với khoa học./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam, Viện Nghiên cứu Lập pháp, Trường Đại học Luật Hà Nội. (2023, 3). *Hội thảo "Góp ý dự thảo Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi"* [Kỷ yếu].
- Câu lạc bộ Học thuật. (2023, 4 22). *Vòng chung kết Cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment năm 2023*. (...) - Wiktionary. Retrieved September 15, 2023, from <https://www.facebook.com/photo/?fbid=633089498831711&set=pb.100063919985624.-2207520000>
- Câu lạc bộ Sinh viên nghiên cứu khoa học, Đoàn Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. (2022, 11). *Hội thảo khoa học sinh viên liên trường lần thứ II năm 2022* [Kỷ yếu].
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. (2016, 3 25). *Quyết định số 386/2016/QĐ-TANDTC*.
- Đình, H. (2019, November 20). *Phấn đấu xây dựng Học viện Tòa án thực sự trở thành một cơ sở đào tạo đại học danh giá, có uy tín trong nước và khu vực*. Tạp chí Tòa án. Retrieved September 15, 2023, from <https://tapchitoaan.vn/phan-dau-xay-dung-hoc-vien-toa-an-thuc-su-tro-thanh-mot-co-so-dao-tao-dai-hoc-danh-gia-co-uy-tin-trong-nuoc-va-khu-vuc>
- Học viện Tòa án. (2018, 4 3). *Chương trình đào tạo* [ban hành kèm Quyết định số 38/2018/QĐ-HVTA ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Học viện Tòa án].
- Học viện Tòa án. (2023, June 9). *Untitled*. HỌC VIỆN TÒA ÁN. Retrieved September 15, 2023, from [http://hvta.toaan.gov.vn/portal/pls/portal/tandtc.baocao\\_EDITOR\\_PLT.download\\_file?p\\_file=11341108.PDF](http://hvta.toaan.gov.vn/portal/pls/portal/tandtc.baocao_EDITOR_PLT.download_file?p_file=11341108.PDF)
- Khoa Luật, Học viện Ngân hàng. (2023, 9). *Hội thảo khoa học "Tài chính toàn diện và khả năng tiếp cận tín dụng cho người yếu thế ở Việt Nam"* [Kỷ yếu].
- Lê Bích. (2020). *Tin hoạt động*. HỌC VIỆN TÒA ÁN. Retrieved September 15, 2023, from [http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676662/27676824?p\\_page\\_id=27676824&pers\\_id=27677017&folder\\_id=&item\\_id=284163928&p\\_details=1](http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676662/27676824?p_page_id=27676824&pers_id=27677017&folder_id=&item_id=284163928&p_details=1)
- Nguyễn, B. H. (2016, December 6). *Bài phát biểu của Đồng chí Nguyễn Hòa Bình tại Lễ khai giảng năm học 2016 - 2017 Học viện Tòa án*. Tòa án nhân dân tối cao. Retrieved September

15, 2023, from <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/ca/chi-tiet?dDocName=TOAAN009431>

Trung ương Hội sinh viên Việt Nam. (2023, 9). *Hội thảo khoa học trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ Hai "Thanh niên trong bối cảnh chuyển đổi số"* [Kỷ yếu].

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. (2022, 10). *Hội thảo nhà Khoa học trẻ trong khuôn khổ diễn đàn Luật học Mùa Thu lần thứ Hai* [Kỷ yếu].

Trường Đại học Luật Hà Nội. (2023, 5). *Hội thảo trọng điểm "Hoàn thiện hệ thống pháp luật qua 10 năm thi hành Hiến pháp năm 2013 đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam" trong khuôn khổ Diễn đàn Luật học và phát triển năm 2023* [Kỷ yếu].

Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức. (2023, 7). *Hội thảo khoa học "Quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Nghị quyết 27/NQ-TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới"* [Kỷ yếu].

Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội. (2022, 12). *Hội thảo khoa học "Phật giáo và hoạt động từ thiện"* [Kỷ yếu].

---

# PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG PHÒNG TRÀO SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC

(1) TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương, (2) ThS. Nguyễn Lê Khánh Linh

(1) Phó trưởng Phòng Quản lý Khoa học, Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM

(2) Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM

\*Tác giả liên hệ: [nlklinh@hcmiu.edu.vn](mailto:nlklinh@hcmiu.edu.vn)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* phong trào, nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM

Với sứ mệnh phấn đấu trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu chất lượng cao, Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) tập trung vào việc nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và thúc đẩy phong trào sinh viên tham gia. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại thách thức về sự ít quan tâm của sinh viên đối với nghiên cứu và việc chọn đề tài phù hợp. Các trường Đại học có thể nâng cao phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học bằng cách hướng dẫn định hướng nghiên cứu, quản lý thời gian và đào tạo kỹ năng nghiên cứu. Sinh viên cũng cần được khuyến khích tham gia hoạt động ngoại khóa và công bố kết quả nghiên cứu để thúc đẩy đam mê và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

### 1. Thực trạng chung tại Trường Đại học Quốc tế

Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) là đại học đa ngành, đa lĩnh vực, một trong bảy trường đại học thành viên trực thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM). Đây là trường đại học công lập đa ngành đầu tiên và duy nhất hiện nay tại Việt Nam sử dụng hoàn toàn tiếng Anh trong công tác đào tạo giảng dạy và nghiên cứu. Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo hệ chính quy bậc đại học, sau đại học và tiến sĩ. Nhà trường tập trung đào tạo các ngành học thuộc lĩnh vực mũi nhọn như kỹ thuật, công nghệ, khoa học sự sống, kinh tế và quản lý. Mô hình hoạt động của trường được xây dựng hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế về đội ngũ giảng viên, giáo trình và chương trình học có định hướng nghiên cứu và liên kết với các trường đại học có thứ hạng cao ở các nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Châu Âu và khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Với định hướng là đại học nghiên cứu, Trường Đại học Quốc tế có các chính sách mở trên cơ sở các quy định của ĐHQG-HCM nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và công bố khoa học của giảng viên và sinh viên. Năm 2022- 2023, tỷ lệ bài báo tạp chí quốc tế thuộc ISI, Scopus/tiến sĩ là 1,5 bài. Các hội thảo khoa học được trường quan tâm tổ chức thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho việc trao đổi, hợp tác nghiên cứu cũng như hình thành văn hóa nghiên cứu và công bố trong trường.

Trong chiến lược phát triển từ năm 2021, nhà trường sẽ tập trung nâng tầm quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và tính



hội nhập. Vì vậy, công tác nâng cao năng lực nghiên cứu và công bố khoa học uy tín của cán bộ giảng viên và sinh viên thông qua việc tăng nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học công nghệ, thu hút thêm các nguồn kinh phí từ các dự án nước ngoài; tổ chức các hội nghị khoa học quốc gia và quốc tế; tổ chức hội nghị khoa học sinh viên; tổ chức các seminar chuyên đề nghiên cứu khoa học... là một trong những mục tiêu quan trọng của nhà trường.

Từ chiến lược năm 2018 đến nay, Trường ĐHQT đã từng bước thúc đẩy phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học dần hoàn thiện hơn:

Trường ĐHQT luôn cẩn trọng và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Nghị định cũng như các hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành trong các hoạt động quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Từ khi Nghị định số 70/2018/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, trường ĐHQT đã ban hành các quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài khoa học và công nghệ cơ sở, cụ thể bao gồm Quyết định số 395/QĐ-DHQQT ngày 03/6/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQT về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện và quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở dành cho sinh viên và học viên sau đại học của Trường ĐHQT và Quyết định số 115/QĐ-ĐHQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định tổ chức thực hiện và quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở dành cho sinh viên và học viên sau đại học của Trường ĐHQT ban hành kèm theo Quyết định số 395/QĐ-ĐHQT ngày 03 tháng 6 năm 2019.

Tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học thường niên để đẩy mạnh hoạt động và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Chương trình phát triển tài sản trí tuệ theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sở hữu trí tuệ, đổi mới và chuyển giao công nghệ trong trường đại học đã có một số tác động tích cực đến việc nâng cao sở hữu trí tuệ, đổi mới và chuyển giao công nghệ trong trường ĐHQT, cụ thể như sau:

+ Chương trình kêu gọi nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trong sinh viên, giảng viên và nhân viên các trường đại học. Điều này đã định hướng các hoạt động khuyến khích tạo ra tài sản trí tuệ cũng như hình thành mạng lưới trung tâm chuyển giao công nghệ nhằm thúc đẩy việc khai thác tài sản trí tuệ tại trường ĐHQT như: liên tục cử nhân sự tham dự các buổi hội thảo, hội nghị về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ; đặc biệt hỗ trợ về nhân sự và kinh phí tham dự các hoạt động triển lãm nhằm quảng bá các sản phẩm hình thành trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và tìm kiếm đối tác chuyển giao công nghệ. Kết quả là sự gia tăng số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ mà trường ĐHQT đã nộp và đạt được nhiều kết quả khả quan.

+ Chương trình tăng cường hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp đã giúp định hướng trường ĐHQT trong việc tăng cường hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ; thể hiện qua số lượng đề tài với địa phương, với doanh nghiệp, với các tổ chức trong và ngoài nước.

## **2. Đánh giá chung quá trình triển khai phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Quốc tế**

### *2.1 Thuận lợi*

Sinh viên được khuyến khích tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học công nghệ trong nước và quốc tế để trau dồi kiến thức và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn từ các chuyên gia trong lĩnh vực. Trong năm 2022, hoạt động tổ chức hội nghị/hội thảo về khoa học và công nghệ (KH&CN) được diễn ra mạnh mẽ sau năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Đối với mảng hội nghị quốc tế, trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) đã tổ chức/đồng tổ chức 05 hội nghị thuộc các lĩnh vực Kinh tế, Công nghệ Sinh học, Kỹ thuật Công nghiệp, Công nghệ Thông tin và Kỹ thuật Y Sinh thu hút hơn 1.200 lượt người tham gia. Bên cạnh đó, trường ĐHQT cũng đã tổ chức/đồng tổ chức 02 hội nghị trong nước thu hút đông đảo học viên, nghiên cứu viên tham dự.

Với mục đích đẩy mạnh hoạt động và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên, nhà trường đã tổ chức hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học. Hội nghị không chỉ là hoạt động thường niên dành cho sinh viên và học viên sau đại học nhằm tạo sân chơi học thuật mới, giúp sinh viên giao lưu, học hỏi và rèn luyện mà còn là cơ hội giúp sinh viên học viên phát huy năng lực tư duy sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Bên cạnh đó, sinh viên được tạo điều kiện và khuyến khích tham gia các giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt được nhiều thành tích trong nước và quốc tế.

Nhà trường cũng đã triển khai các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong năm. Tổ chức hơn 20 chương trình về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (cuộc thi, hội thảo, tập huấn, ương tạo), thu hút gần 5,000 lượt người tiếp cận và tham dự, kết nối được với gần 40 chuyên gia trong nhiều lĩnh vực và 15 tổ chức đối tác, ký kết 03 MOU với các tổ chức về hỗ trợ khởi nghiệp. Nhà trường đã hỗ trợ cho hơn 30 dự án tham gia cuộc thi với nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế (như TOP 4 chung kết cuộc thi toàn cầu Social Business Creation, TOP 20 Techfest 2022, Giải Khuyến khích cuộc thi quốc gia sinh viên STARTUP 2022). Trong đó, có 02 dự án được ký kết hợp đồng ương tạo nhằm hoàn thiện sản phẩm và mô hình kinh doanh, sử dụng cơ sở vật chất phòng thí nghiệm tại trường, và được tham gia các khóa tập huấn chuyên sâu. Bên cạnh đó, nhà trường luôn hỗ trợ kết nối dự án (theo nhu cầu) với các cố vấn, quỹ đầu tư và các tổ chức.

Nhà trường cũng tích cực phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường tổ chức 04 lớp tập huấn ngắn hạn cho sinh viên và nhân sự doanh nghiệp Khóa "Đổi mới Sáng tạo trong giáo dục" cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trường; Khóa "Vận hành kho hàng hiệu quả" cho nhân sự công ty Du lịch và Thương mại Bình Dương; Khóa SAP2000 cho sinh viên Kỹ thuật Xây dựng, đã ký kết hợp đồng cung cấp giải pháp công nghệ cho Công ty Cổ phần Tân Phú, Công ty trách nhiệm hữu hạn Phương Vũ Quỳnh Thy, Công ty FLYFEED, Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Bình Dương, Công ty Rohto-Mentholatum Việt Nam. Chuỗi tập huấn về tinh thần công dân tích cực phục vụ cộng đồng cho sinh viên và cán bộ Đoàn Hội trường; các kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (tư duy thiết kế, lập mô hình kinh doanh) và các khóa kỹ năng mềm (làm việc nhóm, làm việc trực tuyến hiệu quả) thu hút hơn 1,000 lượt sinh viên.

Trường ĐHQT dành nhiều kinh phí nhằm thúc đẩy, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học với kinh phí tăng đều qua các năm. Năm học 2022-2023, nhà trường đã

cấp kinh phí cho 57 đề tài cấp sinh viên (tăng 16% so với năm học trước), với tổng kinh phí là 620 triệu đồng (tăng 57% so với năm học trước). Các đề tài mang tính thực tiễn, có thể áp dụng trong nhiều lĩnh vực: Công nghệ Sinh học, Quản trị Kinh doanh, Công nghệ Thông tin, Điện - Điện tử, Kỹ thuật Y sinh, Kỹ thuật Xây dựng và Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp. Kết quả các đề tài dự kiến sẽ được công bố trên các tạp chí, hội nghị uy tín trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng phát động cuộc thi "Innovation Camp" nhằm tìm kiếm, phát triển các ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp trong sinh viên và tạo sân chơi để các bạn sinh viên có cơ hội giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các doanh nghiệp thành công.

## **2.2 Khó khăn**

Trong những năm gần đây, hoạt động NCKH trong sinh viên đang ngày càng phát triển với số lượng các đề tài ngày càng nhiều. Nhưng tỷ lệ sinh viên quan tâm đến NCKH còn thấp, nhiều sinh viên mặc dù đã tham gia NCKH nhưng còn thụ động; nhiều đề tài nghiên cứu có chất lượng không cao, không áp dụng được trong thực tiễn. Việc NCKH trong sinh viên đang được xem như là một hoạt động phong trào. Chưa có nhiều sinh viên thật sự say mê với hoạt động NCKH - vốn được coi là một trong những hoạt động chủ chốt của đào tạo đại học.

Một trong những thách thức quan trọng trong việc thúc đẩy NCKH là việc định hướng nghiên cứu. Sinh viên thường cần phải tự tìm hiểu và chọn đề tài phù hợp với sở thích và mục tiêu của họ. Điều này đòi hỏi sự hiểu biết và tư duy đúng đắn để xác định vấn đề nghiên cứu cụ thể, mà họ cảm thấy quan tâm và có khả năng nghiên cứu một cách chất lượng. Tuy nhiên, việc lựa chọn đúng đề tài nghiên cứu không phải lúc nào cũng dễ dàng và có thể đòi hỏi sự hỗ trợ từ giảng viên hoặc người hướng dẫn nghiên cứu.

Thách thức tiếp theo đối mặt là về việc quản lý thời gian và công việc. Sinh viên thường phải đối mặt với một lịch trình học tập dày đặc, bao gồm nhiều môn học, hoạt động ngoại khóa và thậm chí là công việc bán thời gian. Trong khi đó, NCKH đòi hỏi sự tập trung và đầu tư thời gian và công sức đáng kể. Xây dựng một lịch trình hiệu quả để cân nhắc cả việc học và nghiên cứu có thể là một nhiệm vụ không hề dễ dàng.

Cuối cùng, sinh viên thường thiếu kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết cho nghiên cứu. Đặc biệt là sinh viên mới nhập học có thể cảm thấy mất định hướng khi tiếp xúc với môi trường nghiên cứu mới mẻ. Việc này đặc biệt trở nên khó khăn nếu không có sự hỗ trợ và đào tạo từ giảng viên và nhà nghiên cứu.

## **3. Kiến nghị**

Để tiếp tục đẩy mạnh và phát triển việc tổ chức và hoạt động của sinh viên nghiên cứu khoa học, các trường Đại học nên chú trọng những vấn đề sau:

Nhằm định hướng nghiên cứu tốt hơn cho sinh viên, nhà trường có thể hỗ trợ trong việc chọn đề tài nghiên cứu bằng cách tổ chức buổi tư vấn, hội thảo và giới thiệu các nguồn tài liệu để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về lĩnh vực nghiên cứu và tìm ra đề tài phù hợp với sở thích và mục tiêu của sinh viên.

Bên cạnh đó, nhà trường có thể hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch thời gian hiệu quả để có thể cân nhắc giữa việc học và nghiên cứu. Điều này có thể bao gồm việc tạo lịch trình, ưu tiên hóa công việc quan trọng và tập trung vào mục tiêu cụ thể trong mỗi giai đoạn.

Thêm vào đó, việc tổ chức các khóa đào tạo và hướng dẫn về kỹ năng nghiên cứu cho sinh viên, đặc biệt là cho những người mới nhập học. Giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu, phân tích dữ liệu, và sử dụng công cụ nghiên cứu cơ bản. Nhà trường có thể tìm cách tích hợp NCKH vào các hoạt động ngoại khóa, ví dụ như các nhóm nghiên cứu sinh viên, cuộc thi nghiên cứu, hoặc các dự án xã hội. Điều này giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm và tạo cơ hội gặp gỡ và học hỏi từ những người có cùng sở thích.

Thông qua các hoạt động công bố NCKH, sinh viên có cơ hội công bố và chia sẻ kết quả nghiên cứu thông qua bài báo, báo cáo, hoặc tham gia hội thảo. Điều này sẽ thúc đẩy sự tự tin và đánh giá tích cực từ cộng đồng nghiên cứu. Đồng thời, việc này cũng tạo môi trường khuyến khích và thể hiện sự tôn trọng đối với những sinh viên có đam mê với nghiên cứu, để sinh viên có động lực và quyết tâm phát triển trong lĩnh vực này.

Nhà trường cũng có thể hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, hoặc viện nghiên cứu để cung cấp cơ hội thực tập nghiên cứu cho sinh viên, giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kinh nghiệm thực tế.

Bằng cách thực hiện các kiến nghị này, trường học có thể tạo ra môi trường thúc đẩy NCKH và khám phá tiềm năng nghiên cứu của sinh viên, từ đó nâng cao chất lượng của hoạt động NCKH và động viên thêm sự đam mê và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- “Kế hoạch Chiến lược giai đoạn 2021-2025”, Trường Đại học Quốc tế.  
“Những khó khăn của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học”, Nguyễn Thị Kim Anh, Báo Nhân Dân, 2014.  
“Thuận lợi và khó khăn của sinh viên khi nghiên cứu khoa học”, Bùi Ngọc Hà Duy, Trường Đại học Khánh Hòa, 2023.

# **SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ỨNG DỤNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG, KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP THÍCH ỨNG VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ - KINH NGHIỆM TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á**

Nguyễn Phúc Quân

Phòng Quản lý Khoa học, Trường Đại học Đông Á

\*Tác giả liên hệ: quannp@donga.edu.vn

---

## **THÔNG TIN**

## **TÓM TẮT**

*Từ khóa: nghiên cứu khoa học, cộng đồng, Trường Đại học Đông Á*

Tham luận này tập trung đánh giá vai trò và tác động của sinh viên nghiên cứu khoa học đến nhà trường, giảng viên và sinh viên. Sinh viên nghiên cứu khoa học có nhiều tác động đến việc dạy và học như nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực số, phục vụ cộng đồng thông qua việc tạo ra những sản phẩm và giải pháp có giá trị thực tiễn, phát triển kỹ năng mềm và chuyên môn cho sinh viên, là bước đệm cho công bố khoa học và khởi nghiệp... Tuy nhiên quá trình triển khai hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức để thực có hiệu quả, như việc thiếu nguồn lực, thiếu hỗ trợ từ các bên liên quan, thiếu kinh nghiệm và kiến thức về nghiên cứu khoa học, thiếu cơ chế chính sách,... Bài báo sử dụng trường hợp của trường Đại học Đông Á để minh họa những thành quả và kinh nghiệm trong việc thúc đẩy sinh viên nghiên cứu khoa học. Qua đó đề xuất một số giải pháp để khắc phục những hạn chế và vướng mắc trong quá trình này, như việc đầu tư vào nghiên cứu, giảng dạy, khởi nghiệp; gắn nghiên cứu khởi nghiệp vào chương trình đào tạo; đưa nghiên cứu khoa học thành một hoạt động xuyên suốt, hỗ trợ giảng viên sinh viên trong suốt quá trình này. Tham luận này hy vọng góp phần đóng góp vào sự phát triển của sinh viên nghiên cứu khoa học ở Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

---

### **1. Tác động của hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học đến công tác dạy và học của nhà trường**

#### *1.1. Thúc đẩy hợp tác giữa sinh viên và giảng viên*

Các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học có tác động mạnh mẽ đến sinh viên, giảng viên và các trường đại học. Một trong những tác động đáng chú ý là khuyến khích sự hợp tác giữa sinh viên và giảng viên. Cuộc thi yêu cầu sự hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên, tạo điều kiện cho mối quan hệ sâu sắc giữa họ. Sự tương tác thường xuyên giữa sinh viên và giảng

viên trong cuộc thi này thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về khả năng và mục tiêu của nhau (Lê Thị Minh Loan, 2010; Vũ Công Thương, 2021). Thông qua hoạt động nghiên cứu giúp sinh viên học hỏi từ kinh nghiệm của giảng viên trong lĩnh vực nghiên cứu. Những lời khuyên và hướng dẫn từ giảng viên cung cấp hành trang kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên để tiến hành nghiên cứu thành công và phát triển các dự án (Nguyễn Ngọc San, 2011; Nguyễn Thu Thủy, 2015).

Cuộc thi cũng khuyến khích sự độc lập và tư duy sáng tạo của sinh viên. Sinh viên được thúc đẩy tìm kiếm giải pháp mới và tiếp cận các vấn đề nghiên cứu theo cách riêng của mình, trong khi vẫn nhận được sự hỗ trợ và chỉ dẫn từ giảng viên (Lê Thị Minh Loan, 2010; Phan Thanh Long, 2010).

Hơn nữa, mối quan hệ hợp tác này không chỉ giúp vượt qua các khó khăn trong nghiên cứu mà còn tạo cơ hội để sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Cuộc thi có thể làm cho sinh viên phấn khích và đam mê về việc nghiên cứu, và mở ra các cánh cửa mới cho sự phát triển cá nhân và sự nghiệp sau này (Lê Thị Minh Loan, 2010).

Cuối cùng, thông qua hoạt động hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiên cứu cũng giúp giảng viên kết hợp hoạt động nghiên cứu và giảng dạy một cách chặt chẽ hơn, đảm bảo rằng kiến thức mới nhất và các phát triển trong lĩnh vực của họ được truyền đạt cho sinh viên thông qua quá trình giảng dạy (Phan Thanh Long, 2010; Nguyễn Ngọc San, 2011; Nguyễn Thu Thủy, 2015). Giảng viên, thông qua việc hướng dẫn sinh viên trong cuộc thi, có cơ hội cải thiện phương pháp dạy học và tăng cường chất lượng giảng dạy.

### *1.2. Nâng cao chất lượng dạy và học*

Thông qua việc hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình chuẩn bị cho cuộc thi, giảng viên tiếp cận những phương pháp và công cụ nghiên cứu mới nhất. Các thầy cô có thể chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất về quy trình nghiên cứu và phân tích dữ liệu, từ đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quy trình này và từ đó biết cách áp dụng trong nghiên cứu của mình (Nguyễn Ngọc San, 2011).

Ngoài ra, việc thúc đẩy sinh viên phát triển các dự án nghiên cứu cũng khuyến khích sự sáng tạo trong phương pháp giảng dạy. Giảng viên có thể tận dụng kinh nghiệm này để tạo ra các bài giảng mới, sáng tạo và thú vị, giúp sinh viên thấy hứng thú và tham gia tích cực vào quá trình học (Phan Thanh Long, 2010; Vũ Công Thương, 2021).

Cuộc thi cũng thúc đẩy việc tìm kiếm giải pháp sáng tạo cho các vấn đề nghiên cứu, điều này có thể áp dụng trong quá trình giảng dạy. Giảng viên có thể sử dụng các ý tưởng và phương pháp mới xuất phát từ cuộc thi để tạo ra các khóa học và bài giảng có tính ứng dụng cao và thúc đẩy sự hiểu biết sâu rộng cho sinh viên (Phan Thanh Long, 2010).

Tóm lại, cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học không chỉ tạo cơ hội cho sinh viên phát triển nghiên cứu mà còn có tác động tích cực đến chất lượng giảng dạy. Giảng viên, thông qua sự tham gia và hỗ trợ trong cuộc thi, có thể nâng cao chất lượng giảng dạy bằng cách áp dụng những kiến thức và phương pháp mới vào quá trình giảng dạy của họ.

### *1.3. Áp dụng đề tài nghiên cứu vào phục vụ cộng đồng, nâng cho chất lượng đầu ra và công bố khoa học*

Áp dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy là một cách mạnh mẽ để biến giờ học thành một trải nghiệm học tập thực tế và đầy ý nghĩa. Điều này mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho sinh viên (Nguyễn Thu Thủy, 2015). Đặc trưng lớn nhất của nghiên cứu khoa học đó là giải quyết một vấn đề hiện hữu, do đó việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và giảng dạy là một vấn đề tất nhiên.

Trước hết, việc liên kết lý thuyết với thực tế giúp sinh viên thấy rõ mối liên hệ giữa kiến thức lý thuyết và thực tế. Thay vì chỉ hiểu các khái niệm trên giấy, Sinh viên có cơ hội thấy cách những kiến thức này được ứng dụng và thực hiện trong thế giới thực (Nguyễn Ngọc San, 2011). Hơn nữa, học tập thực tế giúp sinh viên học thông qua trải nghiệm, tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc hơn. Thay vì chỉ nghe và đọc, sinh viên giờ đây được tham gia thực hành và thấy kiến thức của mình được áp dụng, điều này thường làm cho quá trình học tập thú vị và ý nghĩa hơn. Trải nghiệm học tập thực tế cũng có khả năng động viên sinh viên. Giúp sinh viên cảm thấy hứng thú và đam mê hơn về môn học, thúc đẩy tiến xa hơn trong việc nghiên cứu và học tập (Lê Thị Minh Loan, 2010). Ngoài ra, việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thực hành quan trọng liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của mình. Điều này bao gồm kỹ năng thí nghiệm, quản lý dự án, và khả năng giải quyết vấn đề. Thêm vào đó, sinh viên thấy kiến thức học tập có giá trị trong thực tế, do đó có giữ lại những kiến thức này lâu dài và có khả năng ứng dụng chúng trong tương lai, không chỉ trong quá trình nghiên cứu mà còn trong sự nghiệp và cuộc sống hàng ngày (Vũ Công Thương, 2021). Cuối cùng, việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy xây dựng lòng tự tin cho sinh viên. Thấy rằng họ có khả năng ứng dụng kiến thức vào các tình huống thực tế, sinh viên thường xây dựng lòng tự tin cao hơn về khả năng của mình (Lê Thị Minh Loan, 2010).

Với chính sách khuyến khích công bố khoa học của nhiều trường đại học hiện nay đã thu được nhiều kết quả tích cực, nhiều đề tài nghiên cứu của sinh viên đã phát triển thành đề tài cấp cơ sở, kết quả nghiên cứu của sinh viên đã được công bố trên nhiều hội thảo, tạp chí uy tín trong và ngoài nước (Tiến Đức Phạm, 2020). Đây là kết quả đáng khích lệ.

Việc đề tài nghiên cứu của sinh viên phát triển thành các đề tài cấp cao và kết quả của chúng được công bố khoa học có tác động to lớn đối với quá trình nghiên cứu và phát triển tri thức. Đầu tiên, việc tăng cường đầu tư và quy mô trong nghiên cứu, điều này có thể thúc đẩy sự phát triển của nghiên cứu và nâng cao chất lượng của các dự án nghiên cứu. Thứ hai, điều này mang lại cơ hội tham gia sâu hơn cho sinh viên, cho phép sinh viên làm việc cùng với các nhà nghiên cứu kỳ cựu, và từ đó phát triển kỹ năng nghiên cứu một cách nhanh chóng. Thứ ba, việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo uy tín giúp đóng góp vào tri thức khoa học và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục nghiên cứu và thảo luận bởi cộng đồng nghiên cứu. Cuối cùng, các đề tài nghiên cứu cấp cao thường liên quan đến những vấn đề phức tạp và quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu, đóng góp vào sự phát triển và cải tiến của lĩnh vực đó, làm giàu thêm tri thức và kiến thức.

Việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy không chỉ là cách giúp sinh viên học tập hiệu quả hơn mà còn thúc đẩy sự phát triển cá nhân và chuyên môn của họ thông qua trải nghiệm học tập thực tế và đầy ý nghĩa.

## **2. Lợi ích của Sinh viên khi tham gia Nghiên cứu khoa học**

Cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học có vai trò không thể coi thường trong việc khuyến khích và phát triển tư duy sáng tạo ở sinh viên. Đầu tiên, cuộc thi này tạo một bầu không khí thú vị và thách thức, đặc biệt khi đưa ra các vấn đề hoặc dự án nghiên cứu mở. Sinh viên phải tự mình tạo ra giải pháp cho những thách thức này, điều này đòi hỏi họ phải tư duy sáng tạo và không ngừng sáng tạo để đạt được kết quả tốt nhất (Chu Văn Khánh, 2011).

Không gian tự do cho sinh viên phát triển tư duy độc lập. Điều này có nghĩa là sinh viên không bị ràng buộc bởi kiến thức hiện tại hoặc cách làm truyền thống. Thay vì phải tuân theo một khuôn mẫu đã được xây dựng, sinh viên được khuyến khích tự mình đặt ra câu hỏi và tìm kiếm câu trả lời theo cách riêng của họ. Điều này thúc đẩy tư duy sáng tạo và sự độc đáo trong quá trình nghiên cứu (Đặng Hữu Liêm, 2006). Cuộc thi nghiên cứu cũng góp phần vào việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề ở sinh viên. Tham gia vào cuộc thi này yêu cầu sinh viên phải tìm hiểu và đối mặt với các thách thức phức tạp. Qua quá trình này, sinh viên học cách xác định và phân tích các vấn đề khó khăn, sau đó phát triển khả năng tìm ra các giải pháp sáng tạo và hiệu quả. Trong quá trình thử nghiệm các ý tưởng mới, có thể có những khó khăn dẫn đến thất bại. Tuy nhiên, điều này không phải là điều xấu, mà ngược lại, nó là cách để học hỏi và cải tiến ý tưởng. Sinh viên được khuyến khích đối mặt với thất bại, và điều này thúc đẩy tiến bộ và phát triển.

Về mặt rèn luyện kỹ năng, cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học thường tạo cơ hội để tiếp xúc với ý kiến đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau. Các thí sinh và giám khảo thường đến từ nhiều lĩnh vực và nền tảng kiến thức khác nhau. Điều này giúp sinh viên nhận được những góp ý và ý kiến đa dạng, từ đó trích xuất thông tin hữu ích để cải thiện ý tưởng của họ. Việc báo cáo nội dung khoa học với chủ tọa đa dạng giúp sinh viên rèn luyện tư duy, kỹ năng thuyết trình, diễn giải kiến thức khoa học chuyên ngành thành ngôn ngữ nói tự nhiên làm cơ sở để phát triển kỹ năng giao tiếp với đối tác, khách hàng không cùng chuyên môn khi làm việc sau tốt nghiệp. Các cuộc thi thường khuyến khích sinh viên có thể hợp tác với nhau để tạo ra các giải pháp sáng tạo hơn. Việc làm việc nhóm giúp kết hợp kiến thức và kỹ năng khác nhau từ các thành viên, từ đó đạt được kết quả tốt hơn và học hỏi từ nhau. Đây cũng là kỹ năng quan trọng được các nhà tuyển dụng chú ý

Tóm lại, cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học không chỉ là một cơ hội để thể hiện tư duy sáng tạo, mà còn là một môi trường thúc đẩy sự phát triển của tư duy độc lập, kỹ năng giải quyết vấn đề và hợp tác nhóm, tạo ra những giá trị mới cho bản thân và xã hội.

## **3. Những rào cản đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của SV**

### *3.1. Rào cản đối với sinh viên*

Khó khăn trong quá trình nghiên cứu: Sinh viên thường gặp khó khăn trong việc xác định vấn đề nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thiết kế dự án và dự toán kinh phí (Phạm Thị Thu Hoa, 2008). Điều này phản ánh sự cần thiết của việc đào tạo và hỗ trợ cho sinh viên để họ phát triển các kỹ năng này.

Vấn đề về tài liệu tham khảo: Thường xuyên, sinh viên thiếu nguồn tài liệu tham khảo đầy đủ và chính xác, cũng như không biết cách trích dẫn và viết tài liệu theo chuẩn khoa học (Phạm Thị Thu Hoa, 2008). Điều này có thể được khắc phục thông qua sự hỗ trợ của giảng viên và tài liệu học tập phù hợp.



Sự hỗ trợ kịp thời và học hỏi: Sinh viên thường cảm thấy thiếu sự hỗ trợ từ giảng viên hướng dẫn và không có cơ hội giao lưu và học hỏi từ các nhóm nghiên cứu khác (Phạm Thị Thu Hoa, 2008). Sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, cũng như giữa sinh viên và sinh viên khác, có thể được thúc đẩy để giải quyết vấn đề này.

### *3.2. Rào cản đối với giảng viên*

Kiến thức chuyên môn: Giảng viên cần có đủ kiến thức chuyên môn về lĩnh vực nghiên cứu của sinh viên để có thể hướng dẫn họ một cách hiệu quả. Sự cập nhật và theo kịp xu hướng khoa học mới cũng là một yếu tố quan trọng.

Kỹ năng giảng dạy và hướng dẫn: Để giúp sinh viên vượt qua các khó khăn trong quá trình nghiên cứu, giảng viên cần phải có kỹ năng giảng dạy, hướng dẫn, và giao tiếp hiệu quả với sinh viên. Điều này giúp tạo môi trường học tập tích cực.

Hỗ trợ từ nhà trường: Giảng viên cần sự công nhận và khuyến khích từ nhà trường, cũng như cơ hội được hỗ trợ về kinh phí và cơ sở vật chất để thực hiện nghiên cứu.

Áp lực giảng dạy và công tác: Áp lực từ công việc giảng dạy và các nhiệm vụ khác có thể làm giảm thời gian và sự tập trung của giảng viên đối với hoạt động nghiên cứu.

### *3.3. Rào cản đối với đơn vị đào tạo*

Chính sách và quy chế: Nhà trường cần thiết lập chính sách và quy chế rõ ràng về hoạt động nghiên cứu để đảm bảo tính minh bạch và đánh giá chất lượng hiệu quả.

Ngân sách và cơ cấu kinh phí: Để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên, cần có kế hoạch và ngân sách phù hợp, cũng như cơ cấu kinh phí minh bạch và hiệu quả.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Nhà trường cần cung cấp các cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ và hiện đại để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học.

Hợp tác và liên kết: Sự hợp tác và liên kết với các cơ quan, tổ chức, và doanh nghiệp trong và ngoài nước là quan trọng để mở rộng cơ hội cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đảm bảo tính ứng dụng của nghiên cứu.

## **4. Thành quả và kinh nghiệm từ trường đại học Đông Á**

### *4.1. Thành quả*

Trường Đại học Đông Á, có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng và thành lập từ năm 2002, là một trường đại học tư thục mang trong mình sứ mệnh quan trọng. Trường này bao gồm 7 khoa, 1 viện và 1 trung tâm, chuyên đào tạo trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, kỹ thuật, du lịch, ngoại ngữ, thiết kế, âm nhạc và giáo dục. Mục tiêu của Trường Đại học Đông Á là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, khuyến khích tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước (Bảo Hòa, 2023; Thiên Minh, 2023).

Trường đặc biệt thích hợp với thế hệ Gen Z, những sinh viên đặc biệt động, sáng tạo, linh hoạt và thích ứng với cuộc cách mạng số hóa. Điều này là nhờ vào đội ngũ giảng viên có kiến thức sâu rộng, kinh nghiệm phong phú và luôn cập nhật những thông tin mới nhất. Hệ thống cơ sở vật chất hiện đại đảm bảo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho sinh viên. Trường cũng liên kết với các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, đồng thời tổ

chức các hoạt động học thuật và ngoại khóa đa dạng. Điều này bao gồm cả cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học và cuộc thi sinh viên khởi nghiệp, cũng như các dịch vụ hỗ trợ sinh viên trong việc lựa chọn nghề nghiệp, tư vấn tâm lý và sức khỏe(Thiên Minh, 2023).

Từ năm 2018, Trường Đại học Đông Á đã ghi nhận hai sản phẩm nghiên cứu khoa học ứng dụng cấp quốc gia của sinh viên. Ngoài ra, sinh viên Nhà trường đã tham gia nhiều cuộc thi và sân chơi khoa học khác nhau, như Cuộc thi thiết kế và bán tên lửa nước, Hội thi Sinh viên hướng dẫn viên du lịch, Book Review contest và cuộc thi lập trình quốc tế ACM/ICPC. Điều này giúp sinh viên phát triển nhiều kỹ năng giải quyết vấn đề và rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Hơn nữa, chương trình tập huấn chuyên ngành cung cấp kỹ năng đàm phán quốc tế và truyền thông dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia Pháp, giúp sinh viên định hình sớm con đường nghề nghiệp của mình(Phúc Tường, 2018).

Năm 2020 Đại học Đông Á đã tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học và sáng tạo khởi nghiệp, từ 59 đề tài nghiên cứu ứng dụng được đăng ký và triển khai, 28 đề tài chất lượng được đề cử tham gia tranh tài ở Hội nghị sinh viên NCKH và sáng tạo khởi nghiệp 2020 ở hai hình thức trình bày gồm: 13 đề tài báo cáo powerpoint, 15 đề tài trình bày poster. Trong đó, các đề tài mang tính ứng dụng cao và khởi nghiệp nhận được sự quan tâm lớn như đề tài Ứng dụng xử lý ảnh để cảnh báo buồn ngủ khi lái xe và Nhận dạng khuôn mặt để điểm danh sinh viên vào lớp học tự động (khoa Điện – Điện tử), đề tài Sản xuất rượu vang thanh long sử dụng tế bào nấm men cố định (khoa Công nghệ thực phẩm), đề tài Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại Hòa Bắc- Hòa Vang- Đà Nẵng (khoa Quản trị),...(Đ.Hoàng, 2020)

Năm 2021, dù diễn ra theo hình thức trực tuyến do ảnh hưởng của COVID-19, cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học lần thứ 7 đã thu hút 45 đề tài xuất sắc lọt vào vòng chung kết. Trong đó, đề tài khoa học "Nghiên cứu, thiết kế và lắp ráp ô tô điện sử dụng năng lượng mặt trời phục vụ du lịch tại thành phố Đà Nẵng" của nhóm sinh viên Công nghệ kỹ thuật Điện - Ô tô Đại học Đông Á đã góp mặt và giành được giải Ba chung cuộc Cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học thành phố Đà Nẵng(Đình Tăng, 2022).

Trở lại sân chơi trực tiếp năm 2022, từ 91 đề tài nghiên cứu ứng dụng được đăng ký và triển khai, 35 đề tài chất lượng được đề cử tham gia tranh tài ở tại 4 hội đồng với hai hình thức trình bày báo cáo. Trong đó, nhiều đề tài được đánh giá mang tính ứng dụng phục vụ cộng đồng và khởi nghiệp đến từ các nghiên cứu phát triển sản phẩm công nghệ thực phẩm, nông nghiệp, du lịch cộng đồng, quản trị kinh doanh trong thời đại số(Đình Tăng, 2022).

Không dừng lại ở quy mô một cuộc thi với những ý tưởng, từ năm 2021 đến nay, Đại học Đông Á hướng mục tiêu phát triển khởi nghiệp sinh viên trở thành một trong số các chuẩn đầu ra dành cho sinh viên ở từng ngành đào tạo; tạo không gian thúc đẩy sinh viên thực học – thực nghiệp bằng chính chuyên môn được đào tạo và theo đuổi đam mê nghề nghiệp ngay từ giảng đường để sẵn sàng phát triển tương lai(Đình Tăng, 2023).

Đại học Đông Á cũng đã thành lập và đi vào hoạt động không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo với mức đầu tư xây dựng ban đầu hơn 1 tỷ đồng trên tổng diện tích 800m<sup>2</sup>. Đồng thời, Quỹ hỗ trợ sinh viên sáng tạo khởi nghiệp và nghiên cứu khoa học Đại học Đông Á cũng dành ưu tiên đến 2 tỷ đồng đồng hành, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm ứng dụng cao và phát triển các dự án sáng tạo khởi nghiệp sinh viên(Đình Tăng, 2023).

Cuộc thi Sinh viên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 2023 Đại học Đông Á đã diễn ra với sự góp mặt của các dự án khởi nghiệp đa dạng trong sinh viên. Cuộc thi đã thu hút được 42 dự án khởi nghiệp đăng ký tham gia đến từ các nhóm khởi nghiệp với 167 thành viên là sinh viên ở 17 khoa chuyên môn. Số lượng các dự án khởi nghiệp được trải đều ở 3 lĩnh vực ứng dụng cao: kỹ thuật, thương mại - dịch vụ và y tế - sức khỏe. Đây là cuộc thi khởi nghiệp lần thứ 2 được tổ chức, dành cho sinh viên ở tất cả các khối ngành đào tạo tại trường. Cuộc thi năm nay cũng được ghi nhận là năm có số lượng dự án tăng gần gấp đôi so với năm đầu tổ chức, chất lượng các dự án đồng đều, tính ứng dụng và khả năng phát triển dự án cao. Tổng cơ cấu giải thưởng là hơn 50 triệu đồng. Với 3 vòng thi: Tìm kiếm vấn đề - Phát triển vấn đề - Chung kết. Trong hành trình đó, các thành viên Ban cố vấn khởi nghiệp sẽ đồng hành cùng các nhóm dự án trong vai trò “mentor” xuyên suốt các chặng của cuộc thi. Theo đó, các dự án khởi nghiệp sinh viên sẽ được hướng dẫn phương pháp, chia sẻ kiến thức khởi nghiệp, hỗ trợ phát triển ý tưởng và hoàn thiện dự án. Đồng thời các “mentor” cũng sẽ tham gia hỗ trợ gọi vốn, kêu gọi đầu tư và thương mại hoá sản phẩm đối với các dự án được đánh giá triển vọng về mức độ ứng dụng và tính khả thi cao (Đình Tăng, 2023).

#### *4.2. Kinh nghiệm*

**Đầu tư vào Nghiên cứu khoa học:** Trường Đại học Đông Á đầu tư mạnh mẽ vào hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua việc cung cấp nguồn lực, trang thiết bị, và hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu của sinh viên.

**Giảng dạy chất lượng:** Giảng dạy được tập trung vào việc hướng dẫn sinh viên về phương pháp luận nghiên cứu khoa học. 100% giảng viên môn phương pháp luận nghiên cứu khoa học là tiến sĩ và có công bố quốc tế, đảm bảo chất lượng giảng dạy và tạo điều kiện tốt cho sinh viên tiếp cận kiến thức và kỹ năng nghiên cứu.

**Gắn kết với chuẩn đầu ra:** Chương trình học tập gắn kết với chuẩn đầu ra về nghiên cứu khoa học, đảm bảo sinh viên phát triển các kỹ năng nghiên cứu từ khâu xác định vấn đề, thu thập dữ liệu, phân tích, đến việc viết báo cáo và thuyết trình.

**Hỗ trợ nghiên cứu:** Trường cung cấp hỗ trợ cho sinh viên về việc tìm kiếm dự án nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu, và công bố kết quả nghiên cứu trong các hội nghị khoa học. Nhiều hoạt động, Workshop hỗ trợ hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được tổ chức, sinh viên được truyền kinh nghiệm và cảm hứng nghiên cứu từ các anh chị khóa trước đã tốt nghiệp và thành công cho đến các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực

**Khuyến khích đổi mới và khởi nghiệp, phục vụ công đồng:** Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án nghiên cứu có tính ứng dụng và khả năng khởi nghiệp từ kết quả nghiên cứu của họ, thúc đẩy sáng tạo và khả năng tiếp tục nghiên cứu sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó nhà trường còn hỗ trợ quyền thông, thương mại hóa cho các sản phẩm hiệu quả

Tạo không gian thúc đẩy sinh viên thực học – thực nghiệp bằng chính chuyên môn được đào tạo và theo đuổi đam mê nghề nghiệp ngay từ giảng đường để sẵn sàng phát triển tương lai: Đại học Đông Á cũng đã thành lập và đi vào hoạt động không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo với mức đầu tư xây dựng ban đầu hơn 1 tỷ đồng trên tổng diện tích 800m<sup>2</sup>. Đồng thời, Quỹ hỗ trợ sinh viên sáng tạo khởi nghiệp và nghiên cứu khoa học Đại học Đông Á cũng dành ưu tiên đến 2 tỷ đồng đồng hành, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm ứng dụng cao và phát triển các dự án sáng tạo khởi nghiệp sinh viên.

## 5. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc thúc đẩy sinh viên tham gia vào nghiên cứu khoa học ứng dụng phục vụ cộng đồng, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp thích ứng với sự chuyển đổi số đã trở nên ngày càng quan trọng. Hoạt động nghiên cứu khoa học đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nhà trường, giảng viên và sinh viên thông qua việc cải thiện chất lượng đào tạo, tạo ra những sản phẩm và giải pháp có giá trị thực tiễn, và phát triển kỹ năng mềm và chuyên môn. Thông qua những kết quả đạt được tại Trường Đại học Đông Á, tham luận này đã đưa ra một số kinh nghiệm trong việc thúc đẩy sinh viên nghiên cứu khoa học thông qua việc kết hợp giữa nghiên cứu, giảng dạy và khởi nghiệp. Các giải pháp này đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của sinh viên và giúp họ chuẩn bị tốt hơn cho tương lai nghề nghiệp của mình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đ. Hoàng. (2020). Sinh viên nghiên cứu khoa học ứng dụng để khởi nghiệp. *Báo điện tử Tổ quốc*.
- Bảo Hòa. (2023). Đà Nẵng: Hợp tác phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo học sinh sinh viên. *Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo*.
- Phạm Thị Thu Hoa. (2008). Những khó khăn thường gặp trong nghiên cứu khoa học của sinh viên. *Tạp chí Tâm lý học*(7).
- Chu Vân Khánh. (2011). Mục đích và lợi ích của sinh viên nghiên cứu khoa học.
- Đặng Hữu Liêm. (2006). Một vài quan điểm về nghiên cứu khoa học và giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong sinh viên.
- Lê Thị Minh Loan. (2010). Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên phân tích dưới góc độ tâm lý học. *Tạp chí Khoa học giáo dục*(56).
- Phan Thanh Long. (2010). Tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học - Một phương pháp dạy học hiệu quả ở đại học. *Tạp chí Giáo dục*(232).
- Thiên Minh. (2023). Lợi thế Đại học Đông Á trang bị cho Gen Z. *Vnexpress*.
- Tiến Đức Phạm. (2020). Công bố quốc tế uy tín của nhà khoa học trẻ và bài học truyền cảm hứng cho sinh viên nghiên cứu khoa học.
- Nguyễn Ngọc San. (2011). Mấy vấn đề tự đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. *Tạp chí Giáo dục từ xa & tại chức*(30).
- Đình Tăng. (2022). Sinh viên nghiên cứu khoa học ứng dụng phục vụ cộng đồng và khởi nghiệp. *Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam*.
- Đình Tăng. (2023). Cuộc thi sinh viên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lần thứ 2 tại Đại học Đông Á. *Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam*.
- Vũ Công Thương. (2021). Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên – một vấn đề cần quan tâm. *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*(76).
- Nguyễn Thu Thủy. (2015). Nghiên cứu khoa học trong sinh viên. *Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*(4).
- Phúc Tường. (2018). Sinh viên Đại học Đông Á: Phát triển nghề nghiệp với ưu thế kỹ năng hội nhập. *Báo Dân trí*.

## **SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC - MỘT CÁNH CỬA ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP**

TS. Nguyễn Hồng Sơn

Giảng viên chính, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: sonnh@hcmunre.edu.vn

---

### **THÔNG TIN**

### **TÓM TẮT**

*Từ khóa:* Sinh viên nghiên cứu khoa học, giải pháp sinh viên nghiên cứu khoa học

Trong những năm vừa qua, các hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng đã đóng góp không nhỏ, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, mặt khác đó cũng chính là các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Thực tế cũng cho thấy nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên rất thiết thực, có giá trị ứng dụng cao, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là một phần của nội dung khoa học nói chung trong trường đại học và cao đẳng, là cầu nối giữa cơ sở đào tạo và thị trường lao động. Bài viết này sẽ đề cập đến những thuận và khó khăn chủ yếu khi sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học tại trường đại học, đồng thời cũng gợi mở đề xuất giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

### **ABSTRACT**

*Keywords:* Students doing scientific research, solutions for students doing scientific research.

In recent years, science and technology activities in university and college educational institutions have contributed significantly to improving the quality of training, career guidance for students. Reality also shows that many students' scientific research results are very practical, have high application value, and bring about socio - economic efficiency. Scientific research activities of students are part of the general scientific content in universities and colleges, serving as a bridge between training institutions and the labor market. This article will mention the main advantages and disadvantages when students conduct scientific research at university, and also suggest solutions to promote students' scientific research activities.

---

## **1. Đặt vấn đề**

Trong quá trình học tập và lĩnh hội tri thức của sinh viên thì hoạt động nghiên cứu khoa học có ý nghĩa quan trọng, giúp sinh viên vận dụng sáng tạo, xử lý linh hoạt các thông tin, biết kết hợp với các phương pháp nghiên cứu hợp lý để đạt được mục tiêu và kết quả nghiên cứu đã đề ra.

Từ nghiên cứu khoa học, sinh viên sẽ nâng cao khả năng đào sâu kiến thức, mở rộng và nâng cao vốn hiểu biết, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp sẽ phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai gần, và quan trọng hơn chính là hướng tới con đường học thuật chuyên nghiệp. Nghiên cứu khoa học trong trường đại học không chỉ góp phần nâng cao thương hiệu nhà trường mà còn góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực, phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Nghiên cứu khoa học là gì?*

Nghiên cứu khoa học vẫn được hiểu là một hoạt động ý thức, hướng vào việc tìm kiếm tính quy luật trong sự vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy. Nghiên cứu khoa học cũng được hiểu là sự vận dụng những quy luật vào trong những điều kiện của thực tế, từ đó sáng tạo ra phương pháp và phương tiện mới để cải tạo thế giới.

Về phân loại nghiên cứu khoa học sẽ có nhiều cách phân loại, cụ thể:

- Theo chức năng nghiên cứu sẽ có các loại nghiên cứu sau đây:

+ Nghiên cứu mô tả (Descriptive research): nhằm đưa ra một hệ thống tri thức giúp con người phân biệt các sự vật, hiện tượng xung quanh, bao gồm mô tả định tính và mô tả định lượng, mô tả một sự vật, hiện tượng riêng lẻ hoặc so sánh giữa nhiều sự vật, hiện tượng khác nhau.

+ Nghiên cứu giải thích (Explanatory research): nhằm làm rõ các qui luật chi phối các hiện tượng, các quá trình vận động của sự vật.

+ Nghiên cứu dự báo (Anticipatory research): nhằm chỉ ra xu hướng vận động của các hiện tượng, sự vật trong tương lai.

+ Nghiên cứu sáng tạo (Creative research): tìm ra các qui luật, sự vật hoàn toàn mới so với các tri thức trước đó.

- Theo tính chất của kết quả nghiên cứu, sẽ có:

+ Nghiên cứu cơ bản (Fundamental research): các nghiên cứu nhằm phát hiện thuộc tính, cấu trúc bên trong của các sự vật, hiện tượng.

+ Nghiên cứu ứng dụng (Applied research): vận dụng thành tựu của các nghiên cứu cơ bản để giải thích về sự vật, hiện tượng; Tạo ra các giải pháp, qui trình công nghệ, sản phẩm để áp dụng vào đời sống và sản xuất thực tiễn.

+ Nghiên cứu triển khai (Implementation research): vận dụng các nghiên cứu cơ bản và ứng dụng để tổ chức triển khai, thực hiện ở qui mô thử nghiệm và quy mô theo yêu cầu của thực tiễn.

*Nghiên cứu khoa học của sinh viên có khác với nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp?*

Nghiên cứu khoa học của sinh viên thường có vai trò rất quan trọng của người hướng dẫn, người định hướng. Người hướng dẫn là nhà khoa học chuyên nghiệp, có kinh nghiệm chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp đạt đến một trình độ nhất định. Còn sinh viên, với lần đầu thực hiện nghiên cứu khoa học sẽ gặp rất nhiều bỡ ngỡ và lúng túng, trước hết phải ôn lại tri thức đã có và hệ thống hóa, phải đối chiếu

hoàn cảnh thực tiễn để vận dụng các quy luật cho phù hợp, phải điều chỉnh các thông số khi xuất hiện các sai lệch đã rõ và còn chưa rõ nguyên nhân.

Về kết quả nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng có giá trị như kết quả nghiên cứu của người hướng dẫn và do thực tiễn kiểm định.

*Sinh viên được gì từ các hoạt động nghiên cứu khoa học?*

**Thứ nhất**, nghiên cứu khoa học không những giúp sinh viên nắm chắc kiến thức mà còn tiếp cận nhiều hơn kiến thức mới.

Mỗi sinh viên thi tham gia nghiên cứu khoa học đều đòi hỏi phải có nền tảng kiến thức cơ bản, nhưng không chỉ dừng lại ở các kiến thức đó, trong quá trình nghiên cứu còn đòi hỏi người nghiên cứu không ngừng bổ sung, hoàn thiện kiến thức của mình. Do đó việc tìm kiếm và đọc thêm các tài liệu bổ trợ là cần thiết. Điều này tạo cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu và kiến thức phục vụ cho đề tài của mình sẽ tăng lên. Đồng thời, do có cơ hội được làm việc cùng với giảng viên hướng dẫn nên sẽ được định hướng và chỉ dẫn thấu đáo hơn đối với các vấn đề nghiên cứu.

**Thứ hai**, nghiên cứu khoa học giúp sinh viên phát triển và rèn luyện các kỹ năng tư duy sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

Khi tham gia nghiên cứu khoa học, sinh viên sẽ được tiếp cận với những vấn đề cụ thể, buộc phải đào sâu suy nghĩ và tập cách tư duy để tự nghiên cứu giải quyết một vấn đề. Trong quá trình thực hiện đề tài, sinh viên sẽ tìm ra nhiều hướng giải quyết khác nhau. Quá trình này sẽ giúp sinh viên rèn luyện tư duy độc lập, biết bảo vệ lập trường khoa học của mình. Đối với đề tài khoa học do một nhóm từ hai sinh viên trở lên cùng thực hiện thì việc cùng thực hiện một đề tài nghiên cứu cũng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng làm việc theo nhóm với sự chia sẻ ý thức và trách nhiệm, thêm vào đó là biết phân công công việc phù hợp với khả năng và sở trường của từng thành viên.

**Thứ ba**, phát triển và rèn luyện kỹ năng mềm trong đó có kỹ năng thuyết trình để bảo vệ đề tài nghiên cứu của mình.

Khi thực hiện và bảo vệ một đề tài nghiên cứu khoa học sẽ giúp sinh viên rèn giũa kỹ năng biểu đạt, trình bày một vấn đề, kỹ năng thuyết trình,... tập cho sinh viên phong thái tự tin khi bảo vệ trước hội đồng khoa học. Đây cũng là trải nghiệm rất quý báu và thú vị mà không phải bất kỳ sinh viên nào cũng có được trong quá trình học tập của mình.

**Thứ tư**, giúp cải thiện ngoại ngữ chuyên ngành.

Khi nghiên cứu khoa học, sinh viên sẽ phải làm quen với thuật ngữ chuyên ngành cả tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ, từ đó sẽ đúc rút kinh nghiệm trong việc đọc, tìm tài liệu, cách trích dẫn tài liệu, tổng hợp phân tích báo cáo, v.v... hỗ trợ cho các hoạt động nghề nghiệp sau này.

**Thứ năm**, thiết lập thêm các mối quan hệ mới.

Làm sâu sắc thêm quan hệ thầy - trò, quan hệ giữa người hướng dẫn khoa học và sinh viên, mở rộng mối quan hệ với các cơ sở đào tạo khác và các đơn vị thực tiễn khác, mở ra hướng nghề nghiệp cho chính mình trong tương lai.

**Thứ sáu**, kết quả nghiên cứu khoa học sẽ mang lại thành tích để động viên quá trình học tập cả về vật chất và tinh thần, mang lại uy tín xã hội cho bản thân.

**2. Một số thuận lợi và khó khăn khi sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục đại học.**

*- Thuận lợi:*

+ Thời đại ngày nay là thời đại bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông. Thực tế sinh viên rất nhạy bén với những tri thức mới của đời sống kinh tế, xã hội. Sinh viên được tiếp cận với nhiều luồng tri thức đa chiều, nhiều nội dung phản biện quý báu và có giá trị đối với cả lý luận và thực tiễn.

+ Giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đang từng bước được chuẩn hóa cả số lượng lẫn chất lượng. Trong số đó không ít người rất giàu kinh nghiệm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp với nhiều công bố trong nước và quốc tế. Người hướng dẫn khoa học là giảng viên đại học thì cùng lúc có tố chất của nhà khoa học và nhà sư phạm.

+ Internet là một công cụ rất hữu ích để truy cập thông tin khoa học cả ở trong và ngoài nước. Việt Nam cũng là nước có tốc độ phát triển thuê bao internet nhanh hàng đầu khu vực và thế giới. Chủ trương dài hạn của chính quyền các địa phương là hướng tới phổ cập miễn phí mạng internet ở nhiều địa điểm công cộng.

+ Nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học đã được thể chế hóa bằng Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành khác. Theo đó, các trường đại học phải trích 3% học phí của sinh viên để đưa vào quỹ sinh viên nghiên cứu khoa học, do đó đây là chủ trương đồng nhất và nhất quán. Các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học do các đoàn thể tổ chức với các giải thưởng hấp dẫn cũng tạo ra sức hút để một bộ phận sinh viên khá, giỏi, đam mê khoa học chú ý, quan tâm. Sinh viên hoàn toàn có thể nâng cấp công trình nghiên cứu thành đề tài tốt nghiệp.

+ Nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm sẵn sàng tài trợ cho các nghiên cứu có giá trị thực tiễn của sinh viên. Số lượng sinh viên nghiên cứu khoa học tăng lên theo từng năm đang dần trở thành một phong trào có tác động lan rộng.

*- Khó khăn:*

Bên cạnh những thuận lợi của việc nghiên cứu khoa học nêu trên, sinh viên cũng gặp không ít khó khăn khi tiến hành nghiên cứu khoa học, cụ thể là:

+ Lựa chọn đề tài: Đây là khâu rất quan trọng và then chốt. Nếu lựa chọn đúng đề tài nghiên cứu sẽ giúp cho quá trình nghiên cứu có được nhiều thuận lợi cả về thu thập dữ liệu, nội dung, phương pháp và điều kiện ứng dụng. Ngược lại sẽ là một quá trình đầy rẫy trắc trở, rất dễ làm cho sinh viên nản chí. Khâu lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu rất cần vai trò chuyên môn và kinh nghiệm của người hướng dẫn.

+ Tìm kiếm giảng viên hướng dẫn và bạn đồng hành: Thực tế cho thấy, sinh viên thường lựa chọn giảng viên hướng dẫn theo cảm tính cá nhân mà không chú ý đến các yếu tố như năng lực chuyên môn, tác phong làm việc hay kinh nghiệm hướng dẫn khoa học của giảng viên. Do đó, khi thực hiện đề tài, nhiều sinh viên mới nhận thấy nhiều điểm không tương đồng giữa thầy và trò. Theo thời gian, sự khác biệt từ hai phía có thể sẽ khiến đề tài nghiên cứu đi vào ngõ cụt. Mặt khác, nếu đề tài làm theo nhóm cũng không hề đơn giản khi sinh viên không dễ tìm được bạn đồng hành tương hợp.

+ Sắp xếp và quản lý thời gian: Vừa học tập, vừa nghiên cứu khoa học là việc rất nặng nhọc. Quản lý quỹ thời gian, sức lực và chi phí tài chính phải rất khoa học mới có thể tiến hành cùng lúc nhiều hoạt động cả thể chất và tinh thần.



+ Tìm kiếm và xử lý tài liệu: Đây là điều bắt buộc. Mặc dù nguồn tư liệu rất phong phú song không phải ai cũng biết cách quản lý và sử dụng tài liệu hiệu quả. Các tài liệu phổ biến kiến thức chung thì nhiều, còn tài liệu chuyên ngành có liên quan thường khó kiếm. Ngoài ra việc sử dụng tài liệu có bản quyền cũng không dễ, có khi phải chi phí tài chính tốn kém hoặc hạn chế về ngôn ngữ. Khá nhiều tài liệu đòi hỏi sinh viên phải có khả năng xử lý dữ liệu thô, sơ cấp.

+ Khó khăn về cách trình bày: Bố cục, văn phong, cách trích dẫn tài liệu trong nghiên cứu khoa học đòi hỏi tính quy chuẩn nghiêm ngặt, không thể dễ dãi.

+ Thiếu nguồn tài chính hỗ trợ: Bên cạnh những yếu tố chủ quan, khó khăn về mặt khách quan cũng khó cho sinh viên, đặc biệt là nguồn tài chính hỗ trợ. Hiện nay, mặc dù kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đã được thể chế hóa, nhưng không ít cơ sở đào tạo vẫn chưa thực hiện nghiêm túc, hoặc chi quá ít so với yêu cầu thực tế để thực hiện đề tài. Sinh viên đang đi học thì chủ yếu vẫn phải nhận sự hỗ trợ tài chính từ gia đình, do đó không dễ thực hiện các đề tài ở lĩnh vực đòi hỏi chi phí cao.

+ Chưa có kinh nghiệm bảo vệ đề tài, nghiệm thu đề tài khoa học: Bảo vệ đề tài là sự vận dụng nhuần nhuyễn nhiều kỹ năng như thuyết trình, khắc phục điểm yếu tâm lý, thói quen tác phong thường ngày,...

+ Hội đồng chấm và nghiệm thu đề tài thiếu kinh nghiệm, chưa công tâm và khách quan. Điều này rất dễ tạo tâm lý thiếu tin tưởng từ sinh viên và xét về lâu dài thì nghiên cứu khoa học tại cơ sở đào tạo chỉ còn mang tính hình thức.

### **3. Đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại trường đại học**

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học trong đơn vị: song hành công tác nghiên cứu của giảng viên, của nghiên cứu viên và sinh viên.

Dự trù tổ chức, đơn vị, cá nhân sẽ thực hiện các đề tài;

Kinh phí sẽ thực hiện các đề tài;

Các đơn vị phối hợp thực hiện các đề tài;

Công tác nghiệm thu các đề tài.

- Nâng cấp, tận dụng cơ sở vật chất hiện có, hỗ trợ các thiết bị kỹ thuật và tài liệu nghiên cứu cho sinh viên.

Đây là điều kiện tối thiểu, điều kiện cần để sinh viên có thể nghiên cứu khoa học.

Tại các trường đại học lớn, có uy tín về nghiên cứu khoa học thì hệ thống thông tin - thư viện, các công cụ vật chất lưu trữ tư liệu rất quy củ và đồng bộ, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động truy cập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Ngược lại, các trường chưa mạnh về nghiên cứu khoa học thường là các trường chưa chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất liên quan đến học liệu, tư liệu. Quan trọng không chỉ thuần túy là nhân tố vật chất mà còn là nhân tố con người thực hiện quản lý cơ sở vật chất đó, tức là tính chuyên nghiệp của nhân tố con người.

Trong hoàn cảnh thiếu thốn về điều kiện vật chất hiện có, cơ sở đào tạo rất cần đến mối quan hệ hữu hảo, thường xuyên và ổn định với các đơn vị đào tạo khác hoặc các cơ quan, cá nhân nhà khoa học liên quan cùng ngành để tận dụng sự giúp đỡ của họ. Tạo điều kiện để

sinh viên trường mình giao lưu, học hỏi và hợp tác với các đơn vị bạn. Giới thiệu sinh viên với các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước.

- Lồng ghép nội dung nghiên cứu khoa học vào từng học phần giảng dạy cho sinh viên.

Bản thân mỗi môn học là một môn khoa học, ngoài lý luận còn có phần vận dụng vào thực tiễn. Ở tầm sinh viên, việc sáng tạo ra lý luận mới là điều khó thực hiện, nhưng việc áp dụng thực tiễn nằm trong khả năng có thể của sinh viên. Giảng viên cần truyền đạt thêm cách thu thập và xử lý số liệu, phương pháp chọn mẫu đại diện cho một tập hợp, lĩnh vực vận dụng, phương pháp tiến hành, công cụ phối hợp, v.v...

- Hình thành một đội ngũ giảng viên uy tín, giàu thành tích nghiên cứu khoa học thông qua các công bố khoa học trong và ngoài nước của họ.

Có chính đãi ngộ vật chất và tinh thần rõ ràng để họ tận tâm cho hoạt động khoa học của bản thân họ và sẵn sàng hỗ trợ hoạt động khoa học của sinh viên.

Các Hội đồng khoa học chấm và nghiệm thu đề tài của sinh viên phải thật khách quan và công tâm.

Phải biến các lễ tổng kết, phát động sinh viên nghiên cứu khoa học trở thành ngày hội khoa học của sinh viên, thu hút được các sinh viên khá, giỏi, đam mê khoa học tham gia. Thông lệ thì nên khuyến khích sinh viên năm thứ 3 nghiên cứu khoa học (dựa trên tri thức từ số lượng học phần đã tích lũy).

Phát huy tinh thần dám nghĩ, dám có chính kiến riêng trong sinh viên; Tôn trọng các quan điểm, ý kiến chưa chính thống của sinh viên; Để các sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học truyền đạt kinh nghiệm cho các sinh viên mới bắt đầu nghiên cứu khoa học.

Cho phép sinh viên khá, giỏi có thể tham gia một số buổi sinh hoạt học thuật của giảng viên. Giảng viên có thể chủ động cho sinh viên tham dự một phần các mà mình đề tài đang nghiên cứu để sinh viên tích lũy kinh nghiệm và bản lĩnh.

- Gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng.

Hiện nay nghiên cứu khoa học đã trở thành một hoạt động cần thiết, bổ ích trong các trường đại học và ngày càng thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Tuy vậy, số đề tài có khả năng áp dụng vào thực tế chưa nhiều. Công tác tổ chức triển khai cho sinh viên nghiên cứu khoa học cũng không đều giữa các trường.

Cần phải nâng kinh phí cho các đề tài nghiên cứu của sinh viên, nhất là những đề tài có giá trị ứng dụng thực tiễn cao nhằm giảm bớt những khó khăn trong quá trình triển khai đề tài. Ngoài nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, trường đại học cần chủ động hợp tác với các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh, tổ chức quốc tế để vừa thu hút nguồn kinh phí tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, vừa giúp các đề tài gắn gũi với thực tiễn hơn.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Vũ, C. Đ (2022). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội: Giáo dục Việt Nam.  
Nguyễn, V. T (2018). Kinh nghiệm viết và công bố bài báo khoa học. *VNExpress* 16-8-2018  
Hà, L (2023). Bước tiến mới của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam. *Báo nhân dân điện tử*.

*Kỷ yếu Hội thảo "Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nâng tầm Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka"*

---

Website: <https://nhandan.vn/buoc-tien-moi-cua-he-sinh-thai-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-viet-nam-post773501.html>

Lữ, M (2023). Hào hứng phát triển công nghệ số tiếp sức cho tuổi trẻ. *Báo nhân dân điện tử*

Website:<https://nhandan.vn/hao-hung-phat-trien-cong-nghe-so-tiep-suc-cho-tuoi-tre-post772487.html>

# TẦM QUAN TRỌNG CỦA HƯỚNG DẪN VÀ SỰ HỖ TRỢ TỪ GIÁNG VIÊN TRONG VIỆC THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Nguyễn Tân Thành

Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: [ntthanh.workhard@gmail.com](mailto:ntthanh.workhard@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* hướng dẫn của giảng viên, hỗ trợ từ giảng viên, nghiên cứu khoa học

Bài tham luận đã bàn về tầm quan trọng của hướng dẫn và sự hỗ trợ từ giảng viên trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Nó đã nhấn mạnh rằng giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên xác định đề tài nghiên cứu, phát triển phương pháp, và viết báo cáo nghiên cứu. Sự hướng dẫn và hỗ trợ này không chỉ nâng cao chất lượng nghiên cứu của sinh viên mà còn đóng góp vào phát triển kỹ năng nghiên cứu và sự đam mê nghiên cứu của họ. Bài tham luận cũng đã đề cập đến các thách thức trong việc hướng dẫn và hỗ trợ và đề xuất hướng phát triển trong tương lai, bao gồm phát triển chương trình đào tạo và tạo điều kiện tốt hơn cho nghiên cứu. Tóm lại, hướng dẫn và sự hỗ trợ từ giảng viên là yếu tố quyết định đối với sự thành công của sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển cá nhân của họ.

## 1. Giới thiệu

Trong thời đại hiện đại với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp của xã hội và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, để thực hiện thành công các dự án nghiên cứu, sự hỗ trợ và hướng dẫn từ giảng viên là yếu tố không thể thiếu. Lý do chúng tôi chọn đề tài này là để nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn về tầm quan trọng của vai trò của giảng viên trong việc hỗ trợ và hướng dẫn sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Chúng tôi tin rằng thông qua việc hiểu rõ hơn về tầm quan trọng này, chúng ta có thể cải thiện chất lượng nghiên cứu và giáo dục ở các cơ institut đại học và cao đẳng.

Mục tiêu chính của bài tham luận này là: Nghiên cứu và phân tích tầm quan trọng của hướng dẫn và sự hỗ trợ từ giảng viên đối với sinh viên trong quá trình thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học; Xác định các cách mà giảng viên có thể ảnh hưởng tích cực đến quá trình nghiên cứu của sinh viên và phát triển kỹ năng nghiên cứu của họ; Đề xuất các biện pháp và khuyến nghị để tối ưu hóa sự hỗ trợ và hướng dẫn từ giảng viên, nhằm nâng cao hiệu suất và động lực của sinh viên trong hoạt động nghiên cứu.

Bài tham luận này sẽ trả lời một số câu hỏi nghiên cứu quan trọng như sau:

Tại sao hướng dẫn và sự hỗ trợ từ giảng viên quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên?

Làm thế nào giảng viên có thể tác động tích cực đến sự phát triển nghiên cứu của sinh viên?

Những thách thức nào có thể xuất hiện trong quá trình hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên, và làm thế nào để khắc phục chúng?

Có những biện pháp cụ thể nào để tối ưu hóa tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong hoạt động nghiên cứu?

Những câu hỏi này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của hướng dẫn và sự hỗ trợ từ giảng viên trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và đặt nền móng cho việc nghiên cứu chi tiết trong các phần tiếp theo của bài tham luận.

## **2. Khái quát về hoạt động nghiên cứu khoa học**

### *2.1. Định nghĩa và mục tiêu của nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu khoa học là quá trình tìm hiểu, khám phá, và nắm bắt kiến thức mới dựa trên phương pháp khoa học. Nó không chỉ giúp giải quyết các vấn đề hiện thực mà còn đóng góp vào việc hiểu sâu hơn về thế giới xung quanh chúng ta. Nghiên cứu khoa học có thể được thực hiện trong nhiều lĩnh vực, bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kỹ thuật, y học, và nhiều lĩnh vực khác.

Mục tiêu chính của hoạt động nghiên cứu khoa học là:

Tạo kiến thức mới: Nghiên cứu khoa học giúp phát triển tri thức và kiến thức trong các lĩnh vực khác nhau. Kết quả của nghiên cứu thường bao gồm sự khám phá và hiểu biết mới về thế giới tự nhiên và xã hội.

Giải quyết vấn đề: Nghiên cứu cung cấp giải pháp cho các vấn đề phức tạp và thách thức trong xã hội, kỹ thuật, y học, và nhiều lĩnh vực khác. Nó có khả năng cải thiện cuộc sống của con người và tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới.

Phát triển kỹ năng: Nghiên cứu là một quá trình học tập không ngừng, giúp phát triển kỹ năng quan trọng như phân tích, tư duy logic, xây dựng giả thuyết, thu thập và phân tích dữ liệu, và viết báo cáo.

Thúc đẩy sự phát triển cá nhân: Hoạt động nghiên cứu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển sự sáng tạo, sự đam mê, và lòng kiên nhẫn của người tham gia. Nó giúp họ trở thành những người tự học và tự phát triển trong tương lai.

Mục tiêu của nghiên cứu khoa học không chỉ nằm ở việc tạo ra kiến thức mới mà còn ở việc áp dụng kiến thức đó để cải thiện cuộc sống và đóng góp vào sự phát triển toàn diện của cá nhân và xã hội. Hơn nữa, việc hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên đóng một vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu này trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

### *2.2. Vai trò của nghiên cứu khoa học trong giáo dục và phát triển cá nhân*

Nghiên cứu khoa học đóng một vai trò quan trọng và đa chiều trong giáo dục và phát triển cá nhân. Dưới đây là những cách mà nghiên cứu khoa học ảnh hưởng đến giáo dục và phát triển cá nhân:

Thúc đẩy sự hiểu biết và sáng tạo: Nghiên cứu giúp mở rộng kiến thức của cá nhân và khám phá sự đa dạng của thế giới. Thông qua việc tìm hiểu và nắm bắt thông tin mới, người tham gia nghiên cứu phát triển khả năng tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề.

Học hỏi phương pháp khoa học: Nghiên cứu dạy cho cá nhân cách tiếp cận với thông tin một cách có hệ thống và khoa học. Họ học cách xây dựng giả thuyết, thực hiện thử nghiệm, thu thập dữ liệu, và phân tích kết quả - tất cả là những kỹ năng quan trọng trong nhiều khía cạnh của cuộc sống.

Phát triển kỹ năng xử lý thông tin: Nghiên cứu khuyến khích sự phân tích sâu rộng, đánh giá thông tin, và lọc lấy kiến thức quan trọng từ một lượng lớn dữ liệu. Điều này cung cấp kỹ năng quan trọng để đối phó với thông tin đa dạng và không chắc chắn trong cuộc sống hàng ngày.

Tạo cơ hội học hỏi thực tế: Nghiên cứu không chỉ giới thiệu kiến thức trừu tượng mà còn tạo cơ hội cho việc học hỏi thông qua thực nghiệm. Điều này có thể đánh thức sự tò mò và kích thích việc áp dụng kiến thức trong tình huống thực tế.

Đóng góp vào giáo dục chất lượng: Nghiên cứu cung cấp kiến thức mới và cải thiện chất lượng giảng dạy trong các cơ institut giáo dục. Giảng viên thực hiện nghiên cứu thường mang những kết quả mới nhất vào lớp học, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức tiên tiến.

Tạo động lực và đam mê trong học tập: Hoạt động nghiên cứu có thể kích thích sự đam mê và sự tò mò trong học tập. Sinh viên có thể thấy rằng họ đóng góp vào việc tạo ra kiến thức mới và giải quyết các vấn đề thực tế.

Phát triển kỹ năng giao tiếp và báo cáo: Nghiên cứu yêu cầu viết báo cáo, thuyết trình, và chia sẻ kết quả với cộng đồng khoa học. Điều này giúp phát triển kỹ năng giao tiếp quan trọng trong nhiều khía cạnh của cuộc sống, từ công việc đến cuộc sống cá nhân.

Tóm lại, nghiên cứu khoa học không chỉ giúp mở rộng kiến thức mà còn hình thành các kỹ năng quan trọng và thúc đẩy sự phát triển cá nhân. Đối với giáo dục, nó nâng cao chất lượng của quá trình học tập và cung cấp cơ hội để áp dụng kiến thức trong thực tế.

### **3. Tầm quan trọng của hướng dẫn từ giảng viên**

#### *3.1. Hướng dẫn trong việc xác định đề tài nghiên cứu*

Hướng dẫn từ giảng viên trong việc xác định đề tài nghiên cứu là một phần quan trọng của quá trình nghiên cứu khoa học. Điều này giúp sinh viên bước vào hoạt động nghiên cứu một cách có mục tiêu và hiệu quả hơn. Một số điểm quan trọng về tầm quan trọng của hướng dẫn trong việc xác định đề tài nghiên cứu:

Thứ nhất, giúp sinh viên lựa chọn đề tài phù hợp với năng lực và sở thích:

Sinh viên thường đối diện với nhiều lựa chọn khi chọn đề tài nghiên cứu. Giảng viên có thể giúp họ định hình một hướng nghiên cứu phù hợp với năng lực, kiến thức, và sở thích cá nhân.

Hướng dẫn này giúp tránh tình trạng sinh viên chọn đề tài quá khó hoặc quá dễ, dẫn đến thất vọng hoặc mất động lực trong quá trình nghiên cứu.

Thứ hai, định hình hướng nghiên cứu chính xác và cụ thể:

Một đề tài nghiên cứu cần được định hình một cách rõ ràng và cụ thể để tránh mơ hồ và lạc hậu trong quá trình nghiên cứu.

Giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên xác định câu hỏi nghiên cứu cốt lõi, mục tiêu nghiên cứu, và phương pháp tiếp cận.

Họ cũng có thể giúp sinh viên tạo ra kế hoạch nghiên cứu chi tiết và xác định tài liệu cần thiết.

Hướng dẫn trong việc xác định đề tài nghiên cứu giúp tạo ra sự căn cứ cho toàn bộ quá trình nghiên cứu và đảm bảo rằng nó có tính khả thi và ý nghĩa. Nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng quyết định và lựa chọn đúng đắn của sinh viên, từ đó giúp họ có một bước đi đầu tiên mạnh mẽ và chắc chắn trong cuộc hành trình nghiên cứu của mình.

### *3.2. Hướng dẫn trong quá trình nghiên cứu*

Thứ nhất, hỗ trợ về tài liệu và phương pháp nghiên cứu:

Cung cấp tài liệu nghiên cứu: Giảng viên có thể giúp sinh viên tìm kiếm và tiếp cận tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu của họ. Điều này bao gồm các sách, bài báo, bản báo cáo, và nguồn tài liệu trực tuyến. Sự hỗ trợ này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngữ cảnh và quy trình nghiên cứu trong lĩnh vực của họ.

Hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu: Giảng viên có thể hỗ trợ sinh viên trong việc chọn lựa phương pháp nghiên cứu thích hợp cho đề tài của họ. Họ có thể giúp định hình kế hoạch thu thập dữ liệu, thiết kế thử nghiệm, và xác định công cụ và kỹ thuật phân tích dữ liệu phù hợp.

Thứ hai, sửa đổi và phát triển ý tưởng nghiên cứu:

Phản hồi và gợi ý: Giảng viên có thể chơi vai trò quan trọng trong việc đánh giá và cung cấp phản hồi về ý tưởng nghiên cứu của sinh viên. Họ có thể đề xuất cách cải thiện và phát triển ý tưởng, giúp đảm bảo rằng nghiên cứu sẽ có giá trị và ý nghĩa thực sự.

Định hình chi tiết hơn: Giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên xác định câu hỏi cụ thể, mục tiêu chi tiết, và phạm vi nghiên cứu. Họ cũng có thể giúp sinh viên tạo ra kế hoạch nghiên cứu chi tiết, bao gồm lên lịch thực hiện, thu thập dữ liệu, và xử lý kết quả.

Hướng dẫn trong quá trình nghiên cứu giúp đảm bảo rằng sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để tiến hành nghiên cứu một cách hiệu quả. Nó cũng giúp tối ưu hóa thời gian và tài nguyên dành cho nghiên cứu, đảm bảo rằng công trình nghiên cứu cuối cùng sẽ có giá trị và ảnh hưởng trong lĩnh vực tương ứng.

### *3.3. Hướng dẫn trong việc viết báo cáo và công bố kết quả*

Thứ nhất, chỉ dẫn về cấu trúc và kiến thức chuyên môn:

Cấu trúc báo cáo: Giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên về cấu trúc cơ bản của một báo cáo nghiên cứu khoa học, bao gồm phần mở đầu, phần phân tích dữ liệu, phần kết quả, phần thảo luận và kết luận. Họ cũng có thể hỗ trợ sinh viên trong việc tổ chức thông tin một cách logic và có trình tự.

Kiến thức chuyên môn: Sinh viên thường cần hiểu sâu về lĩnh vực cụ thể của họ để viết báo cáo nghiên cứu. Giảng viên có thể cung cấp kiến thức chuyên môn, giới thiệu các lý thuyết và phương pháp liên quan đến đề tài, và hướng dẫn về việc tìm kiếm và sử dụng tài liệu chuyên ngành.

Thứ hai, hỗ trợ trong việc chuẩn bị cho việc trình bày và công bố:

Trình bày báo cáo: Giảng viên có thể hỗ trợ sinh viên trong việc chuẩn bị cho việc trình bày báo cáo nghiên cứu. Điều này bao gồm việc luyện tập kỹ năng trình bày trước công chúng, tạo slide trình bày hiệu quả, và quản lý thời gian trong buổi thuyết trình.

Công bố kết quả: Giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên về quá trình công bố kết quả nghiên cứu. Điều này có thể bao gồm việc viết bài báo, tham gia hội thảo, hoặc đăng tải kết quả trực tuyến. Họ có thể giúp sinh viên tìm hiểu về quy trình và tiêu chuẩn cho việc công bố trong lĩnh vực cụ thể của họ.

Hướng dẫn trong việc viết báo cáo và công bố kết quả là bước cuối cùng và quan trọng trong quá trình nghiên cứu. Nó giúp đảm bảo rằng công trình nghiên cứu sẽ được chia sẻ với cộng đồng khoa học và có ảnh hưởng trong lĩnh vực tương ứng. Giảng viên có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng sinh viên hiểu và tuân theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn trong quá trình này.

#### **4. Sự hỗ trợ từ giảng viên**

##### *4.1. Khả năng tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu*

Thứ nhất, cung cấp tài liệu và nguồn tài nguyên:

Giảng viên có trách nhiệm cung cấp cho sinh viên tài liệu cần thiết để nghiên cứu, bao gồm sách, bài báo, và tài liệu tham khảo. Điều này giúp sinh viên tiếp cận kiến thức chuyên ngành liên quan đến đề tài của họ.

Họ cũng có thể hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các nguồn tài nguyên thư viện và cơ sở dữ liệu trực tuyến để tìm kiếm thông tin.

Thứ hai, hỗ trợ kỹ thuật và phòng thí nghiệm:

Đối với các nghiên cứu cần sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm, hoặc phần mềm đặc biệt, giảng viên có thể đảm bảo rằng sinh viên có sẵn truy cập đủ và hiểu cách sử dụng chúng.

Họ có thể hỗ trợ trong việc tìm kiếm nguồn tài trợ cho nghiên cứu, đảm bảo rằng không thiếu nguồn kinh phí cần thiết.

##### *4.2. Khuyến khích và tạo động lực cho sinh viên*

Thứ nhất, động viên và hỗ trợ tinh thần:

Giảng viên có vai trò quan trọng trong việc tạo động lực cho sinh viên. Họ có thể động viên và tin tưởng vào khả năng của sinh viên trong quá trình nghiên cứu.

Hỗ trợ tinh thần là điều quan trọng, đặc biệt khi sinh viên gặp khó khăn hoặc thất bại trong nghiên cứu. Giảng viên cần sẵn sàng lắng nghe và hỗ trợ trong việc giải quyết vấn đề và vượt qua khó khăn.

Thứ hai, tạo cơ hội tham gia các hoạt động nghiên cứu thực tế:

Giảng viên có thể khuyến khích sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu thực tế hoặc thực tập trong lĩnh vực nghiên cứu của họ. Điều này giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kỹ năng thực tiễn.

Họ cũng có thể giới thiệu sinh viên cho các nhóm nghiên cứu hoặc dự án nghiên cứu tại cơ sở nghiên cứu để tạo cơ hội học hỏi và làm việc cùng các nghiên cứu viên kinh nghiệm.

Sự hỗ trợ từ giảng viên không chỉ giúp sinh viên nghiên cứu hiệu quả hơn mà còn tạo điều kiện tốt hơn cho sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp của họ. Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đam mê và động lực trong hoạt động nghiên cứu và giúp sinh viên xây dựng sự tự tin trong lĩnh vực này.



## **5. Hiệu quả của hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên**

Thứ nhất, nâng cao chất lượng nghiên cứu của sinh viên:

Hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên giúp đảm bảo rằng nghiên cứu của sinh viên được thực hiện một cách có chất lượng và khoa học. Giảng viên có thể đảm bảo rằng sinh viên áp dụng phương pháp nghiên cứu đúng đắn và tiến hành phân tích dữ liệu một cách chính xác.

Sự hướng dẫn cụ thể giúp điều chỉnh và cải thiện nghiên cứu, từ việc xác định câu hỏi nghiên cứu cho đến việc trình bày kết quả.

Thứ hai, phát triển kỹ năng nghiên cứu và học thuật:

Hướng dẫn từ giảng viên không chỉ giúp sinh viên hoàn thành nghiên cứu hiện tại mà còn giúp họ phát triển kỹ năng nghiên cứu để sử dụng trong tương lai.

Sinh viên có cơ hội học hỏi cách tìm kiếm thông tin, đánh giá tài liệu, xây dựng giả thuyết, và thực hiện phân tích dữ liệu, tất cả đều là kỹ năng quan trọng cho nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, thúc đẩy sự quan tâm và đam mê nghiên cứu:

Sự hỗ trợ và hướng dẫn từ giảng viên có thể thúc đẩy sự quan tâm và đam mê của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học. Khi họ thấy được giá trị và ý nghĩa của công việc nghiên cứu, họ có xu hướng trở thành những người học hỏi và sáng tạo.

Giảng viên cũng có thể chia sẻ kinh nghiệm và cảm hứng cá nhân trong lĩnh vực nghiên cứu, làm cho nghiên cứu trở thành một trải nghiệm thú vị và hấp dẫn.

Thứ tư, tạo cơ hội cho sinh viên xuất bản và tham gia hội thảo:

Hướng dẫn từ giảng viên có thể giúp sinh viên hiểu quy trình xuất bản và công bố kết quả nghiên cứu. Điều này có thể đẩy mạnh khả năng công bố bài báo khoa học hoặc tham gia hội thảo chuyên ngành.

Tạo cơ hội này giúp sinh viên xây dựng danh tiếng trong cộng đồng nghiên cứu và cung cấp trải nghiệm quý báu trong việc chia sẻ kiến thức và kết quả của họ.

Tóm lại, hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên không chỉ giúp sinh viên thành công trong nghiên cứu khoa học mà còn có tác động sâu rộng đến sự phát triển cá nhân và học thuật của họ. Điều này thúc đẩy tạo ra thế hệ nghiên cứu viên và chuyên gia có năng lực và đam mê trong nghiên cứu.

## **6. Thách thức và khắc phục**

### **6.1. Hạn chế trong tài nguyên và thời gian**

Tài nguyên hạn chế trong nghiên cứu: Một trong những thách thức đầu tiên của hướng dẫn và hỗ trợ nghiên cứu là sự hạn chế về tài nguyên. Sinh viên và giảng viên có thể đối mặt với khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn tài liệu, phần mềm, hoặc thiết bị cần thiết cho nghiên cứu. Điều này có thể làm hạn chế khả năng thực hiện nghiên cứu chất lượng cao.

Khắc phục: Để khắc phục vấn đề này, trường học có thể cung cấp hỗ trợ tài chính hoặc truy cập vào các nguồn tài liệu và phòng thí nghiệm. Giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên cách tận dụng tối đa tài nguyên có sẵn và tối ưu hóa sử dụng chúng trong nghiên cứu.

**Hạn chế thời gian:** Sinh viên thường phải đối mặt với áp lực về thời gian khi phải cân nhắc giữa việc hoàn thành nghiên cứu và các yêu cầu học tập khác. Ngược lại, giảng viên có thể gặp khó khăn trong việc quản lý thời gian để hỗ trợ nhiều sinh viên trong cùng một thời gian.

**Khắc phục:** Giảng viên có thể sử dụng kỹ thuật quản lý thời gian hiệu quả để phân bổ thời gian cho từng sinh viên. Sinh viên cũng cần học cách quản lý thời gian của họ để tối ưu hóa hiệu suất trong cả nghiên cứu và học tập.

### *6.2. Thúc đẩy sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên*

**Khoảng cách vật lý và thời gian:** Trong môi trường học tập từ xa hoặc với các lịch trình bận rộn, sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên có thể trở nên hạn chế.

**Khắc phục:** Sử dụng công nghệ để tạo điều kiện cho gặp gỡ và giao tiếp trực tuyến. Sử dụng email, video họp, hoặc các nền tảng truyền thông xã hội để giữ liên lạc thường xuyên. Sử dụng lịch hẹn trực tuyến để tạo sự linh hoạt trong việc đặt cuộc họp.

**Sự không đồng nhất trong kiến thức và kỹ năng:** Sinh viên thường đến với mức độ kiến thức và kỹ năng khác nhau. Điều này có thể tạo ra thách thức trong việc hướng dẫn và hỗ trợ.

**Khắc phục:** Giảng viên có thể tổ chức các buổi học bổ sung hoặc tư vấn cá nhân để đảm bảo rằng mỗi sinh viên nhận được hỗ trợ tùy chỉnh phù hợp với nhu cầu của họ. Đồng thời, cần khuyến khích hợp tác giữa sinh viên để họ có thể học hỏi và hỗ trợ lẫn nhau.

### *6.3. Phát triển chương trình đào tạo và hỗ trợ giảng viên*

**Khả năng hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên:** Một số giảng viên có thể không có đủ kinh nghiệm hoặc kiến thức về nghiên cứu hoặc không được đào tạo đầy đủ về việc hướng dẫn nghiên cứu.

**Khắc phục:** Trường học có thể cung cấp chương trình đào tạo và phát triển chuyên sâu về hướng dẫn và hỗ trợ nghiên cứu cho giảng viên. Điều này bao gồm việc học cách hướng dẫn sinh viên trong quá trình nghiên cứu và cách cung cấp phản hồi hiệu quả.

**Chương trình đào tạo nghiên cứu:** Một số trường học có thể không có chương trình đào tạo nghiên cứu hoặc không đủ tài liệu học liệu liên quan đến nghiên cứu.

**Khắc phục:** Trường học cần đầu tư vào việc phát triển chương trình đào tạo nghiên cứu hoàn chỉnh và cung cấp tài liệu học liệu đầy đủ cho sinh viên. Điều này có thể bao gồm việc phát triển khóa học nghiên cứu cơ bản và nâng cao, cũng như việc thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu ngoại khóa.

Tóm lại, việc đối mặt với thách thức trong việc hướng dẫn và hỗ trợ nghiên cứu là điều không tránh khỏi trong môi trường đại học. Tuy nhiên, thông qua các biện pháp khắc phục như đầu tư vào tài nguyên, tương tác hiệu quả, và phát triển chương trình đào tạo, trường học có thể tối ưu hóa hiệu suất của giảng viên và sinh viên trong hoạt động nghiên cứu và đảm bảo rằng nghiên cứu đạt được chất lượng cao.

## **7. Kết luận**

Bài tham luận đã đi qua sự tầm quan trọng của hướng dẫn và sự hỗ trợ từ giảng viên trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Điều này là một phần quan trọng của quá trình đào tạo và phát triển cá nhân của sinh viên. Chúng ta có thể rút ra những điểm quan trọng sau:

Hướng dẫn tạo cơ hội cho sự thành công: Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên xác định đề tài nghiên cứu, phát triển phương pháp, và viết báo cáo. Sự hướng dẫn này tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện nghiên cứu một cách có chất lượng và giúp họ phát triển kỹ năng nghiên cứu cần thiết.

Sự hỗ trợ tạo động lực: Giảng viên có thể đánh thức sự quan tâm và đam mê nghiên cứu trong sinh viên bằng cách cung cấp hỗ trợ tinh thần và khuyến khích. Điều này thúc đẩy sự phát triển cá nhân và động lực của họ trong hoạt động nghiên cứu.

Đóng góp cho phát triển cá nhân và học thuật của sinh viên:

Hướng dẫn và sự hỗ trợ từ giảng viên không chỉ giúp sinh viên nghiên cứu một cách hiệu quả mà còn đóng góp đáng kể vào phát triển cá nhân và học thuật của họ. Những lợi ích bao gồm:

Phát triển kỹ năng nghiên cứu: Sinh viên học cách xác định vấn đề, thu thập và phân tích dữ liệu, và trình bày kết quả một cách chuyên nghiệp. Điều này làm tăng khả năng thực hiện nghiên cứu trong tương lai.

Xây dựng sự tự tin: Sự hỗ trợ và hướng dẫn từ giảng viên giúp sinh viên xây dựng sự tự tin trong việc thực hiện nghiên cứu và công bố kết quả. Điều này làm cho họ trở thành những nghiên cứu viên đầy tự tin và sẵn sàng đối mặt với thách thức trong lĩnh vực nghiên cứu.

Đề xuất hướng phát triển trong tương lai:

Đề nâng cao hiệu suất và hiệu quả của hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên trong nghiên cứu khoa học, có một số hướng phát triển có thể xem xét:

Phát triển chương trình đào tạo: Trường học có thể đầu tư vào việc phát triển các khóa học và chương trình đào tạo dành riêng cho giảng viên về nghiên cứu và hướng dẫn. Điều này có thể giúp cải thiện khả năng hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên.

Tạo điều kiện tốt hơn cho nghiên cứu: Trường học có thể cung cấp tài nguyên và cơ sở hạ tầng tốt hơn cho sinh viên và giảng viên để thực hiện nghiên cứu. Điều này bao gồm việc đầu tư vào thư viện, phòng thí nghiệm, và các nguồn tài chính để hỗ trợ nghiên cứu.

Khuyến khích hợp tác nghiên cứu: Trường học có thể thúc đẩy sự hợp tác nghiên cứu giữa giảng viên và sinh viên, cũng như giữa các sinh viên. Điều này có thể làm tăng cơ hội học hỏi và chia sẻ kiến thức trong cộng đồng nghiên cứu.

Trong tương lai, việc tăng cường hướng dẫn và hỗ trợ nghiên cứu khoa học từ giảng viên sẽ là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển nghiên cứu và học thuật của sinh viên và đảm bảo sự thành công trong lĩnh vực này.

# THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN THEO TINH THẦN KIẾN TẠO TRONG GIÁO DỤC PROMOTING STUDENTS' SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES FOLLOWING CONSTRUCTIVISM THEORY IN EDUCATION

TS. Nguyễn Quang Trung<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

\*Tác giả liên hệ: trungnq@uef.edu.vn

---

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* thuyết kiến tạo, nghiên cứu khoa học, sinh viên

Thuyết Kiến tạo trong giáo dục xem việc hình thành tri thức là một chủ thể tích cực tạo ra các cấu trúc nhận thức trong mối tương tác với môi trường. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, báo cáo này trình bày các phân tích nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong SV theo tinh thần kiến tạo như: Thuyết kiến tạo và quan niệm về NCKH của SV; Internet, chuyển đổi số góp phần kiến tạo hoạt động NCKH của SV và rõ chức hoạt động NCKH của sinh viên theo tinh thần kiến tạo.

## ABSTRACT

*Keywords:* Constructivism Theory, Scientific research, students

Constructivism in education views knowledge formation as an active subject that creates cognitive structures in interaction with the environment. Using qualitative research methods, this report presents analysis to promote scientific research activities among students in a constructivist spirit such as: Constructivism and students' conceptions of scientific research; The Internet and digital transformation contribute to creating scientific research activities of students and organizing scientific research activities of students in a constructive spirit.

---

### 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước và vai trò đầu tàu về kinh tế, trung tâm khoa học giáo dục của đất nước thì nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực đại học chất lượng cao hội đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm luôn được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhất của các trường đại học. Để thực hiện được mục tiêu đó, những năm qua phong trào NCKH trong SV đã nhận được sự quan tâm đầu tư phát triển cả về chất lẫn về lượng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy tính tích cực, sáng tạo của SV đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và nhu cầu xã hội vì NCKH là hoạt động trí tuệ, giúp sinh viên tiếp cận các vấn đề khoa học, vận dụng lý thuyết, phương pháp NCKH trên giảng đường vào thực tiễn, góp phần giải quyết các vấn đề khoa học đời sống hay nghề nghiệp tương lai.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

Báo cáo này được tác giả thực hiện dựa trên cơ sở Lý thuyết Kiến tạo (Constructivism Theory) trong giáo dục hợp thành từ ý tưởng của Dewey (1916) rằng các trường học phải đưa các vấn đề thực tế vào chương trình giảng dạy của Piaget (1971) về sự chuyển đổi trong học tập và phát triển và của Vygotsky (1978) về học tập gắn liền với các tương tác giao tiếp với người khác. Thuyết Kiến tạo trong giáo dục xoay quanh việc lấy người học (SV) làm trung tâm của hoạt động dạy học, ưu tiên việc học thực tế trong bối cảnh liên quan, ưu tiên cho quá trình, khắc sâu việc học trong bối cảnh trải nghiệm xã hội, học tập được thực hiện để xây dựng kinh nghiệm của SV mà NCKH là một bộ phận cấu thành quan trọng. Giải quyết vấn đề là trọng tâm của học tập, tư duy và phát triển, khi SV giải quyết vấn đề và ghi nhận thành quả, thông qua việc suy ngẫm về những kinh nghiệm trong quá khứ và trước mắt - họ thì đó là quá trình xây dựng sự hiểu biết, học tập là một quá trình tích cực đòi hỏi sự thay đổi SV (Olusegun, 2015).

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

Bằng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua nghiên cứu tổng quan tài liệu thứ cấp đã được thực hiện trước đây và phân tích bản giấy của tác giả, báo cáo hướng đến mục tiêu trình bày một số giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong SV theo tinh thần kiến tạo trong giáo dục, kỳ vọng sẽ góp thêm những luận điểm thảo luận đa chiều, cũng như cung cấp một tài liệu tham khảo hữu ích cho người có quan tâm đến chủ đề nghiên cứu.

## **4. Kết quả nghiên cứu**

### *4.1. Thuyết kiến tạo và quan niệm về NCKH của SV*

Tư duy Kiến tạo trong giáo dục hình thành và phát triển từ sự kết hợp giữa nhánh Triết học Nhận thức luận (Epistemology) xoay quanh các phạm trù logic của tri thức (knowledge) kết nối với các ý tưởng Tâm lý học giáo dục (Educational Psychology) mang tính đột phá nhằm thực hiện các ý tưởng cải cách giáo dục trước tiên ở Âu-Mỹ, sau là trên toàn thế giới (Olusegun, 2015). Quan điểm của nhà tâm lý học và cải cách giáo dục người Hoa Kỳ - John Dewey (1916) rằng giáo dục phụ thuộc vào hành động - kiến thức và ý tưởng chỉ xuất hiện từ tình huống mà người học phải rút ra những kinh nghiệm có ý nghĩa quan trọng đối với họ, suy nghĩ của SV là giải quyết vấn đề thực tế, được tiến hành bằng cách thử nghiệm các giả thuyết, những trải nghiệm giải quyết vấn đề này xảy ra trong bối cảnh nhất định (Olusegun, 2015; Lalley và Miller, 2015).

Thuyết phát triển nhận thức (The theory of Genetic Epistemology) của nhà tâm lý học người Thụy Sĩ - Jean Piaget (1971) về mối quan hệ giữa trải nghiệm (experiences) và ý tưởng (ideas), theo Piaget (1971) thì sự phát triển trí tuệ con người tiến hành thông qua sự thích nghi (adaptation) và tổ chức (organization), thích nghi là một quá trình đồng hóa và kết nối, trong đó các sự kiện bên ngoài được đồng hóa (assimilated) với sự hiểu biết hiện có, còn những sự kiện xa lạ không phù hợp với kiến thức hiện có được kết nối, đưa vào tâm trí, từ đó dẫn đến sự thay đổi (changing).

Thuyết Văn hóa xã hội và Phát triển nhận thức (Lev Vygotsky's Sociocultural Theory of Cognitive Development) của nhà tâm lý học người Nga - Lev Vygotsky (1978) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học văn hóa xã hội, Vygotsky (1978) tin rằng mọi thứ đều được học ở hai cấp độ là thông qua tương tác (interaction) với những người khác và sau đó tích hợp (integrated) vào cấu trúc tinh thần của cá nhân, cách người học tương tác với những người có năng lực hơn để hình thành cấu trúc tinh thần thông qua vùng phát triển gần (Zone of Proximal

Development – ZPD), tức khoảng cách giữa những gì người học có thể làm khi không được hỗ trợ và những gì họ có thể làm khi được hỗ trợ (Lalley và Miller, 2015).

Với tinh thần kiến tạo thì NCKH là một hoạt động quan trọng của quá trình dạy và học, nó đặt SV ở vị trí trung tâm, xem giải quyết vấn đề là trọng tâm của học tập, tư duy và phát triển, khi SV giải quyết vấn đề và ghi nhận thành quả, thông qua việc suy ngẫm về những kinh nghiệm trong quá khứ và trước mắt - họ thì đó là quá trình xây dựng sự hiểu biết, NCKH là một quá trình tích cực đòi hỏi sự thay đổi ở SV, họ chỉ hiểu sâu sắc những gì chính họ đã xây dựng.

Mục tiêu sư phạm của NCKH theo lý thuyết kiến tạo theo đó có thể được tóm tắt gồm (1) cung cấp kinh nghiệm về quá trình xây dựng kiến thức, SV xác định nó thông qua ý thức, kiến thức và mục tiêu NCKH, (2) cung cấp kinh nghiệm và đánh giá đa chiều, đề cao sự sáng tạo, các sáng kiến, giải pháp từ SV, (3) kết nối việc học vào bối cảnh thực tế, (4) lấy SV làm trung tâm và (5) khuyến khích nhận thức về quá trình xây dựng tri thức và NCKH.

#### 4.2. Internet, chuyển đổi số góp phần kiến tạo hoạt động NCKH của SV

**Internet là một kho dữ liệu học thuật khổng lồ:** Sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và viễn thông, Internet toàn cầu đã làm thay đổi đáng kể diện mạo nền kinh tế xã hội của các quốc gia thông qua việc “xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số, đồng thời hình thành và phát triển các doanh nghiệp số, có năng lực toàn cầu hóa”. Đặc biệt internet đã khai sinh ra lĩnh vực kinh doanh điện tử gồm các quy trình kinh doanh kéo dài toàn bộ chuỗi giá trị từ mua hàng, quản lý chuỗi cung ứng, tiếp thị, bán hàng, dịch vụ khách hàng và mối quan hệ kinh doanh (electronic business, e-business), thương mại điện tử (electronic commerce) là một mắt xích quan trọng của e-business, đây là những hoạt động mua hoặc bán sản phẩm bằng phương pháp điện tử trên các dịch vụ trực tuyến hoặc qua Internet, các công nghệ như thương mại di động, thanh toán điện tử, quản lý chuỗi cung ứng, tiếp thị qua Internet, tất cả đã mang lại nhiều thay đổi trong tất cả các lĩnh vực đời sống con người.

**Số hóa (Digitization):** còn được hiểu là số hóa thông tin, chỉ quá trình chuyển đổi thông tin sang định dạng kỹ thuật số (tức là máy tính có thể đọc được), số hóa cũng có thể hiểu là việc chuyển đổi tài liệu nguồn tương tự sang định dạng số, hệ thập phân hoặc bất kỳ hệ thống số nào khác có thể được sử dụng thay thế, ví dụ như chuyển đổi các tệp và tài liệu cứng / giấy thành các tệp và tài liệu kỹ thuật số, điều này mang đến những hình dung mới về thu thập dữ liệu NCKH.

**Chuyển đổi số (Digital Transformation):** là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào các hoạt động của DN, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng cũng như tăng tốc các hoạt động kinh doanh. Ở Việt Nam, khái niệm “Chuyển đổi số” thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn, Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... tác cả dẫn đến sự thay đổi phương thức NCKH và các quy trình làm việc.

**Sự phát triển của ChatGPT:** một chatbot trí tuệ nhân tạo (AI) sử dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên để tạo ra cuộc đối thoại giống con người. Mô hình ngôn ngữ có thể trả lời các câu hỏi và soạn thảo nhiều nội dung bằng văn bản khác nhau, bao gồm các bài báo, bài đăng trên mạng xã hội, bài tiểu luận, mã và email. SV có thể sử dụng ChatGPT để cải thiện các ngữ pháp hoặc ngữ cảnh lỗi hoặc giúp nâng cao ý tưởng cho nội dung NCKH. ChatGPT có

thể giúp SV đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phức tạp hơn như một chuyên gia ảo, SV cũng có thể yêu cầu hướng dẫn và bất kỳ thông tin nào cần xác định rõ về câu trả lời phản hồi tức thời, đây vừa là công cụ hữu ích lại vừa là thách thức cho hoạt động NCKH.

#### 4.3. Tổ chức hoạt động NCKH của sinh viên theo tinh thần kiến tạo

Vì tính mở của hoạt động NCKH theo tinh thần kiến tạo, tính năng động và sáng tạo trong NCKH sẽ được tăng cường hướng dẫn sự chủ động và tính hiệu quả, sự khác nhau giữa mô hình tổ chức hoạt động NCKH theo cách truyền thống và theo tinh thần kiến tạo cụ thể như sau:

**Bảng 1.** So sánh cách thức tổ chức NCKH

<b>Nội dung</b>	<b>Tổ chức NCKH truyền thống</b>	<b>Tổ chức NCKH kiến tạo</b>
<b>Trung tâm</b>	Người hướng dẫn làm trung tâm từ đề xuất các ý tưởng, chỉ dẫn cách thức và phương pháp nghiên cứu, NCKH là một nhiệm vụ phải hoàn thành	SV là trung tâm, người phát hiện và tổ chức NCKH để giải quyết các vấn đề lý thuyết, thực tiễn mình đang gặp phải, NCKH là động lực của quá trình học tập
<b>Học tập thông qua NCKH</b>	Dựa trên sự lặp lại và tái hiện, thậm chí từ người hướng dẫn khoa học chuyển giao lại	Có tính tương tác, dựa trên những gì SV đã biết nhờ chuẩn bị trước hay kinh nghiệm cá nhân từ NCKH
<b>Kiến thức</b>	Thô và trơ (inert), cố định, ít mang tính mới	động (dynamic), thay đổi theo kinh nghiệm, cập nhật mới liên tục
<b>Người hướng dẫn khoa học</b>	Chủ động phổ biến, diễn giảng kiến thức, thông tin	Dẫn dắt, định hướng và đối thoại
<b>SV</b>	Thụ động tiếp nhận kiến thức, thường làm việc một mình, NCKH là hoàn thành chỉ tiêu	Chủ động và sáng tạo xây dựng kiến thức của riêng, thường làm việc nhóm, NCKH là niềm đam mê
<b>Kết quả</b>	Các báo cáo nghiên cứu, bài dự thi, trưng bày	Các ấn phẩm nghiên cứu, kết quả NCKH có khả năng ứng dụng

*Nguồn: Nghiên cứu của tác giả*

Thúc đẩy NCKH trong SV theo tinh thần kiến tạo đòi hỏi một khía cạnh khác là thiết kế lại chương trình giảng dạy môn học dựa trên vấn đề (problem-based learning: PBL) hiện có để phù hợp với tiềm năng NCKH và sở thích của SV. Dựa trên nhận thức của SV về NCKH và nhu cầu trải nghiệm học tập thông qua NCKH, các môn học áp dụng PBL được thiết lập để thiết kế chương trình giảng dạy môn học PBL lấy SV làm trung tâm, nhằm giải quyết những khó khăn mà SV gặp phải trong NCKH bằng cách tiếp cận theo định hướng vấn đề, đồng thời điều chỉnh nội dung và đánh giá của môn học phù hợp với nhu cầu và năng lực của SV, kết quả NCKH SV cần được thừa nhận như một học phần có tỷ trọng lớn trong chương trình đào tạo đại học ví dụ như kết quả NCKH của SV ở đại học có thể được xem xét thay thế cho học phần thực tập tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định.

## 5. Kết luận

Thuyết kiến tạo trong giáo dục cho rằng NCKH của SV là một hoạt động mang tính cá nhân đối với SV, nó đại diện cho một trong những ý tưởng lớn trong giáo dục rằng SV phải là trung tâm của hoạt động NCKH, NCKH là hoạt động để SV chủ động, tích cực nhận thức chứ không phải là nơi để người dạy phô bày kiến thức. Ý nghĩa của nó đối với cách tổ

chức các hoạt động NCKH cho SV trong kỷ nguyên số là rất lớn vì nó cung cấp rất nhiều những gợi ý quan trọng như cần khẳng định lại vai trò trung tâm của SV trong hoạt động NCKH, xác lập mục tiêu của hoạt động NCKH của sinh viên, nâng cao năng lực liên kết học tập – NCKH để giải quyết các vấn đề thực tiễn sinh động của cuộc sống... thiết nghĩ rất cần có những thảo luận chi tiết hơn để làm rõ thêm tác dụng mạnh mẽ của quan điểm kiến tạo cho các hoạt động NCKH SV hiện nay.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Dewey, J. (1916). *Democracy and Education: An Introduction to the Philosophy of Education*. New York: Free Press.
- Lalley, J.P. & Miller, R. H. (2015). The learning pyramid: does it point teachers in the right direction?. *Education* Vol. 128. No.1. <https://www.impudent.org.uk/wordpress/wp-content/uploads/2015/03/Lalley-Miller-TheLearningPyramid-Education-200709-.pdf>
- Olusegun, S. (2015). Constructivism Learning Theory: A Paradigm for Teaching and Learning. *Journal of Research & Method in Education (IOSR-JRME)*. Vol. 5, Issue 6 Ver. I (Nov. - Dec. 2015), pp. 66-70.
- Piaget, J. (1971). *Biology and Knowledge*. Chicago: University of Chicago Press.
- Vygotsky, L. (1987). *Collected Works of L. S. Vygotsky*. Vol. 1: *Problems of General Psychology*, trans. Norris Minick. New York: Plenum.



## THÚC ĐẨY PHONG TRÀO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP TRONG SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS Đỗ Tiến Duy (1), TS. Đỗ Xuân Hồng (2)

(1) Phó trưởng phòng Quản lý NCKH - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh

(2) Giám đốc Trung tâm Ươm tạo DNCN - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: [duy.dotien@hcmuaf.edu.vn](mailto:duy.dotien@hcmuaf.edu.vn)

### THÔNG TIN

### TÓM TẮT

*Từ khóa:* Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sinh viên

Những năm 2020s đã và đang diễn ra sự chuyển đổi mạnh mẽ của các trường đại học trên toàn thế giới để bắt kịp xu hướng chung quốc tế hóa giáo dục đại học. Đây là xu hướng tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe hơn của thị trường lao động chất lượng cao trong một thế giới mở, phát triển nhanh hiện tại. Lực lượng lao động KHCCN đông đảo và chất lượng ở Trường đại học bao gồm không chỉ chức danh giảng viên, nhà nghiên cứu, nghiên cứu viên là các Giáo sư (GS), Phó giáo sư (PGS), Tiến sỹ (TS), Thạc sỹ (ThS) và kỹ sư/cử nhân (KS/CN) mà còn là đông đảo người học ở bậc tiến sỹ (NCS), thạc sỹ (HVCH) và sinh viên đại học (SV). Hoạt động KHCCN là cầu nối song hành với đào tạo để tạo ra được đội ngũ lao động có khả năng tư duy và tay nghề cao. Chính vì thế, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030 với mục tiêu đổi mới hệ thống quản lý, quản trị, nhân sự, thúc đẩy tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp, phát huy mọi tài năng và các nguồn lực; xây dựng môi trường học thuật, KHCCN và phục vụ cộng đồng; trong đó thúc đẩy phong trào hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong sinh viên được quan tâm sâu sắc.

### ABSTRACT

In recent decades, universities across the globe have undergone many strong transformations to meet the new demand from the society: to create direct value for society through public enterprises. Vietnam is promoting the internationalization of higher education, and thus this movement is also an inevitable trend that domestic universities must respond to in order to meet the increasingly strict requirements of the high-end labor market in a fast-paced

*Keywords:* scientific research, innovation, startups, students

world. High-quality science and technology workforce at the universities (including lecturers, researchers, and students at the doctoral, master's, and undergraduate levels) are the key human forces need to be leveraged to meet this new demand. And each university needs to have strategies and solutions suitable for exploiting its specific, interdisciplinary human resources. At Nong Lam University – Ho Chi Minh City, science and technology are one of the pillars of the strategic development plan for the period 2021 - 2025, vision to 2030. The overall goal of the strategy is to innovate the management system as well as human resources, promoting the spirit of creativity and entrepreneurship, promoting all talents and resources that required to build an academic, science and technology environment and serving the community. In this strategy, promoting science and technology activities, innovation and entrepreneurship among students has been identified as a key component. Through this paper, we present the theoretical basis for promoting scientific and technological activities in universities. Based on the practical implementation at Nong Lam University – Ho Chi Minh City, we offer some suggestions for directions that universities in Vietnam can implement.

---

### **1. Đặt vấn đề**

Khoa học công nghệ (KHCCN) và Giáo dục đào tạo được xác định là 2 lĩnh vực Quốc sách hàng đầu để làm nền tảng, cơ sở và động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Chính vì thế, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng KHCCN để tạo ra các thành tựu nổi bật trong phát triển ở nhiều lĩnh vực. Nghiên cứu khoa học là lĩnh vực có tính đặc thù cao, đòi hỏi nguồn nhân lực thực hiện có trình độ chất xám cao. Nghiên cứu khoa học cơ bản được chia ra thành 2 nhóm: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Trong đó, Trường đại học là nơi có đầy đủ nền tảng về nhân lực chất xám cao và được xã hội giao trọng trách, nhiệm vụ KHCCN, nhất là nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu chọn lọc, chuyên sâu để làm nền tảng dẫn đường cho các nghiên cứu ứng dụng khác. Tiếp theo sau nghiên cứu cơ bản và ứng dụng thì loại hình nghiên cứu triển khai có vai trò tiếp nối dẫn đến các triển khai ứng dụng sản phẩm, thành tựu khoa học ra xã hội hay thương mại hóa. Do đó, trường đại học cần được chú trọng đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ nhà khoa học, nghiên cứu viên,...có thể phát huy thế mạnh, chất xám và tiềm lực của mình.

Ở một trường đại học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ quan trọng trong ba nhiệm vụ chính (đào tạo, nghiên cứu và phụng sự cộng đồng). Ba nhiệm vụ này dẫn dắt rất nhiều hoạt động khác nhau của trường đại học nhưng có mối quan hệ hữu cơ với nhau để thực hiện vai trò chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực, chuyển giao thành tựu khoa học kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của xã hội đặt ra. Do đó, việc kiện toàn, xây dựng và phát

triển các nguồn lực cho hoạt động KHCN; kèm theo phát huy thế mạnh đặc thù để định hướng chiến lược trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn là rất quan trọng.

Sinh viên là động lực chính, là mục tiêu hướng đến của một trường đại học trong định hướng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Sinh viên là một trong các lực lượng lao động KHCN đông đảo và chất lượng ở Trường đại học bên cạnh các chức danh giảng viên, nhà nghiên cứu, nghiên cứu viên, người học ở bậc tiến sĩ, thạc sĩ. Chính vì vậy, thúc đẩy phong trào hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong sinh viên luôn cần được quan tâm sâu sắc và thường xuyên.

## **2. Hoạt động khoa học công nghệ ở trường đại học**

Sứ mệnh của một trường đại học được gắn liền với đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao khoa học công nghệ. Ở mỗi quốc gia, có thể nói Trường đại học là nơi duy nhất có lực lượng lao động chất xám đông đảo, hoạt động trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu ở nhiều nhóm lĩnh vực chuyên ngành khác nhau và giữ thế mạnh đi đầu trong công tác cập nhật, nghiên cứu và chuyển giao những tri thức mới cho xã hội. Lực lượng lao động Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ và kỹ sư/cử nhân và đông đảo người học ở bậc tiến sĩ, thạc sĩ và đại học cùng hoạt động trong một môi trường làm việc là một tiền đề to lớn cho sự bùng nổ, thúc đẩy và sáng tạo cho các hoạt động khoa học. Mặc dù vậy, tùy vào nguồn lực khác nhau giữa các Trường đại học nên việc xây dựng chiến lược, thúc đẩy và khai thác tiềm lực trong KHCN ở từng trường lại có sự khác nhau đáng kể.

Ở Trường đại học, sự thành công trong công tác đào tạo gắn liền với nghiên cứu khoa học và ngược lại nghiên cứu khoa học quan hệ mật thiết và thúc đẩy đào tạo, nhất là ở bậc đào tạo tinh thông, và là chìa khóa tối ưu hai mặt của một nhiệm vụ mà xã hội đã giao phó. Chỉ có thông qua nghiên cứu khoa học người giảng viên và nghiên cứu viên mới được trang bị đầy đủ phẩm chất lý luận và thực tiễn giảng dạy tốt, và từ dạy tốt đến thực tiễn nghiên cứu thì sẽ đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, tay nghề cao và thái độ tốt cho xã hội. Có thể khái quát hóa việc học là quá trình từng cá thể hoặc tập thể chuyên tải các tri thức con người đã biết thành tri thức của riêng mình; trong khi nghiên cứu là quá trình các cá nhân và tập thể tìm tòi, sáng kiến và tạo ra các tri thức mới chưa được biết. Ba bậc học ở một trường đại học là Cử nhân/Kỹ sư/Bác sĩ, Thạc sĩ và Tiến sĩ có bản chất và mục tiêu của đào tạo cụ thể; trong đó, thạc sĩ được cho là bậc học phải được đào tạo đạt đến sự tinh thông về một lĩnh vực nào đó và tham gia thường xuyên vào các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng lĩnh vực, còn đào tạo tiến sĩ có mục tiêu là nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu thông qua việc thực hiện một đề tài đủ lớn để giải quyết một vấn đề có ý nghĩa khoa học hay công nghệ và được công nhận các ấn phẩm khoa học. Như vậy, có thể thấy rõ nhân lực chính của hoạt động KHCN ở một trường đại học là các nghiên cứu sinh và học viên cao học, và tỷ lệ của nhóm này so với tổng lượng sinh viên thường rất cao ở Trường đại học có truyền thống và thành tích nghiên cứu nổi bật hay còn gọi là đại học nghiên cứu. Lực lượng giáo sư, phó giáo sư cũng có vai trò nghiên cứu lớn nhưng thường ở hoạt động hướng dẫn hay dẫn dắt các nghiên cứu của hai đối tượng trên.

Hoạt động KHCN trong trường đại học được hiểu là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KHCN, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KHCN, gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian gần đây, hoạt động

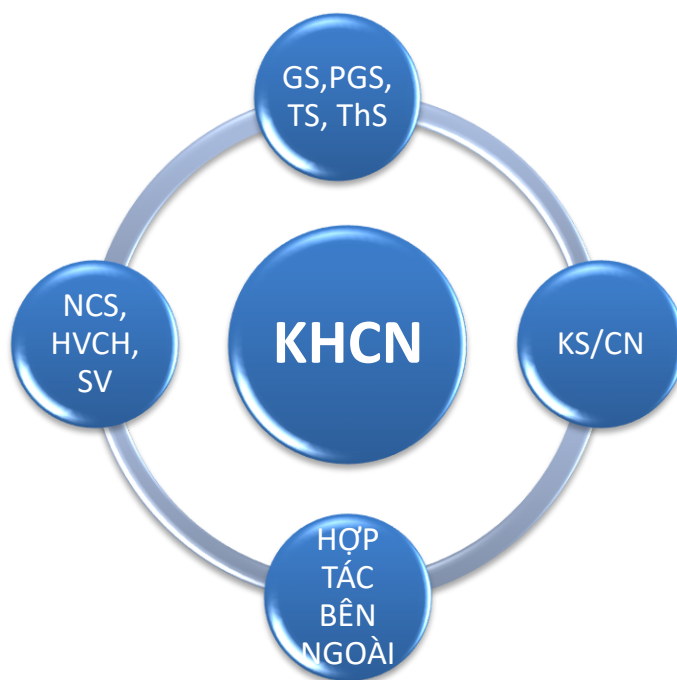
KHCN thường được nhấn mạnh đến hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm và khởi nghiệp. Thừa hưởng sản phẩm khoa học của nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, hoạt động thương mại hóa có được chỉ khi sản phẩm khoa học có giá trị, hữu ích và sản phẩm có thể trở thành hàng hóa. Chính vì thế, hoạt động KHCN cần có tính đổi mới sáng tạo để tìm ra các sản phẩm KHCN mới, hữu ích phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp và thương mại hóa.

NGHIÊN CỨU (NC) - <b>R</b>		PHÁT TRIỂN (PT) - <b>D</b>		THƯƠNG MẠI - <b>B/C</b> TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG
NC CƠ BẢN	NC ỨNG DỤNG	PT THỰC NGHIỆM	PT SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM	
TRƯỜNG/VIỆN/PHÒNG TNTT DOANH NGHIỆP		TRUNG TÂM/DOANH NGHIỆP/TRƯỜNG		DOANH NGHIỆP/VƯỜN ƯƠM DN TRONG TRƯỜNG
<b>Kết quả / Sản phẩm</b> - Mở rộng kiến thức, tri thức ở một lĩnh vực cụ thể - <b>Sản phẩm:</b> Bài báo khoa học, sách,... ( <b>Sản phẩm trí tuệ</b> ), Patent, Giải pháp/Sản phẩm hữu ích, Giống cây/con/vi sinh - Đào tạo nhân lực trình độ cao, tinh thông (NCS, HVCH)		<b>Kết quả / Sản phẩm</b> - Giải quyết vấn đề cụ thể, kết quả có ý nghĩa thiết thực tức thì - <b>Thừa hưởng sản phẩm:</b> Patent, Giải pháp/Sản phẩm hữu ích, Giống cây/con/vi sinh .... <b>Hợp đồng chuyển giao</b>		<b>Kết quả / Sản phẩm</b> - Thương mại kết quả/sản phẩm của R/D - <b>Sản phẩm:</b> Cửa cải vật chất/đời sống xã hội

**Hình 1.** Các loại hình NCKH chính: Nghiên cứu (R-research), phát triển (D-development) và triển khai ứng dụng, thương mại hóa (B-business/C-commercial).

### 3. Nguồn lực cho hoạt động khoa học công nghệ

Nguồn lực cho hoạt động KHCN bao gồm hệ thống cơ chế, chính sách, tài chính, con người, cơ sở vật chất. Để duy trì và thúc đẩy các hoạt động KHCN tốt trong các nguồn lực kể trên thì nguồn nhân lực con người là yếu tố then chốt, kèm theo các yếu tố thúc đẩy động viên cũng không kém phần quan trọng. Lực lượng lao động KHCN đông đảo và chất lượng ở Trường đại học bao gồm không chỉ chức danh giảng viên, nhà nghiên cứu, nghiên cứu viên là các Giáo sư (GS), Phó giáo sư (PGS), Tiến sỹ (TS), Thạc sỹ (ThS) và kỹ sư/cử nhân (KS/CN) mà còn là đông đảo người học ở bậc tiến sỹ (NCS), thạc sỹ (HVCH) và đại học (SV) (Sơ đồ 1). Do đó, cơ cấu tổ chức và sự phân công lao động phù hợp của các lực lượng lao động này trong hoạt động KHCN ở một trường đại học cần được chú trọng và phải xem là khâu then chốt nhằm phát huy hiệu quả lao động.



**Sơ đồ 1.** Lực lượng lao động khoa học đông đảo và chất lượng ở Trường đại học

Hoạt động KHCN ở Trường đại học là một cơ hội nhưng cũng là một thách thức lớn. KHCN luôn đòi hỏi sự đầu tư về tài chính, cơ sở hạ tầng – vật chất và các yếu tố thúc đẩy động viên thường xuyên. Hiệu suất lao động KHCN của nguồn lực con người có vai trò quyết định sự duy trì và phát triển của một Trường đại học. Thực tế ở các Trường đại học sự đầu tư cho các nguồn lực không giống nhau, phụ thuộc vào định hướng, chiến lược và khả năng tài chính từ đó dẫn đến sự chênh lệch khá lớn về kết quả và thành tích hoạt động KHCN. Trên thực tế, đầu tư ngân sách còn hạn chế, dàn trải, và chưa đủ sức thúc đẩy mạnh mẽ sự cống hiến và đam mê của đội ngũ nhà khoa học, nghiên cứu viên. Chính sách ưu đãi và đầu tư cho lao động KHCN chưa thực sự thu hút người làm nghiên cứu khoa học và nhiều tổ chức/cá nhân có thành tích hoạt động KHCN nổi bật chưa thực sự được ghi nhận thành quả chuyển giao tri thức, trí tuệ từ kết quả khoa học của họ.

Hiện tại, các nguồn kinh phí cho hoạt động KHCN ở Trường đại học phần lớn phụ thuộc vào nguồn ngân sách nhà nước (qua đề tài các cấp: Nhà nước, Bộ, Tỉnh/Thành, Sở/ngành) và nguồn trích từ học phí (5-8 %). Tuy nhiên, KHCN không chỉ phát triển dựa vào nguồn ngân sách có phần hạn hẹp mà cần khai thác nhiều nguồn lực từ hợp tác quốc tế, hợp tác R/D với doanh nghiệp cũng như vận động quỹ vì sự nghiệp khoa học từ nguồn xã hội hóa có lẽ là hướng đi bền vững. Sự hợp tác không chỉ là sự khai thác nguồn lực trí tuệ có ở Trường đại học mà còn tìm lối ra cho các thành tựu, chuyển giao KHCN để tìm kiếm nguồn thu ngoài ngân sách cũng như phụng sự cộng đồng, phát triển kinh tế xã hội. Cụ thể là, có thể thấy rõ qua số liệu thống kê tổng đầu tư của xã hội cho KHCN tại TP. HCM từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước cao hơn nhiều lần so với nguồn ngân sách nhà nước.

#### **4. Trường đại học nông lâm TP. HCM – thúc đẩy phong trào hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp**

Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM (Trường ĐHNL TP. HCM) là một trường đại học đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn tốt và tư duy sáng tạo; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, phổ biến, chuyển giao tri thức và công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế-xã hội của Việt Nam và khu vực. Tầm nhìn đến năm 2035, Trường ĐHNL TP. HCM sẽ trở thành trường đại học nghiên cứu với chất lượng quốc tế. Chiến lược của nhà Trường về KHCN là Phát triển KHCN đáp ứng yêu cầu ĐMST, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, phát triển của vùng, khu vực, địa phương và quốc gia, hướng tới đạt trình độ tiên tiến, hội nhập quốc tế.

Các mục tiêu cụ thể được đặt ra gồm: 1/ Hoàn thiện, ban hành và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy định, quy chế liên quan đến hoạt động KHCN nhằm đảm bảo thực thi đúng pháp luật về KHCN của quốc gia và quốc tế, tăng hiệu quả hoạt động quản lý KHCN của nhà trường; 2/ Thúc đẩy việc thực hiện chương trình, nhiệm vụ KHCN, CGCN đáp ứng nhu cầu vùng, khu vực, địa phương và quốc gia; 3/ Thiết lập được hệ thống quản lý, lưu trữ và bảo hộ sở hữu trí tuệ nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại hóa kết quả KHCN; 4/ Thúc đẩy việc liên kết, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực hoạt động KHCN, chia sẻ kinh nghiệm và huy động nguồn lực cho hoạt động KHCN của nhà trường; và 5/ Phát triển hệ sinh thái ĐMST hướng tới thành lập doanh nghiệp KHCN trong nhà trường.

Ba nhóm lĩnh vực thế mạnh của Trường gồm Sinh học sự sống (Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản, Nông học, Lâm nghiệp, Cảnh quan hoa viên, Vi sinh vật, Môi trường và Thực phẩm), Công nghệ (Cơ khí chế tạo, Tự động hóa, Thông tin, Chế biến bảo quản, Sản xuất nông nghiệp, Môi trường, Vi sinh vật, Tài nguyên và Bất động sản) và Kinh tế xã hội (Kinh tế, Ngoại ngữ, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp) được tạo thành một chuỗi liên kết trong đào tạo, nghiên cứu và phụng sự cộng đồng. Các trụ cột liên kết này tạo ra cho Trường ĐHNL TP. HCM một thế mạnh lớn ở các lĩnh vực KHCN, nhất là lĩnh vực Nông Lâm Ngư nghiệp. Từ thế mạnh này, là nền tảng lớn để nhà Trường đẩy mạnh sự liên kết hoạt động hợp tác KHCN trong và ngoài nước với các cơ quan như Trường, Viện, Doanh nghiệp và Sở/ngành. Chiến lược chuyển từ hợp tác trên danh nghĩa sang hợp tác thực chất, hai bên cùng có lợi và nâng cao hiệu quả hàng năm là định hướng mà nhà Trường hướng tới.

Các phong trào hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong sinh viên được Nhà trường quan tâm sâu sắc trên tất cả các nhóm lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực thế mạnh của trường. Trường có những chính sách để tạo động lực cho sinh viên tham gia các hoạt động khoa học công nghệ tại, đổi mới và sáng tạo khởi nghiệp như cộng đồng rèn luyện cho sinh viên, đoàn viên có tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, các chế độ khen thưởng, vinh danh để tạo động lực hoạt động khoa học cho sinh viên. Trường phối hợp với các doanh nghiệp, các đơn vị bên ngoài trường triển khai các giải thưởng Vinh danh cho sinh viên với những giải thưởng có giá trị hiện kim và động viên về tinh thần như học bổng Vinh danh của Đạm Phú Mỹ, học bổng Vinh danh của công ty Thành Thành Công, học bổng vinh danh của công ty ADM, giải thưởng Lương Văn Can, ... để tăng thêm động lực cho sinh viên.

Mỗi năm trường đều tổ chức hoặc liên kết tổ chức ít nhất 4 hội thảo, tọa đàm liên quan đến hoạt động ĐMST, khởi nghiệp nhằm giúp sinh viên có những thông tin cụ thể, cái nhìn

tổng quan và cung cấp thêm những kiến thức liên quan. Ví dụ: hội thảo “Thúc đẩy Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM”, “Vai trò của Trường Đại học, viện nghiên cứu trong hệ thống đổi mới sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ”,... Tổ chức chuỗi tập huấn kỹ năng xây dựng dự án khởi nghiệp “Kết nối giá trị - khơi dậy tiềm năng” với sự đồng hành của quỹ ITI FUND, chuỗi hoạt động học thuật – khoa học công nghệ - khởi nghiệp,... chương trình khởi sự kinh doanh nông nghiệp dành cho sinh viên khu vực phía nam và Tây Nguyên. Thông qua các cuộc thi, các diễn đàn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề học thuật, hỗ trợ sinh viên phát triển các ý tưởng sáng tạo thành đề tài nghiên cứu khoa học, góp phần thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Trường cũng thiết lập mạng lưới cựu sinh viên, nhóm nghiên cứu mạnh,... để hỗ trợ sinh viên tham gia các phong trào khoa học công nghệ,... các câu lạc bộ học thuật trong sinh viên, các công tác kết nối doanh nghiệp, cựu sinh viên về làm mentor cho các dự án khởi nghiệp cũng được triển khai hàng năm nhằm mở rộng các mô hình sáng tạo sinh viên. Trường tổ chức các khóa học đổi mới sáng tạo. Đưa môn học ĐMST, khởi nghiệp vào trong chương trình bắt buộc của Tuần sinh hoạt công dân và giảng dạy ở một số ngành giúp sinh viên ý thức về nhiệm vụ và có thêm động lực trong nghiên cứu khoa học, ĐMST.

Trong liên tục 6 năm (2018-2023), Trường ĐHNL TP. HCM tổ chức “**Chuỗi hoạt động Học thuật và Khởi nghiệp Sinh viên**” với các mục tiêu: phát huy tinh thần, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của sinh viên, góp phần đưa chất lượng đào tạo bám sát nhu cầu thực tiễn; Đem tinh thần khởi nghiệp nông nghiệp lan tỏa rộng rãi, giúp sinh viên tiếp cận được những ý tưởng khởi nghiệp, thay đổi tư duy, nhận thức, dám nghĩ, dám làm và có tinh thần chủ động biến ý tưởng thành hiện thực; Tuyển chọn các ý tưởng NCKH, dự án khởi nghiệp xuất sắc để tham gia các cuộc thi cấp thành và cấp quốc gia, trong đó các ý tưởng có giá trị đạt giải cao từ cuộc thi được nhà Trường tài trợ kinh phí để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KHCN nghiên cứu; và Kết nối nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái NCKH, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại Trường đại học Nông Lâm Tp. HCM.

**Bảng 1.** Tổng kết chuỗi hoạt động Học thuật và Khởi nghiệp đang thực hiện năm 2023

NĂM	ĐỀ TÀI NCKH CƠ SỞ SINH VIÊN		CUỘC THI Ý TƯỞNG NCKH		CUỘC THI KHỞI NGHIỆP	
	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Dự thi	Số giải thưởng	Dự thi	Số giải thưởng
2018	37	806.5	25	8	60	18
2019	50	1,135	61	14	26	7
2020	27	730	55	16	55	12
2021	27	660	159	21	83	16
2022	11	300	68	16	83	12
2023	29	900	104	20	-	-
<b>Tổng</b>	<b>181</b>	<b>3,725</b>	<b>472</b>	<b>95</b>	<b>307</b>	<b>65</b>

Trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đang diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng, làm thay đổi toàn diện và sâu sắc đời sống kinh tế và xã hội; đồng thời dịch chuyển trong lĩnh vực đời sống và sản xuất nông nghiệp, từ nông nghiệp truyền thống phát triển sang nông nghiệp tập trung, công nghệ cao, thông minh, sinh thái, bền vững và tuần hoàn. Do đó, sự dịch chuyển nhanh chóng nông nghiệp theo hướng mới đòi hỏi nguồn nhân

lực đáp ứng ở mức cao hơn, nhiều kỹ năng hơn, chuyên biệt hóa hơn cho hoạt động kinh tế xã hội mới. Cùng với sự chuyển đổi trên, chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, KHCN và các hoạt động phụng sự cộng đồng cũng rất thiết yếu, để thúc đẩy sự phát triển kịp thời, đổi mới sáng tạo và tiến tới tạo ra sự đột phá. Định hướng đào tạo và nghiên cứu khoa học ở Trường ĐHNL TP. HCM với thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp đã có một tầm nhìn, tiếp cận và đổi mới trong nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và định hướng KHCN phù hợp phục vụ nhu cầu của xã hội ngày càng cao.

Nhằm xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến động lực tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên trường, đề tài nghiên cứu “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực tham gia Nghiên cứu khoa học của sinh viên” được thực hiện. Từ kết quả nghiên cứu, một số giải pháp giúp sinh viên nâng cao động lực, tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Nghiên cứu đã phân tích dữ liệu thu thập được từ 300 sinh viên, sử dụng phương pháp kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm định xây dựng thang đo và hồi quy tuyến tính. Kết quả cho thấy, có 4 yếu tố ảnh hưởng đến động lực tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm: (1) Sự quan tâm, khuyến khích của khoa, trường (2) Năng lực sinh viên, (3) Nhận thức đối với NCKH, (4) Giảng viên hướng dẫn. Trong đó, yếu tố Năng lực sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học có tác động nhiều nhất đến động lực tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong khi đó nhân tố Sự quan tâm, khuyến khích của khoa, trường có tác động ít nhất đến động lực tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên.

## **5. Kết luận**

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp là nhiệm vụ quan trọng trong các nhiệm vụ chính của một trường đại học. Những nhiệm vụ này dẫn dắt rất nhiều hoạt động khác nhau của nhà trường nhưng có mối quan hệ hữu cơ với nhau để thực hiện vai trò chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực, chuyển giao thành tựu khoa học kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của xã hội đặt ra cũng như quốc tế hóa đại học. Hoạt động KHCN và thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp ở Trường đại học hiện tại thực sự cần nhiều hoạt động thúc đẩy như sau:

Tiếp tục **cải tiến** liên tục **thể chế, chính sách tốt hơn** về hoạt động KHCN

**Nâng cao sự hiểu, biết và năng lực của sinh viên** về nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động thiết thực

Kiến tạo **văn hóa** nghiên cứu khoa học tự nguyện, sáng tạo, đột phá trong giảng viên, nhà khoa học và học viên sinh viên

Kiến tạo **Hệ sinh thái** Khoa học – Nhân lực cao – ĐMST – Khởi nghiệp trong lĩnh vực thế mạnh của nhà trường

**Vinh danh khen thưởng** tạo sự động viên, động lực thường xuyên cho tập thể, giảng viên và học viên sinh viên

**Huấn luyện nghiệp vụ có chiều sâu** cho giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên sinh viên trong hoạt động KHCN và khởi nghiệp

**Tăng cường công tác chuyển đổi số** để nâng cao hiệu quả hoạt động KHCN, kết nối và chia sẻ hữu hiệu thành tựu KHCN trong và ngoài nước



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cesti (2022). **Số liệu thống kê ngành KHCN TP. HCM năm 2021.** <http://thongke.cesti.gov.vn/phan-tich-thong-ke/ket-qua-thong-ke/998-so-lieu-thong-ke-nganh-khcn-tphcm-2021>.
- CIEM- GIZ (2019). **Báo cáo tổng hợp nghiên cứu chuyển đổi/ tiếp cận nông nghiệp 4.0 ở Việt Nam: Vấn đề và kiến nghị chính sách.**
- Hồ Tú Bảo (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam), **Về bản chất và yêu cầu của đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ.** Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật bản. <http://www.jaist.ac.jp/~bao/talks/daotaosaudaihoc3.pdf>.
- Lê Thị Hương (2019). **Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững.** <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2884-nghien-cuu-ung-dung-khoa-hoc-cong-nghe-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-hien-dai-ben-vung.html>
- Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM (2021). **Chiến lược Phát triển Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh Giai Đoạn 2021-2025, Tầm Nhìn Đến 2035.** Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 28/06/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2021.
- Nguyễn Thị Mỹ Duyên và Nguyễn Minh Tôn (2022). **Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.** Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở sinh viên năm 2021-2022. Mã đề tài: CS-SV21-KT-04.

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN PHÂN VIỆN HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA KHU VỰC MIỀN TRUNG

TS. Lê Thu Huyền, ThS. Hồ Phan Lâm Trường

Giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia Phân viện miền Trung

\*Tác giả liên hệ: [lethuhuyen2005@gmail.com](mailto:lethuhuyen2005@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

Đối với môi trường giáo dục đại học, bên cạnh việc dạy và học kiến thức chuyên ngành thì chia sẻ, giáo dục kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên nhằm phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên có vai trò quan trọng trong đào tạo đại học hiện nay. Trong thời gian qua, sinh viên tại Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung bước đầu đã được tiếp cận với kỹ năng nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên còn khá khiêm tốn; sinh viên đã nhận thức được lợi ích của nghiên cứu khoa học nhưng còn thiếu kiến thức, năng lực nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm khi thực hiện nghiên cứu do thiếu tự tin. Các giải pháp đề xuất trong bài viết này được kỳ vọng sẽ phát huy tác dụng tích cực, góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

*Từ khóa:* thực trạng, giải pháp, nghiên cứu khoa học, sinh viên, Phân viện

### 1. Đặt vấn đề

Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng như trong Báo cáo Chính trị tập trung đề cập đến giáo dục và đào tạo ở mục V, so với Đại hội XII, tên đề mục đã thay cụm từ "phát triển" bằng cụm từ "nâng cao" chất lượng nguồn nhân lực và thêm cụm từ "phát triển con người". Trong Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2030, vấn đề này được đề cập ở tiểu mục 3, phần V, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội, với tiêu đề: phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Điểm mới lần này, trực tiếp đề cập đến giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, trước đây chỉ nhấn mạnh "phát triển nhanh giáo dục và đào tạo" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) là hai nhiệm vụ chính và quá trọng nhất bất cứ một trường đại học nào cũng đều phải thực hiện. Thông qua hoạt động NCKH, sinh viên (SV) được chủ động trong học tập, tìm tòi sáng tạo; qua đó phát triển tối ưu tư duy sáng tạo, kỹ năng NCKH của bản thân trong quá trình tiếp nhận tri thức, từ đó sử dụng chúng vào giải quyết một số vấn đề lí luận và thực tiễn. NCKH góp phần nâng cao tính sáng tạo, đạo đức khoa học, hình thành và hoàn thiện nhân cách của người lao động mới, qua đó góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Với sứ mệnh "là trung tâm Quốc gia về đào

tao nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng, phát triển năng lực về hành chính, lãnh đạo, quản lý cho nền công vụ Việt Nam” (Viện nghiên cứu khoa học hành chính, 2023). Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung luôn chú trọng nâng cao chất lượng của hoạt động NCKH bên cạnh chất lượng giảng dạy và trách nhiệm phục vụ cộng đồng của một trường đại học. Với lợi thế là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, các hoạt động NCKH của SV phân viện rất phong phú và đa dạng. Trong những năm qua, các đề tài NCKH của SV được triển khai, nghiệm thu thành công trên các lĩnh vực như: quản lý công, văn hoá du lịch, tâm lí, giáo dục, kỹ năng mềm,...Tuy nhiên, song song với những lợi ích mà NCKH mang lại thì các em còn gặp nhiều khó khăn, thách thức khi triển khai thực hiện đề tài.

Từ những vấn đề trên, sau khi phân tích một số khái niệm có liên quan đến NCKH và kỹ năng NCKH, chúng tôi đã phân tích thực trạng hoạt động NCKH của SV Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung, để từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh hơn nữa số lượng và chất lượng hoạt động NCKH trong SV tại Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung nói riêng và sinh viên Học viện Hành chính Quốc gia nói chung.

## **2. Vai trò của nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên**

Có thể khẳng định, NCKH được đánh giá là phương pháp hiệu quả giúp SV chủ động tìm hiểu kiến thức, mở rộng, đào sâu vốn kiến thức cũng như vốn kỹ năng mềm của bản thân; là cơ hội để SV áp dụng những kiến thức lí thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. Phát triển kỹ năng NCKH cho SV giúp SV bổ sung những kiến thức không được học trong chương trình chính khóa, lấp đầy những kiến thức về kinh tế, đời sống xã hội để làm giàu vốn sống cho bản thân. Trong quá trình đi khảo sát hay thực tế, SV sẽ phải vận dụng những kỹ năng này để hoàn thành nội dung nghiên cứu đã đề ra. Bên cạnh đó, khi thực hiện các đề tài NCKH, SV không chỉ phát huy được những kỹ năng NCKH mà còn phát triển được các kỹ năng khác như: kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp... qua đó phát triển tổng thể cả tri thức và nhân cách cho SV (Ninh Thị Bạch Diệp, 2022). Không chỉ vậy, hoạt động NCKH còn góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo; khả năng tư duy độc lập, tự học hỏi của SV. Đối với mỗi SV, những kỹ năng này không chỉ quan trọng trong quãng thời gian học tập tại giảng đường mà còn theo sát họ trong suốt quãng thời gian làm việc sau này.

Hiện nay, các trường đại học đều thực hiện đào tạo theo phương thức đào tạo theo tín chỉ. Đây là phương thức đào tạo linh hoạt, mềm dẻo, trong đó SV được chủ động lập kế hoạch và đăng kí học tập, tích lũy từng phần kiến thức theo tiến độ phù hợp với kỹ năng và điều kiện bản thân và nhà trường nhằm hoàn tất chương trình đào tạo. Trong quá trình đào tạo, SV có thể chủ động lựa chọn những học phần tự chọn phù hợp với sở thích cá nhân và định hướng chuyên ngành phù hợp một cách linh hoạt, mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định những nội dung phù hợp, thích ứng với nhu cầu xã hội. Vì vậy, hoạt động học tập của SV trong đào tạo theo tín chỉ mang tính độc lập cao, các em sẽ chủ động bố trí lịch học sao cho thuận tiện nhất để dành thời gian cho NCKH.

### **3. Một số thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung**

#### *3.1. Một số thực trạng về nghiên cứu khoa học của sinh viên Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung*

Trong những năm qua, công tác NCKH cho sinh viên Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực: Số lượng sinh viên tham gia NCKH có xu hướng tăng lên qua mỗi năm học; nội dung nghiên cứu đa dạng; phương pháp nghiên cứu được sử dụng linh hoạt. Các hoạt động NCKH dành cho sinh viên là: Vào đầu năm học, sinh viên sẽ được tham gia một buổi Hội thảo về phương pháp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cho sinh viên; hàng năm, sinh viên đăng ký tham gia thực hiện nghiên cứu một đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh cấp Phân viện, sau khi nghiệm thu xong đề tài được chấm điểm bởi thành viên Hội đồng nghiệm thu sẽ chọn 03 đề tài xuất sắc nhất tham gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện và các cấp cao hơn tùy thuộc vào chất lượng đề tài của sinh viên.

Về chế độ của SV khi tham gia NCKH, theo Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi năm 2023 kinh phí hỗ trợ cho một đề tài NCKH của SV không quá 05 triệu đồng (tăng 04 triệu đồng so với quy chế cũ); về quyền lợi, SV tham gia NCKH sẽ được hưởng các quyền lợi như: (1) Được tạo điều kiện sử dụng các thiết bị sẵn có của Phân viện để tiến hành NCKH; (2) Được hỗ trợ kinh phí thực hiện công trình NCKH theo quy định của trường; (3) Được ưu tiên xét cấp học bổng, xét các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng khác nếu có thành tích NCKH xuất sắc; (4) Được tính điểm rèn luyện, khen thưởng, cộng vào điểm trung bình chung học kì theo quy định của Bộ GD-ĐT; (5) Được công bố kết quả NCKH trên các tạp chí, kỉ yếu, hội nghị khoa học,...

Về số lượng sản phẩm NCKH của SV Trường Đại học Tân Trào trong 03 năm học gần đây: Năm học 2020-2021: 22; năm học 2021-2022: 19; năm học 2022-2023: 13. Sau khi đã nghiệm thu cấp phân viện, sinh viên tham dự hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp học viện đạt được kết quả khá cao. Trong năm học 2022-2023, có 03 đề tài được cử tham gia thì 02 đề tài đạt giải nhì và khuyến khích. Như vậy, số lượng sản phẩm NCKH của SV của Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung còn khiêm tốn và đang có xu hướng giảm số lượng SV tham gia.

Để đánh giá thực trạng NCKH của SV, chúng tôi tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 100 SV chính quy năm thứ 2, 3, 4 của các khoa khác nhau trong Phân viện vào tháng 8/2023, trong đó: Khoa Hành chính – Pháp luật 64 SV; Khoa Quản lý Kinh tế & Xã hội 05 SV; Khoa Quản trị Nhân lực & Quản trị văn phòng 31 SV. Kết quả khảo sát nhận thức của SV về mức độ cần thiết của việc NCKH và nâng cao kỹ năng NCKH với 5 mức độ gồm: rất cần thiết, cần thiết, khá cần thiết, ít cần thiết, không cần thiết thu được kết quả như sau (bảng 1):

**Bảng 1. Bảng đánh giá mức độ nhận thức của SV về tầm quan trọng của NCKH và nâng cao kỹ năng NCKH**

STT	Nội dung	Mức độ nhận thức (%)					ĐTB
		Không cần thiết	Ít cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết	Rất cần thiết	
1	Mức độ cần thiết của NCKH với SV	0	0	30,3	24,2	45,5	4,21
2	Mức độ cần thiết của nâng cao kỹ năng NCKH với SV	0	4,1	12,2	26,5	57,1	4,22

*Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả*

Kết quả khảo sát cũng giúp chúng tôi tìm hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Phân viện như sau:

STT	CÁC YẾU TỐ	MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG (%)			Điểm trung bình (ĐTB)
		Ảnh hưởng nhiều	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng	
1	Sự hướng dẫn, giúp đỡ từ giảng viên hướng dẫn	87,5	12,5	0	<b>2,88</b>
2	Sự hứng thú, chủ động trong NCKH của sinh viên	90	10	0	<b>2,90</b>
3	Kinh phí hỗ trợ từ Phân viện	50	50	0	<b>2,50</b>
4	Tài liệu tham khảo, kinh nghiệm nghiên cứu	90	10	0	<b>2,90</b>
5	Cộng sự tham gia	87,5	12,5	0	<b>2,88</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả*

Kết quả này cho thấy, SV cho rằng sự hứng thú, chủ động trong NCKH của sinh viên và tài liệu tham khảo, kinh nghiệm nghiên cứu là 2 yếu tố ảnh hưởng nhất đến kết quả NCKH với ĐTB=2,9. SV cho rằng kinh phí hỗ trợ ảnh hưởng không nhiều đến hiệu quả NCKH với ĐTB=2,5.

Ngoài ra, kết quả khảo sát cho thấy kết quả thực hiện quy trình NCKH của SV như sau:

TT	QUY TRÌNH NCKH	Mức độ thực hiện (%)					ĐTB
		Yếu	TB	Khá	Tốt	Rất tốt	
1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu	0	0	58,7	17,4	23,9	<b>3,65</b>
2	Xây dựng đề cương nghiên cứu	0	0	65,2	19,6	15,2	<b>3,50</b>
3	Thu thập và xử lý thông tin	0	6,5	67,4	19,6	6,5	<b>3,26</b>
4	Tư duy giải quyết vấn đề	0	8,7	54,3	26,1	10,9	<b>3,39</b>
5	Thiết kế mô hình, sản phẩm nghiên cứu	0	10,9	67,4	13,0	8,7	<b>3,20</b>

TT	QUY TRÌNH NCKH	Mức độ thực hiện (%)					ĐTB
		Yếu	TB	Khá	Tốt	Rất tốt	
6	Thực nghiệm và xử lí kết quả thực nghiệm	0	17,4	73,9	8,7	0	<b>2,91</b>
7	Xây dựng báo cáo khoa học	0	15,2	54,3	26,1	4,3	<b>3,20</b>
8	Kiểm tra, đánh giá kết quả nghiên cứu	0	13,0	67,4	13,0	6,6	<b>3,13</b>
9	Bảo vệ đề tài nghiên cứu	0	19,6	54,3	21,7	4,4	<b>3,11</b>
10	Làm việc nhóm	0	8,7	54,3	30,4	6,5	<b>3,35</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả*

Kết quả trên cho thấy, SV lựa chọn bước: “Hình thành ý tưởng nghiên cứu” được thực hiện tốt nhất với ĐTB=3,65. Bước “Thực nghiệm và xử lí kết quả thực nghiệm” được thực hiện thấp nhất với mức ĐTB=2,91.

Như vậy, kết quả khảo sát thực trạng sẽ là cơ sở để chúng tôi đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng NCKH cho SV Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung nói riêng và SV Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia nói chung.

### 3.2. Một số giải pháp nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung

#### 3.2.1. Chú trọng hình thành và phát triển cho sinh viên một hệ thống các kỹ năng cần thiết phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học

- Hình thành và phát triển cho SV kỹ năng tự học, tự nghiên cứu: Để đạt được mục tiêu học tập cũng như nghiên cứu, mỗi SV cần phải chủ động trong học tập, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với khả năng của cá nhân và nội dung nghiên cứu mà mình lựa chọn. Nhằm phát huy kỹ năng tự học của SV, giảng viên cần hướng dẫn SV từng bước lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu và kiểm tra kế hoạch đó của SV có bổ sung, đánh giá và nhận xét cụ thể.

- Hình thành và phát triển cho SV kỹ năng phát hiện, tìm tòi NCKH: Kỹ năng tìm tòi NCKH là khả năng thực hiện phát hiện, tìm tòi nghiên cứu một chủ đề học tập hay thực tiễn theo quy trình NCKH của các nhà khoa học tạo ra sản phẩm có ý nghĩa với chính họ và cộng đồng. Kỹ năng này gồm các thành tố: (1) Lập kế hoạch phát hiện, tìm tòi nghiên cứu; (2) Thực hiện kế hoạch phát hiện, tìm tòi nghiên cứu; (3) Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Muốn hình thành và phát triển được kỹ năng phát hiện, tìm tòi NCKH cho SV, giảng viên nên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học kết hợp nhiều hình thức, dạy học theo dự án, dạy học chủ động...

- Phát huy kỹ năng đọc - viết cho SV: Kỹ năng đọc gắn liền với kỹ năng viết trong NCKH, là sự gắn bó của kỹ năng lĩnh hội tri thức và sản sinh ra văn bản viết của SV. Muốn bồi dưỡng kỹ năng đọc - viết cho SV, giảng viên hướng dẫn SV dựa vào nội dung nghiên cứu để lựa chọn phương pháp đọc, phạm vi khai thác tài liệu, đọc các thông tin cơ bản về sách; xem xét mục lục, hình dung dàn ý, logic trình bày của tác giả; đọc lời giới thiệu, lời mở đầu, hiểu mục đích viết tài liệu của tác giả, một số thông tin mà tác giả định hướng; đọc phần kết luận, tóm tắt cuối sách, nắm bắt tư tưởng chính mà tác giả hướng đến trong toàn bộ tài liệu;

đọc lướt qua toàn bộ cuốn sách, xác định kiểu đọc cụ thể cho cả sách hay từng phần nội dung; đọc sâu, sử dụng các kiểu đọc hợp lý để khai thác nội dung của tài liệu; đặt câu hỏi phản biện với các nội dung đọc được, ghi lại những tư tưởng mới nảy sinh trong đầu; tóm tắt nội dung chính của tài liệu đã đọc.

### *3.2.2. Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học có khả năng phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên*

- Tăng cường vận dụng dạy học theo hình thức seminar: Seminar là một hình thức tự học có hướng dẫn, trong đó giảng viên nêu mục tiêu cần đạt được, giới thiệu nguồn tài liệu, yêu cầu SV trình bày kết quả. Để tổ chức seminar có hiệu quả, GV cần: Dạy cho SV cách suy nghĩ như các nhà khoa học, tư duy kỹ thuật.

- Vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề giúp SV giải quyết một vấn đề khoa học: Trong dạy học các học phần có liên quan, vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ giúp SV hình thành và phát triển kỹ năng nêu giả thuyết khoa học, thu thập, phân tích kết quả nghiên cứu để rút ra kết luận khoa học. Bên cạnh đó, phương pháp dạy học này còn giúp SV phát huy tính tích cực, tự giác, độc lập, sáng tạo, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong NCKH, kỹ năng tư duy logic... đó là những kỹ năng quan trọng để SV hoàn thành một đề tài NCKH.

Ngoài những phương pháp dạy học tích cực nêu trên, trong dạy học các học phần có liên quan, GV còn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực khác như: Bàn tay nặn bột, dạy học bằng bài tập tình huống, thiết kế các chuyên đề dạy học hay vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực để nâng cao chất lượng bài học, đồng thời giúp SV rèn luyện các kỹ năng NCKH đặc trưng trong dạy học các học phần có liên quan.

### *3.2.3. Tích cực hướng dẫn sinh viên làm bài tập lớn, bài tập nghiên cứu khoa học*

Để thực hiện tốt giải pháp này, giảng viên cần hướng dẫn SV thực hiện các bài tập môn học, đề tài NCKH (do khoa, trường tổ chức), khoá luận tốt nghiệp. Kiến thức của một môn học sẽ được SV nhận thức thông qua nhiều phương pháp khác nhau: đọc giáo trình được giảng viên cung cấp, bài giảng lý thuyết, thực hành, tài liệu tham khảo và kiến thức trên Internet. Với mỗi phương pháp, SV thu nhận một mặt khác nhau của môn học, thậm chí khá rời rạc, thu động, và nhiều khi còn mâu thuẫn. Do đó, các bài tập lớn sẽ tạo cơ hội để SV luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng, đào sâu suy nghĩ cũng như tiếp cận những kiến thức mới.

Trong quá trình giảng dạy các học phần, giảng viên cần giao các bài tập lớn, bài tập NCKH cho SV thực hiện. Trong đó, giảng viên chú ý đến việc xây dựng các tiêu chí để đánh giá các bài tập lớn đã giao cho SV như: Nội hàm kiến thức chứa trong bài tập lớn phải đảm bảo được độ rộng về kiến thức, khả năng hiểu sâu về kiến thức đó cũng như bản chất của kiến thức chứa trong đó; Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế; Phát hiện những kiến thức mới, độ chính xác của suy luận; Khả năng làm việc thể hiện ở: kỹ năng phân công nhóm, kỹ năng trình bày báo cáo, tiểu luận, kỹ năng thuyết trình; Ý thức trong công việc được đánh giá qua thời gian hoàn thành bài tập lớn theo đúng lịch trình, độ trung thực của bài tập lớn, ý thức ham học hỏi.

Ngoài bồi dưỡng những kỹ năng NCKH đã nêu trên, Nhà trường cũng cần có những chính sách và định hướng cụ thể để phát triển NCKH như: Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm,

trao đổi về những lợi ích cụ thể khi tham gia NCKH dành cho SV; Xây dựng và ban hành các quy chế về giải thưởng NCKH trong SV, giúp SV thấy rõ các quyền lợi của mình khi tham gia NCKH; Tìm kiếm nguồn lực về kinh tế hỗ trợ cho SV trong quá trình nghiên cứu cũng như đưa sản phẩm vào thực tế; Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động NCKH; Kết hợp với đoàn thanh niên và hội SV nhà trường để thành lập các câu lạc bộ NCKH; Tích cực mở các lớp tập huấn hoặc các buổi hội thảo về công tác này.

#### **4. Kết luận**

Trên cơ sở khảo sát, phân tích các số liệu thống kê về tình hình NCKH trong SV và kết quả khảo sát về nhận thức, nhu cầu của SV về NCKH, bài viết này đã chỉ ra một số vấn đề đang tồn tại trong hoạt động NCKH của SV Phân viện Học viện hành chính Quốc gia khu vực miền Trung; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của SV qua đó hình thành, phát triển và rèn luyện kỹ năng NCKH cho SV. Các giải pháp này được áp dụng tại Phân viện sẽ mang lại những hiệu quả tích cực, góp phần đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV; đồng thời các cơ sở giáo dục khác cũng có thể nghiên cứu, áp dụng một cách linh hoạt các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị để phát triển hoạt động NCKH trong SV.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Ninh Thị Bạch Diệp. (2022). Giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên Trường Đại học Tân Trào. *Tạp chí Giáo dục*, 22(9), 34-39.
- Viện nghiên cứu khoa học hành chính. (2023). Truy xuất từ: [khoaahochanhchinh.vn](https://khoaahochanhchinh.vn/): <https://khoaahochanhchinh.vn/quyet-dinh-ve-viec-cong-bo-su-menh-tam-nhin-gia-tri-cot-loi-cua-hoc-vien-hanh-chinh-quoc-gia/>



# ỨNG DỤNG MÔ HÌNH ROBOT VÀO GIÁO DỤC STEM VÀ PHÁT HUY PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

## APPLYING ROBOT MODELS IN STEM EDUCATION AND PROMOTING THE SCIENTIFIC RESEARCH MOVEMENT AMONG STUDENTS IN HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORTATION

Bùi Thanh Thuận, Nguyễn Minh Trí, Huỳnh Trọng Tiến, Lê Thị Hạ Vy

Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

---

\*Tác giả liên hệ:  
2051050211@ut.edu.vn **THÔ**  
**NG TIN**

### TÓM TẮT

*Từ khóa:* STEM, Robot, IOT,  
DIY, PLC, Automation, IT

Trong bài báo này, nhóm tác giả trình bày khái quát về giáo dục STEM, khảo sát về ứng dụng của STEM bằng google form và phỏng vấn trong trường đại học GTVT TPHCM, phân tích kết quả cuộc khảo sát từ đó đưa ra kết quả rõ ràng về nhu cầu và mức độ ứng dụng STEM trong trường đồng thời đưa ra đề xuất phương hướng triển khai STEM trong các câu lạc bộ học thuật với đối tượng chính là các mô hình Robot, mô hình đồ án vi điều khiển, PLC,... Với phương pháp nghiên cứu là thực hiện thiết kế, xây dựng phần cứng, phần mềm từ đó nâng cao kỹ năng về thiết kế, lập trình, sự sáng tạo của học viên.

### ABSTRACT

*Keywords:* STEM, Robot, IOT,  
DIY, PLC, Automation, IT.

In this article, the authors present an overview of STEM education, survey the application of STEM by google form and interview in the University of Transport in Ho Chi Minh City, analyze the survey results from there. provide clear results on the need and level of STEM application in schools and propose directions for STEM implementation in academic clubs with the main objects being Robot models, microcomputer project models. control, PLC, etc. With the research method of designing and building hardware and software, thereby improving students' skills in design, programming, and creativity.

---

### 1. Đặt vấn đề

STEM là viết tắt của các từ Science (Khoa học); Technology (Công nghệ); Engineering (Kỹ thuật) và Math (Toán học). Bản chất của giáo dục STEM là trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học; công nghệ, kỹ thuật và toán học.

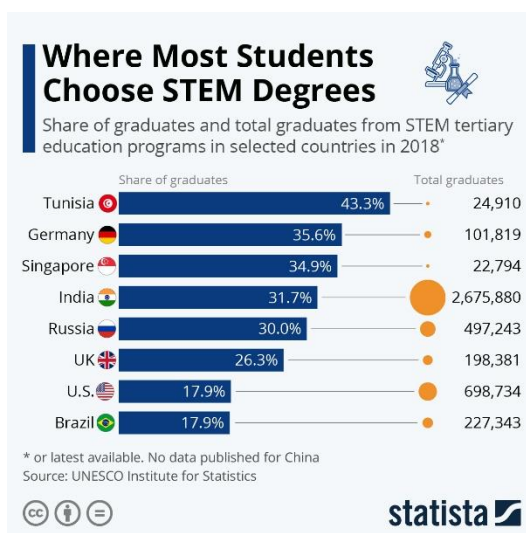
Hiện tại, Giáo dục STEM đã được triển khai tại nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Úc, Phần Lan, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc... Như vậy, có thể thấy rằng giáo dục STEM trên thế giới đã trở thành trào lưu và đang phát triển mạnh mẽ tại nhiều nước trên thế giới, thậm chí tại Canada người lao động nhập cư có các kỹ năng STEM được hưởng các phúc lợi xã hội tốt hơn so với người dân lao động bản xứ [1].

Đối với trường đại học GTVT TPHCM hiện nay, qua kết quả cuộc khảo sát do nhóm tác giả thực hiện thấy rằng ứng dụng STEM vào học tập và nghiên cứu còn khá hạn chế. Để giải quyết vấn đề này nhóm tác giả đề xuất xây dựng mô hình câu lạc bộ học thuật ứng dụng STEM trong học tập và nghiên cứu với thành viên câu lạc bộ là sinh viên các ngành kỹ thuật như: Cơ khí, tự động hoá, điện công nghiệp,...

## 2. Khái quát về giáo dục STEM trên thế giới, tại Việt Nam và tại trường đại học GTVT TP. HCM

### 2.1. Tình hình trên thế giới

Hiện nay, giáo dục STEM đang được quan tâm trên toàn thế giới, với nhiều quốc gia đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình giáo dục STEM để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ có kỹ năng phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Một số quốc gia tiên tiến như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada và châu Âu đã đầu tư vào các chương trình giáo dục STEM từ cấp tiểu học cho tới đại học. Các chương trình này thường bao gồm các hoạt động ngoài giờ học, các trại hè, các lớp học thực hành và các cuộc thi khoa học. Các trường đại học hàng đầu trên thế giới cũng có các chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu trong các lĩnh vực STEM. Hình 1 biểu diễn tỉ lệ phần trăm sinh viên tốt nghiệp STEM tại một số nước năm 2018.



Hình 1. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp STEM tại một số quốc gia phát triển.

Mức độ ứng dụng STEM của các quốc gia trên thế giới khác nhau và phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm việc đầu tư tài chính, chính sách giáo dục của chính phủ, sự quan tâm của các tổ chức và doanh nghiệp đối với việc giáo dục STEM. Tuy nhiên, việc áp dụng giáo dục STEM đang gặp nhiều thách thức ở một số quốc gia đang phát triển. Họ đang phải đối mặt với vấn đề nhân lực giáo dục và thiếu nguồn tài chính để đầu tư vào các chương trình giáo dục mới.

## 2.2. Tại Việt Nam

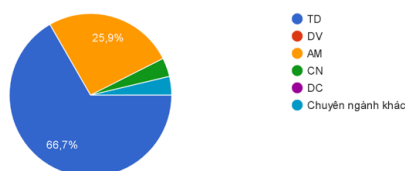
Khác với các nước phát triển như Mỹ, giáo dục STEM du nhập vào Việt Nam không phải bắt nguồn từ các nghiên cứu khoa học giáo dục hay từ chính sách vĩ mô về nguồn nhân lực mà bắt nguồn từ các cuộc thi Robot dành cho học sinh phổ thông do các công ty công nghệ tại Việt Nam triển khai cùng với các tổ chức nước ngoài. Từ đó đến nay giáo dục STEM đã bắt đầu có sự lan toả với nhiều hình thức khác nhau, nhiều cách thức thực hiện khác nhau, nhiều tổ chức hỗ trợ khác nhau [2]. Hiện nay, Bộ GDĐT đang trong quá trình triển khai xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và quản lí hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng giáo dục STEM trong chương trình giáo dục trung học phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong thời đại cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Hệ thống các công ty giáo dục tư nhân Việt Nam đã rất nhanh nhậy đưa giáo dục STEM, mà chủ yếu là các hoạt động Robot vào giảng dạy tại các trường phổ thông tại một số thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng bằng hình thức xã hội hoá. Tuy nhiên, khu vực nông thôn hiện nay chưa có nhiều cơ hội tiếp cận cũng như phát triển các mô hình giáo dục này. Các hoạt động giáo dục STEM khác hiện đang duy trì tại một số trường và địa phương như: Cuộc thi robot của các tổ chức Việt Nam và nước ngoài, Cuộc thi sáng tạo khoa học kĩ thuật (Visef), Các cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở của các nước như Hàn Quốc, Thái Lan đều có học sinh Việt Nam tham gia trong những năm gần đây [1].

## 2.3. Tình hình thực tế tại trường đại học GTVT TPHCM

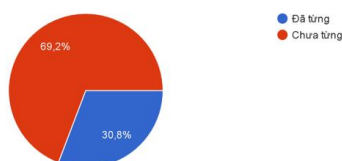
### 2.3.1 Khảo sát thực tế trên các bạn sinh viên

Theo như khảo sát được thực hiện trên 300 bạn sinh viên trường Đại Học Giao Thông Vận Tải TP.Hồ Chí Minh. Khảo sát được thực hiện trên các bạn sinh viên đến từ các chuyên ngành kĩ thuật bao gồm: kĩ thuật điều khiển tự động hóa, điện tử- viễn thông, cơ khí tự động và công nghệ thông tin.



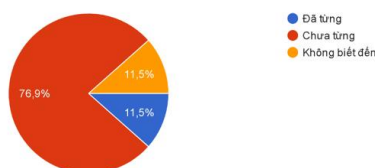
Hình 2 Biểu đồ hình tròn về số lượng sinh viên khảo sát

Chiếm đến hơn 56% là các bạn sinh viên biết đến mô hình giao dục STEM. Số bạn sinh viên còn lại sao khi tìm hiểu về STEM thì con số hứng thú với mô hình STEM lên đến hơn 96% số còn lại không đáng kể. Tuy nhiên theo số lượng thống kê thì đa phần các bạn sinh viên chưa từng được ứng dụng, làm mô hình IOT, robot,....



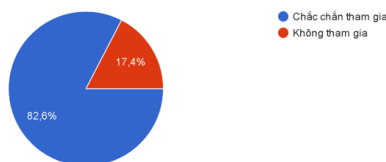
Hình 3 Biểu đồ hình tròn về cơ cấu sinh viên tham gia làm mô hình thực tế

Thực tế chỉ ra rằng các mô hình đồ án trong sinh viên là chưa đủ và các bạn sinh viên đang gặp khó khăn trong việc nghiên cứu khoa học đã thể hiện rõ qua con số 76,4% và 13% không biết đến nghiên cứu khoa học là gì



Hình 4 Biểu đồ hình tròn về cơ cấu sinh viên đã từng tham gia NCKH

Tuy nhiên số lượng các bạn hứng thú và muốn tham gia nghiên cứu khoa học, các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học chiếm lần lượt là 74% và 86,6%. Các dự án nhỏ của các bạn sinh viên bên cạnh đồ án thì tương đối nghèo nàn bao gồm các ví dụ tiêu biểu như bật tắt led, cảm biến, xe dò line. Điều đó đã chỉ ra rằng nhà trường cần có những chính sách đúng đắn để thúc đẩy thúc đẩy mô hình nghiên cứu trong sinh viên.



Hình 5 Biểu đồ hình tròn về cơ cấu các bạn sinh viên muốn tham gia nghiên cứu khoa học

Vấn đề quan trọng khác mà các bạn sinh viên mong muốn nhất chính là cơ sở vật chất, các phòng lab để thực hành. Trích dẫn từ các bạn sinh viên thì cơ sở vật chất và tinh thần sinh viên và hai nguyên nhân ảnh hưởng lớn nhất để ứng dụng mô hình STEM trong giáo dục nhà trường.

### 2.3.1 Khảo sát thực tế về mức độ quan tâm của sinh viên đối với mô hình STEM

Hiện nay cơ sở vật chất của trường còn hạn chế về trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu tính tự học cho sinh viên. Việc ứng dụng STEM vào trong môi trường Đại Học Giao Thông Vận Tải TP.HCM trong thời điểm hiện tại rất khó khăn. Chính vì lí do trên việc ra đời các nhóm, câu lạc bộ, hội, ... Là một điều rất quan trọng tạo tiền đề phát huy tính tự học tự tìm tòi trong sinh viên. Việc tự học đối với sinh viên đại học nói chung và đặt biệt sinh viên ngành kĩ thuật đóng vai trò quan trọng bởi vì các kiến thức trên trường là chưa đủ. Việc ứng dụng mô hình STEM vào chương trình giảng dạy trong nhà trường là cần thiết. Bên cạnh giảng dạy nhà trường nên tổ chức các cuộc thi đầy mạnh phong trào nghiên cứu trong sinh viên phát triển hơn các cuộc thi đã từng tổ chức như ROBOT DÒ LINE chỉ đơn thuần diễn ra ở quy mô cấp khoa Điện- Điện tử viễn thông mà phát triển ở cấp trường mà tiến xa hơn nữa ở quy mô khu vực và cấp quốc gia tạo nên sân chơi lành mạnh, tính cạnh tranh cao cho sinh viên. Thực tế thừa nhận rằng sinh viên trường mình đang bị thụ động trong việc tìm tòi, nghiên cứu khoa học, mặc dù các trường khác có các cuộc thi về lĩnh vực khoa học- kĩ thuật tuy nhiên trường mình rất ít sinh viên tham gia, trong quá khứ sinh viên trường Đại Học Giao Thông Vận Tải TP.HCM đã đạt thứ hạng cao trong các cuộc thi như nghiên cứu khoa học eruka, Robot dò line hoàn thành,... đó là tiền đề qua trọng để cổ vũ tính tự học, nghiên cứu của sinh viên trong môi trường Đại Học Giao Thông Vận Tải TP.HCM. Để đạt

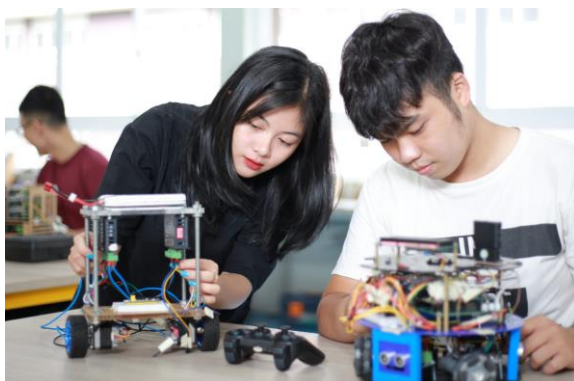
được nhiều thành công hơn nhà trường cần có những đường chính rõ ràng, đầu tư các trang thiết bị cho sinh viên thông qua các phòng LAB- nơi mà sinh viên có thể học thực tế, bên cạnh đó việc phát triển các nhóm, câu lạc bộ, ... cho các bạn sinh viên làm nơi phát triển cá nhân, giao lưu và học hỏi. Trước đây đã từng có câu lạc bộ điện- điện tử GTS nhưng vì vài lý do nên đã tách ra khỏi trường và đổi tên tuy nhiên nhiều sinh trường Đại Học Giao Thông Vận Tải TP.HCM là thành viên của câu lạc bộ này và đã gặp hái được những thành công, bên cạnh đó câu lạc bộ Điện- điện tử UT, đã và đang vận hành với mục tiêu tạo môi trường tự học, giao lưu, hỗ trợ tham gia các cuộc thi về lĩnh vực khoa học kỹ thuật cụ thể là lĩnh vực điện- điện tử viễn thông, tự động hóa,....

### **3. Đề xuất hướng phát triển các mô hình Robot cho giảng dạy STEM tại trường đại học Giao thông Vận tải, TP. Hồ Chí Minh**

#### *3.1. Vai trò của Robot trong giáo dục STEM và trong ngành kỹ thuật*

Gợi ý: Ở đây mình sẽ dùng Robot làm đối tượng nghiên cứu chính và cũng là mục tiêu của mô hình hoạt động club trong tương lai. Do đó chỗ này cần trình bày mối liên hệ giữa Robot và STEM và kỹ thuật.

STEM là một tổ hợp các môn gồm: khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học vì thế để nghiên cứu toàn diện về STEM thì cần tập trung nghiên cứu và phát triển những đối tượng có ứng dụng đầy đủ các mặt của STEM và các mặt này phải liên kết, bổ trợ lẫn nhau. Robot chính là một đối tượng hội tụ đầy đủ các yếu tố trên và đặc biệt tiềm năng phát triển của Robot là cực kỳ mạnh mẽ và đang là xu hướng trên toàn thế giới. Tại trường đại học GTVT TPHCM để nâng cao hiệu quả nghiên cứu và học tập các ngành kỹ thuật cần đẩy mạnh ứng dụng STEM vào nghiên cứu và học tập đặc biệt với các câu lạc bộ học thuật với đối tượng nghiên cứu chính là Robot.



*Hình 6 Các bạn sinh viên đang nghiên cứu robot*

Đối với việc đầu tư robot hoặc các dự án IOT, Machine learning, AI vào lĩnh vực giao thông thông minh sẽ làm tăng tính đặt thù của trường, là cơ sở tạo ra các thể hệ kỹ sư, cử nhân kỹ thuật có đủ kỹ năng, bản lĩnh và năng lực. Các dự án mà có thể triển khai thành giáo dục STEM bao gồm như: Hệ thống giao thông tự động, các mẫu robot tự hành, các phương tiện giao thông tự động,.... Bên cạnh lĩnh vực giao thông thì xu hướng tự động hóa trong công nghiệp đã và đang chiếm vị trí qua trọng ở hiện tại và tương lai. Chính vì vậy nhà trường nên có tầm nhìn dài hạn đầu tư các mẫu robot để phục vụ giáo dục STEM như cánh tay robot, robot nâng hàng điều khiển từ xa.



Hình 7 Mô hình xe tự hành AVG

### 3.2. Các loại Robot thường sử dụng trong giáo dục STEM

Theo nhu cầu giáo dục STEM đang bùng nổ trên toàn thế giới, các công ty chế tạo Robot ứng dụng dạy học STEM ra đời, sau đây là một số Robot STEM phổ biến:

Robot mBot Ranger là phiên bản hot nhất của Stem. Đây là robot nâng cao của robot mBot V1.1 Bluetooth. Nó được thiết kế để xây dựng các bài học; giáo trình giảng dạy theo chương trình stem.

AI Module 1 là sản phẩm của hãng Whales Bot. Nó hướng đến đối tượng học sinh tiểu học. Các em cần lập trình bằng các robot có thể lắp ghép từ các khối. Với đa dạng ngôn ngữ được lập trình trên đa nền tảng giúp các em tiếp cận dễ nhất.



Hình 8. mBot Ranger

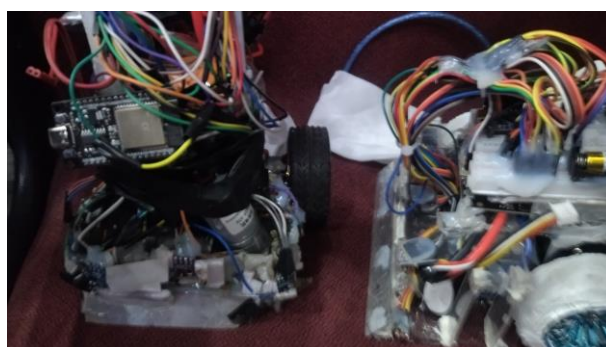




Hình 9. AI Module 1

### 3.3. Hướng đi của Robot ứng dụng trong giao thông, vận tải

Hiện nay các bạn thành viên câu lạc bộ điện- điện tử UT đã nghiên cứu mô hình robot giải mê cung tự động kết hợp thi đấu sumo và đạt kết quả cao trong cuộc thi sumo cấp thành. Từ những mô hình này có thể áp dụng thuật toán AI, MC để có thể ứng dụng vào thực tiễn như cứu hộ cứu nạn, làm việc môi trường độc hại nhằm thay thế con người hay đơn thuần áp dụng vào công tác giảng dạy và học tìm kiếm thuật toán giải mê cung tối ưu nhất



Hình 10 Hình ảnh các robot tham gia cuộc thi giải mê cung và sumo

### 4. Đề xuất hướng triển khai sử dụng tổ hợp Robot thông qua các hoạt động ngoại khóa tại nhà trường

Hiện nay câu lạc bộ Điện- Điện tử UT đã và đang đạt được những thành công nhất định trong công tác giao dịch và một trong những thành công đầu tiên của CLB là giải nhất và giải nhì cuộc thi đấu trường robot do trường đại học công nghiệp TP.HCM tổ chức. Bên cạnh đó những cuộc thi với quy mô lớn hơn như ROBOCON

Và rất nhiều cuộc thi khác đã đang và sắp diễn ra nhà trường cần có những chính sách khuyến khích và động viên các bạn sinh viên tham gia những cuộc thi đó để ứng dụng những lí thuyết mà mình học được trên ghế nhà trường. Bên cạnh đó việc ứng dụng các mô hình robot vào việc giảng dạy là rất cần thiết khi đó sẽ giảm được khối lượng lí thuyết khô khan mà từ đó các bạn sinh viên có thể nghiệm ra được kinh nghiệm và kỹ năng của mình trong việc vận hành và điều khiển robot. Ngoài ra chúng ta cần đẩy mạnh các phong trào học thuật, nghiên cứu khoa học trong sinh viên trong môi trường đại học bởi vì các bạn sinh viên đại học đã có những kỹ năng cần thiết để tự học và phát triển bản thân, để đẩy mạnh điều đó nhà

trường cần có các cuộc thi khoa học kỹ thuật để đẩy mạnh phong trào tự học cho sinh viên. Việc nâng cao cơ sở vật chất, trang bị các phòng LAB, các phòng cho sinh viên tự học cũng rất cần thiết để đó là nơi giao lưu, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm giữa các thế hệ sinh viên. Bên cạnh đó việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để hiểu được vai trò và ứng dụng của giáo dục STEM vào thực tiễn.

### **5. Kết quả và thảo luận**

STEM không còn là khái niệm quá xa lạ với chúng ta tuy nhiên để ứng dụng được nó vào mô hình giáo dục nói chung và trong trường Đại Học Giao Thông Vận Tải nói riêng là một điều không quá dễ dàng. Cần có một cái nhìn đúng đắn hơn về vai trò và tầm qua trọng của giáo dục STEM trong môi trường nhà trường. Bên cạnh đó việc xây dựng các CLB, các nhóm sinh viên tự nghiên cứu, tự học cũng hết sức quan trọng bởi vì đó chính là lí do, là động lực để pháp triển từng cá nhân trong cùng một nhóm từ đó sẽ là động lực để pháp triển CLB mà xa hơn nữa là toàn thể sinh viên nhà trường

#### **Danh mục các từ viết tắt**

- + STEM – Science + Technology + Engineering + Math (môn học liên ngành của 4 môn học).
- + IOT – Internet of Things (Mạng lưới thiết bị kết nối Internet).
- + DIY – Do it yourself (các sản phẩm tự phát triển).
- + PLC – Programmable Logic Controller (Thiết bị điều khiển cho phép người dùng lập trình).
- + IT – Information Technology (Công nghệ thông tin).

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. [Thực Trạng giáo dục STEM trên thế giới và tại Việt Nam \(robotsteam.vn\)](http://robotsteam.vn)
2. Nguyễn Thanh Nga (chủ biên) (2017), Thiết kế và tổ chức chủ đề STEM cho học sinh THCS và THPT, NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.



# ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP SCRUM TRONG QUẢN LÝ, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN VĂN CỦA SINH VIÊN

Trương Nhật Quang

Công ty Cổ phần VNG

Tác giả liên hệ: quangtn5@vng.com.vn, [tnquang0204@gmail.com](mailto:tnquang0204@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* Scrum, Agile, quản lý dự án, giáo dục

Do tính chất của luận văn và các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên có sự tương đồng với việc thực hiện dự án tại doanh nghiệp. Do đó việc khai thác những phương pháp quản lý dự án của doanh nghiệp có thể góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học cũng như luận văn của sinh viên. Nổi bật trong số các phương pháp quản lý dự án linh hoạt mới và mang lại nhiều thành công cho các dự án phần mềm là phương pháp Scrum, bài viết này sẽ trình bày một khảo luận lý thuyết sơ bộ cho thấy sự thích hợp và khả năng ứng dụng của phương pháp Scrum trong quản lý và hướng dẫn thực hiện nghiên cứu khoa học và luận văn của sinh viên.

### 1. Giới thiệu

Việc hướng dẫn sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp hoặc thực hiện một nghiên cứu khoa học là một quá trình dài và đòi hỏi một sự đầu tư, tập trung thích hợp. Trong một số trường hợp do số lượng sinh viên trên một người hướng dẫn tăng lên hoặc người hướng dẫn phải dành thời gian cho các công việc hành chính, nghiên cứu, giảng dạy thì chất lượng luận văn hoặc công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể bị giảm sút. Nghiên cứu của (Göran & Tengberg, 2015) đã trích dẫn 3 khảo sát riêng biệt vào năm 2000 tại Thụy Điển và Na Uy cho thấy khoảng 23%, 29%, 33% sinh viên rút lui khỏi dự án nghiên cứu của họ nằm ở việc tư vấn kém hiệu quả. Giảng viên và sinh viên nên cung cấp phản hồi liên tục như một phần tất yếu, tuy nhiên số lượng sinh viên tăng lên đã trở thành một vấn đề khó khăn cho giảng viên (Brodtkorb, 2019). Ngoài ra từ phía sinh viên việc thiếu tự chủ và chủ quan trong công việc nghiên cứu cũng là nguyên nhân dẫn đến thất bại hoặc kết quả không mong muốn. Việc sử dụng một quy trình chính thức có hệ thống cho việc tư vấn cho sinh viên bao gồm các cuộc họp thường xuyên có sự tham gia của giảng viên hướng dẫn, xác định các nhiệm vụ cần thiết và thực hiện phản hồi liên tục trong suốt giai đoạn thực hiện nghiên cứu khoa học hoặc luận văn là một ý tưởng khả thi. Do đó các phương pháp tiếp cận mới trong việc quản lý hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học và luận văn được thực hiện. Một trong các phương pháp quản lý dự án phổ biến đã đạt được nhiều thành công trong việc quản lý các dự án công nghệ thông tin đó là phương pháp Scrum.

Theo đó bài viết này sẽ thực hiện một cuộc khảo luận lý thuyết sơ bộ để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu : Liệu rằng phương pháp quản lý dự án linh hoạt ở đây là phương pháp Scrum

có thể áp dụng cho môi trường giáo dục đặc biệt trong việc quản lý việc nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn của sinh viên hay không?

#### Cơ sở lý thuyết

Giới thiệu phương pháp Scrum Scrum là một phương pháp quản lý dự án linh hoạt được (Schwaber, 1997) đề xuất và ngày nay được sử dụng rộng rãi trong việc quản lý các dự án phần mềm nhằm giúp nhóm quản lý dự án và các kỹ sư phần mềm phát triển các ứng dụng đáp ứng được mong đợi của khách hàng. Khi các phương pháp quản lý truyền thống đòi hỏi sự khắc khe trong quy trình thực hiện và bám sát kế hoạch đề ra ban đầu nhưng lại tỏ ra không hiệu quả khi sự thay đổi của dự án diễn ra thường xuyên (Fernandes et al., 2021). Phương pháp Scrum và các phương pháp quản lý dự án linh hoạt khác nổi bật lên ở việc ít đòi hỏi chú trọng vào các kế hoạch chi tiết hay kiểm soát chặt chẽ mà dựa nhiều hơn vào sự cộng tác, phối hợp và học hỏi (Beregal-Mirabent et al., n.d.). Các phương pháp quản lý dự án linh hoạt như Scrum thúc đẩy việc kiểm tra thường xuyên, thích nghi và đáp ứng liên tục, thu thập thường xuyên phản hồi của khách hàng đồng thời khuyến khích tinh thần đồng đội và khả năng tự tổ chức. Nếu các phương pháp quản lý dự án truyền thống dự trên quy trình và kế hoạch thì phương pháp quản lý dự án linh hoạt như Scrum lại dựa vào con người và sự sáng tạo để giải quyết những vấn đề không chắc chắn, có nhiều yêu cầu thay đổi và cải tiến liên tục (Dybå et al., 2008). Mặc dù ban đầu Scrum được sử dụng cho các dự án phát triển phần mềm nhưng phương pháp này có thể áp dụng cho bất kì phạm vi công việc nào có tính chất phức tạp hoặc mang tính đổi mới (Schwaber & Beedle, 2001).

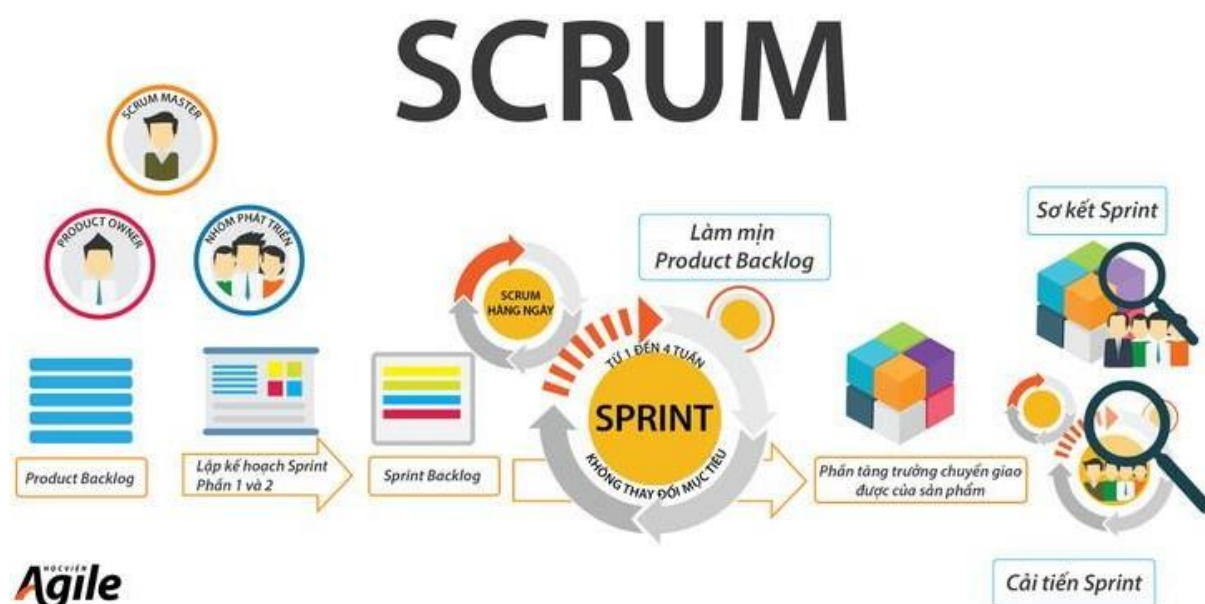
Các thành phần chính của Scrum bao gồm các vai trò, các sự kiện và những tạo phẩm (Schwaber & Sutherland, 2020). Một nhóm Scrum là một nhóm tự quản liên chức năng có quy mô nhỏ thường dưới mười người và bao gồm các vai trò như nhà phát triển, Product Owner và Scrum Master (Tan et al., 2021). Với quyền tự chủ của mình các thành viên trong nhóm sẽ cùng nhau lên kế hoạch, quyết định ai sẽ làm gì và làm như thế nào, quyền quyết định sẽ không thuộc về một thành viên cụ thể nào trong nhóm mà được thực hiện bởi cả nhóm (Tan et al., 2021). Vai trò Product Owner đại diện cho lợi ích của các bên liên quan bên ngoài và có nhiệm vụ tối đa hóa giá trị của sản phẩm (Schwaber & Sutherland, 2020). Product Owner cần phải có sự hiểu biết và tầm nhìn phát triển cho sản phẩm và đề ra những yêu cầu để hiện thực hóa tầm nhìn đó (Tan et al., 2021). Vai trò thứ hai là Scrum Master được xem như một nhà lãnh đạo theo phong cách phục vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn nhóm Scrum và tổ chức hiểu lý thuyết và thực hành Scrum một cách có hiệu quả (Schwaber & Sutherland, 2020). Vai trò thứ ba là những nhà phát triển là những người trực tiếp làm ra sản phẩm và chịu trách nhiệm bàn giao được một phần tăng trưởng sản phẩm theo từng chu kỳ phát triển (Schwaber & Sutherland, 2020).

Những sự kiện trong Scrum bao gồm Sprint, lập kế hoạch Sprint, Scrum hàng ngày, sơ kết Sprint, cải tiến Sprint (Tan et al., 2021). Sprint là một chu kỳ, một vòng lặp có độ dài từ một đến bốn tuần nơi mà mọi việc làm của nhóm Scrum được diễn ra, nó bao gồm tất cả những sự kiện còn lại (Schwaber & Sutherland, 2020) nhiệm vụ của nhóm Scrum là phải chuyển giao được giá trị ở cuối mỗi Sprint (Tan et al., 2021). Lập kế hoạch Sprint là cuộc họp bắt đầu cho mỗi Sprint, nơi các thành viên trong nhóm xác định các nhiệm vụ cần được thực hiện trong Sprint. Scrum hàng ngày là cuộc họp hàng ngày nơi các thành viên cập nhật cho nhau về tiến trình, những khó khăn họ đã trải qua và mục tiêu trong ngày làm việc tiếp theo

của họ. Trong buổi sơ kết Sprint, nhóm kiểm tra những gì đã được thực hiện Sprint và liệu các nhiệm vụ có được thực hiện theo kế hoạch hay không, đồng thời cập nhật Product Backlog. Trong buổi cải tiến Sprint, nhóm phản ánh những gì đã xảy ra và sau đó lên kế hoạch cải tiến cho Sprint tiếp theo (Fernandes et al., 2021).

Những tạo phẩm chính của Scrum bao gồm Product Backlog, được quản lý bởi Product Owner và là danh sách được sắp xếp theo thứ tự những gì cần để thực hiện và cải tiến sản phẩm (Schwaber & Sutherland, 2020). Sprint Backlog là tập hợp những hạng mục từ Product

Backlog được nhóm Scrum lựa chọn đưa vào một Sprint (Fernandes et al., 2021). Phần tăng trưởng có khả năng được chuyển giao là sản phẩm mà các nhà phát triển có nhiệm vụ tạo ra vào cuối mỗi Sprint (Tan et al., 2021).



Hình 1. Hình minh họa về các sự kiện, vai trò và tạo phẩm trong Scrum (Hanoi Scrum Trang Chủ, n.d.)

### 1.1 Phương pháp Scrum trong giáo dục

Phương pháp Scrum được tiếp cận để phục vụ cho mục đích giáo dục lần đầu tiên được phát triển và đề xuất khái niệm EduScrum bởi (Delhij et al., 2015). Đối với phương pháp này các sinh viên sẽ lập kế hoạch Sprint dựa trên Product Backlog do giảng viên người sẽ đóng vai trò Product Owner chỉ định. Các sự kiện Scrum trong bối cảnh giáo dục sẽ bao gồm lập kế hoạch Sprint nhằm xác định thành lập nhóm hợp tác, lên mục tiêu và kết hoạch làm việc. Scrum hàng ngày sẽ thực hiện trong năm phút mỗi ngày để đồng bộ các hoạt động của nhóm và xem xét kết hoạch làm việc cho ngày tiếp theo. Buổi sơ kết Sprint được sử dụng để xem lại các kết quả học tập trong Sprint. Buổi sơ kết Sprint được sử dụng để phản ánh những vấn đề học tập của Sprint vừa qua đúc kết kinh nghiệm và sau đó sẽ lên kế hoạch cho Sprint tiếp theo. Scrum phù hợp trong bối cảnh phát triển các dự án học thuật không chỉ ở bậc đại học mà còn ở các bậc cao hơn (Delhij et al., 2015).

(Fernandes et al., 2021) đã chỉ ra bốn khía cạnh mà EduScrum mang lại bao gồm: EduScrum có tác động tích cực đến việc phát triển các kỹ năng mềm của sinh viên như viết luận, thuyết trình, tuân thủ đúng giờ, tăng cường kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định và nâng cao tính minh bạch (Valentin et al., n.d.). EduScrum cải thiện sự hài lòng của sinh viên, thu hút sinh viên tham gia vào quá trình học tập, phát triển ý nghĩa trong việc học và tạo ra việc học tập có giá trị (Cubric, 2013). Scrum nên được điều chỉnh và tích hợp trong môi trường học thuật (Cubric, 2013; Dinis-Carvalho et al., 2017; Valentin et al., n.d.). Scrum có thể được sử dụng như một công cụ quản lý nhóm và dự án rất hiệu quả trong việc hỗ trợ các nhóm sinh viên thực hiện dự án và EduScrum có thể mang lại hiệu quả hơn so với hình thức học tập truyền thống. Scrum được áp dụng trong các dự án do sinh viên thực hiện giúp tăng cường sự tham gia của giáo viên vào quá trình hoạt động dạy và học như một yếu tố tạo động lực cho sự gắn kết của nhóm. Phản hồi thường xuyên của giảng viên và giao tiếp thường xuyên giữa các thành viên là những yếu tố rất quan trọng giúp đạt được sự gắn kết nhóm (Cubric, 2013). Khi sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc cộng tác chặt chẽ với giảng viên để làm rõ các yêu cầu của dự án và gặp gỡ thường xuyên với giảng viên để thu thập phản hồi sẽ giúp hiểu rõ kỳ vọng cũng như giải quyết các vấn đề phát sinh.

### *1.2 Phương pháp nghiên cứu*

Để có thể tìm hiểu và đánh giá liệu rằng phương pháp Scrum có phù hợp trong bối cảnh học thuật đặc biệt trong việc thực hiện hướng dẫn, quản lý nghiên cứu khoa học và luận văn của sinh viên, việc tìm kiếm tài liệu đã được thực hiện và có thể chia thành ba bước. Đầu tiên các khái niệm về Scrum cũng các sự kiện trong Scrum, các vai trò các tạo phẩm được tìm kiếm và đúc kết từ “Scrum Guide” (Schwaber & Sutherland, 2020) sau đó tìm kiếm các tài liệu học thuật đánh giá sự tác động của phương pháp Scrum đến kết quả thực hiện của các dự án và cuối cùng là tìm kiếm các tài liệu học thuật cho thấy sự ảnh hưởng của Scrum đến vấn đề giáo dục trong đó có hai tài liệu quan trọng được sử dụng bao gồm “Agile Methodologies in Education: A Review” (Salza et al., 2019) và “The EduScrum Guide” (Delhij et al., 2015).

### *1.3 Kết quả nghiên cứu*

Từ các tài liệu được liệt kê bên trên có thể cho thấy phương pháp Scrum là một phương pháp hiệu quả để quản lý những dự án cần có sự thay đổi và cải tiến liên tục, ngoài ra Scrum còn là một phương pháp cải thiện sự gắn kết của các thành viên và nâng cao sự tự chủ trong công việc, các thành viên thường xuyên cập nhật tiến độ cũng như đồng bộ với nhau những vấn đề gặp phải sẽ nhanh chóng giải quyết được những vấn đề phát sinh. Điều này có sự tương đồng trong việc quản lý một dự án nghiên cứu khoa học hay luận văn của sinh viên. Khi áp dụng phương pháp Scrum sẽ tạo ra một khung làm việc ở đó sinh viên và giảng viên hoặc sinh viên với sinh viên sẽ có phải thường xuyên trao đổi cập nhật tiến độ thực hiện, minh bạch những khó khăn hoặc những vấn đề gặp phải để nhanh chóng có hướng giải quyết kịp thời. Quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học hoặc luận văn được chia làm nhiều chu kỳ nhỏ giúp giảm thiểu rủi ro và nâng cao được chất lượng nghiên cứu.

## **2. Kết luận và gợi ý**

Bài viết này nhằm mục đích trình bày sơ bộ về mô hình Scrum và ứng dụng của nó trong việc quản lý, hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học cũng như thực hiện luận văn. Đã có rất nhiều khóa học về Scrum được giảng dạy tại các trường đại học dành cho

sinh viên khỏi kỹ thuật nhưng đa phần là về lý thuyết hoặc chỉ áp dụng Scrum trong bối cảnh phần mềm mà chưa áp dụng Scrum cho các ngành học khác cũng như chưa sử dụng Scrum trong việc quản lý dự án học thuật. Những giá trị của Scrum bao gồm cam kết, dũng cảm, tập trung, cởi mở, tôn trọng cùng các quy trình linh hoạt của Scrum có thể góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên. Bài viết này chỉ dừng lại ở mức khảo lược sơ bộ lý thuyết và trong tương lai có thể là nền tảng để tiến hành thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu có thể kể đến như sự khác biệt của việc áp dụng Scrum cho các ngành học khác nhau hoặc những nhóm sinh viên khác nhau.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Berbegal-Mirabent, J., ... D. G.-D.-P. of the 3rd, & 2017, undefined. (n.d.). Teaching agile methodologies in a project management course. *Riunet.Upv.EsJ Berbegal-Mirabent, D Gil- Doménech, N Berbegal-Mirabent Proceedings of the 3rd International Conference on Higher Education Advances, 2017•riunet.Upv.Es, 2017.* <https://doi.org/10.4995/HEAd17.2017.5181>
- Brodtkorb, A. (2019). *Agile supervision of bachelor, master, and PhD theses.* <https://oda.oslomet.no/handle/10642/8271>
- Cubric, M. (2013). An agile method for teaching agile in business schools. *International Journal of Management Education, 11(3), 119–131.* <https://doi.org/10.1016/J.IJME.2013.10.001>
- Delhij, A., Solingen, R. van, Game, W. W.-T. rules of the, & 2015, undefined. (2015). The eduScrum guide. *Eduscrum.Com.RuA Delhij, R van Solingen, W Wijnands The Rules of the Game, 2015•eduscrum.Com.Ru.* [https://eduscrum.com.ru/wp-content/uploads/2019/10/The\\_eduScrum\\_Guide\\_EN\\_1.2.pdf](https://eduscrum.com.ru/wp-content/uploads/2019/10/The_eduScrum_Guide_EN_1.2.pdf)
- Dinis-Carvalho, J., Fernandes, S., & Filho, J. C. R. (2017). Combining lean teaching and learning with eduScrum. *International Journal of Six Sigma and Competitive Advantage, 10(3–4), 221–235.* <https://doi.org/10.1504/IJSSCA.2017.086599>
- Dybå, T., technology, T. D.-I. and software, & 2008, undefined. (2008). Empirical studies of agile software development: A systematic review. *Elsevier, 50(9–10), 833–859.* <https://doi.org/10.1016/j.infsof.2008.01.006>
- Fernandes, S., Dinis-Carvalho, J., & Ferreira-Oliveira, A. T. (2021). Improving the Performance of Student Teams in Project-Based Learning with Scrum. *Education Sciences 2021, Vol. 11, Page 444, 11(8), 444.* <https://doi.org/10.3390/EDUCSCI11080444>
- Göran, L., & Tengberg, W. (2015). The Agile Approach with Doctoral Dissertation Supervision. *International Education Studies, 8(11), p139.* <https://doi.org/10.5539/IES.V8N11P139>
- Hanoi Scrum - Trang chủ.* (n.d.). Retrieved October 2, 2023, from <https://hanoiscrum.net/hnscrum/>
- Salza, P., Musmarra, P., & Ferrucci, F. (2019). Agile Methodologies in Education: A Review. *Agile and Lean Concepts for Teaching and Learning, 25–45.* [https://doi.org/10.1007/978-981-13-2751-3\\_2](https://doi.org/10.1007/978-981-13-2751-3_2)
- Schwaber, K. (1997). SCRUM Development Process. *Business Object Design and Implementation, 117–134.* [https://doi.org/10.1007/978-1-4471-0947-1\\_11](https://doi.org/10.1007/978-1-4471-0947-1_11)
- Schwaber, K., & Beedle, M. (2001). *Agile software development with Scrum.* <https://dl.acm.org/doi/abs/10.5555/559553>
- Schwaber, K., & Sutherland, J. (2020). *The Scrum Guide The Definitive Guide to Scrum: The Rules of the Game.*

Tan, D. T., Khoa, N. V., Doi, A. P., & Nhat, N. K. (2021). *Cảm Nang Scrum*.

Valentin, E., ... J. C.-2015 I. F. in, & 2015, undefined. (n.d.). Rapid improvement of students' soft-skills based on an agile-process approach. *Ieeexplore.Ieee.Org* E Valentin, JRH Carvalho, R Barreto2015 IEEE Frontiers in Education Conference (FIE), 2015•*ieeexplore.Ieee.Org*. Retrieved October 2, 2023, from <https://ieeexplore.ieee.org/abstract/document/7344408/>

# GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

## SOLUTIONS TO PROMOTE SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES IN STUDENTS OF CUU LONG UNIVERSITY

TS. Huỳnh Cẩm Thanh, KS. Nguyễn Ngọc Quý, KS. Ngô Hoài Nhiệm

<sup>1,2,3</sup>Phòng QLKH-Trường ĐH Cửu Long

Tác giả liên hệ: [huynhcamthanh@mku.edu.vn](mailto:huynhcamthanh@mku.edu.vn).

### THÔNG TIN

### TÓM TẮT

*Từ khóa:*

Nghiên cứu khoa học, giải pháp, năng lực nghiên cứu.

Nghiên cứu khoa học trong SV có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục đại học, hình thành những kỹ năng cần thiết cho SV sau khi tốt nghiệp. Các cơ sở GDĐH tư thục phải tự chủ trong các mặt hoạt động trong đó có tổ chức hoạt động NCKH dành cho SV. Trường Đại học Cửu Long đã thực hiện nhiều giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV đạt hiệu quả hướng vào việc hình thành năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

### ABSTRACT

*Keyword:*

Scientific research, solutions, research capacity

Scientific research among students plays an important role in improving the quality of training, contributing to realizing the goals of higher education and forming necessary skills for students after graduation. Private higher education institutions must be autonomous in all aspects of their activities, including organizing scientific research activities for students. University of Cuu Long has implemented many solutions to effectively promote scientific research activities of students aiming at forming research abilities, innovation and entrepreneurship.

### 1. Giới thiệu

Tổ chức và đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học (NCKH) trong sinh viên (SV) các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) có vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Bộ Khoa học và Công nghệ (KH-CN), Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và nhiều tổ chức khác thường xuyên và định kỳ tổ chức nhiều hội thi, giải thưởng để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo trong học sinh, SV như: cuộc thi ABU robocom do VTV tổ chức, giải thưởng SV NCKH của Bộ GDĐT, **Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học- Euréka là giải thưởng cao quý dành cho sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học trên toàn quốc do Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh phối hợp cùng với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Trên địa bàn**

**tỉnh Vĩnh Long** Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Trần Đại Nghĩa được tổ chức hai năm/lần nhằm thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo của người lao động trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống góp phần phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Vĩnh Long, các giải pháp xuất sắc sẽ được chọn tham gia vòng toàn quốc do Bộ KHCN chủ trì...Điều này cho thấy sự quan tâm của các ban, bộ, ngành và địa phương đối với phong trào thúc đẩy NCKH và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.

Trường Đại học Cửu Long là cơ sở GDĐH tư thục là trường ngoài công lập đầu tiên tại vùng đồng bằng sông Cửu Long được thành lập theo Quyết định số 04/2000/QĐ-TTg ngày 05/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ với tên gọi là Trường Đại học dân lập Cửu Long. Năm 2018, Nhà trường đã chuyển đổi từ loại hình đại học dân lập sang loại hình trường Tư thục theo Quyết định số 1293/QĐ-TTg ngày 02/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Khó khăn lớn nhất của trường so với các cơ sở GDĐH công lập là trường phải tự chủ toàn bộ kinh phí từ đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ, tổ chức hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng... Ngay cả việc thực hiện các đề tài cấp cơ sở dành cho GV và SV cũng không được hỗ trợ kinh phí từ địa phương như các cơ sở GDĐH công lập trên cùng địa bàn. Bằng nguồn lực của mình, trường Đại học Cửu Long bằng nhiều giải pháp khác nhau đã tổ chức thành công các hoạt động NCKH, tham dự và đạt nhiều giải thưởng NCKH, đổi mới sáng tạo dành cho GV và SV. Trong bài viết này chúng tôi sẽ tập trung phân tích các giải pháp thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV trường Đại học Cửu Long.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

Mục tiêu của GDĐH được quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục Đại học:

“a) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

b) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ Nhân dân.”

Như vậy, NCKH đóng vai trò hết sức quan trọng trong mục tiêu hoạt động của hệ thống GDĐH. Trong đó người học ngoài việc được trang bị hệ thống tri thức, kỹ năng và các phẩm chất về chính trị đạo đức còn phải có năng lực nghiên cứu và biết phát triển các ứng dụng KHCN.

Theo định nghĩa của UNESCO, hoạt động khoa học và công nghệ (scientific and technological activities) là: các hoạt động có hệ thống liên quan chặt chẽ với việc sản xuất, nâng cao, truyền bá và ứng dụng các tri thức khoa học và kỹ thuật trong mọi lĩnh vực của khoa học và công nghệ, là các khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, các khoa học y học và nông nghiệp, cũng như các khoa học xã hội và nhân văn.

Những nhân tố cơ bản đặc trưng cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ là: tính sáng tạo; tính mới hoặc đổi mới; sử dụng các phương pháp, cơ sở khoa học; sản xuất ra các kiến thức, giải pháp công nghệ, sản phẩm mới. Các quan điểm tiếp cận trong



nghiên cứu khoa học gồm: quan điểm hệ thống, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn và quan điểm khách quan<sup>9</sup>.

Luật Khoa học Công nghệ số: 29/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2013 tại khoản 3, 4 Điều 3 định nghĩa:

“- Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.”

Để đẩy mạnh hoạt động KHCN trong các cơ sở GDĐH, Chính phủ đã ban hành Nghị định số: 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Điều 14 của Nghị định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, người học trong cơ sở giáo dục đại học quy định

“1. Giảng viên, nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

2. Học viên được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

4. Cơ sở giáo dục đại học hướng dẫn và ưu tiên bảo đảm các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học; quy định mức chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, hỗ trợ học bổng và tài trợ nghiên cứu khoa học của học viên và nghiên cứu sinh; tạo điều kiện về thời gian để thu hút sinh viên, học viên tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Cơ sở giáo dục đại học quy định số giờ nghiên cứu khoa học cho giảng viên hướng dẫn đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên; quy định chế độ ưu đãi cho giảng viên hướng dẫn đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt giải thưởng khoa học và công nghệ các cấp.

6. Cơ sở giáo dục đại học quy định chế độ khen thưởng, ưu đãi cho giảng viên và các hình thức khen thưởng, cấp học bổng cho người học có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”

Đối với SV, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học. Về mục tiêu hoạt động NCKH của SV Điều 2 thông tư nêu rõ:

---

<sup>9</sup> Vũ Cao Đàm (1996), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội.

“- Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên; góp phần phát hiện và bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ tài năng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao.

Tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm hình thành các ý tưởng, dự án khởi nghiệp góp phần tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.”

Trên cơ sở các văn bản quy định về hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở GDĐH, trường Đại học Cửu Long đã ban hành Quyết định số 2217/QĐ-ĐHCL ngày 05 tháng 12 năm 2022 Quy định quản lý hoạt động KHCN trường Đại học Cửu Long. Để tạo điều kiện cho người học tham gia hoạt động NCKH, nhà trường quy định quyền của người học tại khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Quyền của người học:

- a) Được đề xuất, đăng ký thực hiện đề tài NCKH;
- b) Được tạo điều kiện sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị sẵn có của trường Đại học Cửu Long để thực hiện hoạt động nghiên cứu;
- c) Được hỗ trợ kinh phí NCKH theo định mức quy định của trường Đại học Cửu Long;
- d) Được công bố, hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu, các ấn phẩm khoa học và công nghệ khác trong và ngoài nước theo quy định;
- đ) Được hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành;
- e) Được xem xét ưu tiên cộng điểm học tập, điểm rèn luyện; ưu tiên xét cấp học bổng và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của trường Đại học Cửu Long;
- g) Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định.”

Có thể thấy hành lang pháp lý cho việc tổ chức các hoạt động NCKH của SV trong các cơ sở GDĐH được quy định rất cụ thể, nó vừa là mục tiêu hoạt động của cơ sở GDĐH vừa hướng vào đảm bảo quyền của người học được hình thành và phát triển năng lực NCKH.

Hiện nay, hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo diễn ra trên quy mô toàn cầu, vai trò của GDĐH trong hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo quốc gia là khâu then chốt trong việc cung ứng nguồn nhân lực và nguồn của các ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tại Hội thảo “Kết nối công nghệ và mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” do Trường Đại học Cửu Long phối hợp với Cục Phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo Bộ KHCN ngày 29/6/2023. Hội thảo tập trung vào các vấn đề học thuật và khoa học, tính cấp thiết của các cơ sở GDĐH trong hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh các nội dung chính sau:

Sự cần thiết thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong trường đại học, đào tạo đại học theo định hướng đổi mới sáng tạo và liên kết nguồn lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Các kinh nghiệm áp dụng tư duy sáng tạo trong hoạt động R&D giữa trường đại học và doanh nghiệp, kinh nghiệm phát triển chuỗi giá trị trong nghiên cứu khoa học và tài sản trí

tuệ trong các tổ chức, chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp.

Thực tiễn tại trường Đại học Cửu Long trong việc xây dựng tiền đề hệ sinh thái khởi nghiệp và vai trò của lãnh đạo trường Đại học Cửu Long thúc đẩy xây dựng trường đại học khởi nghiệp.

Như vậy, ngoài việc tổ chức cho SV tham gia các hoạt động NCKH, việc hình thành các ý tưởng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên cơ sở hoạt động NCKH của SV càng trở nên quan trọng và bức thiết hơn nữa để trường đại học với vai trò của đại học thế hệ thứ 4: Đại học khởi nghiệp có thể thực hiện một cách sáng tạo vai trò và sứ mệnh của mình trong tình hình mới. Vấn đề đặt ra ở đây là trong điều kiện của cơ sở GDDH tư thục, nguồn lực hạn hẹp chỉ dựa vào học phí như trường Đại học Cửu Long cần phải làm như thế nào để có các giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV?

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện báo cáo này, nhóm nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động, phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh và phỏng vấn.

Nguồn dữ liệu nghiên cứu: các kế hoạch tổ chức hoạt động KHCN hàng năm thời kỳ 2018 -2023, các báo cáo tổng kết về hoạt động KHCN hàng năm, 05 năm, các báo cáo thống kê phục vụ công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo.

Thời kỳ nghiên cứu: giai đoạn 2018 – 2023.

### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

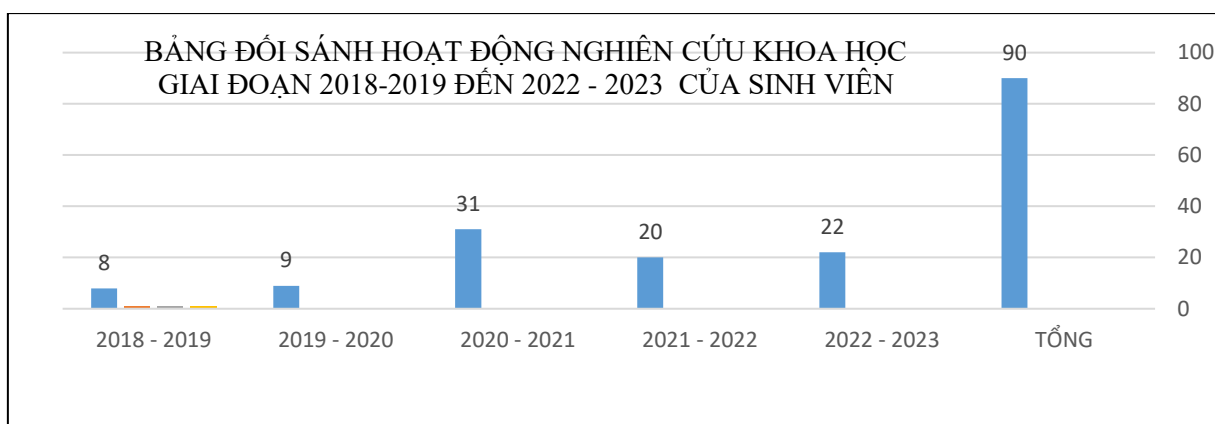
#### 4.1 Kết quả nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu, phân tích đánh giá các nguồn tài liệu, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp kết quả thực hiện đề tài NCKH và tham gia các cuộc thi của SV trường Đại học Cửu Long giai đoạn 2018 – 2023 như sau:

a. Trong giai đoạn 2018 – 2023 tình hình thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở của SV tại trường Đại học Cửu Long như sau:

**Bảng 1.** Thống kê đề tài NCKH SV giai đoạn 2018 - 2023

<b>NĂM HỌC</b>	<b>ĐỀ TÀI NCKH</b>	<b>KINH PHÍ (VNĐ)</b>
2018 - 2019	8	89.000.000
2019 - 2020	9	101.500.000
2020 - 2021	31	289.500.000
2021 - 2022	20	255.905.000
2022 - 2023	22	219.000.000
<b>TỔNG</b>	<b>90</b>	<b>954.905.000</b>



**Hình 1.** Bảng đối sánh hoạt động NCKH của SV giai đoạn 2018 - 2023

Tổng số đề tài NCKH cấp cơ sở của SV trong 05 năm là 90 đề tài, trong đó từ giai đoạn 2020 – 2023 số lượng đề tài NCKH chiếm 82% cho thấy có sự tiến bộ và gia tăng số đề tài NCKH. Kinh phí bình quân cho 01 đề tài được nhà trường hỗ trợ là 10.600.000 đồng.

Bên cạnh việc hỗ trợ kinh phí nghiên cứu nhà trường còn có chế độ khen thưởng dành cho các nhóm tác giả có đề tài được xếp loại xuất sắc mỗi thành viên tham gia: 2.000.000 đồng/SV.

b. Trên cơ sở đánh giá xếp loại và nghiệm thu các đề tài NCKH của SV, những đề tài có tính ứng dụng thực tiễn cao và có sự sáng tạo trong kết quả nghiên cứu được nhà trường đưa vào vòng sơ duyệt để tham gia các cuộc thi.

(1) Từ năm 2019, trường bắt đầu tham gia cuộc thi **Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học- Eureka là giải thưởng cao quý dành cho sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học, góp phần đẩy mạnh phong trào NCKH của sinh viên các trường do Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh phối hợp cùng với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Phạm vi của cuộc thi đã đạt quy mô cấp quốc gia với sự tham gia các cơ sở GDĐH, các trường cao đẳng trên toàn quốc. Trong cuộc thi này những đề tài đạt kết quả cao ngoài phần thưởng của Ban tổ chức còn được Bộ KH-CN tặng bằng khen và TW Đoàn TNCS HCM tặng huy hiệu Tuổi trẻ sáng tạo. Kết quả tham gia của trường qua các năm như sau:**

**Bảng 2.** Thống kê tham gia giải thưởng SV NCKH Eureka giai đoạn 2019 - 2022

NĂM HỌC	Tham gia Giải thưởng Eureka	Số lượng đạt giải
2019	3	1 (giải nhì)
2020	8	1 (giải nhất)
2021	8	1 (giải KK)
2022	2	1 (giải KK)
<b>TỔNG</b>	<b>21</b>	<b>4</b>

Cả bốn lần tham gia SV trường đều đạt giải, trong đó năm 2020 đạt 01 giải nhất, bên cạnh giải thưởng của Ban tổ chức, nhà trường có chế độ khen thưởng đặc biệt cho các nhóm tác giả tham gia cuộc thi. Đối với giải nhất được nhà trường thưởng 20.000.000 đ, giải nhì 15.000.000 đồng cho nhóm tác giả và giải khuyến khích 2.000.000đ/SV.

(2) Bên cạnh tham gia giải thưởng Euréka, SV trường còn tham gia Hội thi sáng tạo kỹ thuật Trần Đại Nghĩa do UBND tỉnh Vĩnh Long tổ chức 02 năm/lần. Các giải pháp xuất sắc sẽ được chọn thi vòng toàn quốc do Liên Hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức. Kết quả tham gia qua các năm như sau:

**Bảng 3. Kết quả tham gia Hội thi sáng tạo kỹ thuật Trần Đại Nghĩa**

<b>NĂM HỌC</b>	<b>Hội thi STKT Trần Đại Nghĩa</b>	<b>Số lượng đạt giải</b>
2020 - 2021	13	3 (01 giải nhì [không có giải nhất], 02 giải KK)
2022 - 2023	7	4 (01 giải nhì [không có giải nhất], 02 giải ba, 01 giải KK)
<b>TỔNG</b>	<b>20</b>	<b>7</b>

Hai lần tham gia trong giai đoạn 2018 – 2023 SV trường tham gia 20 đề tài, dự án và đạt 07 giải thưởng, trong đó có 02 giải nhì (Hội thi không có giải nhất). Năm 2023 trường Đại học Cửu Long có 04 giải pháp được chọn thi vòng toàn quốc. Mỗi giải pháp đạt giải ngoài phần thưởng của Ban tổ chức đều được nhà trường tặng giấy khen và tiền thưởng cho các nhóm tác giả và cá nhân tham gia.

(3) Tham gia Hội thi Ý tưởng và dự án khởi nghiệp do UBND Tỉnh Vĩnh Long tổ chức hàng năm

**Bảng 4. Kết quả tham gia Hội thi Ý tưởng và dự án khởi nghiệp**

<b>NĂM HỌC</b>	<b>Hội thi Ý tưởng và dự án khởi nghiệp</b>	<b>Số lượng đạt giải</b>
2019	05	03 (01 giải nhì, 02 giải KK)
2021	02	Đạt 01 giải nhì
2023	02	Đạt 01 giải 3
<b>TỔNG</b>	<b>09</b>	<b>05</b>

Các tác giả đạt giải, ngoài phần thưởng của Ban tổ chức được trường cấp giấy khen và thưởng 2.000.000 đồng/SV.

(4) Ngoài tham gia các Hội thi, đồ án tốt nghiệp của SV ngành xây dựng đạt loại xuất sắc được nhà trường giới thiệu tham gia Giải thưởng Loa thành do Tổng hội Xây dựng Việt Nam tổ chức. Trong năm 2023 trường gửi 04 đồ án tốt nghiệp tham gia dự thi (đang nộp, chờ kết quả).

#### 4.2 Thảo luận

4.2.1 Vai trò và sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với hoạt động NCKH của SV được thể hiện như thế nào để thúc đẩy hoạt động NCKH của SV?

Qua kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu nhận thấy Hội đồng trường và Ban giám hiệu trường Đại học Cửu Long rất quan tâm và tạo điều kiện cần thiết để SV có thể tham gia hoạt động NCKH cũng như các hội thi và giải thưởng. Đối với SV hàng năm nhà trường tổ chức cho SV được đăng ký và xét duyệt 02 lần/năm trong khi GV hàng năm chỉ tổ chức đăng ký và xét duyệt 01 lần/năm. Qua nghiên cứu các minh chứng của hoạt động kiểm định chất lượng

cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo có trên 93% SV hài lòng với công tác quản lý và tổ chức hoạt động NCKH dành cho SV.

4.2.2 Từ kết quả khảo sát trên có thể đánh giá SV trường Đại học Cửu Long được tạo nhiều điều kiện để tham gia các hoạt động NCKH tại trường và khuyến khích tham gia các cuộc thi liên quan đến hoạt động NCKH, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Như vậy nhà trường đã có những chính sách gì để thúc đẩy các mặt hoạt động này?

Với nguồn lực có hạn nhưng trường Đại học Cửu Long vẫn dành nguồn kinh phí thích đáng cho hoạt động NCKH của SV. Qua nghiên cứu kết quả xét duyệt và nghiệm thu hàng năm nhóm nghiên cứu nhận thấy tùy theo tính chất và quy mô, khối ngành xã hội nhân văn có kinh phí bình quân trên đề tài từ 8 triệu đồng đến 10 triệu đồng, khối ngành kỹ thuật công nghệ có kinh phí bình quân khoảng 12 triệu đến 15 triệu đồng trên một đề tài. Những đề tài được giải thưởng tại các hội thi đều được nhà trường khen thưởng thích đáng và kịp thời. Các SV đạt kết quả tốt về NCKH còn được tính điểm thưởng rèn luyện, được đề nghị xem xét bồi dưỡng kết nạp đảng. Nhà trường cũng dành sự khen thưởng thích đáng đối với GV hướng dẫn SV NCKH đạt thành tích cao.

4.2.3 Vai trò của Phòng QLKH trong tham mưu tổ chức, hướng dẫn SV tham gia hoạt động NCKH và các cuộc thi, các giải thưởng về KHCN dành cho SV.

Qua nghiên cứu các phiếu khảo sát và phỏng vấn lãnh đạo phòng QLKH, GV, SV, nhóm nghiên cứu rút ra được kết quả như sau: từ năm 2019, phòng QLKH trường Đại học Cửu Long được tách ra thành bộ phận độc lập từ Phòng QLKH, Hợp tác quốc tế và Sau đại học. Cùng với sự phát triển của nhà trường, phòng QLKH đã tham mưu cho BGH đưa hoạt động NCKH của trường ngày một phát triển. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn như xây dựng và triển khai kế hoạch NCKH, tham mưu xây dựng chế độ chính sách dành cho hoạt động NCKH, chế độ chính sách khen thưởng. Tích cực triển khai và động viên SV tham gia các Hội thi, giải thưởng về KHCN của các cơ quan, tổ chức cấp trên, phối hợp với Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Vĩnh Long, Sở KHCN Vĩnh Long tổ chức các chương trình tập huấn về tư duy sáng tạo, tìm tòi các ý tưởng trong NCKH và khởi nghiệp, vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ, quy trình nghiên cứu... Trong 03 năm liên tục phòng được công nhận Tập thể LĐ xuất sắc.

4.2.4 GV hướng dẫn có vai trò gì để hỗ trợ SV trong hoạt động NCKH?

Theo quy định, SV khi đăng ký thực hiện đề tài NCKH phải được 01 GV hướng dẫn và phải được khoa xét duyệt trước khi đăng ký để Hội đồng xét duyệt của trường thông qua. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đề tài NCKH của SV đều thực hiện đúng tiến độ và được đưa vào nghiệm thu. Có trên 60% đề tài được đánh giá xếp loại tốt và xuất sắc, không có đề tài xếp loại không đạt. Điều này cho thấy GV hướng dẫn đề tài đã thể hiện tốt vai trò người hướng dẫn khoa học, có tinh thần trách nhiệm cao. Để động viên GV hướng dẫn SV NCKH, nhà trường tính giờ KH cho GV hướng dẫn theo mức xếp loại đề tài của SV, khen thưởng khi SV đạt giải cao trong các hội thi và được khen thưởng trong các hội nghị tổng kết hoạt động khoa học hàng năm và định kỳ 05 năm.

4.2.5 Hoạt động NCKH của SV trường Đại học Cửu Long còn hạn chế gì?

Nhìn vào số liệu đề tài NCKH của SV qua 05 năm, dù lãnh đạo trường rất quan tâm, có cơ chế chính sách thích đáng dành cho hoạt động này nhưng rõ ràng số lượng đề tài NCKH cấp cơ sở của trường còn ít (bình quân 18 đề tài/năm) vì vậy cần quan tâm tìm giải pháp để

nâng cao hơn nữa số lượng đề tài và số SV tham gia hoạt động NCKH. SV trường vẫn chưa tham gia những cuộc thi đòi hỏi yêu cầu cao về kỹ thuật như cuộc thi ABU robocom...

## **5. Kết luận và gợi ý**

Để thúc đẩy phong trào NCKH trong SV, qua nghiên cứu nhóm tác giả nhận thấy cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường giữ vai trò quyết định trong việc đẩy mạnh phong trào NCKH nhà trường nói chung và sự tham gia của SV nói riêng, nhà trường cần có cơ chế, chính sách khuyến khích hoạt động NCKH của SV để hoạt động này đạt hiệu quả ngày một cao hơn, thu hút đông đảo SV tham gia.

- Bên cạnh chính sách về tài chính cần có cơ chế khen thưởng để động viên kịp thời những nỗ lực của đội ngũ GV hướng dẫn và SV tham gia NCKH, tham gia các hội thi và giải thưởng các cấp.

- Phát huy hơn nữa vai trò của bộ phận tham mưu là Phòng QLKH để triển khai thực hiện phong trào NCKH trong SV cũng như tổ chức cho SV tham gia các giải thưởng và hội thi.

- Phát huy vai trò của GV hướng dẫn nhất là đội ngũ GV trẻ, nâng cao nhận thức của đội ngũ GV trong thực hiện nhiệm vụ NCKH và hướng dẫn SV tham gia NCKH. Trong hướng dẫn cần chú ý SV vấn đề về đạo đức trong nghiên cứu và vấn đề quyền sở hữu trí tuệ khi thực hiện hoạt động nghiên cứu và công bố kết quả.

- SV là chủ thể trong nghiên cứu, cần chú ý động viên, tạo điều kiện và gia tăng đầu tư thêm về kinh phí, nâng cao nhận thức của SV về những lợi ích từ việc tham gia NCKH trong quá trình học sẽ giúp các em có được những kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết khi bước vào đời sống và thực tiễn công tác sau tốt nghiệp.

Lời cảm ơn: nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị trường Đại học Cửu Long đã hỗ trợ nhóm tác giả hoàn thành báo cáo tham luận này.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học, <http://moet.gov.vn>
- Chính phủ (2022), Nghị định số: 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, <http://congbaochinhphu.vn>.
- Vũ Cao Đàm (1996), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội.
- Trường Đại học Cửu Long (2022), Quyết định số 2217/QĐ-ĐHCL ngày 05 tháng 12 năm 2022 Quy định quản lý hoạt động KHCN trường Đại học Cửu Long.
- Trường Đại học Cửu Long (2023), Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ngày 05 tháng 04 năm 2023.
- Trường Đại học Cửu Long (2022), Báo cáo đối sánh hoạt động NCKH giai đoạn 2018-2022.
- Trường Đại học Cửu Long (2022), Báo cáo kết quả khảo sát hoạt động khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng năm học 2021-2022.
- Trường Đại học Cửu Long (2023), Báo cáo kết quả khảo sát hoạt động khoa học công nghệ và

phục vụ cộng đồng năm học 2022-2023.

Văn phòng Quốc hội (2018), VBHN Luật Khoa học và công nghệ số 04/VBHN-VPQH ngày 29 tháng 6 năm 2018, <http://congbaochinhphu.vn>.

Văn phòng Quốc hội (2018), VBHN Luật giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018, <http://congbaochinhphu.vn>.



# GIẢI PHÁP THúc ĐẨY HOẠT ĐỘNG NCKH CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐHGĐ-ĐHQGHN

TS. Nguyễn Thu Hương

Phó trưởng phòng P. Khoa học & Hợp tác phát triển, Trường ĐHGĐ-ĐHQGHN

\*Tác giả liên hệ: huongnt80@vnu.edu.vn

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:* nghiên cứu khoa học, sinh viên, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học.

Sự phát triển của mỗi quốc gia đều phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguồn nhân lực. Chất lượng nguồn nhân lực ấy được quyết định bởi chất lượng của giáo dục- đào tạo. Hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực là sinh viên (SV) trong các trường đại học của Việt Nam nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu của thời đại. Bên cạnh yêu cầu về chất lượng học tập, việc nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học (NCKH) của SV cũng là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả xin nêu ra thực trạng tình hình NCKH của sinh viên tại trường ĐHGĐ-ĐHQGHN hiện nay và định hướng các giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH ở trường Đại học ĐHGĐ một cách hiệu quả.

### 1. Đặt vấn đề

Học tập và NCKH là hai nhiệm vụ cơ bản của SV ở các trường đại học. Do đó, nâng cao năng lực NCKH của SV là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng mang tính đột phá nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học. Điều này không chỉ mang lại các lợi ích về việc trang bị kiến thức khoa học, phương pháp NCKH mà còn phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho SV, qua đó phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng.

### 2. Nội dung

#### 2. 1. Vai trò của hoạt động NCKH đối với SV

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những hoạt động quan trọng đối với mỗi sinh viên học tại các trường đại học, cao đẳng. NCKH giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã và đang học để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn và là một nội dung quan trọng, không thể thiếu trong quá trình đào tạo ở các trường đại học. Có rất nhiều cách hiểu và khái niệm khác nhau về NCKH.

Theo Phạm Việt Vượng (1997): “NCKH là hoạt động sáng tạo của các nhà khoa học nhằm nhận thức thế giới, tạo ra hệ thống tri thức có giá trị để sử dụng vào cải tạo thế giới”.

Còn theo Vũ Cao Đàm: “Nghiên cứu khoa học là một hoạt động xã hội hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết, hoặc phát hiện bản chất sự vật, phát triển

nhận thức khoa học về thế giới, hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để cải tạo thế giới" (Vũ Cao Đàm, 1999).

Theo đó có thể thấy việc sinh viên tham gia NCKH có rất nhiều lợi ích khác nhau. NCKH là hoạt động quan trọng góp phần cải tổ xã hội theo hướng phát triển cả về nhận thức và thực tiễn cuộc sống. Đối với các trường đại học, cao đẳng, NCKH là một trong những hoạt động quan trọng của cả giảng viên và sinh viên bên cạnh việc giảng dạy và học tập tại trường. Có nhiều loại hình NCKH như nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai và nghiên cứu dự báo.

Hoạt động NCKH của SV là hoạt động SV tìm kiếm những tri thức mới, tự giác, đòi hỏi SV phải nghiên cứu một cách độc lập, tự chủ. Hoạt động NCKH không chỉ có tác dụng trang bị cho SV phương pháp luận, các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện tư duy khoa học, khả năng làm việc độc lập mà còn bước đầu hình thành và phát triển cho SV những phẩm chất, tác phong của nhà khoa học như: suy nghĩ độc lập, sáng tạo, kiên trì, nhẫn nại, làm việc có kế hoạch, có phương pháp khoa học để có thể bắt kịp sự tiến bộ của khoa học, công nghệ, đáp ứng nhu cầu xã hội.

NCKH của SV các trường đại học được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, từ những việc nhỏ như SV tự tìm đọc tài liệu, các công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, trao đổi với nhau (và với GV) ở các diễn đàn chính thức và không chính thức đến việc thực hiện bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp hay cao hơn là các đề tài nghiên cứu độc lập. Tổ chức tốt các hoạt động này sẽ có tác dụng bồi dưỡng cho SV hứng thú và nâng cao năng lực NCKH, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho các trường đại học của đất nước trong giai đoạn đổi mới.

Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ NCKH, SV được rèn luyện rất nhiều kỹ năng như kỹ năng tra cứu sách và tài liệu, kỹ năng đọc, sử dụng internet, tổng kết tài liệu, xác định vấn đề, sử dụng phương pháp nghiên cứu, làm việc nhóm, trình bày và bảo vệ... Một đề tài khoa học hay một tiểu luận có thể chưa hoàn thiện về giải pháp nhưng thể hiện được sự đầu tư lớn của tác giả vào việc tìm tòi, vận dụng các phương pháp NCKH xem như là đạt được mục tiêu đề ra. Vì cái quan trọng nhất của bậc học này là việc SV độc lập vận dụng và thực hiện hoàn chỉnh một quy trình NCKH, thấy được những trở ngại, những khó khăn và xử lý các khó khăn đó.

Hiệu quả của hoạt động nghiên cứu trong SV là rất lớn, tuy nhiên tình hình thực tế lại không như vậy. Thực tế ở trường Đại học Giáo dục cho thấy, các khoa chuyên môn luôn triển khai kế hoạch NCKH của nhà trường đến SV kịp thời và có nhiều chính sách khuyến khích thu hút để SV thực hiện công việc NCKH. Tuy vậy, số lượng SV đăng ký tham gia NCKH còn thấp, không ít SV còn ngại hoặc chưa mạnh dạn tham gia. Trong vài năm gần đây, tỉ lệ SV tham gia NCKH tăng lên nhưng thực tế chất lượng nghiên cứu không cao, tính thụ động trong học tập và nghiên cứu vẫn chưa cải thiện đáng kể.

Để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV, GV cần có một kế hoạch rèn luyện lâu dài, từng bước giúp SV làm quen đến chủ động, độc lập trong suy nghĩ, định hướng giải quyết và cho ra sản phẩm khoa học có chất lượng cao.

## *2.2. Thực trạng về hoạt động NCKH của sinh viên tại Trường ĐHGĐ hiện nay.*

Sơ với những giai đoạn trước, tính trong quãng thời gian 5 năm gần đây, hoạt động NCKH của sinh viên ở trường Đại học Giáo dục đã có nhiều thay đổi tích cực như: kinh phí được nhà trường cấp cho mỗi đề tài đã tăng lên đáng kể (mỗi đề tài sau khi hoàn thành được cấp từ 5-20 triệu, tùy thuộc vào kết quả về sản phẩm công bố). Cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo trình, nguồn tài liệu tham khảo (đặc biệt là nguồn tài liệu mở) cũng được nhà trường quan tâm đầu tư nâng cấp, bổ sung hàng năm. Bản thân sinh viên đã ý thức được vai trò, lợi ích của việc NCKH đối với sự phát triển nhiều mặt của sinh viên trong quá trình học tập tại trường cũng như hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. Tại trường Đại học Giáo dục, ngay từ năm thứ nhất sinh viên đã có thể đăng ký tham gia NCKH. Các em được tạo điều kiện rất nhiều từ phía nhà trường, khoa, tổ bộ môn, đặc biệt là đội ngũ giảng viên giàu tâm huyết. Ngay từ đầu mỗi năm học, sinh viên được tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, vai trò của NCKH, từ đó các em sinh viên hình dung được cách thức, quy trình thực hiện đề tài NCKH sao cho hiệu quả.

Tuy nhiên, qua khảo sát, bên cạnh những mặt tích cực đó vẫn còn có một số hạn chế như: Một bộ phận sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, các em phải vừa đi học vừa làm thêm để phụ giúp gia đình, trang trải chi phí học tập, sinh hoạt..., vì vậy các em cũng ít có quỹ thời gian để đến thư viện tìm tài liệu, đọc sách, nghiên cứu. Điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc khơi gợi ý tưởng, tìm kiếm đề tài, phát hiện vấn đề nghiên cứu để có những định hướng nghiên cứu cụ thể cho việc thực hiện đề tài khoa học. Một điều nữa là một số sinh viên còn có tâm lý sợ làm NCKH sẽ mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập các học phần đang học trong học kỳ. Tâm lý ngại khó, sợ thất bại, bỏ cuộc cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tỷ lệ nghiên cứu khoa học của sinh viên nói chung và sinh viên sư phạm nói riêng. Vì vậy điều quan trọng là tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho sinh viên về các lợi ích thiết thực của hoạt động NCKH đem lại cho sinh viên trong quá trình học tập tại trường cũng như công việc, nghề nghiệp sau này.

### *2.3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng NCKH của SV: Nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Giáo dục*

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, Trường Đại học Giáo dục không ngừng nỗ lực, cố gắng trong mọi hoạt động, đảm bảo được chất lượng và hiệu quả đào tạo của nhà trường, trong đó có hoạt động NCKH của sinh viên.

Việc tập dượt NCKH cho SV là một nhiệm vụ quan trọng. Nếu chúng ta quan niệm đào tạo tại các trường đại học phải chuyển từ quá trình đào tạo sang tự đào tạo thì hoạt động NCKH của SV là một giải pháp hiệu quả nhất của quá trình này.

Để nâng cao chất lượng NCKH cho SV, trước hết phải tạo môi trường thuận lợi và động lực cho SV tham gia NCKH.

- Nhà trường cần có chính sách khoa học hợp lý như cấp kinh phí cho NCKH, điều kiện cơ sở vật chất: tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, nghiên cứu; phòng thực hành, thí nghiệm, phương tiện, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu đảm bảo cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, sử dụng. Tăng cường đầu tư thư viện hiện đại, với tài liệu học tập phong phú và không gian thuận lợi để SV tự học, tự nghiên cứu.

- Tạo được phong trào SV NCKH với nhiều hình thức tổ chức thu hút SV tham gia hoạt động này: thành lập các câu lạc bộ SV NCKH, tổ chức các xê-mi-na khoa học, báo cáo

chuyên đề khoa học; tổ chức các nhóm SV nghiên cứu theo chuyên ngành, tạo điều kiện cho SV tham gia đề tài cùng các GV, các nhà khoa học... để họ có cơ hội làm quen, tập dượt và trải nghiệm.

- Bên cạnh đó, cần có những chính sách riêng về thi đua khen thưởng để khuyến khích động viên SV NCKH. Cụ thể: khuyến khích sinh viên viết bài tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học; ưu tiên xét cấp học bổng, xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nếu có thành tích trong NCKH. Hoặc có thể tính điểm rèn luyện hoặc cộng điểm học tập cho sinh viên đối với những bài báo, đề tài có tính khoa học, tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

- Yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả NCKH của SV đó là phát huy tốt vai trò của giảng viên trong việc định hướng, tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra, đánh giá, ghi nhận sự tiến bộ của SV. Tùy vào mỗi nội dung học phần khác nhau, đặc biệt là các môn học chuyên ngành, giảng viên sẽ có những định hướng, gợi ý cho sinh viên đề tài liên quan đến học phần mà mình giảng dạy phù hợp với năng lực, sở trường và sự yêu thích của sinh viên đối với mỗi lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Giảng viên có thể giới thiệu các tài liệu, các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài mà sinh viên lựa chọn để sinh viên dễ dàng tìm kiếm, tiếp cận, tham khảo được những tài liệu hữu ích phục vụ việc triển khai đề tài hiệu quả hơn.

Với vai trò là người hướng dẫn, GV cần có một kế hoạch lâu dài để từng bước giúp SV từ làm quen đến chủ động, độc lập suy nghĩ, định hướng giải quyết và cho ra sản phẩm khoa học.

Để đạt được kết quả cao cần phải tổ chức theo các bước sau:

- Phát hiện và lựa chọn vấn đề nghiên cứu

Trong hoạt động NCKH, bước đầu tiên và quan trọng nhất là phát hiện được vấn đề cần nghiên cứu. Vấn đề đó có thể do SV tự phát hiện hoặc trên cơ sở sự gợi ý của GV. Khi giao đề tài nghiên cứu cho SV, GV cần phải đưa ra nhiều đề tài để SV lựa chọn, đưa ra yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, giúp SV có định hướng chính xác, đầy đủ.

Đối với SV ngành Sư phạm ở Trường Đại học Giáo dục, việc lựa chọn đề tài nghiên cứu cho SV thường hướng đến việc dạy học ở trường phổ thông. Những đề tài như thế này rất vừa sức, phù hợp và gây hứng thú cho người học. Ưu điểm dễ thấy nhất là SV có thể vận dụng được các kiến thức đang được học tại trường sư phạm để vận dụng vào hoạt động dạy học phổ thông. Bên cạnh đó, trong quá trình SV thực hiện đề tài, GV có thể rèn luyện các kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho SV.

- Hướng dẫn SV xây dựng đề cương nghiên cứu, lập đề cương chi tiết, dự kiến chương trình, nội dung công việc phải tiến hành

Khi đã phát hiện được vấn đề, muốn giải quyết được nó trước hết SV phải có kỹ năng lập kế hoạch nghiên cứu. Kỹ năng lập kế hoạch nghiên cứu một cách khoa học và thực hiện kế hoạch đảm bảo cơ sở cho thành công của kết quả nghiên cứu. Theo đó, SV phải xác định mục đích, yêu cầu, nội dung và biện pháp nghiên cứu của vấn đề đặt ra để thực hiện mục tiêu đã định. Trong quá trình thực hiện, GV cần kiểm tra chặt chẽ tiến độ thực hiện công việc nghiên cứu của SV. Việc làm này hết sức cần thiết giúp SV chủ động để đảm bảo giải quyết hiệu quả kế hoạch đặt ra cũng như giải quyết một cách hoàn chỉnh các khâu nghiên cứu. Để SV biết cách lập kế hoạch và quản lý thời gian trong nghiên cứu hợp lý, trong quá trình dạy

học, GV cần giao cho SV những vấn đề vừa sức, xuất phát từ những bài tập lớn liên quan đến một số nội dung trong học phần (năm thứ nhất) đến bài tiểu luận (từ năm thứ hai), lớn hơn là bài báo khoa học, khóa luận tốt nghiệp, đề tài NCKH...Ban đầu, hoạt động đó cần sự hướng dẫn và kiểm soát của GV, sau đó GV cần để cho SV độc lập lên kế hoạch và kiểm soát thời gian của mình, GV chỉ cần kiểm tra kết quả công việc.

- Hướng dẫn SV thu thập tài liệu cho đề tài nghiên cứu.

Trong thời đại bùng nổ thông tin, mạng internet phát triển như hiện nay, tài liệu đối với một vấn đề nào đó là không hiếm. Các nguồn kiến thức của nhân loại đa dạng, đa chiều như vậy buộc bản thân SV phải tự mình chọn lọc, nắm bắt, tiếp thu sao cho phù hợp với trình độ, nhận thức và lĩnh vực quan tâm của mình. Nhiệm vụ của GV lúc này là định hướng cho SV nguồn tài liệu có chất lượng, hướng cho SV những địa chỉ tìm kiếm nguồn tài liệu đảm bảo tính khoa học. Tiếp theo đó, GV hướng dẫn cho SV cách tóm tắt, ghi chép tài liệu sao cho khoa học nhất. Cách ghi chép cần có chú nguồn và cần được sắp xếp theo một logic nhất định để khi cần có thể dễ dàng sử dụng mà không mất thời gian tìm kiếm lại.

- Tổ chức cho SV hoàn thiện đề tài và nghiệm thu kết quả nghiên cứu.

Hoạt động này giúp SV khái quát hóa, hệ thống hóa các tri thức tự khám phá được để đưa vào hệ thống tri thức của mình, hoàn thiện nhiệm vụ học tập và tự học.

Sử dụng biện pháp tổ chức cho SV giải quyết nhiệm vụ học tập theo một đề tài nghiên cứu sẽ kích thích tính tích cực nhận thức của SV mạnh mẽ nhất, đạt được kết quả cao trong học tập và tự học, nhưng cần phải lựa chọn, thiết kế hợp lý, phù hợp, tổ chức khoa học. Phải làm cho SV làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học tương ứng với môn học, thực hiện nhiệm vụ của người tập duyệt NCKH thì mới đem lại kết quả học tập cao. Trên cơ sở đó, SV nắm vững phương pháp để giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh. Khi chất lượng NCKH được nâng cao, SV sẽ thực hiện tốt yêu cầu nghề nghiệp của bản thân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

- Về phía sinh viên: Sinh viên cần nhận thức sâu sắc về lợi ích của NCKH mang lại trong suốt quá trình học tại trường cũng như việc học tập và làm việc sau này. Sinh viên ngay từ khi bước vào giảng đường đại học phải luôn nâng cao ý thức về tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Việc học ở bậc đại học khác xa với cách học phổ thông, đòi hỏi sinh viên phải luôn tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu. Đặc biệt sinh viên phải chủ động tìm kiếm, lĩnh hội kiến thức thông qua việc học trên lớp, tìm kiếm tài liệu học tập, ghi chép, lưu giữ, tổng hợp kiến thức. Luôn có tư duy đặt vấn đề, đặt câu hỏi, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo trong học tập và trong nghiên cứu. Từ đó sinh viên có thể chủ động chọn đề tài, nội dung nghiên cứu và kể cả chọn giảng viên hướng dẫn đúng chuyên môn để có sự hỗ trợ, tư vấn, định hướng cụ thể, kịp thời cho đề tài mà mình đã chọn. Cuối cùng để thực hiện thành công đề tài NCKH, sinh viên phải không ngừng nỗ lực, cố gắng vượt qua khó khăn, bế tắc trong quá trình triển khai đề tài. Sinh viên phải luôn chủ động về thời gian, lập quy trình, kế hoạch nghiên cứu cụ thể, đúng tiến độ để kịp thời tháo gỡ khó khăn. Tránh trường hợp không chủ động thời gian, để rơi vào tình thế gấp gáp sẽ dễ dẫn đến tình trạng “tiến thoái lưỡng nan”, nảy sinh tư tưởng lùi bước, bỏ cuộc giữa chừng. Điều đó không những làm lãng phí thời gian, công sức, ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu, học tập mà còn tạo ra thói quen và tiền lệ không tốt trong NCKH và các hoạt động khác sau này.

### **3. Kết luận**

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nguồn nhân lực là yếu tố quyết định tốc độ phát triển và sự phồn vinh của đất nước. Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, phải “nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững”, phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Thực tiễn đã chứng minh rằng muốn nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo đạt chuẩn phải gắn kết hữu cơ giữa giảng dạy với NCKH.

Hoạt động NCKH giúp sinh viên phát triển được tương đối toàn diện về mọi mặt: về kiến thức, kỹ năng, tư duy khoa học, phát triển tính năng động, sáng tạo trong học tập và trong công việc, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nguồn lao động chất lượng cao của xã hội. Như vậy, nâng cao chất lượng NCKH cho SV là nâng cao chất lượng giáo dục đại học, qua đó phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Vũ Cao Đàm (1999). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội.  
Phạm Viết Vượng. (1997). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB ĐHQGHN.  
<http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-cua-lanh-dao-Dang-Nha-nuoc/Toan-van-Nghi-quyet-Dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-XIII-cua-Dang/424240.vgp>  
<https://text.123docz.net/document/178690-giai-phap-nang-cao-chat-luong-nghien-cuukhoa-hoc-cua-sinh-vien-dai-hoc-thuong-mai-x.h>  
<https://fee.hau.edu.vn/vn/nghien-cuu-khoa-hoc/sinh-vien-va-van-de-nghien-cuu-khoahoc/63322>  
<https://text.xemtailieu.net/tai-lieu/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-chat-luong-tronghoat-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-giao-duc-cua-sinh-vien>

**PHONG TRÀO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG SINH VIÊN  
TẠI HỌC VIỆN TÒA ÁN – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP  
SCIENTIFIC RESEARCH MOVEMENT AMONG STUDENTS AT VIETNAM  
COURT ACADEMY – CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS**

Bùi Lê Hiếu<sup>1\*</sup>, Dương Lan Phương<sup>2</sup>

<sup>1,2</sup>Học viện Tòa án

\*Tác giả liên hệ: buihieuvank25thd@gmail.com

---

**THÔNG TIN**

**TÓM TẮT**

*Từ khóa:* Nghiên cứu khoa học, sinh viên, Học viện Tòa án, thực trạng, giải pháp.

Phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên là một biểu hiện nổi bật của quyền tự do học thuật trong môi trường đại học. Học viện Tòa án, một ngôi trường tuy mới thành lập trong thời gian ngắn, quy mô sinh chưa lớn nhưng đã quan tâm đến công tác xây dựng phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học. Bài viết nêu lên thực trạng tại Học viện Tòa án, đánh giá các mặt tích cực, hạn chế, đưa ra một số giải pháp trong việc xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

**ABSTRACT**

*Keywords:* Scientific research, students, Vietnam Court Academy, situation, solutions.

The scientific research movement among students is an outstanding expression of academic freedom in the university environment. Vietnam Court Academy, a school that has only been established for a short time and has a small student population, has paid attention to the work of building a student scientific research movement. The article presents the current situation at the Court Academy, evaluates the positive and negative aspects, and offers some solutions in building a scientific research movement among students.

---

**1. Giới thiệu**

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được quan tâm trong môi trường giáo dục đại học tại Việt Nam. Đây là biểu hiện nổi bật của quyền tự do học thuật được pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế ghi nhận và bảo vệ. Trong đó, nghiên cứu khoa học trong sinh viên là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo.

Mục tiêu của nghiên cứu khoa học trong sinh viên là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của sinh viên, hình thành năng lực tự học cho sinh viên; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.

Do đó, việc xây dựng và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án là cần thiết trong bối cảnh hội nhập và kỷ nguyên số, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam trong giai đoạn mới.

### **Khung lý thuyết**

“Đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, Bộ Chính trị, Chính phủ đã đồng ý cho phép thành lập Học viện Tòa án trên cơ sở Trường Cán bộ Tòa án trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao; có chức năng đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp; đào tạo đại học, sau đại học chuyên ngành để chủ động cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho Tòa án nhân dân các cấp. Điều này, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước trong việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

...

Cùng với đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, Học viện cần tăng cường nghiên cứu khoa học để trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý, khoa học xét xử có uy tín của Việt Nam. Trước mắt, khẩn trương triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thiện chương trình, giáo trình; nhất là các giáo trình chuyên ngành Tòa án, tài liệu đào tạo đại học và bồi dưỡng nghiệp vụ.

Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn xét xử. Nghiên cứu khoa học phải hỗ trợ để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng; giảng dạy phải góp phần tích cực nâng cao chất lượng xét xử của các Tòa án. Cần có giải pháp để thu hút cán bộ, sinh viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu của Học viện; triển khai và nhân rộng mô hình câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu và sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên”<sup>10</sup>.

Công tác phát triển phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên được chú trọng tại Học viện Tòa án ngay từ ngày tuyển sinh khóa sinh viên đầu tiên. Tuy nhiên, hiện chưa có một báo cáo đánh giá về thực trạng phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án. Do đó, bài viết này đóng góp những đánh giá bước đầu về phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án, từ đó có những đề xuất nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp tổng hợp dùng để khái quát về hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án.
- Phương pháp phân tích nhằm đánh giá quy chế nghiên cứu khoa học sinh viên, đánh giá các mặt tích cực, hạn chế của hoạt động phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên tại Học viện Tòa án.
- Phương pháp thống kê dùng để thống kê số lượng đề tài được phê duyệt thực hiện, số đề tài đạt giải tại các cuộc thi nghiên cứu khoa học sinh viên, số lượng tham luận mà sinh viên Học viện Tòa án là tác giả tại các Hội thảo khoa học, các hoạt động khác liên quan đến việc thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

### **4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

---

<sup>10</sup> Nguyễn, B. H. (2016, December 6). *Bài phát biểu của Đồng chí Nguyễn Hòa Bình tại Lễ khai giảng năm học 2016 - 2017 Học viện Tòa án*. Tòa án nhân dân tối cao. Retrieved September 15, 2023, from <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/ca/chi-tiet?dDocName=TOAAN009431>



#### *4.1. Thực trạng phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án*

Học viện Tòa án được thành lập theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Học viện Tòa án là cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Tòa án trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, hoạt động theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường đại học.

Học viện Tòa án tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2016 với số lượng 208 sinh viên. Hiện nay, học viện đã tuyển sinh được 07 khóa đào tạo hệ đại với quy mô sinh viên là 1143 (tính đến ngày 31/12/2022). So với các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật trong cả nước, quy mô sinh viên tại Học viện Tòa án không quá lớn.

Tại học viện, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện Tòa án giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng, thúc đẩy các hoạt động phong trào trong sinh viên. Ban Chấp hành Đoàn Học viện Tòa án đã có nhiều quan tâm trong việc xây dựng và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên thông qua Nghị Quyết Đại hội Đoàn Học viện Tòa án nhiệm kỳ 2022-2025, Kế hoạch hoạt động theo từng năm học.

Câu lạc bộ Học thuật trực thuộc Đoàn Học viện Tòa án là một trong những đơn vị chủ chốt trong việc xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Câu lạc bộ Học thuật là nơi để các sinh viên Học viện Tòa án trao đổi về học thuật, tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm, cuộc thi.

Hiện nay, các hoạt động nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án được thực hiện theo Quyết định số 48/QĐ-HVTA ngày 02 tháng 6 năm 2021. Quy chế nghiên cứu khoa học trong sinh viên được quy định cụ thể tại Chương 4.

Phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên Học viện Tòa án các năm qua được thể hiện ở một số nội dung:

*Thứ nhất, số lượng sinh viên tham gia cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện.*

Qua các năm tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án, số lượng sinh viên đăng ký tham gia khá lớn. Tuy nhiên, số lượng đề tài được duyệt và thực hiện là hữu hạn. Tùy vào điều kiện thực tế của từng năm học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện Tòa án đã duyệt số lượng đề tài để thực hiện là khác nhau: năm học 2019-2020 có **10** đề tài được phê duyệt, năm học 2020-2021 có **15** đề tài được phê duyệt, năm học 2021-2022 có **12** đề tài được phê duyệt, năm học 2022-2023 có **16** đề tài được phê duyệt, năm học 2023-2024 có **26** đề tài. Số lượng đề tài được duyệt tăng theo các năm đã minh chứng cho sự quan tâm của sinh viên Học viện Tòa án đối với phong trào nghiên cứu khoa học.

*Thứ hai, số lượng đề tài đạt giải sinh viên nghiên cứu khoa học cấp học viện, cấp Bộ và các giải thưởng khác.*

Tại giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện, số lượng đề tài đạt giải qua các năm có sự chuyển biến theo chiều hướng tăng. Tỷ lệ đề tài đạt giải sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Học viện chiếm tỷ lệ cao so với số lượng đề tài được duyệt: năm học 2019-2020 là **80%**, năm học 2020-2021 là **66,6%**, năm học 2021-2022 là **75%**, năm học 2022-2023 là **81,3%**. Các số liệu trên thể hiện chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên

Học viện Tòa án được cải thiện qua các năm, số đề tài đạt giải chiếm tỷ lệ cao trong số các đề tài được phê duyệt để thực hiện.

**Bảng 1**

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải cấp Học viện giai đoạn 2019-2023

STT	Năm học	Số lượng đề tài được phê duyệt	Số lượng đề tài đạt giải				
			Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải Khuyến khích	Tổng
1	2019-2020	10	01	02	02	03	08
2	2020-2021	15	02	05	02	01	10
3	2021-2022	12	00	03	03	03	09
4	2022-2023	16	00	04	05	04	13

Tại giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka do Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, đề tài “Nghiên cứu về hình thức chấp hành hình phạt tù - tù tại gia trong thi hành án hình sự ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng tại Việt Nam” của nhóm sinh viên Học viện Tòa án Phạm Thị Hồng Mơ, Lê Thị Thơm, Phạm Thị Nguyệt Hằng lớp A khóa 2 do TS. Nguyễn Văn Nam hướng dẫn đã đạt giải khuyến khích vào năm 2021.

Tại giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung Ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức năm 2020 (Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ), Sinh viên Học viện Tòa án đạt 02 giải Nhì (đề tài “Cộng đồng LGBT ở Việt Nam và những vấn đề pháp lý cần hoàn thiện” của nhóm sinh viên Nguyễn Khánh Linh và Hoàng Thị Trang lớp A khóa 3 do PGS. TS. Dương Tuyết Miên hướng dẫn; đề tài “Đấu tranh phòng, chống tệ nạn tín dụng đen ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” của nhóm sinh viên Vũ Thị Thu Trang và Nguyễn Thị Mỹ Nguyên lớp A khóa 2 do TS. Nguyễn Trí Tuệ hướng dẫn), 01 giải Ba (đề tài “Cách mạng công nghiệp 4.0 - Thách thức pháp lý đối với Việt Nam về thanh toán điện tử” của nhóm sinh viên Phạm Thị Hương Giang và Nguyễn Lê Huy lớp B khóa 2 do TS. Nguyễn Minh Oanh hướng dẫn).

Thứ ba, sinh viên Học viện Tòa án tham gia viết bài, trình bày tham luận tại các Hội thảo khoa học, tạp chí khoa học.

Mặc dù số lượng sinh viên Học viện Tòa án tham gia viết bài, trình bày tham luận tại các Hội thảo khoa học chưa nhiều nhưng đã đánh dấu bước trưởng thành, phát triển của phong trào Nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện.

**Bảng 2:** Số lượng bài viết đăng kỷ yếu có tác giả là sinh viên Học viện Tòa án tại các Hội thảo khoa học từ tháng 09/2022-09/2023

STT	Tên Hội thảo khoa học	Thời gian	Đơn vị tổ chức	Số lượng bài viết
1.	Hội thảo nhà Khoa học trẻ trong khuôn khổ diễn đàn Luật học Mùa Thu lần thứ Hai	10/2022	Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	01

*Kỷ yếu Hội thảo "Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nâng tầm Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học - Eureka"*

2.	Hội thảo khoa học sinh viên liên trường lần thứ II năm 2022	12/2022	Câu lạc bộ Sinh viên nghiên cứu khoa học, Đoàn Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	03
3.	Hội thảo khoa học " <i>Phật giáo và hoạt động từ thiện</i> "	11/2022	Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội	01
4.	Hội thảo " <i>Góp ý dự thảo Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi</i> "	3/2023	Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam, Viện Nghiên cứu Lập pháp và Trường Đại học Luật Hà Nội	01
5.	Hội thảo " <i>Chuyển đổi số cho thanh niên - Giải pháp và ứng dụng</i> "	5/2023	Trung tâm Khoa học và Công nghệ trẻ, Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh phối hợp Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	02
6.	Hội thảo trọng điểm " <i>Hoàn thiện hệ thống pháp luật qua 10 năm thi hành Hiến pháp năm 2013 đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> " trong khuôn khổ Diễn đàn Luật học và phát triển năm 2023	5/2023	Trường Đại học Luật Hà Nội	03
7.	Hội thảo khoa học " <i>Quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Nghị quyết 27/NQ-TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới</i> "	7/2023	Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức	01
8.	Hội thảo khoa học " <i>Tài chính toàn diện và khả năng tiếp cận tín dụng cho người yếu thế ở Việt Nam</i> "	9/2023	Khoa Luật, Học viện Ngân hàng	01
9.	Hội thảo khoa học trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ Hai " <i>Thanh niên trong bối cảnh chuyển đổi số</i> "	9/2023	Trung ương Hội sinh viên Việt Nam	01



**Hình 3:** Sinh viên Học viện Tòa án tham gia Hội thảo khoa học sinh viên liên trường lần thứ II do Câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học - Đoàn Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tổ chức ngày 20/12/2022.

Thứ tư, các hoạt động khác liên quan đến phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Bên cạnh các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học và các Hội thảo khoa học, nhiều hoạt động liên quan khác được tổ chức tại Học viện Tòa án đã tuyên cảm hứng nghiên cứu trong sinh viên.

Tọa đàm sinh viên nghiên cứu khoa học do Câu lạc bộ Học thuật thuộc Đoàn Học viện Tòa án tổ chức hằng năm vào khoảng thời gian Học viện tổ chức đăng ký tên đề tài nghiên cứu. Tọa đàm là nơi sinh viên được giải đáp các vướng mắc trong quá trình thực hiện đề tài, được các giảng viên đến từ Phòng Nghiên cứu khoa học Tòa án phổ biến quy chế nghiên cứu khoa học, hướng dẫn các kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo...

Nhiều hoạt động do Câu lạc bộ Học thuật tổ chức: cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment, Tập huấn Kỹ năng tranh biện, Rung chuông vàng, The Court's Olympic... Mỗi hoạt động đều có mục đích giúp sinh viên trau dồi thêm kiến thức pháp lý, ngoại ngữ, tư duy phản biện, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập. Mục tiêu lớn nhất là tạo nền tảng kiến thức và kỹ năng để sinh viên Học viện Tòa án có thể tham gia nghiên cứu khoa học.



**Hình 4:** Vòng chung kết cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment năm 2023<sup>11</sup>

Ngoài ra, tại các học phần, giảng viên Học viện Tòa án đã cập nhật các vấn đề mới, bình luận các quy định, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, gợi mở hướng nghiên cứu cho sinh viên. Sinh viên Học viện Tòa án còn được tạo điều kiện tham dự các Hội thảo Khoa học được tổ chức tại Học viện.

#### 4.2. Đánh giá phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học tại Học viện Tòa án

Thứ nhất, những mặt tích cực của phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án

Một là, Đảng ủy và Ban giám đốc Học viện Tòa án đã quan tâm sâu sắc đến phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi, cơ hội để sinh viên có thể tiếp cận, tham gia nghiên cứu khoa học ở nhiều hình thức khác nhau.

Hai là, sinh viên Học viện Tòa án nhận thức rõ vai trò quan trọng của nghiên cứu khoa học trong gia đoạn hiện nay nên đã chủ động, tích cực tham gia và đạt nhiều thành tích cao trong các giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, hội thảo khoa học.

Ba là, quỹ khuyến học của Học viện Tòa án đã góp phần nâng mức thưởng dành cho sinh viên đạt giải trong cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học. Điều đã tạo thêm động lực để sinh viên Học viện có thể tập trung nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu một cách hoàn thiện nhất.

Bốn là, các hoạt động tiếp cận nghiên cứu từ góc độ sinh viên, nổi bật là mô hình Câu lạc bộ Học thuật. Câu lạc bộ Học thuật trở thành cầu nối, thu hẹp khoảng cách, giúp sinh viên

<sup>11</sup> Câu lạc bộ Học thuật. (2023, 4 22). *Vòng chung kết Cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment năm 2023*. (...) - Wiktionary. Retrieved September 15, 2023, from <https://www.facebook.com/photo/?fbid=633089498831711&set=pb.100063919985624.-2207520000>



Học viện Tòa án giải tỏa các thắc mắc, xây dựng các hoạt động thanh niên gắn liền với nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, những mặt hạn chế của phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Học viện Tòa án

Một là, số lượng đề tài được duyệt còn ít so với số lượng đề tài đăng ký. Điều này dẫn đến hiện tượng các sinh viên không được duyệt tên đề tài dễ tự ti, không còn động lực tham gia đăng ký nghiên cứu khoa học sinh viên trong các năm tiếp theo.

Hai là, số lượng giảng viên đủ điều kiện hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng với nhu cầu của sinh viên. Theo quy định, mỗi giảng viên chỉ được hướng dẫn 02 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học trong cùng một thời gian. Do đó, trường hợp sinh viên có nguyện vọng được một giảng viên cụ thể hướng dẫn sẽ khó thực hiện. Điều này cũng tạo rào cản để các sinh viên Học viện tham gia nghiên cứu,

Ba là, hệ thống tài liệu của thư viện chưa được số hóa làm hạn chế khả năng tiếp cận của sinh viên. Hiện nay, việc mượn các tài liệu như khóa luận, báo cáo nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án chỉ được mượn đọc trong ngày đã gây khó khăn cho sinh viên trong việc đọc và nghiên cứu tài liệu. Việc tiếp cận nguồn tư liệu từ thư viện Học viện Tòa án còn bị giới hạn về mặt không gian và thời gian.

Bốn là, mức khen thưởng dành cho sinh viên đạt giải tại các cuộc thi còn thấp; chưa có quy chế cụ thể ghi nhận, khen thưởng các trường hợp sinh viên có bài viết được đăng trên các Tạp chí khoa học, Kỷ yếu Hội thảo, trình bày tham luận tại các Hội thảo khoa học. Hiện nay, việc tham gia nghiên cứu khoa học, sinh viên Học viện Tòa án chỉ được cộng điểm rèn luyện (mức điểm còn khiêm tốn, chỉ 2/100 điểm), chưa có chính sách ưu tiên, công điểm vào điểm tích lũy học tập.

### **5. Gợi ý giải pháp**

Từ những phân tích, đánh giá tại mục 4, tác giả đề xuất một số giải pháp trong việc xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên như sau:

Thứ nhất, tăng cường việc truyền cảm hứng, đam mê, phổ biến quy định, tập huấn kỹ năng, trang bị kiến thức nghiên cứu khoa học trong sinh viên bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, gần gũi. Các hoạt động tiếp cận nghiên cứu khoa học được thực hiện ngay trong từng giờ học, lồng ghép trong các hoạt động của tổ chức thanh niên tại Học viện. Cần có cơ chế phối hợp cụ thể giữa các đơn vị Phòng nghiên cứu khoa học, Khoa Đào tạo Đại học, Phòng Tư liệu và Thư viện và Ban Chấp hành Đoàn Học viện để có thể tổ chức các hoạt động ý nghĩa như các cuộc thi, tọa đàm, tập huấn, tham quan... liên quan đến việc nghiên cứu khoa học. Chỉ khi sinh viên có thể hiểu rõ ý nghĩa sâu sắc của việc nghiên cứu khoa học mới có thể chủ động, tích cực, say mê tham gia.

Thứ hai, quỹ khuyến học của Học viện Tòa án mà một điểm nổi bật trong xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Nguồn quỹ này sẽ hỗ trợ việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên, gia tăng tiền thưởng cho các sinh viên đạt giải, có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc. Do đó, cần vận động mở rộng các nguồn tài trợ để quỹ khuyến học là nguồn động lực tài chính cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, số hóa các tài liệu tham khảo tại thư viện nhằm mở rộng khả năng tiếp cận nguồn tư liệu của sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, không bị giới hạn về mặt không gian và thời gian.

Thứ tư, cần có quy định ghi nhận thành tích các sinh viên có bài viết đăng kỷ yếu Hội thảo khoa học, Tạp chí khoa học; tăng điểm rèn luyện cho sinh viên có tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; có mức tiền thưởng phù hợp; nghiên cứu việc công điểm ưu tiên vào thành tích học tập đối với sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc.

Thứ năm, hoàn thiện và phát triển mô hình Câu lạc bộ Học thuật trở thành nơi kết nối những sinh viên đam mê nghiên cứu, cùng nhau chia sẻ về phương pháp, cầu nối giữa sinh viên và các phòng, khoa đầu mối trong hoạt động khoa học, tạo ra các sân chơi mang đậm nét sinh viên, tạo dựng niềm say mê với khoa học./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam, Viện Nghiên cứu Lập pháp, Trường Đại học Luật Hà Nội. (2023, 3). *Hội thảo "Góp ý dự thảo Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi"* [Kỷ yếu].
- Câu lạc bộ Học thuật. (2023, 4 22). *Vòng chung kết Cuộc thi Phiên tòa giả định Justice and Judgment năm 2023*. (...) - Wiktionary. Retrieved September 15, 2023, from <https://www.facebook.com/photo/?fbid=633089498831711&set=pb.100063919985624.-2207520000>
- Câu lạc bộ Sinh viên nghiên cứu khoa học, Đoàn Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. (2022, 11). *Hội thảo khoa học sinh viên liên trường lần thứ II năm 2022* [Kỷ yếu].
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. (2016, 3 25). *Quyết định số 386/2016/QĐ-TANDTC*.
- Đình, H. (2019, November 20). *Phấn đấu xây dựng Học viện Tòa án thực sự trở thành một cơ sở đào tạo đại học danh giá, có uy tín trong nước và khu vực*. Tạp chí Tòa án. Retrieved September 15, 2023, from <https://tapchitoaan.vn/phan-dau-xay-dung-hoc-vien-toa-an-thuc-su-tro-thanh-mot-co-so-dao-tao-dai-hoc-danh-gia-co-uy-tin-trong-nuoc-va-khu-vuc>
- Học viện Tòa án. (2018, 4 3). *Chương trình đào tạo* [ban hành kèm Quyết định số 38/2018/QĐ-HVTA ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Học viện Tòa án].
- Học viện Tòa án. (2023, June 9). *Untitled*. HỌC VIỆN TÒA ÁN. Retrieved September 15, 2023, from [http://hvta.toaan.gov.vn/portal/pls/portal/tandtc.baocao\\_EDITOR\\_PLT.download\\_file?p\\_file=11341108.PDF](http://hvta.toaan.gov.vn/portal/pls/portal/tandtc.baocao_EDITOR_PLT.download_file?p_file=11341108.PDF)
- Khoa Luật, Học viện Ngân hàng. (2023, 9). *Hội thảo khoa học "Tài chính toàn diện và khả năng tiếp cận tín dụng cho người yếu thế ở Việt Nam"* [Kỷ yếu].
- Lê Bích. (2020). *Tin hoạt động*. HỌC VIỆN TÒA ÁN. Retrieved September 15, 2023, from [http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676662/27676824?p\\_page\\_id=27676824&pers\\_id=27677017&folder\\_id=&item\\_id=284163928&p\\_details=1](http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676662/27676824?p_page_id=27676824&pers_id=27677017&folder_id=&item_id=284163928&p_details=1)
- Nguyễn, B. H. (2016, December 6). *Bài phát biểu của Đồng chí Nguyễn Hòa Bình tại Lễ khai giảng năm học 2016 - 2017 Học viện Tòa án*. Tòa án nhân dân tối cao. Retrieved September 15, 2023, from <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/ca/chi-tiet?dDocName=TOAAN009431>
- Trung ương Hội sinh viên Việt Nam. (2023, 9). *Hội thảo khoa học trẻ Việt Nam toàn cầu lần thứ Hai "Thanh niên trong bối cảnh chuyển đổi số"* [Kỷ yếu].
- Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. (2022, 10). *Hội thảo nhà Khoa học trẻ trong khuôn khổ diễn đàn Luật học Mùa Thu lần thứ Hai* [Kỷ yếu].

Trường Đại học Luật Hà Nội. (2023, 5). *Hội thảo trọng điểm "Hoàn thiện hệ thống pháp luật qua 10 năm thi hành Hiến pháp năm 2013 đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam" trong khuôn khổ Diễn đàn Luật học và phát triển năm 2023* [Kỷ yếu].

Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức. (2023, 7). *Hội thảo khoa học "Quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Nghị quyết 27/NQ-TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới"* [Kỷ yếu].

Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội. (2022, 12). *Hội thảo khoa học "Phật giáo và hoạt động từ thiện"* [Kỷ yếu].





# THỰC TRẠNG THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Tuấn

Trường Trung học Thực hành Đại học Sư phạm

\*Tác giả liên hệ: [anhtuan15082023@gmail.com](mailto:anhtuan15082023@gmail.com)

## THÔNG TIN

## TÓM TẮT

*Từ khóa:*

Sinh viên, nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu của sinh viên.

Trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao vị thế của trường Đại học. Bài viết này sử dụng lý thuyết hành vi hoạch định (TPB) để tìm hiểu tình hình tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát từ 406 sinh viên cho thấy có sự đa dạng trong nhận thức, thái độ và chuẩn của họ đối với nghiên cứu. Dựa trên cơ sở thực tiễn đó, bài viết này đã đề ra ba biện pháp nhằm thúc đẩy việc sinh viên tham gia và nghiên cứu khoa học gồm có: 1) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thái độ của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học; 2) Tạo ra môi trường khuyến khích và hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; 3) Ứng dụng công nghệ AI để xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

### 1. Đặt vấn đề

Khoa học đại diện cho một hệ thống tri thức toàn diện, bao gồm các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy, đồng thời bao hàm những quy luật phát triển khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Hệ thống tri thức này đã được hình thành và liên tục phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử, dựa trên sự tương tác và phản ánh của thực tiễn xã hội (Luu Xuân Múi, 2003). Trong bối cảnh 4.0 hiện nay, hoạt động nghiên cứu khoa học đã trở thành một yếu tố không thể thiếu trong lĩnh vực giáo dục đại học. nghiên cứu khoa học không chỉ đóng vai trò là một công cụ quan trọng để định vị và nâng cao vị thế của các trường đại học, mà còn đóng góp quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trong môi trường cạnh tranh. Theo Luật Khoa học và Công nghệ số 18/2018/QH14, nghiên cứu khoa học được định nghĩa là một hoạt động dành cho việc khám phá, phát hiện và nghiên cứu về bản chất và quy luật của các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy. Đặc biệt, nghiên cứu khoa học còn là một hoạt động đặc biệt của con người, một công việc được tiến hành với mục tiêu rõ ràng, kế hoạch cụ thể và tổ chức chặt chẽ, thường được thực hiện bởi một đội ngũ các nhà khoa học có trình độ cao và phẩm chất đặc biệt (Phạm Viết Vượng, 2001). Với 61 năm hình thành và phát triển, trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa

học hàng đầu tại miền Trung Việt Nam. Là một trong 14 trường Đại học trọng điểm của cả nước, Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã vững chắc vị thế và uy tín của mình trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trường có một nguồn nhân lực Khoa học và Công nghệ (KH-CN) đa dạng, bao gồm một đội ngũ đông đảo các nhà giáo, nhà nghiên cứu với trình độ cao. Hiện tại, Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh có tổng cộng 3,770 cán bộ công chức, trong đó có 4 giảng viên thuộc danh hiệu Giáo sư (GS), 1 giảng viên thuộc danh hiệu Phó giáo sư (PGS), và 1 giảng viên đạt tiến sĩ khoa học. Đây là tài sản quý báu của trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TP.HCM), NCKH đã được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Trong những năm gần đây, nhà trường đã có nhiều chính sách và giải pháp nhằm thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH, như: 1) Tăng cường đào tạo kỹ năng NCKH cho sinh viên, thông qua các môn học, hoạt động ngoại khóa, và các chương trình bồi dưỡng; 2) Tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, cuộc thi NCKH dành cho sinh viên; 3) Hỗ trợ kinh phí và cơ sở vật chất cho sinh viên tham gia NCKH". Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế trong thực trạng tham gia NCKH của sinh viên ĐHSP TP.HCM, như: 1) Nhận thức và thái độ của một số sinh viên đối với nghiên cứu khoa học chưa cao; 2) Kỹ năng NCKH của sinh viên còn hạn chế; 3) Sinh viên chưa có nhiều động lực và hứng thú tham gia NCKH.

Do đó, để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thái độ của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học. Đồng thời, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho sinh viên. Bên cạnh đó, cần tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Bài viết này sẽ tập trung vào khảo sát thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### *2.1. Thiết kế nghiên cứu*

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí luận, phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp thống kê toán học. Để đánh giá thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên, bài viết này sử dụng mô hình lý thuyết hành vi hoạch định (TPB) của Icek Ajzen năm 1998 nhằm khảo sát được thái độ, nhận thức và chuẩn mực chủ quan của sinh viên đối với hoạt động nghiên cứu khoa học.

### 2.1.1. Khái quát về tổ chức nghiên cứu

Tổng số sinh viên trong năm học 2023-2024 của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là khoảng 18.000 sinh viên. Để tính được kích thước mẫu nghiên cứu, bài viết này sử dụng công thức xác định cỡ mẫu của Slovin năm 1960, cụ thể như sau:

$$n = \frac{N}{1+Ne^2} = \frac{18000}{1+18000 \cdot 0,05^2} \approx 391$$

$n$  là kích thước mẫu cần  
xác định

$N$  là quy mô tổng thể

$e$  là sai số cho phép

Dựa trên công thức của Slovin, số lượng mẫu nghiên cứu đã được xác định là gần 391 sinh viên. Để thuận tiện cho việc thu thập dữ liệu khảo sát từ sinh viên, tác giả đã sử dụng Google Form như một công cụ để triển khai cuộc khảo sát. Tuy nhiên, sau quá trình thực hiện khảo sát bằng hình thức bảng hỏi điện tử, tổng số phiếu thu thập được đã lên đến 406, vượt xa số lượng ban đầu dự kiến. Sự phân phối của những người tham gia vào cuộc khảo sát có cấu trúc như sau: Về giới tính, 20,7% là nam và 79,3% là nữ; đối với khối lớp, 47,5% thuộc năm thứ nhất, 15,0% là năm thứ hai, 22,9% là năm thứ ba và 13,8% là năm thứ tư. Về hệ khối ngành đào tạo, 42,6% thuộc các ngành ngoài lĩnh vực sư phạm và 57,4% là các ngành sư phạm.

### 2.1.2. Xử lý dữ liệu

Kết quả khảo sát đã được tiến hành phân tích và xử lý thông qua các phương pháp thống kê. Số liệu thu thập sau cuộc khảo sát được nhập và xử lý trong môi trường Microsoft Office 365 (Excel) chạy trên hệ điều hành Windows. Các phép toán thống kê được áp dụng trong nghiên cứu này bao gồm phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận.

Trong phiếu khảo sát, thang đo đã được sử dụng một cách chủ yếu để thu thập thông tin như tên, giới tính và các đặc điểm khác của người tham gia khảo sát. Thang đo thứ bậc và thang đo khoảng cách đã được sử dụng để tính toán các tham số thống kê mô tả như trung bình (mean), độ lệch chuẩn (standard deviation), và tỷ lệ phần trăm.

Để thuận tiện cho việc đánh giá và phân tích dữ liệu trở nên hợp lý và khoa học, nhóm tác giả đã áp dụng quy ước dựa trên giá trị trung bình trong thang đo Likert với 5 mức giá trị khoảng cách, theo giới thiệu của Malhotra và Birks (2007). Kết quả từ quá trình này đã giúp

nhóm nghiên cứu xác định các mức độ thang đo được sử dụng trong nghiên cứu, như được

trình bày trong Bảng 1 sau đây:  $\frac{Max-Min}{5} = \frac{5-1}{5} = 0,8$

**Bảng 1. Bảng quy ước các mức thang đo dùng trong nghiên cứu**

Mức độ	Mức độ quan tâm	Mức độ ảnh hưởng	Tầm quan trọng
1-1,80	Không quan tâm	Không ảnh hưởng	Rất không quan trọng
1,81-2,60	Ít quan tâm	Ít ảnh hưởng	Không quan trọng
2,61-3,40	Trung bình	Trung bình	Bình thường
3,41-4,20	Quan tâm	Ảnh hưởng	Quan trọng
4,21-5,00	Rất quan tâm	Rất ảnh hưởng	Ít quan trọng

## 2.2. Kết quả nghiên cứu và bình luận

### 2.2.1. Thực trạng về thái độ của sinh viên đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học

**Bảng 2. Kết quả khảo sát về thái độ của sinh viên đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học**

Mức độ	N	%
<b>Mức độ ý nghĩa của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên</b>		
Trung bình	5	1.23
Có ý nghĩa	305	75.12
Rất có ý nghĩa	96	23.65
<b>Mức độ tích của việc nghiên cứu khoa học đối với sinh viên</b>		
Trung bình	3	0.74
Tích cực	300	73.89
Rất tích cực	103	25.37

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu)

Thông qua việc phân tích dữ liệu khảo sát thu về được từ 406 sinh viên được thể hiện như bảng 2. Có thể phát hiện được rằng Về mức độ ý nghĩa của nghiên cứu khoa học, chúng ta thấy một phần nhỏ (1.23%) của sinh viên có thái độ trung bình đối với ý nghĩa của nghiên

cứu khoa học. Điều này cho thấy rằng một số ít sinh viên có thể cảm thấy nghiên cứu khoa học không đủ ý nghĩa đối với cuộc sống và học tập của họ. Tuy nhiên, phần lớn đông đảo (75.12%) thể hiện sự thấu hiểu và cảm nhận tích cực về giá trị của nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và phát triển cá nhân. Ngoài ra, có một số sinh viên (23.65%) thậm chí cảm thấy nghiên cứu khoa học rất có ý nghĩa, cho thấy họ đã nhận thức rất cao về vai trò quan trọng và giá trị mà nghiên cứu khoa học mang lại. Về mức độ tích cực đối với việc nghiên cứu khoa học, chúng ta thấy rất ít sinh viên (0.74%) có thái độ tích cực trung bình. Tuy nhiên, phần lớn đa số (73.89%) có thái độ tích cực và sẵn sàng tham gia vào nghiên cứu khoa học. Điều này thể hiện sự quyết tâm và hứng thú của họ trong việc thực hiện các dự án nghiên cứu. Ngoài ra, một phần tương đối lớn (25.37%) của sinh viên thậm chí có thái độ rất tích cực, cho thấy họ đã đam mê và cam kết mạnh mẽ đối với lĩnh vực nghiên cứu khoa học.

Có thể nhận thấy được rằng, kết quả khảo sát cho thấy sự đa dạng trong thái độ của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, điểm chung là hầu hết họ đã nhận thức giá trị và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học và có thái độ tích cực đối với việc tham gia vào các hoạt động nghiên cứu. Chỉ có một số ít sinh viên chưa có thái độ đúng với việc nghiên cứu khoa học. Đây cũng là cơ sở để có thể xây dựng các biện pháp phù hợp để phát triển việc nghiên cứu khoa học ở sinh viên.

### *2.2.2. Thực trạng về chuẩn mực chủ quan của sinh viên đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học*

**Bảng 3. Kết quả khảo sát về chuẩn mực chủ quan của sinh viên đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐTB</b>	<b>ĐLC</b>	<b>XH</b>
1	Kết quả nghiên cứu	4.42	0.54	4
2	Mức độ sáng tạo và độ sâu của nghiên cứu	4.47	0.52	3
3	Khả năng ứng dụng thực tiễn	4.48	0.51	2
4	Lợi ích cá nhân và sự phát triển cá nhân	4.51	0.51	1

*(Nguồn: Kết quả nghiên cứu)*

Dựa trên phân tích kết quả khảo sát của 406 sinh viên có thể được rằng đối với nội dung Kết quả nghiên cứu có điểm trung bình là 4.42, cho thấy sinh viên coi việc đạt được kết quả trong nghiên cứu là khá quan trọng, độ lệch chuẩn là 0.54, cho thấy mức đồng nhất trong

ý kiến của sinh viên về nội dung này. Điểm xếp hạng là 4, cho thấy sự đánh giá cao về tầm quan trọng của kết quả nghiên cứu. Tiếp đến là đối với nội dung Mức độ sáng tạo và độc đáo của nghiên cứu: Điểm trung bình là 4.47, cho thấy sinh viên coi mức độ sáng tạo và độc đáo của nghiên cứu là khá quan trọng. Độ lệch chuẩn là 0.52, cho thấy mức đồng nhất trong ý kiến của sinh viên về nội dung này. Điểm xếp hạng là 3, cho thấy sự đánh giá khá cao về tầm quan trọng của yếu tố này. Kế đến là Khả năng ứng dụng thực tiễn: Điểm trung bình là 4.48, cho thấy sinh viên đánh giá khá cao về khả năng ứng dụng thực tiễn của nghiên cứu. Độ lệch chuẩn là 0.51, cho thấy mức đồng nhất trong ý kiến của sinh viên về nội dung này. Điểm xếp hạng là 2, cho thấy sự đánh giá đáng kể về tầm quan trọng của khả năng ứng dụng thực tiễn. Cuối cùng là nội dung Lợi ích cá nhân và sự phát triển cá nhân: Điểm trung bình là 4.51, cho thấy sinh viên coi lợi ích cá nhân và sự phát triển cá nhân từ việc thực hiện nghiên cứu là rất quan trọng. Độ lệch chuẩn là 0.51, cho thấy mức đồng nhất trong ý kiến của sinh viên về nội dung này. Điểm xếp hạng là 1, cho thấy sự đánh giá rất cao về tầm quan trọng của yếu tố này.

Từ kết quả phân tích trên, có thể thấy được rằng sinh viên đặt chuẩn mực chú quan khá cao đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu, mức độ sáng tạo và độc đáo, khả năng ứng dụng thực tiễn, cũng như lợi ích cá nhân và sự phát triển cá nhân được sinh viên coi là những yếu tố quan trọng trong quá trình nghiên cứu. Điều này cho thấy thái độ tích cực của sinh viên đối với nghiên cứu và nhận thức về giá trị tiềm năng của nó đối với thành tựu học thuật, sự phát triển cá nhân và đóng góp cho ứng dụng thực tế.

### *2.2.3. Thực trạng về nhận thức của sinh viên đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học*

**Bảng 4.** *Kết quả khảo sát về nhận thức của sinh viên đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học*

<b>Mức độ</b>	<b>N</b>	<b>%</b>
<b><i>Mức độ tin tưởng vào khả năng của bản thân để thực hiện nghiên cứu khoa học</i></b>		
Trung bình	3	0.74
Tin tưởng	297	73.15
Rất tin tưởng	106	26.11



---

**Giá trị của việc thực hiện nghiên cứu khoa học trong sự phát triển**

---

Trung bình	2	0.49
Có giá trị	255	62.81
Rất có giá trị	149	36.7

---

**Mức độ quan tâm của bạn đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học trong tương lai**

Trung bình	1	0.25
Quan tâm	158	38.92
Rất quan tâm	247	60.83

---

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu)

Thông qua quá trình phân tích kết quả khảo sát của 406 của sinh viên, có thể phát hiện thấy đối với mức độ tin tưởng của sinh viên vào khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học có sự biến đổi đáng kể. Hầu hết sinh viên (73.15%) tỏ ra tự tin vào khả năng của họ, trong khi một số lượng nhỏ (0.74%) có mức độ tin tưởng trung bình. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên có sự tự tin trong khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học của họ, mặc dù có một phần nhỏ cần được hỗ trợ để tăng cường sự tự tin này. Còn đối với về giá trị của nghiên cứu khoa học trong sự phát triển cá nhân và chuyên môn, có sự phân chia rõ rệt. Hầu hết sinh viên (62.81%) cho rằng nghiên cứu khoa học có giá trị, nhưng có một phần nhỏ (0.49%) đánh giá mức độ giá trị trung bình. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là một số lượng đáng kể (36.7%) tin rằng việc thực hiện nghiên cứu khoa học rất có giá trị. Điều này cho thấy rằng một phần sinh viên đã nhận thức cao hơn về vai trò quan trọng của nghiên cứu khoa học trong sự phát triển cá nhân và chuyên môn của họ. Cuối cùng là về mức độ quan tâm đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học trong tương lai, có sự hứng thú khá tích cực. Một phần lớn sinh viên (60.83%) thậm chí rất quan tâm đến việc này, trong khi một phần nhỏ (0.25%) có mức độ quan tâm trung bình. Tỷ lệ này cho thấy có một sự hứng thú đáng kể đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học trong tương lai, với phần lớn sinh viên đã có tinh thần quan tâm hoặc rất quan tâm đối với lĩnh vực này.

Từ kết quả trên có thể thấy được rằng, kết quả khảo sát cho thấy một phần lớn sinh viên tin tưởng vào khả năng của họ và nhận thức giá trị của nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, vẫn còn một số sinh viên có mức độ tự tin thấp hơn và chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của

nghiên cứu khoa học. Sự quan tâm đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học trong tương lai có xu hướng khá tích cực, với phần lớn sinh viên cho biết họ quan tâm hoặc rất quan tâm đến lĩnh vực này.

### **3. Đề xuất biện pháp**

#### *3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thái độ của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học*

Nhà trường cần tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về nghiên cứu khoa học cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ về tầm quan trọng, lợi ích của nghiên cứu khoa học đối với bản thân, xã hội và nghề nghiệp. Các hoạt động này có thể bao gồm:

**Tạo chương trình tuyên truyền và giáo dục định kỳ:** Tạo lịch trình định kỳ để tổ chức các buổi tuyên truyền và giáo dục về nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Buổi họp có thể bao gồm các buổi thảo luận, hội thảo, hoặc buổi trò chuyện với các giáo sư và nhà nghiên cứu kinh nghiệm để chia sẻ thông tin và trải nghiệm.

**Phát triển nội dung hấp dẫn với độ tuổi sinh viên:** Đảm bảo rằng nội dung của các hoạt động tuyên truyền và giáo dục là hấp dẫn và phù hợp với mục tiêu của sinh viên. Sử dụng ví dụ thực tế và câu chuyện thành công để minh họa giá trị của nghiên cứu khoa học trong cuộc sống và sự nghiệp.

#### *3.2. Tạo ra môi trường khuyến khích và hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học*

Môi trường này cần thể hiện sự tôn trọng, ghi nhận và đánh giá cao đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các cơ sở giáo dục đại học có thể thực hiện các giải pháp sau:

**Xây dựng văn hóa nghiên cứu:** Tạo ra một văn hóa trong đó nghiên cứu khoa học được coi trọng và đánh giá cao. Điều này có thể thông qua việc thúc đẩy tham gia của giảng viên và sinh viên vào các dự án nghiên cứu, và tạo ra không gian để thảo luận và chia sẻ ý tưởng nghiên cứu.

**Hỗ trợ tài chính:** Cung cấp hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu của sinh viên, bao gồm học bổng nghiên cứu, quỹ nghiên cứu, hoặc tài trợ cho việc tham gia vào các hội thảo và cuộc thi nghiên cứu quốc gia và quốc tế.

**Tạo điều kiện vật lý và công nghệ:** Cung cấp các phòng thí nghiệm, thư viện và trang thiết bị nghiên cứu hiện đại để sinh viên có thể thực hiện dự án nghiên cứu của họ. Đồng thời, hỗ trợ công nghệ thông tin và phần mềm phân tích dữ liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu.

**Mentor hướng dẫn:** Thúc đẩy mối quan hệ giữa sinh viên và giảng viên để làm việc cùng nhau trong các dự án nghiên cứu. Các giảng viên có thể đóng vai trò là người hướng dẫn và cung cấp sự hỗ trợ và chỉ dẫn cần thiết.

**Tạo ra cơ hội tham gia vào các dự án nghiên cứu lớn hơn:** Hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp để tạo ra cơ hội cho sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu lớn hơn có giá trị thực tế và ứng dụng.

**Tạo ra hệ thống ghi nhận:** Tạo ra hệ thống ghi nhận và công nhận thành tích nghiên cứu của sinh viên, bao gồm việc trao các giải thưởng và chứng nhận cho các dự án xuất sắc.

**Tạo sự tranh cãi và thách thức:** Khuyến khích sinh viên đặt ra những câu hỏi quan trọng và thách thức quan điểm hiện tại thông qua việc tham gia vào cuộc tranh cãi và thảo luận về các vấn đề nghiên cứu.

**Đánh giá và theo dõi tiến trình:** Thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả của các biện pháp khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu. Dựa trên phản hồi từ sinh viên và giảng viên, điều chỉnh và cải thiện chương trình theo thời gian.

### **3.3. Ứng dụng công nghệ AI để xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học**

Công nghệ AI có thể được ứng dụng để xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học theo nhiều cách khác nhau. Một số ứng dụng cụ thể có thể kể đến như:

**Hỗ trợ sinh viên trong quá trình tìm kiếm thông tin:** Công nghệ AI có thể được sử dụng để xây dựng các công cụ giúp sinh viên tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Các công cụ này có thể sử dụng các thuật toán học máy để phân tích dữ liệu lớn và đưa ra các kết quả phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

**Hỗ trợ sinh viên trong quá trình phân tích dữ liệu:** Công nghệ AI có thể được sử dụng để xây dựng các công cụ giúp sinh viên phân tích dữ liệu một cách chính xác và hiệu quả hơn. Các công cụ này có thể sử dụng các thuật toán học máy để tự động hóa các tác vụ phân tích dữ liệu phức tạp, giúp sinh viên tập trung vào các nhiệm vụ sáng tạo hơn.

**Hỗ trợ sinh viên trong quá trình viết báo cáo nghiên cứu:** Công nghệ AI có thể được sử dụng để xây dựng các công cụ giúp sinh viên viết báo cáo nghiên cứu một cách hiệu quả hơn. Các công cụ này có thể sử dụng các thuật toán ngôn ngữ để giúp sinh viên kiểm tra lỗi chính tả, ngữ pháp và phong cách viết.

Việc ứng dụng công nghệ AI để xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học có thể mang lại nhiều lợi ích, bao gồm:

**Tăng cường hiệu quả của quá trình nghiên cứu khoa học:** Các công cụ hỗ trợ của AI có thể giúp sinh viên tiết kiệm thời gian và công sức, từ đó nâng cao hiệu quả của quá trình nghiên cứu khoa học.

**Thúc đẩy sự sáng tạo của sinh viên:** Các công cụ hỗ trợ của AI có thể giúp sinh viên tập trung vào các nhiệm vụ sáng tạo hơn, từ đó thúc đẩy sự phát triển của tư duy và khả năng nghiên cứu của sinh viên.

**Tạo ra sự hứng thú cho sinh viên với nghiên cứu khoa học:** Các công cụ hỗ trợ của AI có thể giúp quá trình nghiên cứu khoa học trở nên thú vị và hấp dẫn hơn, từ đó khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học.

Để ứng dụng công nghệ AI hiệu quả trong việc xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các trường đại học cần lưu ý một số vấn đề sau:

**Cần có sự đầu tư về nguồn lực:** Việc xây dựng các công cụ hỗ trợ của AI đòi hỏi sự đầu tư về nguồn lực, bao gồm cả tài chính và nhân lực.

**Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, bộ phận:** Để các công cụ hỗ trợ của AI phát huy hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, bộ phận trong trường đại học, bao gồm các đơn vị đào tạo, nghiên cứu và công nghệ thông tin.

**Cần có sự đánh giá, giám sát thường xuyên:** Để đảm bảo các công cụ hỗ trợ của AI đáp ứng nhu cầu của sinh viên, cần có sự đánh giá, giám sát thường xuyên để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các công cụ cho phù hợp.

Một số ví dụ cụ thể về ứng dụng công nghệ AI trong xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

**Hệ thống gợi ý tài liệu nghiên cứu:** Hệ thống này sử dụng các thuật toán học máy để phân tích dữ liệu về các bài báo nghiên cứu đã được công bố, từ đó đưa ra các gợi ý về tài liệu nghiên cứu phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

**Công cụ phân tích dữ liệu:** Công cụ này sử dụng các thuật toán học máy để tự động hóa các tác vụ phân tích dữ liệu, như thống kê, phân tích hồi quy, phân tích nhân tố,...

**Trình soạn thảo báo cáo nghiên cứu:** Trình soạn thảo này sử dụng các thuật toán ngôn ngữ để giúp sinh viên kiểm tra lỗi chính tả, ngữ pháp và phong cách viết.

Việc ứng dụng công nghệ AI trong xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học là một xu hướng tất yếu. Các trường đại học cần chủ động ứng dụng công nghệ AI để nâng cao hiệu quả và chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

#### **4. Kết luận**

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi nhận thấy những điểm mạnh và hạn chế trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tuy đã có những chính sách và giải pháp nhằm thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, nhưng vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác và cần được cải thiện.

Đối với điểm mạnh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đã tạo ra một môi trường thuận lợi để sinh viên tham gia. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và đa dạng nguồn nhân lực Khoa học và Công nghệ là tài sản quý báu của trường. Ngoài ra, các chính sách như tăng cường đào tạo kỹ năng nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc thi NCKH dành cho sinh viên cũng đã góp phần khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần được giải quyết. Một số sinh viên vẫn chưa có nhận thức và thái độ đúng đắn đối với nghiên cứu khoa học, kỹ năng nghiên cứu của sinh viên còn hạn chế, và thiếu động lực và hứng thú để tham gia nghiên cứu. Điều này yêu cầu sự tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức của sinh viên về nghiên cứu khoa học. Đồng thời, cần đẩy mạnh đào tạo và bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho sinh viên, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để họ tham gia và phát triển trong hoạt động nghiên cứu.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp. Đầu tiên, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thái độ của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học. Thứ hai, cần Tạo ra môi trường khuyến khích và hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Thứ ba, Ứng dụng công nghệ AI để xây dựng các công cụ hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Qua nghiên cứu thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có thể thấy, việc tăng cường tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và định vị của trường trong hệ thống giáo dục đại học. Để đạt được điều này, cần có sự cải thiện về nhận thức, kỹ năng và động lực của sinh viên trong nghiên cứu khoa học. Cùng với đó, cần có sự hỗ trợ từ phía trường và các chính

sách khuyến khích để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia và phát triển trong lĩnh vực này.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Lưu Xuân Mới (2003). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Đại học Sư phạm.

Phạm Viết Vượng (2001). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: giáo trình dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Đại Học Quốc gia Hà Nội

Malhotra, N. K., & Birks, D. (2007). *Marketing Research: An Applied Approach*. Essex, Vương quốc Anh: in Essex.

Quốc hội (2018, ngày 15 tháng 6). *Luật khoa học và công nghệ* (Luật số 28/QH14).

## **THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐỒNG HÀNH CÙNG SINH VIÊN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Nguyễn Ngọc Thanh Phú<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM

Tác giả liên hệ: [1956070063@hcmussh.edu.vn](mailto:1956070063@hcmussh.edu.vn)

---

### **THÔNG TIN**

### **TÓM TẮT**

*Từ khóa: Nghiên cứu khoa học sinh viên, Đồng hành cùng Sinh viên trong Nghiên cứu Khoa học, Thanh niên sáng tạo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

Nghiên cứu khoa học sinh viên luôn có vai trò quan trọng đối với việc phát triển bản thân sinh viên, môi trường Đại học và xã hội. Việc phát triển Nghiên cứu khoa học trong sinh viên đòi hỏi cần có sự chung tay và đồng hành của Trường cũng như tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thông qua chương trình Đồng hành cùng sinh viên trong Nghiên cứu khoa học. Do đó công tác tổ chức chương trình Đồng hành cùng sinh viên trong Nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phải liên tục được nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển chương trình góp phần đáp ứng nhu cầu của sinh viên đối với hoạt động Nghiên cứu khoa học. Qua đó góp phần phát triển chung cho Phong trào Đồng hành cùng Nghiên cứu khoa học Trường nói riêng và các cơ sở giáo dục đại học khác nói chung.

---

### **1. Giới thiệu:**

Trong thời đại hiện nay, Nghiên cứu khoa học (NCKH) đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tri thức và đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Tại các trường đại học (ĐH), sinh viên (SV) là những nguồn lực tiềm năng để thúc đẩy NCKH. “Nghiên cứu khoa học của sinh viên là một hoạt động quan trọng và cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” (Anne-Barrie Hunter, Sandra L. Laursen, Elaine Seymour, 2006, 36-74). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐH KHXH&NV) là trung tâm NCKH, đào tạo các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn lớn nhất miền Nam, với tầm nhìn trở thành đại học nghiên cứu trong hệ thống Đại học Quốc gia, việc

thúc đẩy và hỗ trợ SV trong NCKH đòi hỏi sự đầu tư và đồng hành chặt chẽ từ cả nhà trường cùng các tổ chức Đoàn Thanh Niên (ĐTN)- Hội Sinh viên (HSV) trường thông qua các chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, chương trình đồng hành cùng SV trong NCKH tại trường chưa thực sự đạt hiệu quả mong muốn, đáp ứng nhu cầu của sinh viên tại Trường và cần phải được nắm bắt, đánh giá và cải thiện.

Đề tài tham luận này nhằm mục đích phân tích các thực trạng và đề xuất giải pháp để cải thiện chất lượng và hiệu quả của chương trình đồng hành cùng SV trong NCKH đồng thời tìm hướng đi mới để phát triển chương trình trong tương lai.

## **2. Cơ sở nghiên cứu:**

Cơ sở lý thuyết:

*Nghiên cứu khoa học sinh viên:* NCKH là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn (Luật Khoa Học Và Công Nghệ Năm 2013 Số 29/2013/QH13, 2013). Hoạt động NCKH SV là quá trình mà SV tiến hành tìm hiểu, phân tích, khám phá, và tạo ra kiến thức mới thông qua việc áp dụng phương pháp khoa học. NCKH có thể tập trung vào nhiều lĩnh vực khác nhau như khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin, y tế, nghệ thuật, ngôn ngữ. Mục đích của hoạt động NCKH SV : 1. Hình thành và phát triển năng lực NCKH cho SV ; góp phần phát hiện và bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ tài năng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao. 2. Tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ SV tham gia hoạt động NCKH nhằm hình thành các ý tưởng, dự án khởi nghiệp góp phần tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. (Quyết định Số 1331/QĐ-TTg Của Thủ Tướng Chính Phủ: Ban Hành Chiến Lược Phát Triển Thanh Niên Việt Nam Giai đoạn 2021- 2030, 2021)

Các hình thức SV có thể tham gia và trình bày công trình NCKH của mình như: Hội nghị, Hội thảo khoa học, diễn đàn khoa học, cuộc thi ý tưởng sáng tạo, dự án khởi nghiệp- lập nghiệp, triển lãm khoa học công nghệ, tham dự các cuộc thi NCKH SV (Euréka,..), tham luận khoa học.

Chương trình Đồng hành cùng SV trong học tập, NCKH: Nằm trong khuôn khổ của các chương trình đồng hành, hỗ trợ thanh niên được các tổ chức ĐTN-HSV phát triển kiến thức chuyên môn và bồi dưỡng năng lực NCKH cho Đoàn viên thanh niên- SV tại các cơ sở Đại học. Với tinh thần “đi với thanh niên một cách đúng như người bạn đi đồng hành với nhau, có sự hỗ trợ, có sự dẫn dắt để giúp nhau phát triển” thông qua chương trình đồng hành cùng SV trong NCKH các tổ chức ĐTN-HSV góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu và thực hiện các giải pháp sáng tạo trong Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 hướng



đến năm 2030, tăng 15% số thanh niên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình khoa học phục vụ sản xuất và đời sống; tăng 15% số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì; tăng 10% số thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học, công nghệ (so với năm 2020) (Thông Tư 26/2021/TT-BGDĐT Hoạt động Nghiên Cứu Khoa Học Của Sinh Viên Cơ Sở Giáo Dục đại Học, 2021). Phát triển chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH không chỉ trang bị những kiến thức cần thiết và hữu ích cho SV về NCKH mà còn đáp ứng nhu cầu của SV về những kiến thức lý thuyết chuyên ngành đến thực tế xã hội.

Các hình thức tổ chức chương trình đồng hành cùng SV trong NCKH: các hoạt động trang bị phương pháp học tập và kỹ năng NCKH cho SV, Workshop, Talkshow, Tọa đàm chia sẻ về kiến thức và kỹ năng NCKH đến từ Giảng viên (GV), hoặc những nhà NCKH trong lĩnh vực..

### **3. Phương pháp nghiên cứu:**

Để thực hiện đề tài tham luận trên, tác giả sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp và phương pháp phân tích xử lý số liệu.

Đối với phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: Phỏng vấn bằng bảng hỏi ngẫu nhiên đối với 392 SV đang theo học tại trường ĐH KHXH&NV. Nội dung bảng hỏi xoay quanh các vấn đề sau: Bạn đã tham gia các chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH chưa; Tần suất tham gia chương trình của bạn như thế nào; Mức độ cần thiết của chương trình đối với SV; Những kiến thức mà chương trình có thể-chưa thể trang bị cho bạn; Bạn có những nhu cầu về những kiến thức NCKH nào khi đến với chương trình.

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS.

### **4. Kết quả nghiên cứu:**

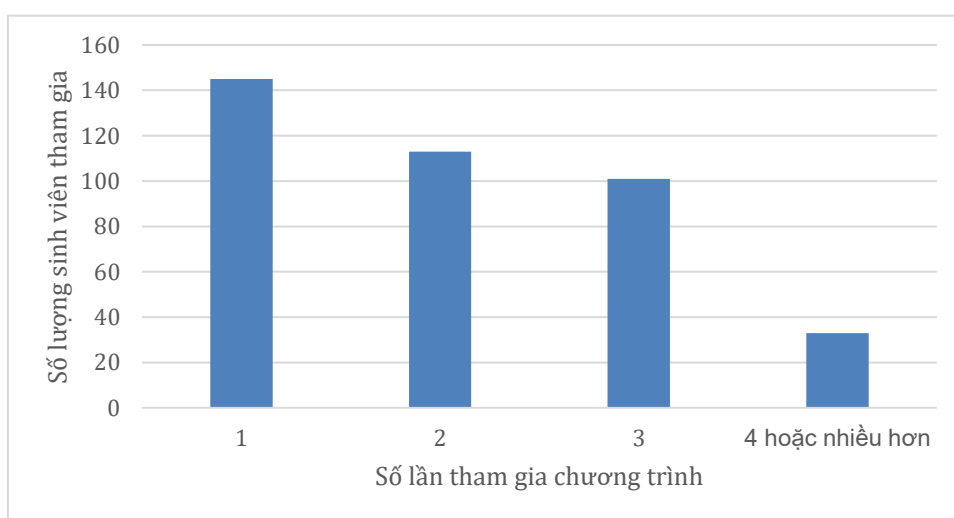
#### **4.1. Kết quả nghiên cứu:**

#### **4.1 Thực trạng chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH tại trường ĐH KHXH&NV**

Hiện nay, Trường ĐH KHXH&NV đang quy tụ gần 18.000 SV ĐH hệ chính quy tập trung và đào tạo 34 ngành đại học, phân bố trong 9 lĩnh vực khác nhau bao gồm khoa học xã hội và hành vi, Nhân văn, Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Kinh doanh và quản lý, Dịch vụ xã hội, Du lịch, khách sạn, thể thao, và dịch vụ cá nhân, Kiến trúc và xây dựng, cũng như Môi trường và bảo vệ môi trường. Không chỉ dừng lại ở việc đào tạo tiếng Việt, trường còn mở rộng sự đa dạng bằng việc cung cấp chương trình giáo dục trong 13 ngôn ngữ nước ngoài khác

nhau, từ Anh, Đức, Pháp, Ý, tới Nga, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Ấn Độ, Indonesia, và Ả Rập, mang đến một môi trường học tập đa văn hóa và quốc tế nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

Để đánh giá thực trạng SV tham gia các hoạt động Đồng hành cùng SV trong NCKH, tác tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 392 SV hệ chính quy trong các năm thứ: 2, 3, 4 của các khoa khác nhau trong Trường vào tháng 9 năm 2023, trong đó: Khoa Hàn Quốc học 242 SV, Khoa Nhân học 6 SV, Khoa Đông Phương học 16; Khoa Triết học 34 SV; Khoa Ngữ văn Trung Quốc 84 SV; Khoa Công tác xã hội 2 SV; Khoa Lịch sử 1 SV; Khoa Ngữ văn Pháp 2 SV; Khoa Báo Chí và Truyền thông 2 SV; Khoa Xã hội học 1 SV, Khoa Quan hệ Quốc tế 1 SV; Khoa Du lịch 1 SV đã tham gia chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH. Với tần suất ít nhất đã tham gia 1 lần hoặc nhiều hơn. Số liệu cho thấy: 36.9% (145 SV) tham gia 1 lần. 28.8% (113 SV) tham gia 2 lần. 25.7% (101 SV) tham gia 3 lần. 8.4% (33 SV) tham gia 4 lần hoặc nhiều hơn. Số liệu cho thấy có sự đa dạng trong số lần tham gia của SV, từ 1 lần đến 4 lần hoặc nhiều hơn. Mặc dù số lượng SV tham gia giảm dần theo số lần tham gia, nhưng vẫn có một số SV tham gia nhiều lần, cho thấy sự cam kết và quan tâm đến chương trình từ phía SV (hình 2).



**Hình 2.** Tần suất tham gia các chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH của SV

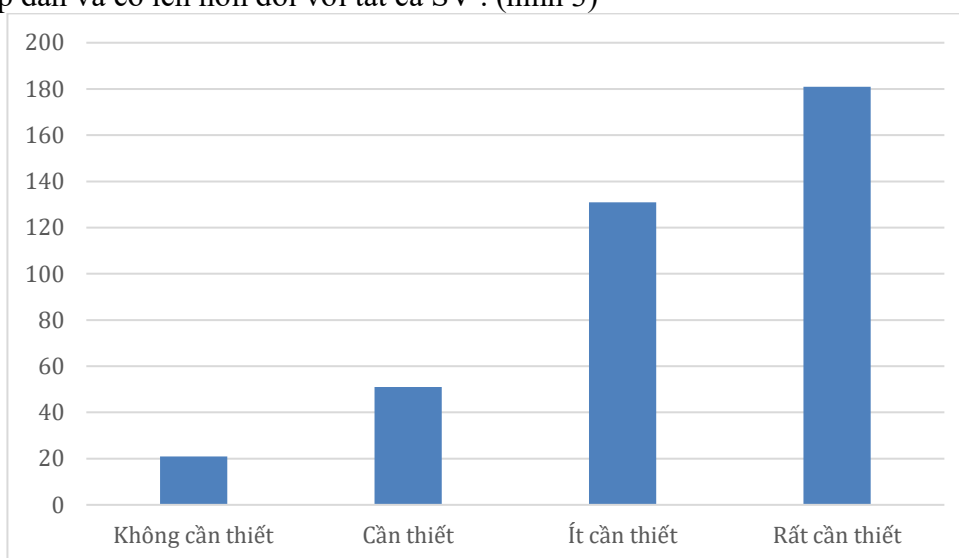
Chúng ta đã thấy rõ sự đa dạng trong tần suất tham gia của các SV đối với chương trình. Tuy nhiên, để thấu đáo hơn về ảnh hưởng và giá trị thực sự của chương trình, ta cần đánh giá sâu hơn về mức độ cần thiết của chương trình đối với những SV đã tham gia. Mức độ cần thiết này không chỉ phản ánh qua sự hài lòng và kiến thức mà SV học được, mà còn qua việc áp dụng, thực hiện và triển khai kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn. Để đánh giá mức độ cần thiết của chương trình đối với SV, tác giả đưa ra 4 mức độ: không cần thiết, cần thiết, ít cần thiết, rất cần thiết thu được các kết quả như sau:

Thứ nhất, đa số SV 46.1% (181 SV) đánh giá chương trình là "Rất cần thiết", điều này cho thấy chương trình có sự ảnh hưởng tích cực và là một nhu cầu quan trọng đối với SV.

Thứ hai, một số SV 35.4% (139 SV) chỉ cảm thấy chương trình "Ít cần thiết". Điều này có thể phản ánh sự khác biệt về sự nhận thức, kỳ vọng, và nhu cầu giữa các SV.

Thứ ba, 13% (51 SV) đánh giá chương trình là "Cần thiết", điều này có thể chỉ ra rằng họ thấy chương trình hữu ích và hỗ trợ họ trong việc phát triển kỹ năng và kiến thức.

Thứ tư, có một số SV 5.3% (21 SV) cho rằng chương trình "Không cần thiết". Điều này cần được xem xét và khám phá lý do, để có thể cải thiện chương trình và làm cho nó trở nên hấp dẫn và có ích hơn đối với tất cả SV. (hình 3)



**Hình 3.** Mức độ cần thiết của chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH đối với SV

Sau khi đã đi sâu vào việc đánh giá mức độ cần thiết của chương trình Đồng Hành cùng SV trong NCKH dựa trên đánh giá của SV, tác giả sẽ tiến hành đánh giá lợi ích cụ thể mà chương trình mang lại. Đánh giá này, không chỉ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về giá trị thực sự của chương trình, mà còn cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về tầm quan trọng của chương trình đối với sự phát triển chuyên môn và kỹ năng NCKH của SV. Tác giả đã thống kê 6 lựa chọn thông qua bảng hỏi về kiến thức mà chương trình đã trang bị được cho SV :

Thứ nhất, kỹ năng viết và trình bày khoa học: 66,67% (261 SV) cảm thấy hài lòng với kiến thức đã học được về kỹ năng viết và trình bày khoa học, có thể kết luận rằng chương trình đã tạo ra hiệu quả khá tốt trong việc trang bị kỹ năng này.

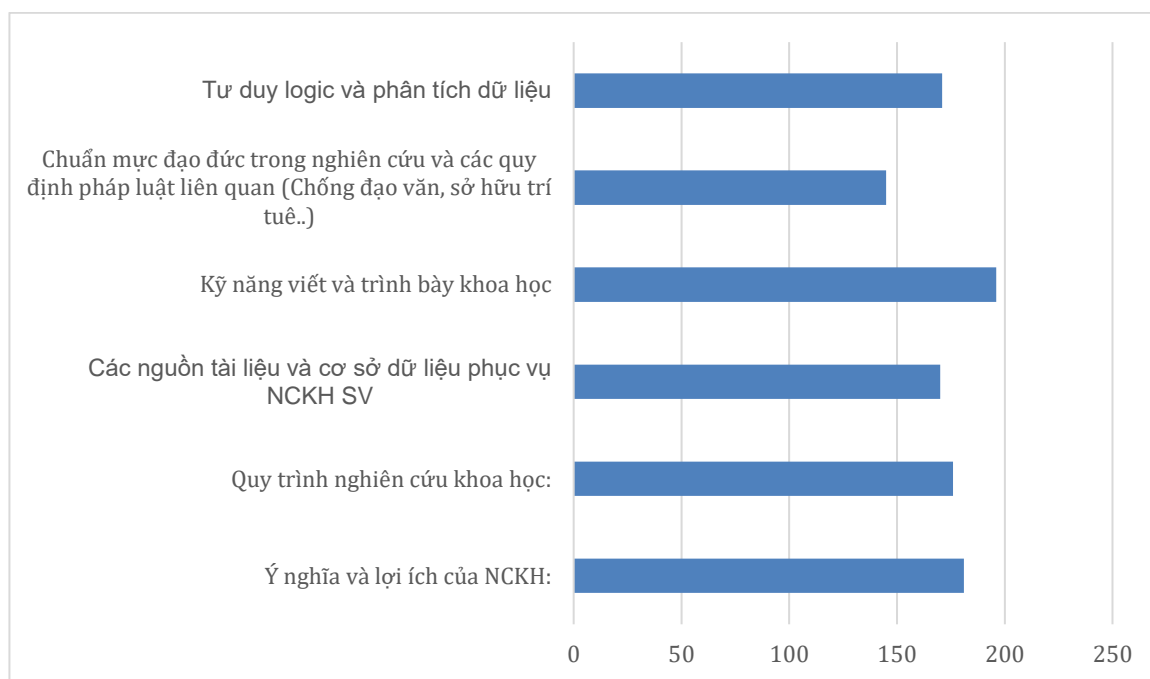
Thứ hai, ý nghĩa và lợi ích của NCKH: 61,56% (241 SV) cảm thấy họ đã hiểu rõ hơn về ý nghĩa và lợi ích của NCKH, cho thấy chương trình đã thành công trong việc truyền đạt kiến thức và tạo ra giá trị cho SV trong lĩnh vực này.

Thứ ba, quy trình NCKH: 59.86 % (234 SV) cảm thấy hài lòng với kiến thức học hỏi được về Quy trình NCKH thông qua chương trình.

Thứ tư, tư duy logic và phân tích dữ liệu: 58,2% (228 SV), cảm thấy đã được trang bị kiến thức về tư duy logic và phân tích dữ liệu, cho thấy chương trình đã có sự ảnh hưởng đến đáng kể đến kỹ năng của SV sau khi tham gia.

Thứ năm, Các Nguồn Tài Liệu và Cơ Sở Dữ Liệu Phục Vụ NCKH SV: 57.8% (266 SV) đánh giá SV đánh giá rằng họ đã có được kiến thức về các nguồn tài liệu phục vụ NCKH.

Thứ sáu. chuẩn mực đạo đức trong NCKH và các quy định pháp luật liên quan: 62,5% (245 SV) SV cảm thấy họ đã học được về đạo đức trong NCKH và quy định pháp luật liên quan. (Hình 4)



**Hình 4.** Kiến thức NCKH mà chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH đã cung cấp

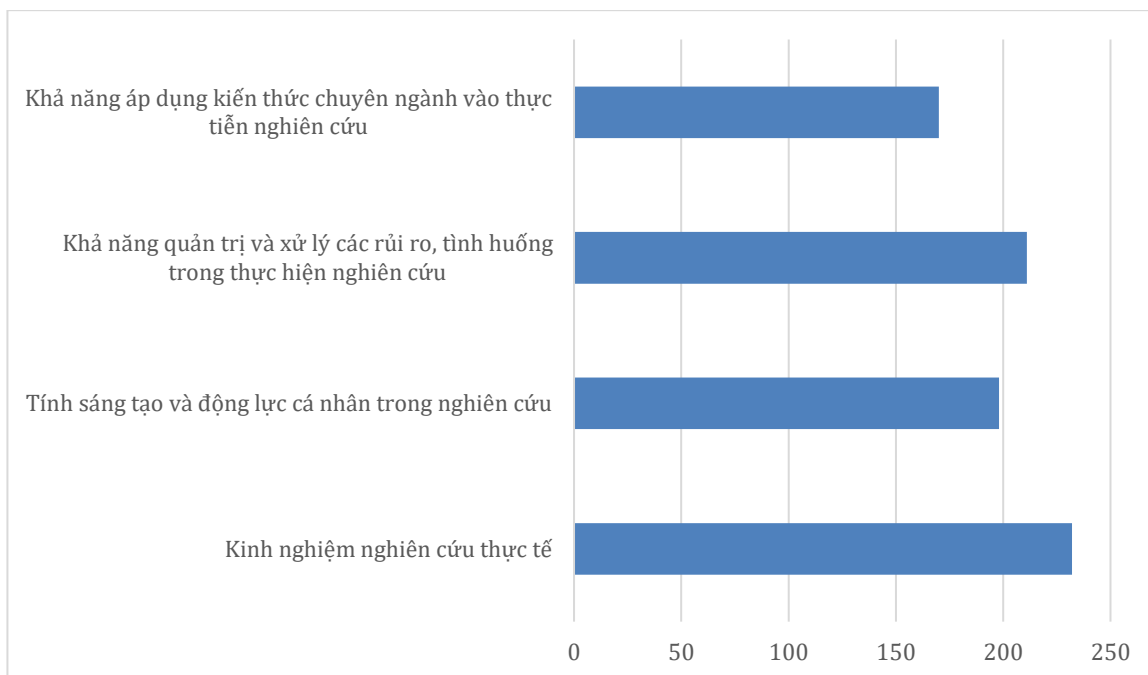
Sau khi phân tích những kiến thức mà chương trình Đồng Hành cùng SV trong NCKH mang lại cho SV. Những thông tin này đã giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về giá trị và ảnh hưởng tích cực của chương trình. Tuy nhiên, để có cái nhìn toàn diện và đánh giá chính xác về chất lượng và hiệu quả của chương trình, chúng ta cũng cần phải xem xét những kiến thức nào mà chương trình chưa thể mang lại cho SV. Tác giả đã thống kê 5 lựa chọn thông qua bảng hỏi về kiến thức mà chương trình chưa thể trang bị được cho SV:

Thứ nhất, 59.2% (232 SV) đánh giá chương trình chưa mang lại kiến thức về kinh nghiệm NCKH thực tế, một tỉ lệ khá cao, cho thấy có vấn đề trong việc truyền đạt và cung cấp kiến thức thực tế trong chương trình.

Thứ hai, 50.5% (198 SV) không hài lòng về mức độ tính sáng tạo và động lực cá nhân mà chương trình mang lại, điều này cho thấy có khả năng chương trình chưa đạt được mục tiêu kích thích sự sáng tạo và động lực cá nhân cho SV.

Thứ ba, 53.8%(211 SV) đánh giá chương trình chưa thể mang lại chưa đạt được mục tiêu mang lại khả năng quản trị và xử lý rủi ro trong NCKH.

Thứ năm, 43.4% (170 SV) đánh giá rằng chương trình không thể mang lại kỹ năng áp dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn NCKH, Số liệu này có thể phản ánh nhu cầu và mong muốn của SV về việc áp dụng lý thuyết vào thực tế không được đáp ứng. (Hình 5)



**Hình 5.** Kiến thức NCKH mà chương trình đồng hành cùng SV trong NCKH chưa thể cung cấp

Sau khi đánh giá những kiến thức về NCKH mà chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH có thể và chưa thể trang bị cho SV. Tác giả thực hiện khảo sát và thống kê những nhu cầu và mong muốn của SV về nội dung của chương trình mang lại cho các bạn. Dựa trên phân tích, tổng hợp, đề tài đưa ra các đề xuất nội dung cho chương trình sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng của chương trình có thể mang lại.

Thứ nhất, 68.7 % (269 SV) đề xuất chương trình nên trang bị kiến thức cơ bản về NCKH như: các bước thực hiện NCKH, cách xây dựng câu hỏi NCKH và đặt giả thuyết, phương pháp NCKH (định tính, định lượng), và phương pháp hỗn hợp, quy trình thiết kế NCKH và chọn phương pháp thích hợp.

Thứ hai, 65.4% (256 SV) đề xuất chương trình nên trang bị kiến thức về kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin như: kỹ năng tìm kiếm thông tin khoa học, tài liệu tham khảo, kỹ năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin.

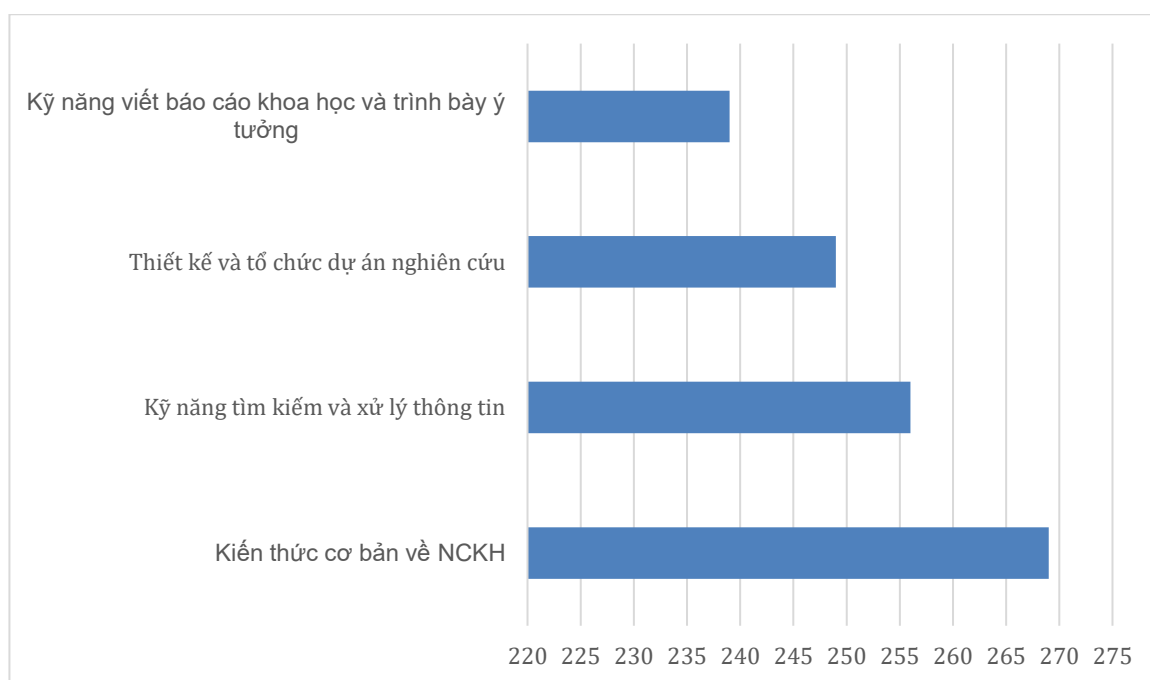
Thứ ba, 63.6% (249 SV) đề xuất chương trình nên trang bị kiến thức về thiết kế và tổ chức dự án NCKH: cách lập kế hoạch và tổ chức thời gian, cách xác định và phân công trách nhiệm trong nhóm NCKH, quản lý và giải quyết xung đột trong nhóm.

Thứ tư, 61% (239 SV) đề xuất chương trình nên trang bị kiến thức về kỹ năng viết báo cáo khoa học và trình bày ý tưởng: cấu trúc của một báo cáo khoa học, kỹ năng viết và chỉnh sửa báo cáo, bài báo khoa học, kỹ năng trình bày và bảo vệ ý tưởng trước công chúng.

Thứ năm, có 60.7% (238 SV) đề xuất chương trình nên trang bị kiến thức kiến thức về đạo đức và pháp luật trong NCKH: những nguyên tắc đạo đức cần tuân thủ trong NCKH, quy định pháp luật liên quan đến quyền tác giả, bản quyền, và quyền riêng tư.

Thứ sáu, 59.7%(234 SV) đề xuất chương trình nên trang bị kiến thức kiến thức về kỹ năng sử dụng công cụ và phần mềm: kỹ năng sử dụng các công cụ và phần mềm hỗ trợ NCKH, như phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, phần mềm phân tích dữ liệu.

Thứ bảy, 57% (223 SV) đề xuất chương trình nên trang bị kiến thức phát triển sự sáng tạo và tư duy phản biện: kỹ năng phát triển ý tưởng sáng tạo và độc đáo, kỹ năng phản biện và đánh giá các ý tưởng và thông tin. (hình 6)



**Hình 6.** Nhu cầu kiến thức NCKH của SV từ chương trình

#### 4.2 Một số các giải pháp phát triển chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH tại trường ĐH KHXH&NV

Chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH có thể được phát triển thông qua việc thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, đa dạng hóa nội dung và hình thức tổ chức là một giải pháp quan trọng để phát triển chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH.

Các sự kiện như Workshop và Talkshow được tổ chức theo nhiều hình thức đa dạng, với mục tiêu cung cấp kiến thức NCKH cho SV. Các buổi Tọa đàm cũng được tổ chức để chia sẻ kinh nghiệm, hướng đến nhu cầu đa dạng của các đối tượng khác nhau. Sinh viên năm 1 và 2 thường cần kiến thức cơ bản về NCKH, hiểu biết về vai trò của NCKH, và phương pháp làm việc nhóm hiệu quả. Trong khi đó, sinh viên năm 3 và 4 thì tìm kiếm kiến thức NCKH nâng cao, kỹ năng nghiên cứu, kinh nghiệm nghiên cứu thực tế, và cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành. Vì vậy, việc có sự tham gia của các nhà nghiên cứu để chia sẻ kinh nghiệm là rất quan trọng. Điều này không chỉ cung cấp kiến thức và thông tin, mà còn tạo cơ hội cho sinh viên từ các khóa và chuyên ngành khác nhau để gặp gỡ, trao đổi và học hỏi từ nhau. Cần thiết phải xây các cuộc thi SV NCKH trong và ngoài khoa/BM trong Trường nhằm xây dựng cho SV một động lực nghiên cứu khoa học lành mạnh. Không những khuyến khích SV NCKH mà còn nâng cao chất lượng của các đề tài NCKH SV. Các cuộc thi cung cấp cơ hội cho sinh viên để ứng dụng kiến thức và kỹ năng học được vào việc giải quyết các vấn đề thực tế, góp phần vào việc tạo ra các giải pháp sáng tạo và có ý nghĩa thực tiễn. Các sự kiện này còn tạo ra cơ hội cho sinh viên kết nối với các đối tác, doanh nghiệp, và các tổ chức nghiên cứu khác, mở ra cơ hội cho việc cộng tác và phát triển sự nghiệp trong tương lai đối với SV.

Thứ hai, công tác đánh giá và thu thập dữ liệu thống kê về chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH. Thống kê và thu thập dữ liệu đánh giá có thể giúp tổ chức ĐTN phát hiện các điểm mạnh và điểm yếu nội dung của chương trình, từ đó đưa ra các biện pháp cải thiện cụ thể để nâng cao chất lượng chương trình. Dữ liệu thu thập được giúp tổ chức ĐTN hiểu rõ hơn về nhu cầu, kỳ vọng và quan điểm của sinh viên, giúp chương trình linh hoạt và phản ánh đúng yêu cầu của đối tượng thụ hưởng. Thông qua việc đánh giá, các mục tiêu và chiến lược của chương trình có thể được xem xét và điều chỉnh để phù hợp với thực tế và định hướng phát triển của bản thân SV và xã hội. Dựa trên dữ liệu và kết quả đánh giá, tổ chức ĐTN có thể phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả, tập trung vào các hoạt động có hiệu suất cao và giảm bớt các hoạt động kém hiệu quả. Thu thập phản hồi và ý kiến đóng góp từ SV và các bên liên quan giúp tổ chức ĐTN cải thiện, tăng cường mối quan hệ và sự hiểu biết giữa các bên. Dữ liệu và kết quả đánh giá có thể làm cơ sở để kêu gọi sự hợp tác từ các tổ chức khác, từ doanh nghiệp đến các tổ chức nghiên cứu, để cùng phát triển chương trình. Thông tin thống kê và dữ liệu đánh giá là cơ sở quan trọng để hỗ trợ quyết định của ban giám hiệu nhà trường, giúp họ đưa ra các quyết định chính xác và linh hoạt. Việc đánh giá và thu thập dữ liệu thống kê không chỉ giúp chương trình "Đồng hành cùng sinh viên trong NCKH"

đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên và cộng đồng, mà còn tạo điều kiện cho sự đổi mới và phát triển bền vững của chương trình trong tương lai.

Thứ ba, tăng cường sự phối hợp tổ chức ĐTN đối với giới chuyên gia trong lĩnh vực Nghiên cứu khoa học: như GV có chuyên môn về Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành tại cơ sở, các tổ chức nghiên cứu chuyên ngành hoặc các nhà khoa học có chuyên môn nguyên cứu. Trong công tác tổ chức chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH sự tham gia và hỗ trợ từ phía các đơn vị chuyên môn đối với chương trình cũng cần thiết. Vì vậy, tăng cường sự phối hợp giữa các chuyên gia và tổ chức ĐTN có thể nâng cao chất lượng chương trình bằng cách tận dụng kiến thức và kinh nghiệm của giới chuyên môn. Sự hợp tác này có thể giúp duy trì và phát triển chương trình, làm cho nó trở nên phong phú và đa dạng hơn, và đảm bảo rằng nó luôn cập nhật và phản ánh nhu cầu thực tế. Để thực hiện sự phối hợp này, tổ chức ĐTN cần xây dựng và duy trì một mạng lưới liên kết chặt chẽ với giới chuyên môn, tổ chức các buổi làm việc chung, workshop, và hội thảo, và mời gọi sự tham gia và đóng góp của các chuyên gia trong các hoạt động và sự kiện của chương trình.

Thứ tư, tổ chức ĐTN không chỉ đồng hành mà còn dẫn dắt thanh niên- SV tại cơ sở ứng dụng thực tế các chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn được đào tạo tại Trường, không ngừng đề xuất các giải pháp phát triển giáo dục xã hội-giáo dục thanh thiếu niên, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cho đất nước. Bên cạnh đó, thông qua chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH cũng định hướng các nghiên cứu, giải pháp sáng tạo của SV vào xây dựng và phát triển công Đoàn và Phong trào thanh niên các cấp, xây dựng tổ chức hiệu quả, năng động, phát triển vì mục tiêu chung.

## **5. Kết luận**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích các số liệu thống kê về tình hình chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH và kết quả khảo sát về đánh giá của SV về chương trình, nghiên cứu này đã chỉ ra một số đánh giá của SV về chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH tại Trường. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển chương trình tại Trường ĐH KHXH&NV đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của SV về NCKH cũng như đồng hành và hỗ trợ cùng SV trong các giải pháp sáng tạo đóng góp lợi ích cho cá nhân SV và nhà Trường. Các đánh giá về thực trạng sẽ được đề xuất đối với ĐTN Trường để có những sự ứng dụng và thay đổi phù hợp, góp phần mang lại những hiệu quả tích cực, đẩy mạnh việc phát triển chương trình Đồng hành cùng SV trong NCKH tại Trường, đúng với thực tế của đơn vị.



**LỜI CẢM ƠN** Tác giả cảm ơn sự đồng hành và hỗ trợ từ Ban HT&NCKH Đoàn Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM cho nghiên cứu này

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Anne-Barrie Hunter , Sandra L. Laursen , Elaine Seymour. (2006). Becoming a Scientist: The Role Of Undergraduate Research in Students' Cognitive, Personal, and Professional Development. Science Education Volume 91, Issue 1, 36-74.  
<https://doi.org/10.1002/sce.20173>
2. Luật khoa học và công nghệ năm 2013 số 29/2013/QH13. (2013, June 18). Thư viện pháp luật. Retrieved September 28, 2023, from [https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-khoa-hoc-va-cong-nghe-nam-2013-197387.aspx?anchor=dieu\\_3](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-khoa-hoc-va-cong-nghe-nam-2013-197387.aspx?anchor=dieu_3)
3. Quyết định số 1331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021- 2030. (2021, 7 27). Chính phủ. Retrieved September 28, 2023, from <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=203726&tagid=6&type=1>
4. Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cơ sở giáo dục đại học. (2021, September 17). Thư viện pháp luật. Retrieved September 28, 2023, from <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-26-2021-TT-BGDĐT-hoat-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-cua-sinh-vien-co-so-giao-duc-dai-hoc-488434.aspx>

